

Jeliu Jeliev

Chế Độ Phát Xít

Phần mở đầu

Đáng lẽ, do khoảng thời gian rất dài cuối chiến tranh thế giới thứ hai và những thế hệ mới ở cuối thế kỷ này, chủ đề phát xít sẽ ít được chú ý, nhưng chúng ta quan sát thấy một xu thế hoàn toàn ngược lại. Chủ nghĩa phát xít như hệ tư tưởng, như chế độ chính trị và hiện thực xã hội, ngày càng được các nhà nghiên cứu quan tâm. Tài liệu về chủ đề này có thể chất cao như núi.

Rõ ràng, nguyên nhân của hiện tượng đặc biệt này không thể giải thích bằng mối quan tâm đến lịch sử quá khứ. Tồn tại nhiều nguyên nhân chính trị và xã hội, bắt rễ trong những điều kiện phức tạp của thế kỷ 20 có thể giải thích được điều này: Một bộ phận đáng kể những người đương thời và cùng cộng tác với chế độ phát xít vẫn đang còn sống; chiến tranh đã thay đổi số phận của họ và để lại những dấu ấn không thể phai mờ. Đối với những người này, nghiên cứu về chế độ phát xít được xem như là mô tả về cuộc đời, cuộc đấu tranh và những khổ đau của họ. Rất nhiều nơi trên hành tinh xuất hiện có tính chất định kỳ các chế độ cảnh sát quân sự, sử dụng thẳng thừng những biện pháp chính trị của chế độ phát xít (kiểu hủy diệt các đối thủ chính trị của Pinoche, chính sách diệt chủng ở Campuchia). Những chế độ này có xu hướng tiến tới hiện tượng quái dị được gọi là chế độ phát xít. Bối cảnh quốc tế phức tạp, mâu thuẫn thế giới càng ngày càng tăng và mối đe dọa đối đầu giữa các nước có vũ khí hạt nhân khiến chúng ta nhớ lại những bài học của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, mà châm ngòi là các nước phát xít; càng làm chúng ta quan tâm đến chủ đề phát xít. Sau cùng để xác định những di sản văn hóa và nhận định đúng chu kỳ chuyển động và phát triển phức tạp của xã hội văn minh, chúng ta cần quan tâm đến chủ đề phát xít, vì biết đâu nó chưa bị hủy diệt triệt để và cần phải nhổ tận gốc một lần chót mọi mầm mống của nó.

Rõ ràng, còn có thể tồn tại nhiều nguyên nhân khác. Nhưng điều đó càng nhắc nhở chúng ta rằng, đã đến lúc phải xây dựng một Lý Thuyết Thống Nhất Về Chế Độ Phát Xít, có thể thu tóm mọi nghiên cứu riêng biệt đã làm.

Sự thật là, dù tài liệu về chủ đề này có thể chất cao như núi, nhưng một lý thuyết thống nhất vẫn chưa được xây dựng.

1- Tính thời sự của chủ đề

Ba mươi sáu năm trôi qua, kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai. Trong khoảng thời gian này đã xuất hiện thêm hai thế hệ mới trong cuộc sống loài người. Các thế hệ này không có ấn tượng cụ thể về chế độ phát xít, mà chỉ hiểu nó qua phim ảnh và sách báo. Vì lý do này, đối với đa phần thế hệ trẻ, chế độ phát xít được xem như kỳ dị, nhiều hơn là kinh hoàng. Những nỗi khổ đau, kinh hoàng, những cuộc giết người hàng loạt, đẫm máu, mà chế độ phát xít đã gây cho các thế hệ tiền bối, đối với họ không còn sống động và rõ ràng như đối với những người đương thời. Thời gian đã có tác động của nó.

Đây là lẽ đương nhiên. Những gì xảy ra hôm nay, ngày mai đã trở thành lịch sử. Không thể bắt thế hệ trẻ sống với quá khứ, với khổ đau và hy sinh của thế hệ trước đó. Họ có những nhiệm vụ mới, đeo đuổi mục đích mới. Nếu không, làm sao có thể phân biệt được họ với các thế hệ tiền bối.

Nhưng cũng chính tại đây chứa đựng một mối nguy hiểm khôn lường. Bởi vì, cách sống này chỉ sinh ra ảo tưởng tốt đẹp, làm lu mờ những mối nguy hiểm to lớn nhất của thời đại, trong khi đó rõ ràng chủ nghĩa phát xít không chỉ là lịch sử.

Chủ nghĩa phát xít tồn tại cả ở thời kỳ hiện đại như một mối đe dọa thực sự.

Rất nhiều sự việc khiến chúng ta phải liên tưởng tới nó. Gần đây là cuộc đảo chính không thành công nhằm phục hồi chế độ phát xít ở Tây Ban Nha, do những phần tử cận vệ dân tộc tiến hành bằng cách tấn công vào quốc hội.

Vụ mưu sát Tổng Thống Hoa Kỳ Ronald Reagan cho thấy có liên quan đến đảng Quốc Xã Mỹ, tồn tại gần như tự do ở đất nước này.

Rất nhiều đảng phái, nhóm quốc xã cận phát xít tồn tại công khai ở các nước Tây Âu. Hiện nay những đảng này đang còn yếu và chưa gây ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị, nhưng không phải là không nguy hiểm.

Một số trong những đảng này tổ chức huấn luyện và vũ trang quân sự cho đảng viên, số khác tổ chức những cuộc gặp gỡ và hội nghị quốc tế, những cuộc diễu hành trên đường phố và hát những bài hát phát xít, đập phá tượng đài chống phát xít, tấn công nhà thờ người Do Thái, gây tội ác với người da màu. Hiện tượng đặt bom nổ chậm ở những nơi công cộng trở thành phổ biến, làm thiệt hại tính mạng cả những người hoàn toàn vô tội. Ở các nước phương Tây xuất hiện thường xuyên khi thì một râu, khi thì một tóc của Hitler.

Chúng tôi cho rằng vấn đề khả năng phục hồi chế độ phát xít cần phải đặt ra và giải quyết trên cơ sở khoa học nghiêm túc, chứ không thể bằng hình thức hoặc tuyên truyền.

Nhưng trước tiên cần phân biệt giữ vấn đề tuyệt diệt của chủ nghĩa phát xít trên quan điểm chính trị và lịch sử.

Về mặt Lịch Sử, chủ nghĩa phát xít đã bị tuyệt diệt và không thể nói đến khả năng phục hồi. Điều đó có nghĩa rằng, như hệ tư tưởng và thực tiễn chính trị được tô vẽ như con đường mới mẻ của loài người, như một trật tự mới cho thế giới và mang ý nghĩa cao đẹp hơn về cuộc đời, chủ nghĩa phát xít đã bị phá sản hoàn toàn và không thể tái sinh!

Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt là sau phiên tòa Nuernberg, các dân tộc được chứng kiến những tư liệu khổng lồ về tội ác của chế độ phát xít; do đó, nó không còn có thể thu hút bất kỳ dân tộc nào. Đối với loài người, chủ nghĩa phát xít là một thứ tư tưởng phản động, suy đồi. Trong thời đại chúng ta, chủ nghĩa phát xít đồng nghĩa với đòi bại nhất về chính trị và tinh thần. Vì vậy chúng ta có thể khẳng định rằng, trên quan điểm lịch sử chế độ phát xít đã bị tuyệt diệt hoàn toàn!

Nhưng từ đó không thể suy ra rằng, trên quan điểm chính trị nó cũng đã bị tuyệt diệt, rằng trong những điều kiện nhất định giới cầm quyền chớp bu của một nước nào đó sẽ từ chối không dám sử dụng những vũ khí chiến lược của chủ nghĩa phát xít.

Không ai có thể đảm bảo được điều này. Hơn thế nữa, những người theo dõi tình hình chính trị đều không chỉ một lần quan sát thấy những âm mưu tương tự của các tập đoàn quân sự giành chính quyền thông qua đảo chánh. Chế độ chính trị của Pinoche là một dẫn chứng mới mẻ nhất.

Về mặt Chính Trị, khả năng tuyệt diệt của chủ nghĩa phát xít có cơ sở sâu xa trong lĩnh vực kinh tế, trong quá trình tập trung, thu tóm tư bản và sở hữu- những đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc. Ở đây không muốn nói về những hiện tượng lỗi thời, mà về xu hướng khách quan của giới tư bản lũng đoạn. Mức độ tập trung và thu tóm phương tiện sản xuất vào tay bọn tư bản kén xù và nhà nước càng lớn bao nhiêu, tiềm lực kinh tế của chúng càng hùng hậu bao nhiêu, thì khả năng hủy diệt những tư tưởng tự do và triệt tiêu quyền tự do chính trị, quyền tự do công dân càng dễ xảy bấy nhiêu, rồi từ đó dẫn đến độc tài phát xít.

Cách đây 60 mươi năm, Lênin đã giành sự chú ý cho vấn đề này trong Chủ Nghĩa Đế Quốc và nhiều công trình khác: việc thay thế cạnh tranh tự do bằng thống soái trong nền kinh tế tương ứng với việc thay thế nền dân chủ tư sản bằng chế độ chính trị phản động tại thượng tầng kiến trúc. Nói cách khác, độc đoán trong nền kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến độc đoán trong chính trị và mọi lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Và như chúng ta đã biết, độc đoán trong chính trị chỉ có độc một hình thái duy nhất: chuyên chính độc tài.

Tất nhiên khả năng về chuyên chính phát xít không phải bao giờ cũng được hình thành trong đời sống chính trị, nhưng nó tồn tại một cách khách quan và trong những bối cảnh mâu thuẫn xã hội gay gắt ở thời đại chúng ta thì điều đó không phải là không nguy hiểm. Xu hướng độc tài hóa trong thế giới hiện đại mạnh đến mức ngay cả những nền dân chủ tư sản truyền thống cũng không còn được bảo tồn như ở thế kỷ 19; trong đời sống chính trị của những nước này thường xuất hiện những hành

động và sự kiện gắn với chuyên chính hơn là dân chủ .

Tính thời sự của chủ đề này còn được xác định từ một vấn đề khác: sự cần thiết phải diễn giải cấu trúc, những quy luật, cơ cấu và đòn bẩy ẩn giấu trong nhà nước phát xít. Thiếu cái đó, sẽ không thể giải thích được bằng cách nào mà chế độ phát xít, đặc biệt là phát xít Đức, với hệ tư tưởng phản động và phản khoa học của nó, có thể lôi cuốn tất cả các dân tộc châu Âu, biến họ thành những công cụ cho những mục đích tội lỗi; không thể hiểu được hệ thống chính trị man rợ, mị dân, ngu dân, vô lương tâm, vô nhân đạo đã biến hàng triệu công dân tự do, hàng triệu những người lạc hậu, phục tùng mù quáng thành một đội quân hỗn tạp Tamerlanov hiện đại, đe dọa hủy diệt nền văn minh nhân loại. Chúng ta biết rất nhiều về những tội ác của chế độ phát xít (trại tập trung cải huấn, lò hơi độc, thiêu hủy sách báo tiên bộ, v.v...), nhưng biết quá ít về cơ cấu bộ máy nhà nước phát xít đã gây ra những tội ác này.

Chúng ta cũng biết rất nhiều về "chế độ phát xít man rợ", nhưng hầu như không biết gì về chế độ phát xít bình thường, mà từ đó mới phát triển thành chế độ phát xít man rợ .

Bởi vậy khi nghiên cứu những vấn đề này, không thể xem đã đầy đủ nếu chỉ kết luận rằng, chế độ phát xít là nền chuyên chính của các tầng lớp đế quốc phản động nhất (tất nhiên điều này hoàn toàn đúng), mà cần thiết phải phát triển rộng hơn nữa: tìm hiểu chi tiết nền chuyên chính phát xít như hệ thống chính trị và hình thái chính quyền.

2- Những định nghĩa về chủ nghĩa phát xít

Trong những giai đoạn khác nhau, rất nhiều định nghĩa về chủ nghĩa phát xít đã được đưa ra, dựa trên những cơ sở khác nhau. Vào năm 1921, sau sự kiện "Tiến Về Thành Rôma", bọn phát xít Italia cướp được chính quyền, rất nhiều nhà macxit đã xem đó như là một cuộc cách mạng tiểu tư sản.

Ngay từ năm 1923, X.M. Bronxci đã xem đó như là một "cuộc cách mạng tiểu tư sản" và "cuộc đấu tranh đòi quyền tự chủ của các tầng lớp trung lưu". Theo L. Longo, trong nhận thức lúc bấy giờ của những người cộng sản và những người xã hội Italia, phong trào phát xít được xem như "kết quả cuộc bạo loạn của giai cấp tiểu tư sản, do nó bị chèn ép giữa giới đại tư sản và phong trào công nhân".

Sau năm 1926, khi bọn phát xít Italia xây dựng hệ cơ cấu nhà nước đặc biệt, và ở chân trời đã xuất hiện thắng lợi của phong trào quốc xã Đức phản động hơn nhiều, người ta cũng bắt đầu thêm vào định nghĩa về

chủ nghĩa phát xít tính chất phản cách mạng của nó. Vào năm 1942, E. Telman định nghĩa chủ nghĩa phát xít như "cuộc phản cách mạng vũ trang, thể hiện như một phong trào quần chúng, được chuyển thành những tổ chức hitlerist". Nhà sử học người Italia, Dele Piane, gọi chủ nghĩa phát xít là "cuộc phản cách mạng triệt để"; còn L. Longo thì xem đó là "một trong những hình thái phản cách mạng triệt để" .

Vào những năm 1940, người cộng sản Pháp J. Politxer, định nghĩa chủ nghĩa phát xít như "cuộc cách

mạng phản động nhất trong lịch sử" và "cuộc phản cách mạng của thế kỷ 20".

Evgeni Cocx : "Cuộc cách mạng phản động".

E. Franxel : "Cuộc cách mạng cánh hữu".

Erikh Hex : "Chủ nghĩa phong kiến công nghiệp".

Herman Rausing : "Cuộc cách mạng của chủ nghĩa hư vô", và "Cuộc cách mạng phủ định".

Uinxton Trurtrin : "Chủ nghĩa phát xít là cái bóng hay con đẻ của chủ nghĩa cộng sản".

Giáo sư triết học và xã hội học Luidji Xturxo : "Thực chất nước Nga và nước Italia chỉ có một khác biệt nhỏ - cụ thể là chủ nghĩa Bonsevist hay chuyên chính cộng sản là chủ nghĩa phát xít tả, còn chủ nghĩa phát xít hay chuyên chính bảo thủ là chủ nghĩa bonsevist hữu. Nước Nga Bonsevist sinh ra huyền thoại Lenin, còn nước Italia phát xít sinh ra huyền thoại Muxolini".

L. Mumford cho rằng cội rễ của chủ nghĩa phát xít phải tìm "trong tâm hồn con người chứ không phải trong cội rễ kinh tế".

Vilhelm Raikh: "là sự thể hiện cấu trúc phi lý của con người đã bị bóp méo, trở nên đàn độn".

Cần phải nói rằng, trong tất cả những định nghĩa trên đây đều chứa đựng một phần sự thật của vấn đề. Chúng phản ánh những khía cạnh riêng biệt của một hiện tượng chính trị có thật, được gọi là chủ nghĩa phát xít. Bởi vì chủ nghĩa phát xít đồng thời vừa là "phong trào quần chúng", "cuộc cách mạng tiểu tư sản", "cuộc cách mạng cánh hữu", "cuộc cách mạng triệt để", v.v...

Nhưng trong tất cả các định nghĩa trên không có một định nghĩa nào cho thấy được cội rễ sâu xa và bản chất đặc biệt của chủ nghĩa phát xít. Tại đại hội lần thứ 7 của quốc tế cộng sản, chủ nghĩa phát xít được định nghĩa như: "Nền chuyên chính khủng bố trắng trợn của những phần tử đế quốc phản động và sô-vanh nhất trong giới tư bản tài chính". Giới tư bản tài chính là cội rễ của chủ nghĩa phát xít và xác định cương lĩnh của nó. Thiếu sự có mặt của giới tư bản tài chính, chủ nghĩa phát xít sẽ đánh mất bản chất, đặc điểm và nội dung chính trị của mình. Thiếu sự có mặt của giới tư bản tài chính, chủ nghĩa phát xít không thể trở thành một phong trào dân tộc sâu rộng và không thể cướp chính quyền. Không phải ngẫu nhiên mà chủ nghĩa phát xít xuất hiện trong thời đại đế quốc, trong điều kiện của cuộc khủng hoảng xã hội sâu sắc, đe dọa sự tồn tại của hệ thống tư bản chủ nghĩa. Trong lịch sử đã từng có các phong trào quần chúng của giai cấp tư sản và sinh ra chủ nghĩa Bonapac, nhưng không phải là chủ nghĩa phát xít.

Cho đến nay, định nghĩa của Quốc tế Cộng sản, trong diễn văn của Georgi Dimitrov tại Đại Hội Quốc Tế Cộng Sản lần thứ 7 năm 1935, vẫn là định nghĩa sâu sắc nhất về chủ nghĩa phát xít, thể hiện được bản chất xã hội và giai cấp của hiện tượng này.

Tuy nhiên, thật sai lầm nếu như cho rằng định nghĩa của Quốc tế Cộng sản đã thu tóm được mọi khía cạnh đặc biệt của chủ nghĩa phát xít. Trong định nghĩa này còn thiếu hẳn cơ cấu chính trị đặc biệt và hình thái chuyên chính đặc thù, mà nếu không có chúng thì không bao giờ có thể cắt nghĩa

được sức mạnh quỷ quái của các nhà nước phát xít, những kẻ đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đẫm máu với mức độ khủng bố và tội ác đối với loài người đã đạt tới đỉnh điểm chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại.

Rõ ràng rằng, chế độ phát xít trước hết là chính quyền, là nền chuyên chính của giới tư bản tài chính và đây là đặc thù xã hội giai cấp cụ thể nhất của nó, nhưng cũng rõ ràng rằng, trong tất cả những nước tư bản phát triển, chính quyền nhà nước là chính quyền của giới tư bản tài chính với những hạn chế nhất định về dân chủ, quyền tự do công dân, tự do chính trị ... Điều này đúng cho tất cả các nước tư bản phát triển trong thế giới hiện đại. Nhưng chỉ trên cơ sở đó, không ai có thể khẳng định rằng, tại các nước này đang hiện hành chế độ phát xít, rằng hình thái nhà nước là chuyên chính phát xít. Điều đó chứng tỏ, định nghĩa chế độ phát xít như chính quyền, như chuyên chính của giới tư bản tài chính, dù thể hiện được nội dung cơ bản nhất của hiện tượng này, vẫn chưa thu tóm được toàn bộ bản chất của nó. Cần phải thêm vào định nghĩa này cơ cấu chính trị đặc biệt và hình thái chuyên chính đặc thù, mà chính quyền của giới tư bản tài chính đã được cấu thành trong những điều kiện không khoảng xã hội tổng thể không bao giờ còn có thể xảy ra giữa hai cuộc chiến tranh thế giới. Ở đây không chỉ nội dung giai cấp, mà cả hình thái chuyên chính đặc thù cũng là khía cạnh đáng kể của vấn đề. Sự thống nhất hai đặc tính này phản ánh bản chất đặc biệt của chế độ phát xít.

Việc thiếu mất khía cạnh "hình thức" này trong định nghĩa của Quốc tế Cộng Sản kể cũng là lạ, bởi vì tất cả những nhà tư tưởng của Quốc Tế Cộng Sản đều đã từng quan tâm nghiêm túc đến dấu hiệu này của chế độ phát xít.

Như chúng ta sẽ thấy trong những mục tới, ngay từ phiên tòa Laich, G. Dimitrov đã giành sự chú ý đặc biệt đến cơ cấu chính trị đặc biệt và đặc thù độc tài của nhà nước quốc xã. P. Toliati trong "Những Bài Giảng Về Chủ Nghĩa Phát Xít" đã phân tích rất chi tiết về cơ cấu của chế độ phát xít Italia, đã nhìn thấy thực chất đặc thù độc tài đặc biệt của nó. Và dựa trên tính chất đặc biệt này của chuyên chính phát xít, các nhà Mác-xít như E. Telman, L. Longo, V. Pic, v.v... đã thử giải thích một vài hiện tượng trong đời sống chính trị của những nhà nước này, những hiện tượng có vẻ như là khác lạ, khó nhận biết, nếu đặt chúng ra khỏi cấu trúc của các hệ thống chính trị này.

Như vậy chúng ta có thể nói, dấu hiệu độc tài là khía cạnh đặc biệt quan trọng của chuyên chính phát xít, phản ánh được bản chất chính trị của nhà nước này, và vì thế, nó cần được thể hiện trong định nghĩa về chế độ phát xít. Trong trường hợp đó, định nghĩa của Quốc Tế Cộng Sản cần được bổ xung như chính quyền độc tài, nền chuyên chính độc tài của giới tư bản tài chính, của bộ phận tư bản tài chính phản động nhất. Vấn đề cụ thể ở đây là chuyên chính độc tài - không phải chuyên chính quân sự, hay chuyên chính uy tín, mà là chuyên chính độc tài.

3- Khái niệm về nhà nước độc tài

Những người sáng lập nhà nước phát xít sử dụng thuật ngữ "nhà nước độc tài" trước tiên. Muxolini định nghĩa nhà nước độc tài là "nhà nước thu tóm trong mình... toàn bộ sức mạnh, quyền lợi và hy vọng của một dân tộc".

Pau Riterbus, một trong những nhà lý luận quốc xã, đã định nghĩa: "... Nhà nước độc tài là nhà nước, mà với sự giúp đỡ của nó, một đảng hoặc một hệ tư tưởng được nâng lên thành tổng thể, thành xu hướng đặc biệt trong xây dựng chính trị của đời sống dân tộc... Nhà nước độc tài là sự phá vỡ mang tính nguyên tắc khái niệm tương đối, trong đó bao hàm một vấn đề là bất cứ một đảng phái nào cũng chỉ chứa đựng một sự thật tương đối".

Tại tòa án Niurnberg, Spee, Bộ trưởng Bộ Chiến Tranh trong chính phủ Hitler, đã đánh giá nhà nước độc tài như nguyên nhân quan trọng nhất gây nên thảm họa cho nhân dân Đức: "Nhưng mỗi nguy hiểm ghê gớm, chứa đựng trong nhà nước độc tài, chỉ trở nên rõ ràng ở tận giai đoạn cuối. Hãy cho phép tôi thể hiện điều này như sau: mãi tận giai đoạn cuối, trong sự tan rã của chế độ này, mới thấy được mỗi nguy hiểm ghê gớm đến mức nào ẩn dấu trong những chế độ như thế, thậm chí kể cả khi chúng ta đặt ra một phía những nguyên tắc tập trung. Sự kết hợp giữa Hitler và hệ thống chính trị này đã mang lại thảm họa kinh hoàng cho toàn thế giới".

Tại tòa án Niurnberg, Soucrox gọi chính phủ Hitler là "chính phủ độc tài" vì "không chấp nhận bất kỳ xu hướng đối lập nào" và hủy diệt mọi quyền công dân và tự do chính trị. Eibl Plen lên án đảng "Falanga- Tây Ban Nha" như "đội quân hiếu chiến", "độc tài", xây dựng nhà nước độc tài đồng dạng với nó. Curt Rix mô tả "hình thái chuyên chính độc tài" như sau: "Đối với nó, tự do in ấn và quốc hội bị hủy diệt". A. Mankhatan, khi trích dẫn báo cáo của Đại sứ Italia tại Madrid, ngày 25.3.1939, cũng đã nói đến "liên hiệp phát xít châu Âu bao gồm những nước độc tài trên lục địa này".

Thuật ngữ "nhà nước độc tài" cũng được những tác giả macxit sử dụng khi xác định chế độ phát xít, đặc biệt là vào những năm cuối cùng của nó. Tại tòa án Laichich, G.Dimitrov đã dùng thuật ngữ này trong "Mười Câu Hỏi Cho Các Viên Cảnh Sát", đồng thời đã xây dựng cho nó một nội dung cụ thể. Chúng ta sẽ trích dẫn toàn văn câu hỏi thứ mười.

"10- Có đúng là trong tình hình căng thẳng như thế, vụ cháy Raihxtaga được sử dụng như nguyên nhân để đàn áp phong trào công nhân, như công cụ nhằm vượt qua những khó khăn trong "liên minh dân tộc", nhằm thiết lập "chính quyền độc nhất" quốc xã và nhằm xây dựng cái gọi là "nhà nước độc tài", nghĩa là dùng bạo lực hủy diệt mọi đảng phái và tổ chức khác, nhằm "đồng hóa" mọi công sở nhà nước, kinh tế, quân sự, văn hóa, tôn giáo, thể thao, thanh niên, ấn loát, tuyên truyền, và những công sở khác, v.v...

Nói gọn hơn, theo G. Dimitrov, nhà nước độc tài là nhà nước có tham vọng: thứ nhất, "dùng bạo lực hủy diệt tất cả các đảng phái và tổ chức khác"; và thứ hai, nhằm đồng hóa mọi công sở nhà nước, kinh tế, văn hóa, quân sự, thể thao, thanh niên, tôn giáo, ấn loát, tuyên truyền, và những công sở

khác, v.v...", nghĩa là nhằm đồng hóa toàn bộ đời sống xã hội.

P.Toliat, trong "Những Bài Giảng Về Chủ Nghĩa Phát Xít" đã xem phát xít Italia như "chế độ độc tài", "nhà nước độc tài". Với những khái niệm này, Toliat đã nêu bật được bản chất của chế độ phát xít và xây dựng những nội dung sau:

Thiết lập "chính quyền độc nhất" hay cơ cấu một đảng quyền của chế độ phát xít bằng cách dùng bạo lực hủy diệt tất cả những đảng phái và tổ chức quần chúng khác, không kể là cánh tả hay cánh hữu;

Đảng phát xít không chế nhà nước, biến nhà nước thành công cụ của nó;

Thiết lập hệ thống các tổ chức quần chúng quốc gia, và thông qua chúng đảng phát xít kiểm soát toàn bộ xã hội công chúng (tổ chức công đoàn, thanh niên, tổ chức Dopolavoro), v.v..;

Thành lập hệ thống hợp tác xã như cơ sở kinh tế của nhà nước phát xít và "chế độ phát xít"

(Muxolini) tương lai.

Trong tác phẩm Sau Franco "Đi Hướng Nào", Cantiago Carino đã xác định chế độ phát xít Tây Ban Nha như "chính quyền độc tài" và "chuyên chính độc tài".

Trong tác phẩm Tây Ban Nha Thế Kỷ 20 của Hoxe Garxia, chúng ta có thể bắt gặp những nhận định về chế độ phát xít như "chuyên chính độc tài phát xít tập trung", nhà nước với "đặc thù độc tài", "chế độ độc tài phát xít", hay "nhà nước độc tài phát xít", v.v...

Như vậy khái niệm "nhà nước độc tài" mang ý nghĩa như là nhà nước phát xít lý tưởng và thuần nhất cho một nhóm cụ thể những hiện tượng, để sau đó có thể dùng mô hình này làm cơ sở, đi sâu vào bản chất đặc trưng của từng hiện tượng riêng biệt.

Xây dựng mô hình nhà nước phát xít "lý tưởng" có ý nghĩa thực tiễn đặc biệt, nó cho phép chúng ta trong những trường hợp cụ thể, xác định một nước nào đó có thể xem là nhà nước phát xít hay không.

Và thí dụ, nếu không có mô hình tổng quát về nhà nước phát xít điển hình, thì không thể phát hiện được "tính chất đặc biệt" của chế độ phát xít Bungaria. Trước khi xác định tính chất dân tộc đặc biệt của một chế độ phát xít cụ thể (Bungaria, Rumania, Hunggaria hay Anh), cần phải nhận biết được thể nào là chế độ phát xít và những dấu hiệu cơ bản của nhà nước này.

Trên cơ sở những phân tích đã nêu, con đường nhiều hứa hẹn nhất để xây dựng được mô hình nhà nước phát xít lý tưởng là nghiên cứu cấu trúc của các nhà nước phát xít điển hình, nhằm phát hiện những nét chung tiêu biểu nhất, mà thiếu chúng một nhà nước cụ thể không thể là phát xít. Bằng phương pháp so sánh, chúng ta thu được những đặc thù cơ bản sau đây cho một nhà nước độc tài

Thiết lập cơ chế một đảng quyền bằng cách dùng bạo lực hủy diệt mọi đảng phái khác;

Sát nhập đảng phát xít và nhà nước;

Đồng hóa toàn bộ đời sống xã hội;

Tư duy uy tín với tôn thờ lãnh tụ dân tộc;

Trại tập trung cải huấn.

Tất nhiên, các nghiên cứu mà tác giả làm ở đây chưa thể giải quyết được ngọn nguồn mọi vấn đề đặt ra. Mục đích những nghiên cứu này khiêm tốn hơn nhiều: nhằm chỉ ra một hướng khác trong quá trình nghiên cứu chế độ phát xít và góp phần tiến tới xây dựng "Lý thuyết thống nhất về chế độ phát xít".

Jeliu Jeliuv

Chế Độ Phát Xít

Cấu trúc của một nhà nước phát xít

Phần I(a)

I- Thiết lập cơ chế một đảng quyền

Thiết lập cơ chế một đảng quyền bằng cách dùng bạo lực hủy diệt mọi đảng phái chính trị khác là bước đầu tiên của bọn quốc xã, nhằm xây dựng nhà nước độc tài. Quy luật này cũng đã được thực hiện ở Italia từ năm 1925-1926, và ở Tây Ban Nha năm 1939, nó được xem là dấu hiệu thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa phát xít.

Trong các tài liệu nghiên cứu, thường bỏ qua nguyên tắc cơ bản này của mọi nhà nước phát xít và do đó đã làm giảm mất một nửa sự thật của vấn đề. Người ta chấp nhận rằng sau khi nắm được chính quyền, chủ nghĩa phát xít hủy diệt tất cả mọi đảng phái và tổ chức chính trị, vô sản cũng như tư sản, và thiết lập sự thống soái toàn diện của đảng mình. Điều này có thể minh chứng không chỉ bằng những thực tiễn lịch sử, mà còn bằng những tài liệu và những tác phẩm công khai của các lãnh tụ phát xít.

Nhận thức sai lầm này xuất phát từ quan niệm là chế độ phát xít, một khi được xem là chuyên chính của giai cấp tư sản đế quốc, không thể hủy diệt những đảng phái tư sản, hoặc giả sử tính logic này không được đảm bảo và chủ nghĩa phát xít tiêu diệt các đảng phái tư sản ở một mặt nào đó thì đây chỉ là ngẫu nhiên và có thể bỏ qua. Nhưng sự ngẫu nhiên này xuất hiện ở tất cả các nước phát xít điển hình (Đức, Italia, Tây Ban

Nha), và như một xu thế hiện thực, nó tồn tại ở cả những nước cận phát xít hay những nước phát xít phục hồi. Hơn thế nữa, chỉ có những nước thiết lập được cơ chế một đảng quyền mới có thể xây dựng thành công nhà nước phát xít toàn thiện!

Thậm chí để thiết lập cơ chế một đảng quyền của chế độ phát xít, không phải ở đâu cũng bắt đầu bằng việc hủy diệt những đảng phái cộng sản và vô sản. Thí dụ ở Italia, chủ nghĩa phát xít đầu tiên

tấn công Đảng Nhân Dân- đảng của giai cấp tiểu tư sản và tư sản trung bình. P. Toliato giải thích điều này như sau: "Trước hết đảng phát xít tấn công những đảng phái có cùng cơ sở quần chúng với nó. Đảng Nhân Dân vì thế mà bị tấn công trước Đảng Cộng Sản Italia... Đảng Nhân Dân có cùng cơ sở quần chúng với Đảng Phát Xít Italia - nó bao gồm những tầng lớp tiểu tư sản, tư sản trung bình và tầng lớp điền chủ, nghĩa là những tầng lớp mà Đảng Phát Xít cũng muốn thống nhất trong đội ngũ của mình để trở thành một đảng quần chúng".

Ở Đức, sự việc diễn ra theo một tiến trình khác. Thiết lập cơ chế một đảng quyền ở đây bắt đầu bằng việc hủy diệt Đảng Cộng Sản Đức vì những nguyên nhân tương tự. Đây là đảng mạnh nhất, có thể dễ dàng tổ chức những cuộc đấu tranh. Nhưng sau khi đã tiêu diệt được kẻ thù nguy hiểm nhất, chủ nghĩa phát xít không ngần ngại tiêu diệt mọi đảng phái còn lại, không từ một đảng nào.

Sau khi hủy diệt mọi đảng phái chính trị và các tổ chức quần chúng- quá trình này kéo dài đến mùa hè năm 1933 - ngày 14.7.1933, chính phủ quốc xã ban hành sắc luật công nhận sự thống soái tuyệt đối của ASDAP (Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức - ND). Điều luật này cấm phục hồi những đảng phái chính trị đã bị tan rã và cấm thành lập những đảng phái mới. "Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức là đảng phái chính trị duy nhất ở Đức. Kẻ nào còn bảo vệ cho cơ cấu những đảng phái chính trị khác hoặc có ý định thành lập những đảng phái chính trị mới, sẽ bị phạt lao động khổ sai tới 3 năm, hoặc bị phạt tù trong ngục tối từ 6 tháng đến 3 năm. Trường hợp cố tình vi phạm luật, sẽ bị trừng phạt nặng nề hơn".

Ở đây chỉ được phép tồn tại những tổ chức quần chúng do Đảng Quốc Xã tạo ra, chấp nhận cương lĩnh, điều lệ, và hoạt động dưới sự kiểm soát, lãnh đạo của nó. Trong tài liệu hướng dẫn lãnh đạo đảng, vấn đề này được nêu rõ như sau: "Ở Đức chỉ tồn tại các tổ chức tin tưởng vào những nguyên tắc tập trung và sự hiểu biết quốc xã về nhà nước và nhân dân trong ý nghĩa quốc xã nhất của từ này, những tổ chức tự xem mình là một bộ phận của đảng, được đảng thành lập và chịu sự kiểm soát của đảng cả ở hiện tại và tương lai... Tất cả những cơ sở muốn được tự lập là những tổ chức lạc loài, hoặc phải đi theo đảng, hoặc phải biến khỏi đời sống xã hội".

Rõ ràng không còn có thể nghi ngờ vào quyết tâm thiết lập cơ chế một đảng quyền của NSDAP.

Giới lãnh đạo quốc xã chớp bu nhận thức được giá trị vô cùng quan trọng của cơ chế một đảng quyền trong cấu trúc chế độ này. Vì vậy, mọi ý đồ chống lại nguyên tắc này, nhằm phục hồi nền dân chủ tư sản với cơ chế đa đảng bị xem là phá hoại nền an ninh quốc gia và bị trừng phạt dã man, tàn bạo như những biểu hiện chống đối nhà nước, chống đối nhân dân, bởi vì chuyên chính khủng bố không thể tồn tại lâu dài, nếu không dựa trên cơ chế một đảng quyền.

Ngày 19.4.1943, tại phiên tòa xử nhóm sinh viên chống phát xít Bông Hồng Trắng, một trong những lời buộc tội nặng nề nhất với Curt Huber - Giáo sư khoa triết học trường đại học Miunhen, là ông đã chứng minh cho các sinh viên thấy sự cần thiết phải phục hồi nền dân chủ và cơ chế đa đảng ở Đức.

Vì tội lỗi này, giáo sư Curt Huber đã bị tuyên án tử hình.

Tầm quan trọng của nguyên tắc một đảng quyền trong cấu trúc chế độ phát xít, cũng được những người âm mưu đảo chính ngày 20.7.1944 đánh giá rất cao. Dù nhận thức của các tướng lĩnh còn rất xa những nguyên tắc của nền dân chủ, họ cũng đã đi đến kết luận là phải hủy diệt sự thống soái của đảng quốc xã. Kế hoạch của họ bao gồm: tước vũ khí các đội SS- cảnh sát riêng của Đảng Quốc Xã và bắt giữ ban lãnh đạo của nó.

Tham vọng thiết lập cơ chế một đảng quyền của bọn quốc xã- bước đầu tiên quan trọng nhất khi xây dựng nhà nước độc tài- còn có thể nhìn rõ hơn trong những dẫn chứng lịch sử .

Trước hết bọn quốc xã tấn công Đảng Cộng Sản. Vụ cháy tòa nhà quốc hội Reichstag đêm 27 rạng ngày 28.2.1933 được sử dụng như tín hiệu cho tội ác toàn diện chống lại những cán bộ lãnh đạo và tổ chức cộng sản. Chỉ riêng đêm ấy, có tới 10 nghìn người bị bắt, trong đó đa phần là những người cộng sản.

Ngày hôm sau chính phủ quốc xã cấm tất cả những cơ sở ẩn loát cộng sản. Tại Berlin, các đội mật vụ chiếm tòa nhà Carl Liebknecht và biến nó thành trụ sở của cảnh sát chính trị . Cùng ngày, chính phủ quốc xã ban hành hai sắc lệnh, về hình thức để chống "âm mưu cộng sản" nhưng thực chất là chuẩn bị cơ sở nhằm hủy diệt mọi đảng phái chính trị ở Đức: sắc lệnh "Chống Đảo Chính Nhà Nước và Những Hành Động Phản Bội", và sắc lệnh "Bảo Vệ Nhân Dân". Trong sắc lệnh thứ hai có đoạn viết: "Các điều 114,115,117,118,123, và 125 của Hiến pháp nước Đức cần được sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới. Vì vậy việc hạn chế những quyền tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do in ấn, tự do thành lập hiệp hội, tự do hội họp, phá vỡ bí mật thư từ, điện tín, điện thoại, và việc hạn chế những quyền sở hữu sẽ được thực hiện không cần phụ thuộc vào khuôn khổ pháp luật đã ban hành". Những sắc lệnh này trên ngôn từ là cấm Đảng Cộng Sản, nhưng thực tế đã đặt nó ra ngoài vòng pháp luật.

Ngày 3.3.1933, Ernst Thälmann bị bắt tại cơ sở bí mật của ông ta ở Charlottenburg. Hai thành viên trung ương đảng- Valter Steiner và Ernst Thälmann cũng bị bắt.

Bị mất ban lãnh đạo, bị cấm in ấn, bị theo dõi, bị khủng bố gắt gao, Đảng Cộng Sản không còn giữ được vai trò như một lực lượng chính trị thực sự .

Đảng thứ hai mà chủ nghĩa phát xít tiêu diệt là Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức. Lịch sử hủy diệt đảng này là minh chứng hùng hồn cho luận điểm của chúng ta về tham vọng thiết lập cơ chế một đảng quyền của bọn quốc xã bằng bất kỳ giá nào.

Tiêu diệt Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức cũng bắt đầu bằng việc cấm cơ quan ngôn luận của đảng này hoạt động. Hàng nghìn công nhân dân chủ xã hội bị bắt. Sau cuộc bỏ phiếu tại Reichstag ngày 5.3.1933, chính nghị sỹ xã hội dân chủ cũng bị bắt. Cảnh hữu trong ban lãnh đạo của Đảng Xã Hội Dân Chủ (Thälmann, Thälmann) vẫn nuôi ảo tưởng vào chế độ mới, rằng sau khi Hitler đàn áp xong Đảng

Cộng Sản và cánh tả của Đảng Xã Hội Dân Chủ, thì sẽ dùng khủng bố, chính quyền quốc xã sẽ điều hành chính quyền theo luật pháp, và Đảng Xã Hội Dân Chủ sẽ giữ được vị trí của mình như "xu hướng chính trị công khai". Báo Forbertx- cơ quan ngôn luận của Đảng Xã Hội Dân Chủ trong số ra ngày 26.3.1933 có đoạn viết: "... Thắng lợi của các đảng phái chính phủ (ở đây muốn nói đến bọn quốc xã và dân tộc Đức - JJ) tạo cho họ khả năng điều hành đất nước chặt chẽ theo hiến pháp, họ chỉ còn hoạt động như một nhà nước pháp quyền. Từ đó suy ra rằng, chúng ta sẽ tồn tại như xu hướng công khai... Chúng ta chỉ cần hạn chế vai trò công kích".

Thậm chí cơ quan ngôn luận của Đảng Xã Hội Dân Chủ còn muốn được công nhận công lao của đảng mình trong việc đưa Hitler lên nắm chính quyền. Báo Fornertx, số ra ngày 3.3.1933 đã viết cho Hitler như sau: "Thưa Ngài, Ngài gọi chúng tôi là những kẻ phạm tội tháng 11 nhưng về phía Ngài, có thể nói là Ngài thuộc về các tầng lớp công nhân không (?!), nếu không có chúng tôi, liệu Ngài có thể trở thành Quốc Trưởng được không? Đảng Xã Hội Dân Chủ đã mang lại cho những người công nhân quyền bình đẳng và kính trọng. Chỉ với sự giúp đỡ của chúng tôi, thưa Ngài Adolf Hitler, Ngài mới có thể trở thành Quốc Trưởng".

Ban lãnh đạo quốc xã đã sử dụng cả ảo tưởng này của những người đứng đầu Đảng Xã Hội Dân Chủ cánh hữu để ru ngủ dư luận quốc tế về những hành động khủng bố công chúng. Đích thân Hitler yêu cầu những người này dùng quan hệ quốc tế của họ, để giúp ông ta gạt bỏ nhận thức "sai lầm" xung quang việc đàn áp, khủng bố ở Đức. Các thủ lĩnh xã hội dân chủ chấp nhận yêu cầu này, cử đại diện ra nước ngoài, tác động với diễn đàn dân chủ thế giới nhằm dập tắt những công kích nhằm chống lại chính phủ quốc xã. Trên tờ báo Chính Trị ngay lập tức xuất hiện bài phê bình của nhà xã hội dân chủ Herx, trong đó có đoạn viết: "Những tin tức lừa bịp về khủng bố quốc xã, đăng trên các báo nước ngoài, chỉ gây ảnh hưởng xấu đến nền dân chủ nước Đức. Tôi sẵn sàng tuyên bố, rằng chúng tôi, những người xã hội dân chủ Đức, phản đối những thông tin lừa bịp về tội ác của những người quốc xã là hoàn toàn sai sự thật".

Ban lãnh đạo Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức còn đi xa hơn nữa. Khi Đại Hội Quốc Tế họp xét xử những vụ khủng bố quốc xã, đại diện Đức Oto Velx đã bỏ ra ngoài và Ban lãnh đạo Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức chính thức từ bỏ Đại Hội Quốc Tế.

Để tỏ rõ nguyện vọng từ bỏ chế độ mới và để giữ cho đảng mình khỏi bị tan rã, Ban lãnh đạo Đảng Xã Hội Dân Chủ khai trừ hàng loạt đảng viên và loại bỏ những tổ chức phụ thuộc tuyên bố chống khủng bố và yêu cầu đảng này mở cuộc đấu tranh. Tất cả những tổ chức thanh niên xã hội dân chủ Berlin đã bị giải tán. Tháng 4.1933, Đảng Xã Hội Dân Chủ tiến hành đại hội, bầu lại Ban lãnh đạo và đồng thời khai trừ tất cả những thủ lĩnh đảng đã tố cáo những cuộc khủng bố quốc xã và đang sống tị nạn ở nước ngoài. Và tất cả những điều này xảy ra cùng một thời điểm, khi hàng nghìn thành viên xã hội dân chủ bị ném vào nhà tù và trại tập trung.

Nhưng điều đó cũng không cứu được Đảng Xã Hội Dân Chủ khỏi bị tiêu diệt. Ngày 10.5.1933, chính phủ quốc xã ban hành sắc lệnh tịch thu toàn bộ tài sản của Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức và những tổ chức phụ thuộc. Ngày 22.6.1933, Đảng Xã Hội Dân Chủ bị buộc tội là "kẻ thù của nhân dân và nhà nước", và bị giải tán theo sắc luật ban ngày 28.2.1933; cấm đảng này không được tuyên truyền, tổ chức hội họp, phát hành báo chí. Sau đó Bộ trưởng Nội Vụ Fric, với sắc lệnh đặc biệt, buộc tội toàn bộ các nghị sĩ dân chủ xã hội là không trung thực, và Đảng Xã Hội Dân Chủ bị loại ra khỏi vũ đài chính trị.

Và giống như là điều vẫn thường xảy ra với một đảng chính trị bị tan rã trong điều kiện bị khủng bố gắt gao, một bộ phận các thủ lĩnh và đảng viên xã hội dân chủ đi theo chính quyền, cố gắng phục vụ cho nó hòng chiếm lòng tin và sửa chữa "sai lầm" quá khứ; số khác vẫn bảo vệ quan điểm chính trị của mình, bị chết đói mòn trong các trại tập trung cải huấn và nhà tù hoặc phải sống tị nạn ở nước ngoài.

Nhưng điều quan trọng trong trường hợp này là, mặc dù đã tỏ rõ sự đầu hàng, sẵn sàng phục vụ chế độ mới, sẵn sàng tuân theo và phục vụ mọi yêu cầu của nó, Đảng Xã Hội Dân Chủ Đức vẫn không tránh khỏi bị hủy diệt. Điều đó chứng tỏ, ngay từ đầu bọn phát xít đã có tham vọng giành quyền thống soái chính trị tuyệt đối cho đảng mình, rằng mục đích của chúng là cơ chế một đảng trị, chứ không phải là liên minh chính trị.

II- Sát nhập giữa đảng và nhà nước phát xít

Sự thống nhất toàn diện của đảng và nhà nước là bước đầu quan trọng thứ hai trong quá trình xây dựng chế độ độc tài của chủ nghĩa phát xít. Nó liên quan chặt chẽ đến bước thứ nhất- thiết lập cơ chế một đảng trị - đến mức có thể xem như sự tiếp diễn của bước này. Không thể khẳng định triệt để sự thống soái chính trị của một đảng phát xít, nếu sau đó đảng này không tự đồng nhất với nhà nước, không biến nhà nước thành sở hữu của riêng mình hay ít ra là thành công cụ thống soái. Lúc đó đảng này có thể chia quyền lợi cho các đảng viên của mình dưới các hình thức công sở nhà nước, trọng trách nhà nước, và khiến họ quan tâm một cách vật chất đến sự thống nhất giữa đảng và nhà nước. Đây là con đường chắc chắn nhất để sát nhập đảng và nhà nước.

Bọn quốc xã đã nhận thức được giá trị quyết định của nguyên tắc này ngay từ năm đầu tiên nắm chính quyền. Sau khi tiến hành rất nhiều phương cách theo hướng đó, ngày 1.12.1933, nguyên tắc này được củng cố bằng điều luật đặc biệt Sự Cần Thiết Phải Thống Nhất Đảng Và Nhà Nước, trong đó tuyên bố: "Sau thắng lợi của cuộc cách mạng quốc xã, Đảng Công Nhân Quốc Xã trở thành người giữ trọng trách nhà nước Đức và liên quan mật thiết với nhà nước."

1- Sát nhập giữa bộ máy lãnh đạo nhà nước và bộ máy lãnh đạo đảng

Thực chất, việc thống nhất giữa đảng và nhà nước đã được thực hiện ngấm ngấm từ phía dưới bằng cách cho các đảng viên nắm giữ những vị trí và trọng trách nhà nước.

Kết quả là đảng biến thành nhà nước và ngược lại Các thủ lĩnh phát xít trở thành những cán bộ nhà nước cao cấp. Hitler vừa là Thống Lĩnh- theo trọng trách đảng, vừa là Quốc Trưởng- theo trọng trách nhà nước; Goring vừa là Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, Bộ trưởng - Toàn quyền Pruxia - theo trọng trách nhà nước, vừa là Thủ lĩnh SA và SS theo trọng trách đảng; Gobelx vừa là thủ lĩnh trong vùng Berlin, phụ trách tuyên truyền- theo trọng trách đảng, vừa là Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền, thành viên Hội Đồng Quốc Phòng Tối Cao- theo trọng trách nhà nước; Himler trong đảng là Uy Viên Ban Lãnh Đạo Tối Cao về Bảo Tồn Đặc Tính Dân Tộc Đức, thủ lĩnh SS, trong nhà nước là Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao, thành viên Hội Đồng Quốc Phòng tối Cao; A Rozenberg trong đảng là Uy Viên Ban Lãnh Đạo Tối Cao về Giáo Dục Tư Tưởng cho đảng viên, trong nhà nước- Bộ trưởng Không Bộ; R. Hex trong đảng là - Phó Thống Lĩnh, Uy Viên Ban Lãnh Đạo Tối Cao, trong nhà nước- Bộ Trưởng Không Bộ, thành viên Hội Đồng Quốc Phòng Tối Cao, v.v...

Sát nhập vị trí lãnh đạo của nhà nước và đảng được thực hiện xuống một cơ sở . Tất cả những vị trí quan trọng trong Đế Chế 3 đều do các đảng viên quốc xã nắm giữ và đặc biệt là những kẻ phục vụ đắc lực cho phong trào quốc xã. Tham gia đảng phát xít là dấu hiệu quan trọng nhất để được phép đứng trên những vị trí trọng trách của nhà nước.

Sát nhập bộ máy lãnh đạo nhà nước và đảng là một hiện tượng tổng thể, đa hình, song một vài biểu hiện mang giá trị cơ bản.

Thứ nhất, các đảng viên phát xít và những kẻ phục vụ đắc lực chiếm giữ những vị trí nhà nước.

Thứ hai, (trong giới lãnh đạo chớp bu) thống nhất quyền lực của đảng và chính quyền cho cùng một số người (Hitler, Goring, Gobelx, Himler, Rozenberg, Hex, v.v...).

Thứ ba, nhà nước hợp pháp hóa quyền kiểm soát của đảng trên mọi tổ chức nhà nước, mọi cán bộ viên chức và mọi biểu hiện của họ .

Thứ tư, trao nhiệm vụ nhà nước cho những tổ chức của đảng phát xít. Thứ năm, thống nhất giữa tổ chức tạm thời của đảng với nhà nước.

Thứ sáu, nhà nước trả lương cho các cán bộ đảng viên.

Chúng ta hãy nghiên cứu kỹ từng trường hợp riêng biệt của sự sát nhập này.

A- Các đảng viên phát xít chiếm giữ những trọng trách nhà nước.

Cùng với việc Hitler lên nắm chính quyền, hàng nghìn đảng viên quốc xã đã tham gia trong bộ máy nhà nước, "để củng cố chính quyền", đồng thời dần dần chiếm quyền lãnh đạo bộ máy này. Đối với những người đó, việc chủ nghĩa quốc xã nắm quyền là lẽ khải hoàn của "cuộc cách mạng quốc xã".

Trong diễn văn ngày 18.5.1933, Goring đã tuyên bố: "Ai chiếm được trọng trách, người đó có thể điều hành." Một tháng sau, Rudolf Hex giải thích thêm: "...Thậm chí trong trường hợp những người có công lao với đảng không đủ khả năng, thì điều đó sẽ được bổ xung bằng lòng nhiệt huyết của họ muốn được cống hiến cho sự nghiệp của nhà nước quốc xã."

Thậm chí cả trong lĩnh vực nghệ thuật và văn hóa, các đảng viên cũng giành được sự ưu ái đặc biệt. Trên thực tế, trước khi kết thúc năm 1933, các đảng viên phát xít đã chiếm giữ tất cả mọi vị trí lãnh đạo ở các cơ quan trung ương, vùng, tỉnh, địa phương. Giới lãnh đạo đảng quan tâm và khuyến khích quá trình này. Để củng cố chính quyền, ban lãnh đạo đảng thi hành kế hoạch làm trong sạch bộ máy nhà nước, và bằng cách đó, bật đèn xanh cho những phần tử có công lao với đảng chiếm giữ những vị trí hành chính. Với sắc luật Phục Hồi Viên Chức Lành Nghề, ngày 7.4.1933, tại các cơ quan trung ương, vùng, tỉnh, và địa phương, người ta thải hồi "những nhân viên vì quan điểm chính trị mà cho đến nay vẫn chưa chịu tuyên bố sẵn sàng phục vụ nhà nước quốc xã."; đồng thời những kẻ trung thành với chế độ lập tức chiếm giữ những trọng trách này.

Tháng 2.1935, chính phủ ban hành điều luật nhằm củng cố hơn nữa sự thống soái của đảng trên các trọng trách nhà nước. Theo luật này, chỉ có những tổ chức quốc xã cao nhất ở địa phương mới có quyền đề cử Thị Trưởng. Sau đó, đề cử viên duy nhất này được Bộ Nội Vụ chuẩn y và giữ trọng trách Thị Trưởng trong vòng 12 năm. Những tổ chức phát xít địa phương kiêm luôn việc bổ nhiệm cố vấn cho Thị Trưởng. Bằng cách đó, bọn hitlerist hủy diệt quyền tự trị và thay thế bởi hệ thống lãnh đạo tập trung, đứng đầu là giới cầm quyền của Đảng Quốc Xã.

Ngày 27.2.1936, Bộ Nội Vụ Đế Chế và Pruxia ban hành sắc luật, trong đó nêu rõ, người viên chức không thể không là đảng viên, "do mối quan hệ tương hỗ chặt chẽ giữa đảng và nhà nước," và đặc biệt là không thể từ bỏ hàng ngũ của đảng vì không đồng ý với "cương lĩnh và điều lệ chính trị của đảng." Sắc lệnh viết: "trong mọi trường hợp, cần phải tiến hành kiểm tra xem với mục đích và những nguyên nhân gì, mà người viên chức ra khỏi đảng. Nếu anh ta hành động như vậy vì không đồng ý với cương lĩnh và điều lệ chính trị của đảng, thì anh ta không thể là viên chức".

Và, thậm chí không phải vì lý do như thế, việc ra khỏi đảng của viên chức trong mối liên hệ tương hỗ chặt chẽ giữa đảng và nhà nước có thể xem là anh ta đã không có lòng yêu mến nhà nước quốc xã và tinh thần hy sinh tự nguyện. Ngày 26.2.1937, cái gọi là Những Cơ Sở Căn Bản Trong Luật Lệ Nhà Nước Đức Về Viên Chức được ban hành, theo điều luật này, mọi bổ nhiệm trọng trách nhà nước đều bị xem là không có hiệu lực, nếu không được sự đồng ý của những tổ chức Đảng Quốc Xã. Bởi vì, "mối liên quan thân hữu giữa viên chức và đảng là cơ sở để bổ nhiệm trọng trách của anh ta... Viên chức cần phải là người thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước quốc xã, mà nhà nước quốc xã là do đảng lãnh đạo."

Điều luật này pháp luật hóa triệt để và toàn diện sự kiểm soát của đảng trên các tổ chức nhà nước, thiết lập sự thống soái của Đảng Quốc Xã đối với nhà nước Đức.

Quá trình này không chỉ diễn ra tại các công sở hành chính mà còn ở cả các tòa án. Các quan tòa là các thành viên của các đảng phái và hiệp hội cánh tả đều bị thải hồi, còn những người không tham gia đảng phái thì dùng áp lực bắt buộc phải trở thành đảng viên phát xít.

Trong diễn văn đọc tại Quốc Hội Reichstag ngày 20.8.1938, Hitler tuyên bố: "Không còn một công sở trong nhà nước này mà không phải là quốc xã. Ở Đức, mọi trọng trách đều do những người quốc xã nắm giữ. Tất cả mọi cơ sở của Đế Chế đều phục tùng Ban Lãnh Đạo Chính Trị Tối Cao. Đảng ta lãnh đạo chính trị nước Đức."

Muxolini, ngoài Những Luật Phát Xít Đặc Biệt, cũng ban hành những điều luật về cán bộ viên chức với tên gọi không được chính xác - Luật Hành Chính. Thông qua điều luật này, ông ta tạo điều kiện cho những đảng viên phát xít nắm giữ những vị trí nhà nước. Nó buộc người viên chức đứng trước sự lựa chọn: hoặc trở thành đảng viên phát xít (nếu chưa phải là đảng viên) và làm việc như một phần tử phát xít tích cực, hoặc phải xin từ chức; đồng thời điều luật này loại bỏ những viên chức "công khai hoặc bí mật chống đối hay không ủng hộ chính quyền."

Theo điều luật trên, nhà nước không thể chấp nhận những cán bộ viên chức chống lại chính phủ, bởi vì đối với chuyên chính phát xít, "chính phủ và nhà nước" không thể tách rời nhau, và những ai chống lại chính phủ thì cũng là chống lại nhà nước và chế độ phát xít. Và do đó, viên chức này không thể giữ vị trí công tác trong bộ máy nhà nước.

Việc bắt buộc phải tham gia đảng phát xít được P. Toliati giải thích như sau:

"Thế nào là một đảng viên phát xít ở Italia hiện nay? Một bộ phận đảng viên tham gia hoạt động tích cực, có quan điểm, thi hành nhiệm vụ chính trị. Nhưng đa phần đảng viên có quan điểm chính trị tiêu cực. Song không vì thế mà họ từ bỏ sinh hoạt đảng. Tại sao? Tại vì có vô số nguyên nhân bắt buộc họ phải vào đảng. Thí dụ, vào đảng nghĩa là có quyền lựa chọn những vị trí công tác trong bộ máy nhà nước, và để có thể chiếm được những vị trí nhà nước cao cấp, thì tham gia sinh hoạt đảng là điều kiện không thể thiếu.

... Vì lý do này, rất nhiều người trong những tầng lớp bản cùng tham gia đảng phát xít chỉ vì họ cần làm việc, chỉ vì họ phải sống, và muốn sống thì bắt buộc phải có việc làm..."

Tại Tây Ban Nha, quá trình đảng viên chiếm giữ vị trí trong bộ máy nhà nước còn được thể hiện triệt để hơn nhiều. Theo nhân chứng của Eibi Plen, sau năm 1939 thậm chí kể cả các vị trí giảng dạy cũng ưu tiên cho những người Falangist, mà không phụ thuộc vào khả năng học vấn của họ. Chế độ chỉ quan tâm đến một phẩm chất duy nhất - các giáo viên cần phải tuân theo và phục vụ đắc lực cho nó.

"Toàn bộ đội ngũ giảng dạy được cấu thành... từ những phần tử Falangist kém cỏi và những kẻ có công sức bảo vệ chế độ, những người này được trao tặng những vị trí giảng dạy không phụ thuộc vào khả năng quá kém của họ, để thay thế cho hàng ngàn giáo viên và giáo sư nổi tiếng bị sa thải, bị ném vào các nhà tù.

Cái "mới" do chủ nghĩa phát xít phát minh ra trong quá trình xây dựng nhà nước, là thiết lập nhà nước- đảng hoàn chỉnh, chuyên chính- đảng, tạo ra một bộ máy nhà nước, mà ngoài con đường hành chính (cũng có nghĩa là con đường đảng), còn có thể kiểm soát theo con đường đảng. Bằng cách đó,

hệ thống kiểm soát kép của đảng phát xít đối với nhà nước được cấu thành, mang lại sự ổn định và thuần nhất đặc biệt cho chế độ này.

B- Ban lãnh đạo phát xít trở thành chính phủ quốc gia.

Ngày 30.1.1933, khi Hitler được bầu làm Quốc Trưởng và đứng ra thành lập chính phủ, trong chính phủ mới chỉ có ba phần tử quốc xã: Hitler, Goring và Fric. Hitler giữ trọng trách Quốc Trưởng, Goring- Bộ Trưởng Không Bộ, Fric- Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ . Còn những thành viên chính phủ khác không phải là đảng viên quốc xã - Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Fon Noirat, Bộ Trưởng Bộ Tài Chính- Bá tước Sverin

Fon Cnizig, Bộ Trưởng Bộ Nông Nghiệp- Hugengerg, Bộ Trưởng Bộ Bưu Điện và Giao Thông- Fon Elx Rubenah, Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp Hertner. Những người này thuộc các đảng phái chính trị khác và sau đó một vài tháng, tất cả những đảng này đều tan rã. Bị mất chỗ dựa chính trị, những vị Bộ Trưởng này không thể tránh khỏi bị mất ghế.

Nhờ sự thống soái chính trị của đảng mình, đảng chính trị duy nhất ở Đức, Hitler đã biến chính phủ thành chính phủ quốc xã. Việc này được thực hiện bằng hai cách: thứ nhất thành lập các Bộ mới, đứng đầu là những phần tử phát xít thủ cựu; và thứ hai, trong đảng chỉ công nhận những Bộ Trưởng có quan điểm quốc xã.

Ngày 13.3.1933, thành lập Bộ Văn Hóa và Tuyên Truyền Nhân Dân, đứng đầu là Gobelx. Ngày 5.5.1933, thành lập Bộ Không Quân, đứng đầu là Goring, và Bộ Giáo Dục đứng đầu là Berigard, Bộ Các Vấn Đề Nhà Thờ đứng đầu là tên trùm quốc xã Hanarx Kerl.

Sau khi chiến tranh bùng nổ, có hai Bộ mới nữa được thành lập: ngày 17.3.40, Bộ Chiến Tranh và Dự Trữ Quốc Phòng đứng đầu là tiến sĩ Tod (sau này Speer thay thế), và ngày 17.7.41, Bộ Các Vùng Thuộc Địa Phía Đông đứng đầu là nhà tư tưởng của đảng Rozenberg.

Ngoài ra, trong nội các chính phủ còn có Phó Thống Lĩnh của đảng R. Hex (sau này là M Borman) và thủ lĩnh SA Ernxt Rom (sau ngày 30.6.1934 là Sepman)- những người này giữ ghế Bộ Trưởng Không Bộ. Việc này được tiến hành từ ngày 1.12.1933 bằng Luật Thống Nhất Đảng và Nhà Nước. Trong điều luật ghi cụ thể: "Phó Thống Lĩnh và Thủ Lĩnh SA sẽ tham gia trong nội các chính phủ, để có thể đảm bảo sự cộng tác chặt chẽ giữ đảng và SA với chính quyền nhà nước...".

Ngày 30.2.1937, Hitler kết nạp tất cả những thành viên không đảng phái của chính phủ vào đảng của mình: Fon Noirat, Fon blomberg, Zeldte, v.v...

Duy nhất chỉ Bộ Trưởng Bộ Bưu Điện và Giao Thông- Elx Rubenarh, là từ chối đề nghị này của Hitler. Lý do từ chối không vào Đảng Quốc Xã có vẻ như không mang màu sắc chính trị, nhưng thực chất là tỏ rõ sự bất đồng quan điểm với hệ tư tưởng phát xít: "Tôi tin vào những nguyên tắc của đạo Thiên Chúa," Elx Rubenah viết cho Thống Lĩnh, "và tôi cần phải giữ niềm tin vào Đức Chúa và bản

thân mình. Tham gia Đảng có nghĩa là, tôi không thể chối cãi, rằng đã công nhận và ủng hộ những hành vi chống lại những quan niệm tôn giáo của các viên chức đảng viên, chống lại những người muốn bảo vệ quan niệm tôn giáo của họ .

Trên thực tế, đó cũng là đơn xin từ chức của Fon Elx Rubenah và nó được chấp nhận ngay lập tức. Vào đầu năm 1937, nội các của chính phủ đã được quốc xã hóa hoàn toàn, các thành viên của chính phủ đều là đảng viên quốc xã, các thủ lĩnh phát xít đều trở thành những người lãnh đạo chính phủ . Nội các chính phủ lúc này bao gồm những người: Hitler, Goring, Gobelx, Himler, Hex, Rozenberg, Dare, Fric, Fon Noirat, X. fanc, Ribentrop.

Tất cả những người này đều là đảng viên quốc xã và là thành viên Ban Lãnh Đạo Tối Cao (chỉ trừ Fon Noirat là đảng viên thường).

Ở Italia, những quá trình tương tự cũng xảy ra. Lúc đầu, trong chính phủ của Muxolini, ngoài ông ta cũng chỉ còn có ba thành viên phát xít khác: nhà kinh tế Xtefan, hai đại biểu nhân dân, năm thủ lĩnh của những xu hướng chính trị khác nhau, và hai anh hùng của cuộc nội chiến: Tướng Điiar "Hoàng Tử Chiến Thắng" và Đô Đốc Toan De Revel "Hoàng Tử Biển Cả" .

Trong nội các đầu tiên, Muxolini, ngoài trọng trách Thủ Tướng chính phủ còn giữ cả ghế Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ .

Đến năm 1925, Muxolini vẫn chưa thành lập được "chính phủ phát xít thuần nhất" và vẫn phải biện minh với các đại diện của những đảng phái chính trị khác.

Mãi sau vụ bê bối xung quanh cái chết của nghị sỹ Xã Hội Mteoti, vụ bê bối này kéo dài suốt cả năm 1924, Muxolini mới thành lập được chính phủ phát xít thuần chủng. Một nhà sử học Italia đã viết về sự kiện này như sau: "Toàn bộ chính phủ là những người phát xít. Các thủ lĩnh chính trị khác hoặc trở thành đảng viên phát xít, hoặc phải từ bỏ vũ đài chính trị . Những kẻ chống đối đều phải trốn ra nước ngoài, hoặc bị bắt buộc phải sống tị nạn chính trị ở nước ngoài...".

Các sự kiện này xảy ra cùng một thời điểm, khi những Luật Phát Xít Đặc Biệt được ban hành, thông qua đó, bọn phát xít cấm tất cả các đảng phái hoạt động và khống chế toàn bộ bộ máy nhà nước.

Việc thành lập "chính phủ phát xít thuần nhất" là dấu hiệu kết thúc quá trình hình thành cơ chế một đảng trị của nhà nước phát xít.

Tại Tây Ban Nha, Đảng Falanga đã biến quyền điều hành chính phủ và biến Ban Lãnh Đạo Đảng thành chính phủ quốc gia. Đa phần các Bộ trong chính phủ và đặc biệt là những Bộ quan trọng đều do các thủ lĩnh Falanga chiếm giữ.

Thí dụ, thành phần chính phủ vào tháng 7.1939 bao gồm: Franxix Franco: trong Đảng là Thủ lĩnh Tối cao của Falanga, trong chính phủ là Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng; Ramon Xerano Xuner: trong Đảng Chủ tịch tập Đoàn Chính trị Falanga, trong chính phủ- Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ, và năm 1940-1942 kiêm luôn chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao; Munox Gradex- trong Đảng: Bí Thư Tập

Đoàn Chính trị Falanga, Trùm Công An Falanga, trong chính phủ- Bộ Trưởng Không Bộ; Gamero Del Caxtilio: trong Đảng- Thành viên Tập Đoàn Chính Trị Falanga, trong chính phủ- Bộ Trưởng Không Bộ; R. Xantrex Maxax: trong Đảng- Thành Viên Tập Đoàn Chính Trị Falanga, trong chính phủ Bộ Trưởng Không Bộ; Hoxex Ibanex Martin: trong Đảng- đảng viên thường, không giữ trọng trách, trong chính phủ Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục Nhân Dân; Alono Penia Boeuf: trong Đảng- đảng viên thường, trong chính phủ- Bộ Trưởng Bộ Các Vấn Đề Xã Hội.

Bốn Bộ Trưởng còn lại thuộc giới quân sự, không phải là những người phát xít: Tướng Hoxex Enrice Varela- Bộ Trưởng Bộ Lục Quân; Huan Lague- Bộ Trưởng Các Lực Lượng Không Quân; Đô Đốc xavador Moreno- Bộ Trưởng Các Lực Lượng Hải Quân; Đại tá Baigbeder Atienxa- Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao.

Tất nhiên sau đó, trong chính phủ Franco, đại diện Falanga thay đổi sao cho phù hợp với tình hình chính trị trong nước và thế giới. Nhưng trên nguyên tắc, Đảng Falanga chỉ phối chính phủ theo ba cách:

1- Giữ những Bộ quan trọng nhất;

2- Kiểm soát những Bộ còn lại thông qua các đảng viên Falanga đang giữ những chức vụ quan trọng trong các Bộ này;

3- Thông qua Tướng Franco- vừa là Thủ Lãnh của Đảng, vừa là Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng, với quyền lực vô hạn thường xuyên thay đổi nội các.

Ở đây nổi bật lên một hiện tượng là, kẻ nào đánh mất vị trí trong Đảng cũng đồng thời mất luôn trọng trách trong chính phủ và ngược lại. Thí dụ, Xerano Xuner, khi mất ghế Bộ Trưởng Nội Vụ và Ngoại Giao, "cần phải từ bỏ vị trí lãnh đạo trong Đảng"; Hoxe Luis Areze (đã nhiều năm giữ vị trí lãnh đạo trong Đảng), khi mất ghế Bộ Trưởng Cải Tạo Thành Phố, đồng thời mất luôn chức vụ trong Đảng Falanga, v.v...

Trên quan điểm "Những Mối Liên Quan Chặt Chẽ Giữa Đảng Và Nhà Nước" (Hitler), hiện tượng trên đây hoàn toàn logic. Nếu một Bộ Trưởng bị mất ghế trong chính phủ mà vẫn giữ vai trò lãnh đạo trong Đảng, người đó có thể như là một "kẻ bất mãn" và trong một thời điểm nào đó xúi Đảng chống lại chính phủ, hoặc ít nhất- trở thành kẻ tập trung những ý đồ chống chính phủ trong Đảng. Nhưng điều này mâu thuẫn với một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của nhà nước độc tài: sự thống nhất giữa Đảng và nhà nước, thiếu cái đó nó không thể tồn tại. Vì vậy, mất trọng trách trong chính phủ cũng đồng thời phải từ bỏ vị trí lãnh đạo trong Đảng.

C- Sự kiểm soát của đảng phát xít đối với nhà nước

Sự kiểm soát tổng thể của đảng quốc xã đối với nhà nước, được luật hóa bởi nhà nước, là một trong những hình thức quan trọng của việc sát nhập bộ máy nhà nước và đảng. Sự kiểm soát này được thể

hiện không chỉ trong vấn đề, rằng việc bỏ nhậm các vị trí hành chính sẽ không có hiệu lực, nếu không được sự đồng ý của cơ sở đảng tương ứng, cũng không chỉ trong vấn đề rằng các thủ lĩnh đảng phát xít đồng thời nắm giữ những trọng trách nhà nước, mà còn vì nó được phân chuyển trên pháp luật quốc gia. Không một điều luật hoặc sắc lệnh nào được ban hành trong Đế Chế 3 nếu như trước đó không có sự đồng ý của giới lãnh đạo đảng quốc xã.

Tất nhiên mọi luật lệ ban hành đều được Quốc Hội thông qua, nhưng đó chỉ là hình thức bởi vì bọn quốc xã chiếm đại đa số trong Quốc Hội. Trong trường hợp như thế, Quốc Hội bao giờ cũng đồng tâm nhất trí giống như trong các Đại Hội Đảng: tất cả đều được chấp nhận bằng cách hô: "Hail Hitler!" Hơn thế nữa, trước khi đệ trình Quốc Hội, những điều luật này phải được văn phòng Trung Ương Đảng Quốc Xã bỏ xung.

Ngày 27.7.1934, Hitler ký sắc lệnh cho phép Hex, người thay thế ông ta, được quyền kiểm tra mọi luật lệ ban hành trong Đế Chế, và thậm chí được tham gia mọi công việc quốc gia - Sắc lệnh nêu rõ: "Hiện nay tôi giao cho Phó Thống Lĩnh- Bộ Trưởng Đế Chế Hex- được quyền tham gia giải quyết mọi vấn đề có liên quan đến công tác dự thảo luật lệ trong tất cả các cơ sở hành chính đế chế. Mọi luật lệ do các Bộ trong Đế Chế dự thảo cần phải được sự đồng ý của Hex".

Quyền lực này của Hex còn được phân chuyển xuống tận các tỉnh lẻ trong Đế Chế. Trong công văn gửi các Bộ của Tiến sĩ Lamerx ngày 12.4.1938, có đoạn viết: "Phó Thống Lĩnh sẽ tham gia cùng các Bộ trưởng chuẩn y những sắc luật quốc gia và những văn bản pháp luật tại các tỉnh lẻ theo điều của sắc lệnh ban hành ngày 2.2.1934, do sự thay đổi cơ cấu của Đế Chế...".

Sau năm 1941, khi Hex bí mật trốn sang Anh, toàn quyền kiểm soát đối với các cơ sở nhà nước và mọi văn bản pháp luật của chúng được trao lại cho Martin Borman - Thư ký của Thống Lĩnh và Chủ Tịch Văn Phòng Trung Ương Đảng.

Sự kiểm soát của Đảng Quốc Xã độc quyền về chính trị - "người giữ trọng trách nhà nước" - không chỉ được phân chuyển trên lĩnh vực pháp lý của các cấp chính quyền quốc gia, mà còn được củng cố trên mọi thứ bậc hình kim tự tháp của đảng và nhà nước, xuống đến tận cơ sở- tận làng xã. Trong lãnh thổ một khu vực, không một vấn đề quốc gia nào được giải quyết nếu không được sự đồng ý của Bí Thư Khu Ủy, đại diện của Đảng Quốc Xã và là người lãnh đạo chính trị cao nhất trên lãnh thổ này.

Bản thân Đảng Quốc Xã được tổ chức nhằm kiểm soát các cơ quan nhà nước, và đó là một trong những nguyên tắc quan trọng của nó. Trong tài liệu "Hướng Dẫn Xây Dựng Đảng" nêu rõ: "Chúng ta xây dựng sự lãnh đạo của đảng trên cơ sở lãnh đạo chính trị quốc gia".

Tại Đại hội Đảng ở Niurnberg vào năm 1935, Hitler còn tuyên bố công khai và chính xác hơn về quyền kiểm soát của đảng quốc xã đối với các cơ quan nhà nước: "...Không phải nhà nước ban hành sắc lệnh cho chúng ta, mà là chúng ta ban hành sắc lệnh cho nhà nước".

Ở Italia, vấn đề kiểm soát của đảng đối với cơ quan nhà nước- một hình thức sát nhập đảng và nhà nước- còn được thể hiện rõ ràng hơn, chính hiệu hơn. Tại đây chúng ta bắt gặp cái gọi là "Hội Đồng Phát Xít Tối Cao" - cơ quan đảng nhà nước cao nhất- chịu trách nhiệm "mọi vấn đề tư tưởng về nhà nước phát xít và chăm lo bảo vệ chế độ ."

Hội Đồng này được hình thành như cơ quan đảng cao cấp ngay từ tháng 10 năm 1922 và mãi sau này mới trở thành tổ chức chính quyền. Với sắc lệnh ban hành ngày 28.9.1928, ba cơ quan cao cấp- Hội Đồng Bộ Trưởng- Hạ Nghị Viện và Thượng Nghị Viện- quyết định Hội Đồng Phát Xít Tối Cao từ tổ chức đảng thuần túy trở thành tổ chức chính quyền. Như vậy Hội Đồng Phát Xít Tối Cao trở thành tổ chức đảng- nhà nước cao cấp, "tổ chức của chế độ", thúc đẩy quá trình sát nhập giữa đảng và nhà nước. Tại mục I trong sắc luật về Hội Đồng Phát Xít, xác định vai trò của nó như sau: "Hội Đồng Phát Xít Tối Cao là tổ chức cao nhất Kiểm Soat Ve Hoan Chính Mọi Hoạt Động Của Chế Độ, được thành lập sau cuộc cách mạng tháng 10.1922. Nó có vai trò quyết định đối với những trường hợp đã được chỉ rõ trong sắc lệnh này, và ngoài ra còn có quyền được tham gia mọi vấn đề chính trị, kinh tế và xã hội trong khuôn khổ quyền lợi dân tộc, thông qua đàm luận với Thủ Tướng chính phủ ."

Hội Đồng Phát Xít Tối Cao có quyền kiểm soát mọi vấn đề trong nhà nước cũng như trong đảng. Hội Đồng điều hành mọi hoạt động pháp luật của các chính quyền nhà nước cao cấp- Hạ Nghị Viện- Thượng Nghị Viện, Chính phủ . Trong vấn đề này, điều 12 và 13 đã xác định vai trò thuần túy nhà nước của Hội Đồng Phát Xít Tối Cao: "Cần phải có ý kiến tham gia của Hội Đồng về mọi vấn đề có ý nghĩa pháp luật." Nói cách khác, quyền sửa đổi pháp luật được chuyển giao cho Hội Đồng Phát Xít Tối Cao và chỉ có Hội Đồng mới có quyền thay đổi luật pháp... Hội Đồng Tối Cao xét duyệt danh sách các nghị sĩ và thực tế là tuyển chọn đa phần trong Nghị viện, bởi vậy, nếu nó không được xem là cao hơn nghị viện thì chí ít nó cũng phải ngang hàng."

Trong lĩnh vực đảng thuần túy, vai trò của Hội Đồng Phát Xít Tối Cao được xác định ở điều 11 của sắc lệnh nói trên:

"(a) Xét duyệt danh sách nghị sĩ theo những điều khoản của sắc luật bầu cử hiện hành;

(b) xem xét điều lệ, tổ chức và những chỉ thị của Đảng Phát Xít Dân Tộc;

(c) giải quyết những vấn đề bổ nhiệm và thải hồi bí thư, phó bí thư, thư ký hành chính và những thành viên khác của ban lãnh đạo những tổ chức đảng".

Các thành viên của Hội Đồng Phát Xít Tối Cao đều là đảng viên phát xít, giữ trọng trách trong đảng hoặc trong nhà nước, Chủ Tịch Hội Đồng là Mutxolini.

Như vậy có thể nói, rằng Ban Lãnh Đạo Đảng Phát Xít và những kẻ cộng tác đắc lực trong đảng sau khi đã nắm giữ mọi vị trí nhà nước quan trọng- chính phủ, nghị viện, các cơ quan địa phương- đã thành lập tổ chức đặc biệt, để củng cố hơn nữa quyền kiểm soát và thống soái pháp luật của đảng mình đối với nhà nước. Do đó, Hội Đồng Phát Xít Tối Cao có thể định nghĩa như "Cơ Quan Kiểm

Soát Của Đảng Phát Xít Đối Với Nhà Nước", chính quyền kiểm soát pháp luật.

Trong vấn đề này, sự khác nhau giữa bốn quốc xã và bốn phát xít Italia và Ban Lãnh Đạo Đảng Quốc Xã với đại diện Hex, và sau đó là Borman, trực tiếp thực hiện sự kiểm soát đối với chính quyền nhà nước và những biểu hiện pháp luật của chúng, trong khi Đảng Phát Xít Italia thành lập cả một tổ chức kiểm soát đặc biệt, được pháp luật hóa bằng sắc lệnh tương ứng của chính phủ và nghị viện.

D- Chuyển giao những nhiệm vụ nhà nước cho các tổ chức đảng phát xít.

Khi cần phải thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, chế độ phát xít thường sử dụng các tổ chức của đảng, bởi vì chúng được tin tưởng hơn những tổ chức nhà nước tương ứng.

Ngay từ khi mới nắm chính quyền, bốn phát xít đã dùng những lực lượng SS và SA (cảnh sát và quân đội riêng của đảng) để tiến hành các cuộc khủng bố tiêu diệt những đối thủ tư tưởng và chính trị. Điều này làm cho các cuộc khủng bố trở nên đặc biệt dã man tàn bạo. Khác với cảnh sát quốc gia, bốn SS và SA không xem khủng bố là thừa hành công vụ, mà như lễ khải hoàn để thể hiện sự cống hiến của bản thân mình cho Đảng Phát Xít, đảng hứa hẹn cho chúng những ưu ái vật chất và chính trị tương lai.

Quyền cai quản các cuộc tập trung cải huấn cũng dành cho SS và SA, chứ không phải là cảnh sát quốc gia. Chúng giữ vai trò này cho đến tận ngày tàn cuối cùng của chế độ quốc xã. Điều đó giải thích tại sao, trong thời gian rất dài, giới cầm quyền Đế Chế 3 có thể giữ được bí mật những tội ác tày đình trong các trại tập trung cải huấn, ít ra là đối với nhân dân Đức (những trại trung cải tạo này được xem như trại cải tạo lao động hay giam giữ tù binh). Không phải ngẫu nhiên mà trong một công văn nào đó, Hex đã công nhận rằng lính SS là đặc biệt cần thiết cho những nhiệm vụ quốc gia quan trọng, vì chúng được giáo dục theo tinh thần tư tưởng quốc xã tốt hơn, so với những bộ phận khác. Đây là những trường hợp điển hình mà những tổ chức của đảng đảm nhận những chức năng quốc gia.

Những chức năng như thế cũng được cả những tổ chức đảng "thuần túy" đảm nhận, đặc biệt là ở cấp Bí Thư Khu Ủy, nơi những nhiệm vụ của đảng và nhà nước giao nhau một cách rõ ràng nhất. Một thí dụ điển hình, ngày 27.3.1942, Zaucel Bí Thư Khu Ủy Tiuringya được bổ nhiệm làm Toàn Quyền Đặc Biệt về vấn đề sử dụng sức lao động - một nhiệm vụ hành chính thuần túy. Và với sự đồng ý của văn phòng Trung Ương Đảng, Zaucel đã bổ nhiệm những Bí Thư Khu Ủy khác làm Toàn Quyền về sử dụng sức lao động trong những vùng tương ứng. Nhiệm vụ của những người này được Zaucel xây dựng như sau: "Đảm bảo sự cộng tác tương hỗ, liên tục giữa những cơ sở nhà nước, đảng, quân đội và kinh tế nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong vấn đề sử dụng sức lao động."

Trong chiến tranh, tất cả những Bí Thư Khu Ủy đều trở thành Toàn Quyền Quốc Phòng Đế Chế và chịu trách nhiệm điều hành nền kinh tế quân sự (theo sắc lệnh đặc biệt ngày 1.9.1939). Về sau, các khu vực (vùng), đều trở thành quân khu và các Bí Thư Khu Ủy trở thành Tổng Chỉ Huy của vùng

tương ứng. Các chính quyền cấp huyện, giữ trách nhiệm kiểm soát giá cả, cũng chịu sự lãnh đạo của Bí Thư Khu Ủy trên danh nghĩa Tổng Chỉ Huy Quốc Phòng. Các Bí Thư Chi Bộ cũng thực hiện những nhiệm vụ mang tính chất chính quyền. Trong sách Hướng Dẫn Tổ Chức có ghi: "Bí Thư Chi Bộ có nhiệm vụ phát hiện tất cả những kẻ có quyền hay tung tin đồn có hại, và báo cáo với Bí Thư Huyện Ủy để vị này thông báo với các cấp chính quyền".

Những việc tương tự cũng diễn ra ở Italia. Sau năm 1923, công an phát xít được thành lập - công an của đảng được trang bị vũ khí của nhà nước và thi hành những nhiệm vụ quốc gia.

E- Thống nhất những tổ chức tạm thời của đảng và nhà nước phát xít.

Trước khi nắm chính quyền, Đảng Quốc Xã đã thành lập lực lượng cảnh sát riêng (SS) và quân đội riêng (SA). Như chúng ta đã biết, những năm đầu SS và SA là những tổ chức của đảng nhưng thi hành những nhiệm vụ quốc gia: tổ chức những vụ khủng bố "kẻ thù của nhân dân và nhà nước", tiến hành các cuộc bắt giam triệt để, tấn công các đảng phái chính trị, kiểm soát những trại tập trung cải huấn, v.v...

Những năm về sau, khi chế độ quốc xã đã bền vững, "Đảng đã trở thành Nhà Nước", những tổ chức này cần được thống nhất với cảnh sát quốc gia để tập trung sức mạnh cho chính quyền.

Ngày 1.3.1933, 50 nghìn lính SS và SA được biên chế cho cảnh sát quốc gia để "củng cố ngành cảnh sát".

Ngày 17.6.1936, Hitler sát nhập Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Đức và thủ lĩnh SS.

Việc sát nhập giữa SA và quân đội có phần khác biệt. Trước đây Đảng Quốc Xã đã sử dụng đội quân này trong nhiệm vụ kiểm soát các đường phố. Vào năm 1934, SA phát triển rất nhanh và đạt tới con số 4,5 triệu. Các sĩ quan SA: Rom, Haincxt, Siretl, C.Ernxt, v.v... muốn SA được sát nhập với quân đội để trở thành chỉ huy của nó. Nhưng điều này đe dọa toàn quyền của các thủ lĩnh chính trị. Họ không an tâm với sức mạnh tiềm tàng của đội quân đông đảo này.

Điều đó gây nên mâu thuẫn giữa các thủ lĩnh chính trị (Hitler, Goring, Gobelx, Himler...) và Ban Lãnh Đạo SA, nên đã trở thành nguyên nhân gây ra sự kiện ngày 30.6.1934 (Đêm Của Những Lưỡi Gươm Dài- ND). Các thủ lĩnh chính trị đã thủ tiêu toàn bộ Ban Lãnh Đạo Quân Sự SA, và đẩy vai trò của đội quân này xuống hàng thứ hai. Từ đó lực lượng SA rơi rớt dần, và đến năm 1940, con số này chỉ còn 1,5 triệu.

Trong chiến tranh, về hình thức SA vẫn là đội quân riêng của Đảng, song thực chất là đã sát nhập với quân đội chính quy. SA tham chiến trong cùng điều kiện với quân đội chính quy, chịu sự chỉ huy của các tướng lĩnh, không còn được hưởng ưu ái và những quyền lợi đặc biệt trước đây. Tạp chí bí mật De Lage của Gobelx viết: "Vào mùa thu năm 1944, quân số SA là 1,7 triệu. Trong đó 1,2 triệu đã được động viên vào quân đội".

Một thí dụ minh họa khác là việc sát nhập giữa SD và Zetapo. Ban đầu SD được thành lập như là một tổ chức mật thám của SS, và sau ngày 4.6.1934 trở thành đội quân đặc biệt của Đảng Quốc Xã; còn Zetapo là tổ chức cảnh sát nhà nước. Ngày 26.6.1936, Haidrex- thủ lĩnh SD được bổ nhiệm là Giám Đốc Cảnh Sát An Ninh, bao gồm Zetapo và mật thám SS.

Năm 1937, tổ chức đối ngoại của Đảng Quốc Xã (AO) cũng được sát nhập vào Bộ Ngoại Giao: "Mối liên quan chặt chẽ giữa AO và Bộ Ngoại Giao cho phép các đại sứ quán Đức kiểm soát được những hoạt động của những công dân Đức sống ở nước ngoài".

F- Nhà nước bảo vệ đảng phát xít.

Kết quả của việc sát nhập bộ máy Đảng và Nhà Nước là Đảng Phát Xít trở thành Nhà nước, thành hạt nhân tổ chức của nhà nước, vì vậy nhà nước cần bảo vệ đảng. Đảng Phát Xít được pháp luật nhà nước bảo vệ. Mọi hành động chống đảng được pháp luật xem như là chống lại nhà nước. Bọn quốc xã ban hành điều luật đặc biệt về những hành vi chống lại nhà nước, đảng và bảo vệ tổ chức đảng. Theo luật này, những người có biểu hiện chống lại Đảng Quốc Xã và giới lãnh đạo Đảng sẽ phải chịu những hình phạt nặng nề, bởi vì do sát nhập giữa đảng và nhà nước, lãnh đạo đảng cũng là lãnh đạo nhà nước; xử tù những người phát ngôn có hại nhằm chống lại chế độ quốc xã.

Có thể hiểu rõ mức độ liên quan mật thiết giữ Đảng Quốc Xã và Nhà Nước, sự quan tâm của các cấp chính quyền nhà nước đối với đảng và quyền lợi của đảng, thông qua một chỉ thị của Martin Borman gửi các cơ sở đảng, trong đó cho phép những cơ sở này có thể sử dụng sự bảo vệ của Zetapo: "Để hiện thực sự liên quan mật thiết giữa các cơ sở đảng và những tổ chức của đảng trong Ban Lãnh Đạo Cảnh Sát Bí Mật Quốc Gia (Zetapo), Phó Thống Lĩnh đề nghị Ban Chỉ Huy Zetapo được mời tham dự tất cả những cuộc mít tinh quan trọng của đảng và các cơ sở đảng."

Một chỉ thị khác yêu cầu các chính quyền nhà nước, đặc biệt là những chính quyền cao cấp, phải giúp đỡ các Bí Thư Khu Ủy trong vấn đề sử dụng sức lao động: "Các cán bộ trong những cơ sở kinh tế nhà nước cao cấp có nghĩa vụ phải giúp đỡ cho các Bí Thư Khu Ủy và thông báo với họ những vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng sức lao động".

Để bảo vệ Đảng Phát Xít không bị các công dân công kích, nhà nước quốc xã theo dõi gắt gao những người làm công tác nghệ thuật. Những nghệ sĩ có tư tưởng chống đối đảng và nhà nước đều bị đuổi khỏi ngành nghệ thuật. Báo Folcser Beobachter, số ra ngày 4.3.1939 thông báo: "Bộ Trưởng Bộ Tuyên Truyền Và Giáo Dục Nhân Dân - Gobelx, thái hời khỏi ngành văn hóa nhà văn Vener Finc, nhà đạo diễn sân khấu Peter Zahe (Curt Pabxt) và Bộ Ba Puland: Xelmut But, Vilelm, Maixner và Marnfred Dlugi Và đồng thời cấm những người này không được công bố tác phẩm của mình ở Đức". Tất cả mọi chuyện cười, tiểu lâm chính trị, nhằm công kích Đảng Quốc Xã và giới lãnh đạo đảng đều gặp sự cản trở của pháp luật. Ngày 20.12.1934, điều luật đặc biệt về sự phản bội trong đảng được ban hành, những kẻ "phản bội" phải chịu những hình phạt nặng nề nhất: trước hết bị khai trừ khỏi

Đảng Quốc Xã thông qua tòa án của đảng, sau đó bị đuổi việc, bị bắt giam vào trại tập trung hoặc bị tử hình, phụ thuộc vào mức độ phạm tội.

Ở Italia, trong thời gian phát xít cầm quyền, cũng tồn tại điều luật đặc biệt bảo vệ Hội Đồng Phát Xít Tối Cao và những thành viên của nó (nghĩa là Ban Lãnh Đạo Đảng Phát Xít).

Những người có biểu hiện chống lại Hội Đồng Phát Xít Tối Cao sẽ bị xử tử hoặc phạt tù khổ sai.

G- Nhà nước trả lương cho bộ máy đảng phát xít.

Nắm quyền điều hành nhà nước, Đảng Phát Xít tự đảm bảo cho mình những khả năng tài chính vô hạn. Nó không chỉ trao vị trí trọng trách cho những đảng viên của mình, mà còn trực tiếp sử dụng ngân sách nhà nước cho những nhu cầu thuần túy của nó: thứ nhất, trả lương cho các cán bộ đảng; và thứ hai, cấp kinh phí cho những hiệp hội và tổ chức của đảng.

Các cán bộ đảng nhận lương như những công chức về những nhiệm vụ mà họ hoàn thành, và bị mất lương nếu như cấp lãnh đạo đảng cao hơn đánh giá là không xứng đáng.

Lương của cán bộ đảng không chỉ cao hơn, so với mức lương lao động trung bình, mà còn cao hơn cả lương của những chuyên gia (kỹ sư, bác sỹ, giáo viên, họa sỹ...), bởi vì đối với chế độ, những người này được xem là có giá trị hơn nhiều so với các chuyên gia; chế độ dựa vào họ chứ không dựa vào các chuyên gia. Do đó về vật chất, các cán bộ đảng được ưu đãi hơn nhiều so với quần chúng nhân dân, họ tách khỏi quần chúng và tạo thành một tầng lớp lãnh đạo xã hội đặc biệt mà ở Đức gọi là "tập đoàn lãnh đạo chính trị" .

Đặc điểm của tầng lớp này không chỉ thể hiện ở chỗ nó lãnh đạo và điều hành đất nước, mà còn ở cách sống tư bản hãnh tiến với khả năng ưu đãi về tài chính. Trong bối cảnh đó, đảng cầm quyền phát xít bị mua chuộc, còn các cán bộ đảng không tránh khỏi trở thành những kẻ quan liêu, gắn bó với ban lãnh đạo đảng nhiều hơn là với tư tưởng của đảng, gắn bó với tài chính của đảng nhiều hơn là với quần chúng đảng viên.

Điều này giải thích một hiện tượng, mới thoát nhìn tưởng như khó hiểu, rằng trong cuộc sống tinh thần phát xít nghiêm ngặt, những người trong giới cầm quyền chớp bu, được quảng đại quần chúng xem như những tấm gương trong sáng về lòng tận tụy: Hitler, Goring, Gobelx, Himler, Rozenberg, Lại.. - sau thất bại của nhà nước quốc xã mới lộ ra mức giàu có khủng khiếp qua những khoản tiền khổng lồ gửi ở nhà băng nước ngoài. Những người đã từng khơi dậy những tình cảm tốt đẹp trong nhân dân và thế hệ trẻ, khơi dậy lòng căm thù trước những biểu hiện lạc loài (không Đức), đã đánh cắp tiền của dân đi gửi ở... nước ngoài, chủ yếu là ở các nhà băng Thụy Điển! Chỉ với việc xuất bản cuốn sách Cuộc Chiến Đấu Của Tôi (Main Kampf), phát hành gần như bắt buộc, Hitler nhận được 4 triệu Dola vào thời kỳ đầu chiến tranh; Gobelx có tài sản ở nước ngoài trị giá 4,6 triệu Dola; Himler có khoảng 6 triệu; người giàu có nhất trong giới cầm quyền chớp bu là Goring, với những biệt thự và

lâu đài nguy nga, với nhà tắm lát bằng vàng tẩm.

Đương nhiên, ngân sách của đảng không phải là nguồn làm giàu duy nhất cho bộ máy lãnh đạo.

Cùng với ngân sách của Đảng Công Nhân Quốc Xã, bọn này còn có những vị trí, trọng trách nhà nước tại những cơ sở công- nông nghiệp then chốt, những cơ sở mà vì vai trò đặc biệt của Đảng Phát Xít cần phải có đại diện được trả lương của đảng. 78 vị trí trong các Ban Quản trị và Cố Vấn quan sát của 24 tập đoàn công nghiệp lớn nhất đều do các thành viên phát xít chiếm giữ.

Nắm trong tay một vài trọng trách đảng, nhà nước cộng với vị trí đại diện danh dự cho một tập đoàn kinh tế nào đó, cho phép bọn chớp bu phát xít làm giàu nhanh chóng. Điều này chỉ đặc trưng cho giới lãnh đạo lớn, hơn là các cán bộ đảng cấp thấp. Khi công ty công nghiệp lớn nào đó chọn cán bộ đảng, để đại diện cho quyền lợi của nó trước đảng và nhà nước phát xít, lẽ đương nhiên nó cần những cán bộ cao cấp hơn cán bộ bình thường. Bởi thế trong vấn đề tài chính, giới lãnh đạo đảng chớp bu và những Bí Thư Khu Ủy được ưu ái hơn hết.

Trong vấn đề này càng thể hiện rõ nét bản chất ăn bám của đảng phát xít. Song song với bộ máy nhà nước, bộ máy đảng- bộ máy trên nhà nước (ở Đức, con số này vào khoảng 800 ngàn người) cũng được thành lập như chỗ dựa xã hội của chế độ. Vì ngay từ đầu đã không có những nhiệm vụ cụ thể, bộ máy ăn bám này hoạt động tích cực một cách giả tạo bằng cách tổ chức những cuộc diễu binh, mít tinh, diễu hành, tuần hành dân chủ, tưởng niệm những địa danh có các chiến sĩ phát xít hy sinh, các chuyến bay tập thể, các cuộc thi thể thao, quân sự, những ngày hội dân tộc, làm tổn hại rất nhiều cho ngân sách nhà nước. Chỉ cần dẫn chứng ra đây "những ngày hội" của Đảng Quốc Xã tại "Thủ Đô Đại Hội" - Nuernberg. Trong suốt cả tuần lễ, Đảng Quốc Xã phải chịu toàn bộ phí tổn về tàu, xe, ăn, ở... cho hàng trăm ngàn người đến từ mọi miền đất nước.

Nếu như ở nền dân chủ tư sản có nguyên tắc cơ bản: "Ai có tiền, người đó có quyền lực", thì tại chế độ phát xít- hoàn toàn ngược lại: "Ai có quyền lực, kẻ đó có tiền", và "quyền lực càng lớn, thì tiền càng nhiều".

Điều này giải thích nguyên nhân tranh giành quyền lực điên loạn của các cán bộ đảng và nhà nước, khác xa với cách nhìn nhận về quyền lực tại các nước tư sản dân chủ. Ở các nước này, những người làm chính trị có tài sản riêng (nhà máy, hãng, công ty...), bởi thế, về mặt tài chính họ không phụ thuộc vào nhà nước và không phải bao giờ cũng liên quan chặt chẽ đến quyền lợi nhà nước, còn với đảng quốc xã và bộ máy lãnh đạo của nó, thì nhà nước là nguồn thu nhập quan trọng duy nhất. Như vậy đảng phát xít, và đúng hơn bộ máy lãnh đạo đảng, đã biến nhà nước thành công cụ để cùng nhau bóc lột xã hội và nền kinh tế quốc dân.

Chế Độ Phát Xít

Cấu trúc của một nhà nước phát xít

Phần I(b)

2- Đảng phát xít - "Nhà nước của nhà nước".

Quá trình sát nhập giữa đảng và nhà nước diễn ra sâu sắc và triệt để đến mức, sau khi kết thúc, không còn có thể phân biệt được đảng bắt đầu từ đâu và nhà nước kết thúc ở đâu. Các tổ chức nhà nước mang trong mình linh hồn đảng, còn những tổ chức đảng thì mang tính chất nhà nước, quốc gia và cảnh sát quan liêu. Như C.M. Xlobod đã nhận xét, đảng Phát Xít Italia đã phải trả giá quá đắt cho mối quan hệ thân thuộc với nhà nước. Nó đánh mất cái vỏ ngoài của một đảng chính trị và trở thành một tổ chức quan liêu sơ đẳng: "Đồng thời với quá trình phát xít hóa bộ máy nhà nước là quá trình nhà nước hóa đảng phát xít, biến đảng này thành một tổ chức nửa vờ, ngày càng dựa vào bộ máy quan liêu và lực lượng vũ trang như chính quyền nhà nước."

Nhưng không phụ thuộc vào việc sát nhập này, đảng phát xít vẫn giữ vai trò là đảng độc quyền, tự hình thành như cơ quan cao cấp, đứng trên nhà nước. Như vậy đảng phát xít mang ý nghĩa "nhà nước của nhà nước" chỉ huy và kiểm soát nhà nước. Hitler đã từng hài lòng tuyên bố: "Không phải nhà nước ban hành sắc lệnh cho chúng ta, mà là chúng ta ban hành sắc lệnh cho nhà nước." Rõ ràng nhà nước không có quyền điều hành đảng phát xít.

Tại đại hội đảng ở Niurnberg vào năm 1937, P. Lai đã nêu thành công thức về mối quan hệ giữa Đảng Công Nhân Quốc Xã và nhà nước như sau: "Đảng quyết định, còn Nhà nước thực hiện các biện pháp về hành chính."

Với sắc lệnh về các công sở dân sự Đức ban hành ngày 26.1.1937, Đảng Quốc Xã có quyền gián tiếp kiểm tra mọi công việc của các cơ quan nhà nước. Và, từ ngày 30.9.1938, các cán bộ lãnh đạo cao cấp của đảng được quyền kiểm tra công tác của các tổ chức tòa án. Điều này đã được thực hiện ngay từ những ngày đầu của chính quyền quốc xã và giờ đây được pháp luật hóa.

A. Đảng phát xít đứng trên pháp luật nhà nước.

Trong chế độ độc tài, vai trò đặc biệt của đảng phát xít không chỉ được thể hiện ở sự chuyên chính độc tài và quyền kiểm soát nhà nước, mà còn ở chỗ mọi luật lệ nhà nước không có hiệu lực đối với đảng và các đảng viên. Trong chế độ quốc xã, các đảng viên không thể bị xét xử tại các tòa án dân sự thông thường. Khi phạm tội, trước hết đảng viên cần phải được "Tòa án Đảng" khai trừ khỏi Đảng, sau đó mới chuyển giao cho tòa án quốc gia xét xử như một tội phạm thông thường của Đế Chế Đức Tam. Các thành viên SS cũng không thể bị xét xử ở những tòa án quân sự, mà phải xử theo luật của

Bộ Chỉ Huy SS.

Theo Chỉ Thị được Phó Thống Lĩnh ban hành ngày 17.2.1934, các tòa án đảng "có mục đích giữ gìn sự trong sạch cho đảng và các đảng viên, và nếu cần thiết có thể gạt bỏ công khai những ý kiến phản kháng của các đảng viên... Các tòa án đảng chỉ tuân theo sự chỉ đạo quốc xã và không thuộc quyền bất cứ lãnh tụ chính trị nào; chúng chỉ thuộc quyền của Thống Lĩnh.

Nói cách khác, những đảng viên Đảng Công Nhân Quốc Xã và thành viên SS được đặt trên các tòa án dân sự, không phụ thuộc vào chúng và có thể thay đổi những văn bản tuyên án chúng. Hiện tượng phổ biến là xóa án cho bọn tội phạm có công lao với chế độ, hoặc các bản tuyên án bị những cơ sở đảng cao cấp sửa đổi.

Những kẻ giết người Do Thái năm 1938 được tha bổng, với lời biện bạch: "Trong trường hợp giết người Do Thái có chủ ý hay không có chủ ý thì vẫn bị xem là không có tội. Tận đáy lòng mình, những người này đã tin tưởng rằng bằng hành động đó họ đã thể hiện nguyện vọng phục vụ Thống Lĩnh và Đảng."

Những đảng viên quốc xã phạm tội đều được ân xá: "Vào năm 1935, một số cai ngục trong trại tập trung cải huấn Hohstain, bị buộc tội đối xử tàn nhẫn với tù nhân. Những cán bộ quốc xã cao cấp đã thử gây áp lực với các quan tòa, nhưng sau khi xem xét, Hitler đã tha bổng tất cả ..."

Việc đình chỉ không xét xử những tội ác do các thành viên SS, SA, và Zetapo gây ra được biện bạch như sau: "Vì những hành vi này không phát xuất từ những mục đích thấp hèn, mà ngược lại, chúng thể hiện lòng yêu nước cao cả và giúp cho sự phát triển của nhà nước quốc xã, việc đình chỉ vụ án không nên xem như những trường hợp bình thường trong khi vận dụng pháp luật."

Những vụ giết người, cướp của và phá hoại trong thời gian các chiến dịch bài trừ Do Thái vào năm 1938, được Zetapo, các tổ chức đảng, các Bí Thư Khu ủy, và các lãnh đạo chính trị cao cấp điều tra và kết luận như sau: "Trong các trường hợp này, khi người Do Thái bị giết không có lệnh hoặc theo lệnh, đều không phát hiện thấy những nguyên nhân xuất phát từ bản tính man dại" Và mục đích của quá trình điều tra, do "Tòa án Đảng" tiến hành này là nhằm: "Để bảo vệ những đồng chí đảng viên đã hành động xuất phát từ những tình cảm và tư tưởng quốc xã cao đẹp nhất."

Trong đoạn trích dẫn sau cùng này thể hiện rõ ràng tính chất đặc biệt cơ bản về luật lệ trong chế độ độc tài: đảng phát xít đứng trên mọi luật lệ nhà nước, các thành viên và tổ chức đảng không bị pháp luật ràng buộc. ở đây, tòa án không có gì khác hơn là cơ quan trực thuộc của đảng phát xít, có nghĩa vụ phải thi hành nguyện vọng của đảng: thứ nhất, các quan tòa đều là đảng viên; thứ hai, tòa án không có cơ quan án soát độc lập với nhà nước và đảng.

Tất nhiên đôi khi, trong những tổ chức "Tu Pháp" có thể có cả những thành viên không đảng phái, song điều đó hoàn toàn không làm thay đổi vấn đề. Những người như thế thường còn tỏ ra cố gắng hơn bọn quốc xã chính hiệu, và về sự cống hiến của họ, đối với chế độ, được thể hiện bằng những

hành động còn dã man hơn.

Một "cán bộ lãnh đạo đảng có trọng trách" (Bí thư Khu Ủy hoặc Bí Thư Tỉnh Ủy) có thể gây ảnh hưởng hay đình chỉ vụ án, đặc biệt là sau năm 1938. Nếu bị can là đảng viên phát xít có nhiều thành tích đối với đảng, và nếu lãnh đạo đảng thấy bị can cần phải được ân xá, họ thường chỉ đọc lời tuyên án cho quan tòa qua điện thoại. Ở đây, Tính Khách Quan không có gì khác hơn là "ảo ảnh của quyền tự do hình thức." Trước tiên người làm công tác pháp lý cần phải ghi nhớ lời của Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp Cerl: "ảo ảnh của quyền tự do hình thức là, các đồ đệ của công lý cần phải khách quan. Giờ đây chúng ta đã chạm đến cội nguồn của sự khác biệt giữa dân tộc và pháp lý, và về sự khác biệt này, bao giờ pháp lý cũng có sai lầm. Bởi vì, thế nào là khách quan trong cuộc đấu tranh sinh tồn của dân tộc? Vì lý do này, ta cần tự hiểu rằng pháp lý của một dân tộc đang đấu tranh giữa cái sống và cái chết, không thể dựa trên tính khách quan chết chóc. Mọi luận điểm của quan tòa, công tố viên và luật sư cần phải được xác định triệt để trên một quan điểm.

Không có khách quan vô nguyên tắc- dấu hiệu của trì trệ, xa lạ và khác biệt với dân tộc, mọi biểu hiện của tập thể và cá nhân cần phải phục vụ cho những hy vọng của nhân dân và dân tộc."

Đây là những nguyên tắc cơ bản của pháp lý tại các nhà nước phát xít - Tính Khách Quan tội lỗi và sự biến đổi của nó dưới ảnh hưởng của hệ tư tưởng phát xít.

Đoạn trích dẫn trên, dù sao, cũng mới phản ánh vấn đề này trong giai đoạn đầu chế độ quốc xã, khi nguyên tắc khách quan, trong nhận thức đa phần của bọn quốc xã, gắn liền với yêu cầu "lịch sử", với những mục tiêu vĩ đại của "cuộc cách mạng." Vào những ngày cuối cùng của Đế Chế, yêu cầu tối thiểu này đối với mọi cơ quan tư pháp càng trở nên quý quýet và tráo trở. Trong lời giới thiệu cho tạp chí Dax Raix (tạp chí lý luận của Gobelx) vào năm 1942 có viết: "Người quan tòa càng thâm nhuần tư tưởng quốc xã bao nhiêu, thì càng tuyên án khách quan và công bằng bấy nhiêu."

B - Tư tưởng của đảng quốc xã trở thành hệ tư tưởng chính thức của nhà nước.

Thật ngây thơ nếu nghĩ rằng sự thống nhất của đảng phát xít và nhà nước chỉ dừng lại ở việc chỉ sát nhập bộ máy đảng và nhà nước. Thực chất, sự thống nhất này mang nội dung sâu rộng hơn nhiều và bao hàm cả lĩnh vực tư tưởng. Tư tưởng của đảng Quốc Xã, nhằm xây dựng nhà nước theo kiểu đồng mẫu đồng dạng với nó, được chuyển giao cho nhà nước và trở thành tư tưởng quốc gia. Điều này cũng giống như lá cờ của Đảng Công Nhân Quốc Xã trở thành quốc kỳ nước Đức.

Đảng Quốc Xã là một đảng độc quyền. Vì vậy tư tưởng của nó không có gì khác hơn là tư tưởng độc quyền, hủy diệt mọi sự cạnh tranh của những quan điểm và những tư tưởng khác nó. Và sự thống trị hợp pháp của chủ nghĩa phát xít về tư tưởng không tránh khỏi chuyển thành cuồng tín và mê muội. Hitler tuyên bố: "Khi theo đuổi những mục đích đã định, cần phải tiêu diệt những kẻ cản trở."

Gobelx cũng khai phủ nhận mọi tư duy khác với tư duy quốc xã: "Những người quốc xã chúng ta khẳng định, chúng ta có quyền. Do đó chúng ta không thể cho phép kẻ nào đó tự xem là đúng đắn,

bởi vì điều đó có nghĩa: người này phải là quốc xã, và nếu người đó không phải là người quốc xã, thì không thể đúng."

Để hủy diệt mọi tư tưởng khác và thiết lập sự thống trị tuyệt đối cho hệ tư tưởng của mình, nhà nước phát xít sử dụng những công cụ khủng bố đặc biệt. Nó dùng cả khủng bố thể chất và trại tập trung cải huấn. Đây là dấu hiệu cơ bản của chủ nghĩa phát xít trong tư tưởng. Chỉ ở nhà nước phát xít, mới tồn tại hiện tượng có một không hai trong thế kỷ 20 - giam người ở trong trại tập trung cải huấn chỉ vì người ta nghĩ khác nhà nước phát xít, thậm chí kể cả khi người ta không thể hiện công khai điều đó (cái gọi là "bắt giam triệt để"). Nhà nước độc tài không thể cho phép những công dân "suy nghĩ khác biệt" được tồn tại tự do (nghĩa là ở ngoài trại tập trung). Trên quan điểm nhà nước, nhằm đạt được sự thống trị tư tưởng triệt để, những người này là mối đe dọa thực tế, bởi vì họ tung ra những dư luận có hại, làm "ảnh hưởng đến tinh thần" của nhân dân, làm mai một sự thống nhất chính trị của "nhân dân", làm lung lay niềm tin của họ đối với sự đúng đắn của sự nghiệp phát xít và sự thông thái của lãnh tụ.

Chúng ta không nên quên rằng nhà nước phát xít là một hệ thống tập trung liên tục và nghiêm ngặt, mọi bộ phận riêng lẻ liên quan chặt chẽ với nhau, và không thể chấp nhận những lệch pha trong quá trình hoạt động. Chỉ cần một chi tiết không hài hòa với hệ thống có thể dẫn đến sự đổ vỡ tổng thể. Thí dụ, chỉ cần có sự tự do in ấn cũng đủ để cho hệ tư tưởng phát xít phá sản, hay tự do bầu cử sẽ phá vỡ toàn bộ hệ thống chính trị. Đôi khi một phiên tòa công khai cũng làm lung lay đáng kể nền móng của chế độ này.

Vì sự ràng buộc và phụ thuộc tương hỗ đặc biệt nghiêm ngặt giữa các bộ phận, chế độ độc tài phát xít trở nên rất mẫn cảm đối với cả những biến đổi nhỏ nhất. Vì vậy nó phản ứng một cách tàn bạo. Đây là lý do tại sao chế độ độc tài phát xít không thể chấp nhận và theo dõi gắt gao những người có suy nghĩ và hành động tự do. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến lòng căm thù man dại đối với tư tưởng tự do của nền dân chủ tư sản truyền thống được thể hiện trong tất cả những tác phẩm và công trình của các nhà tư tưởng và lý thuyết phát xít. Chế độ phát xít căm thù nền dân chủ tư sản vì nó chấp nhận cái mà đối với chế độ phát xít là vô cùng nguy hiểm: sự khoan nhượng.

Nhà nước phát xít có thể không do bọn phân biệt chủng tộc hay bọn bài Do Thái lãnh đạo, như ở Italia và một vài dạng nhà nước phát xít khác - đó không phải là điều bắt buộc - nhưng nó cần phải căm thù tính đa quan điểm và sự khoan nhượng của chủ nghĩa tự do như một tư tưởng. Thiếu cái đó, nó không thể tồn tại.

Khi nhấn mạnh sự cần thiết của bảo thủ trong lĩnh vực tư tưởng, Hitler tuyên bố: "Một tư tưởng nếu không muốn bị hủy diệt thì bắt buộc phải trở thành bảo thủ, nghĩa là bảo vệ tính đúng đắn của những quan điểm và chỉ thị của mình trong mọi hoàn cảnh... Ngày nay có một số người không muốn hiểu

sự cần thiết của bảo thủ quốc xã, nhưng trên thực tế đó là nhận thức về trách nhiệm."

Để thiết lập sự thống trị tuyệt đối tư tưởng của mình trong nhà nước, đảng phát xít tiến hành hàng loạt những biện pháp: thứ nhất, với việc hủy diệt những đảng phái khác, đảng phát xít đồng thời tiêu diệt cả những hệ tư tưởng của chúng; thứ hai, kiểm soát tất cả những phương diện tuyên truyền của xã hội và nhà nước (diễn đàn, phim ảnh, nhà hát, phát hành sách..."; thứ ba, tuyên truyền cho hệ tư tưởng phát xít bằng mọi phương tiện và biện pháp; thứ tư, kiểm soát hệ thống giáo dục từ mẫu giáo cho đến năm học cuối cùng trong trường đại học; thứ năm, cách ly hệ tư tưởng quốc gia để các hệ tư tưởng khác không thể xâm nhập được.

Với mục đích hủy diệt mọi hệ tư tưởng khác và thiết lập sự thống trị tuyệt đối cho hệ tư tưởng của mình trong nhà nước, đảng phát xít kết hợp chặt chẽ với những tổ chức quần chúng quốc gia tiến hành những chiến dịch sâu rộng, nhằm tiêu hủy những tác phẩm văn học dân chủ tiến bộ, tẩy chay những truyền thống dân tộc dân chủ của nền văn hóa đi ngược lại tinh thần độc tài phát xít.

Trong cuộc tranh giành sự thống trị tư tưởng toàn diện, đảng phát xít còn đi xa hơn nữa. Nó giải tán tất cả những tổ chức tôn giáo, thậm chí cả những tổ chức lành mạnh nhất, không liên quan gì đến chính trị, nếu những tổ chức này chứa trong mình khả năng nào đó, mà trong những điều kiện xác định, có thể sinh ra những tư tưởng hoặc quan niệm khác với tư tưởng của đảng phát xít.

Đảng phát xít, đặc biệt là Hitler rất căm thù đạo Thiên Chúa Tại biệt thự của mình ở tại Oberzalberg, Hitler đã từng tâm sự với những người thân cận: "Chúng ta có nỗi bất hạnh vô bờ là mang một tôn giáo sai lầm. Tại sao chúng ta không có thứ tôn giáo như những người Nhật Bản, xem việc hy sinh cho tổ quốc là trên hết? Thậm chí cả đạo Hồi vẫn còn tốt cho chúng ta hơn là Thiên Chúa Giáo, với sự nhần nhục rõ rệt của nó."

Ban lãnh đạo quốc xã tổ chức tấn công nhà thờ Thiên Chúa một cách hệ thống. Trong tài liệu mật của Văn Phòng Trung Ương Đảng, vào tháng 6.1941 M. Borman viết: "Cần phải cách ly hơn nữa giữa nhân dân với nhà thờ và những tổ chức của nó- các mục sư... Không thể để nhà thờ tiếp tục gây ảnh hưởng tới nhân dân và lãnh đạo họ. Ảnh hưởng này cần phải hủy diệt triệt để và mãi mãi. Chỉ có chính phủ, đảng, các cơ sở và tổ chức của đảng mới có quyền lãnh đạo nhân dân."

Tên trùm quốc xã này không chấp nhận để các mục sư giáo dục và dạy bảo nhân dân, hoặc đơn giản là làm ảnh hưởng đến cấu thành tinh thần của họ. Điều này đối với Borman là đi ngược lại sự thống trị tư tưởng của đảng, được xem như một tiên đề. Cần phải nói rằng, chỉ có phát xít Đức mới tấn công nhà thờ Thiên Chúa. Phát xít Italia và Tây Ban Nha không tấn công tôn giáo, mặc dù ở đây nhà thờ và thế giới tinh thần cũng có những vấn đề về giáo dục thế hệ trẻ. Đó là điểm riêng biệt của phát xít Đức, thể hiện một trong những khía cạnh đặc trưng của chế độ độc tài - tham vọng về thống trị tinh thần tuyệt đối, điều mà cả phát xít Italia và Tây Ban Nha đều mong muốn, nhưng các nước này không bao giờ đạt được trường hợp lý tưởng như của Đức, vì ở Italia và Tây Ban Nha, đạo Thiên

Chúa là bá chủ duy nhất, không thể chia cắt.

Đương nhiên cuộc tấn công tôn giáo của đảng quốc xã dù tàn bạo đến đâu cũng không bao giờ đạt được chủ nghĩa vô thần, bởi vì không một nhà nước phát xít nào có thể hủy diệt được toàn bộ niềm tin. Chống lại tư tưởng Thiên Chúa, nhà nước phát xít nhằm mục đích nhồi nhét một thứ tư tưởng khác - tư tưởng quốc xã của đảng phát xít.

Ý nghĩa của cuộc tấn công tôn giáo này không phải nhằm hủy diệt niềm tin trong nhận thức và tư duy, mà là thay thế niềm tin này bằng một niềm tin khác. Chủ nghĩa vô thần thực sự đồng nghĩa với tự do suy nghĩ, trao quyền tự do tinh thần không hạn chế cho các cá thể, điều mà các nhà nước phát xít không bao giờ có thể cho phép.

III. Đồng hóa toàn bộ đời sống xã hội

Trong những điều kiện của nhà nước độc tài, khái niệm "đồng hóa" không đơn giản chỉ là đồng nhất đời sống xã hội bằng cách tiêu chuẩn hóa nền kinh tế quốc dân. Ở đây muốn nói đến sự đồng nhất, nhờ đó quyền kiểm soát của đảng đối với nhà nước và tiếp theo - đối với xã hội được thiết lập. Đây là sự đồng nhất chính trị, thông qua đó đảng phát xít phân chuyển quyền thống trị của mình trên mọi lãnh vực xã hội: nghệ thuật, văn học, thị hiếu, thú vui... thậm chí cả những vấn đề nội bộ của từng gia đình - những lĩnh vực mà ở nền dân chủ truyền thống nằm ngoài khuôn khổ kiểm soát của nhà nước và các đảng phái chính trị.

Sự đồng hóa bao gồm - chúng ta hãy đọc hồ sơ của tòa án Nuernberg - "quyền lực... của đảng được trải khắp trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và cá nhân. Đảng lãnh đạo nhà nước, đảng lãnh đạo các lực lượng vũ trang, đảng lãnh đạo tất cả mọi cá nhân trong nhà nước. Đảng hủy diệt mọi tổ chức, mọi nhóm và mọi cá nhân không chấp nhận sự lãnh đạo của thống lĩnh".

(84-570)

Sự đồng hóa bắt đầu trước tiên ở lĩnh vực chính trị thuần túy bằng cách bãi bỏ mọi hình thức tự trị địa phương và chủ nghĩa liên bang. Toàn quyền nằm trong tay chính quyền tập trung đảng - nhà nước, biến bộ máy lãnh đạo ở địa phương thành công cụ sai khiến, thi hành mọi mệnh lệnh cấp trên giao.

Valter Fric, Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ đầu tiên trong chính phủ Hitler, trong một bài báo năm 1935 đã viết:

"Mối quan hệ giữa Đế Chế và các tỉnh lẻ giờ đây được xây dựng trên những nguyên tắc mới mẻ, chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc Đức. Chính phủ Đế Chế có quyền lực vô biên. Không chỉ riêng quyền lực mà cả nghĩa vụ của chính phủ cũng trở thành của Đế Chế. Từ nay về sau chỉ còn tồn tại duy nhất một uy tín dân tộc - Đế Chế. Như vậy, Đế Chế Đức trở thành một nhà nước đồng nhất, và toàn bộ cơ cấu hành chính ở tỉnh lẻ chỉ còn thi hành theo mệnh lệnh của Đế Chế hay trên danh nghĩa Đế Chế. Biên giới giữa các tỉnh chỉ mang tính chất hành chính, hoàn toàn không bảo vệ chủ quyền

cho các tỉnh này.

Với quyết tâm không gì lay chuyển nổi nhằm bảo vệ nhân dân Đức, chính phủ Đế Chế luôn luôn đi theo ước vọng ngàn đời của dân tộc Đức - thiết lập nhà nước quốc xã đồng nhất." (89-69)

Bãi bỏ quyền tự trị địa phương - bước đồng nhất chính trị đầu tiên của chính quyền nhà nước - cũng được thể hiện rõ nét ở Italia.

Bọn phát xít nắm được những yếu điểm của quyền tự trị địa phương để xóa bỏ nó; đồng thời xây dựng hệ thống chính trị tập trung nghiêm ngặt của mình. Những yếu điểm này gồm: Quyền tự trị địa phương khiến chúng mâu thuẫn với chính quyền tập trung, do đó "địa phương và nhà nước xem nhau như kẻ thù." (112-79); Quyền tự trị địa phương gây nên những cuộc tranh chấp ngấm ngấm xung quanh việc bầu thị trưởng và các cố vấn khác, biến bầu cử từ công cụ thành mục đích.

Nói cách khác, quyền tự trị địa phương cản trở nhà nước hoạt động linh hoạt, mà mọi việc chỉ được thực hiện bởi "cán bộ nhà nước có năng lực và trong sạch (!), chịu sự chỉ đạo và kiểm soát trực tiếp của chính quyền nhà nước." (112-77)

Tất nhiên bọn phát xít hủy diệt được quyền tự trị địa phương, không phải vì đã làm cho các địa phương hiểu rõ tính ưu việt của chính quyền tập trung, mà vì trước đó sự thống trị chính trị của đảng phát xít đã được thiết lập ở khắp nơi (bằng cách hủy diệt các đảng phái khác) và do đó chúng có quyền tự do làm theo ý mình.

Bằng sắc luật ban hành ngày 4.2.1926, đảng phát xít thông qua chính phủ Muxolini hủy diệt mọi quyền tự trị của các địa phương và biến chúng thành những chi nhánh của chính quyền nhà nước tập trung, cũng như trước đây nó đã làm như thế đối với chính phủ và nghị viện; đồng thời xây dựng nhà nước phát xít đồng nhất, tác động chính xác đến từng mắt xích theo ý muốn của đảng này.

Một khi đạt được điều đó, đảng phát xít tiếp tục đồng nhất toàn bộ xã hội. Muxolini đã nói về vấn đề này như sau: "Chính quyền cần thống nhất và duy nhất. Nếu không như thế, nhà nước sẽ bị tan rã... nghĩa là phủ nhận một trong những kết quả thắng lợi to lớn nhất của sự nghiệp phát xít: phấn đấu cho một quốc gia hùng mạnh, lâu bền và uy tín, làm cho nó thống nhất tuyệt đối như một nhà nước phát xít thực sự. Sau cách mạng, đảng ta và các cơ sở đảng trở thành vũ khí sáng tạo và là một trong những nguyện vọng của nhà nước ở trung ương, cũng như ở các tỉnh lẻ." (112-78)

Quá trình đồng hóa bắt đầu trong lĩnh vực chính trị và tiếp diễn theo hai hướng: trong cuộc sống tinh thần của xã hội và trong nền kinh tế quốc dân. Nhưng vì những điều này được tiến hành dựa trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức và tư tưởng của đảng phát xít, do đó trước tiên chúng ta cần nghiên cứu cấu trúc và những nguyên tắc của đảng này. Việc nghiên cứu này là chìa khóa giúp chúng ta đi sâu tìm hiểu quá trình đồng hóa độc tài.

1. Vai trò của đảng quốc xã.

Ngay từ đầu, Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức đã được xây dựng với mục đích điều hành nhà nước và đời sống xã hội. Trong điều lệ đảng ghi rõ: "Chúng ta xây dựng sự lãnh đạo của đảng trên cơ sở lãnh đạo chính trị nhà nước." (89-19). Đảng quốc xã công khai đồng nhất bản thân mình với dân tộc Đức và những quyền lợi dân tộc: "Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức thể hiện quan điểm chính trị, nhận thức chính trị và nguyện vọng chính trị của dân tộc Đức. Quan điểm chính trị, nhận thức chính trị và nguyện vọng chính trị này được tỏ rõ trong nhân cách của Thống Lĩnh. Trên cơ sở những chỉ thị của Thống Lĩnh và kết hợp với cương lĩnh của Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức, các cơ quan lãnh đạo Đế Chế xác định mục đích chính trị của nhân dân Đức. Các cán bộ lãnh đạo Đế Chế, nghĩa là các thủ lĩnh của đảng, nắm giữ huyết mạch những tổ chức của nhân dân Đức và các huyết mạch này quy tụ với những huyết mạch của các cơ quan cao cấp nhà nước." (89-11)

Để có thể thực hiện được sự lãnh đạo này, đảng phải mang hình thức một tổ chức tập trung nghiêm ngặt, trong đó mọi thành viên giữ vai trò như một người lính thi hành vô điều kiện mệnh lệnh của cấp trên. Điều lệ đảng ghi rõ: "Cơ sở tổ chức của đảng là nguyên tắc tập trung". Tham gia đảng là đặt quyền lợi của đảng lên trên quyền lợi cá nhân. Cương lĩnh của đảng là giáo lý, không thể nghi ngờ hay công kích; vào đảng là để phấn đấu hết sức mình cho đảng. "Cương lĩnh này - điều lệ đảng viết - cần phải xem như giáo lý của đồng chí. Nó đòi hỏi sự phục tùng toàn diện cho phong trào quốc xã... Phục vụ cho phong trào là đúng đắn và cũng là phục vụ cho nước Đức." (89-25). Và tiếp theo, cũng trong điều lệ: "Thống lĩnh sáng lập Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức. Người đã cống hiến cho đảng tinh thần, nguyện vọng của mình, và với sự giúp đỡ của đảng, ngày 3.1.1930, Người đã giành được chính quyền. Nguyện vọng Thống Lĩnh là tối cao trong đảng". (89-28)

Đảng Quốc Xã là trường học về sự phục tùng. Người đảng viên tốt nhất là người phục tùng và thi hành vô điều kiện mệnh lệnh của cấp trên. Lòng tận tụy đối với đảng là phẩm chất cơ bản trong việc thăng cấp cán bộ. "Chỉ có những người đã trải qua trường học phục tùng của đảng mới xứng đáng giữ những vị trí lãnh đạo cao cấp. Chúng ta chỉ cần những cán bộ lãnh đạo biết tự nâng mình lên. Tất cả những lãnh đạo chính trị không đáp ứng được yêu cầu này cần phải từ chức hoặc phải bỏ nhiệm xuống những cương vị như Bí Thư Chi Bộ, Bí Thư Đảng Bộ để học hỏi thêm." (89-392)

Sự thật là, về hình thức, Đảng Quốc Xã được xây dựng trên nguyên tắc tự nguyện, không ai bắt buộc phải tham gia vào đảng, và điều này được ghi rõ trong điều lệ. Nhưng với sự sát nhập giữa đảng và nhà nước, đảng trở thành một tổ chức quốc gia, chi phối số phận của mọi công dân; đảng chia quyền, chia ân huệ, và nguyên tắc trên, vì thế mà bị phá vỡ hoàn toàn. Vấn đề chỉ riêng các đảng viên mới có thể trở thành công chức của nhà nước quốc xã đã khiến hàng loạt quần chúng phải vào đảng, và những ai đã vào rồi thì không thể bỏ được nữa. Bị khai trừ khỏi đảng là vô cùng nguy hiểm, còn hơn cả khi không tham gia sinh hoạt đảng. Vì sự ràng buộc chặt chẽ giữa đảng và nhà nước, "bị khai trừ khỏi đảng cũng đồng thời mất luôn phương tiện để tồn tại." (89-392)

Những công chức đảng viên phải chịu hai tầng áp bức: từ phía cán bộ đảng và từ phía các thủ trưởng hành chính, cũng là đảng viên và có quan hệ mật thiết với Ban lãnh đạo đảng.

Đây là một trong những trường hợp cụ thể, khi đảng phát xít độc quyền sát nhập với bộ máy nhà nước, trở thành một tổ chức quân sự quan liêu, loại bỏ nguyên tắc tự nguyện và không còn là một đảng chính trị theo ý nghĩa đặc trưng của từ này. Bởi vì mọi đảng phái chính trị đều phải dựa trên nguyên tắc tự nguyện và quan điểm; Một đảng, thành lập với ý đồ lãnh đạo nhà nước, không thể không chấp nhận những nguyên tắc muôn thuở của nhà nước: quan liêu, tập trung quan liêu, uy tín, bảo thủ, cưỡng ép và khủng bố.

Đây cũng là bối cảnh mâu thuẫn của đảng phát xít trong những điều kiện của nhà nước độc tài. Về hình thức, trong điều lệ, đảng được xây dựng trên một thứ nguyên tắc - tự nguyện, còn nguyên tắc trong cuộc sống và tinh thần nội bộ của đảng lại hoàn toàn khác, thậm chí đối ngược. Theo điều lệ, vào đảng là tự nguyện, còn trên thực tế là bắt buộc. Bởi vì muốn có vị trí xác định trong công sở nhà nước thì bắt buộc vào đảng. Phẩm chất công tác, khả năng, bậc thợ còn đứng sau một yêu cầu căn bản: có phải là đảng viên không?

Trong chế độ phát xít, do việc sát nhập với nhà nước, đảng cầm quyền đánh mất cả những tàn dư dân chủ cuối cùng trong cuộc sống nội bộ, trở thành một tổ chức cảnh sát quân sự, giải quyết mọi mâu thuẫn bằng nhà tù và tử hình. Trong đảng không còn tranh luận, bàn bạc chính trị, nguyện vọng công khai, mà chỉ có sự thống nhất mù quáng, sự phục tùng đồng loạt câm lặng, do thám và tố cáo lẫn nhau. Thay cho dân chủ là bè phái chính trị, thay cho công khai là mờ ám. Đảng trở thành hội những người chung ý nghĩ, cùng một tư duy, vì họ không dám nghĩ.

Vì lý do này, Ban lãnh đạo đảng không bao giờ bị thay đổi theo nguyện vọng và ý muốn của quần chúng đảng viên - một điều bình thường đối với một đảng chính trị. Trong lịch sử của chủ nghĩa phát xít, chưa từng có trường hợp nào mà các đảng viên có thể lật đổ Ban lãnh đạo đảng và thay thế bằng những người mới. Nếu có sự biến đổi nào đó trong thành phần Ban lãnh đạo thì thường là do cấp trên tiến hành. Mọi ý đồ thay đổi lãnh đạo bị giới cầm quyền chóp bu xem như dấu hiệu thiếu tin tưởng, làm lung lay nền móng của đảng và bị trừng phạt dã man. Giới cầm quyền chóp bu nắm giữ mọi phương tiện kiểm soát và trừng phạt, trong khi quần chúng đảng viên hoàn toàn không có chút quyền hạn gì, và thực tế không có khả năng chống đối lại đảng. Quần chúng đảng viên thậm chí không có cả quyền được phát hành báo chí, để trong trường hợp không đồng ý với ban lãnh đạo có thể nói lên ý kiến của mình. Cơ quan ngôn luận của đảng chỉ cho phép quần chúng đảng viên được quyền sử dụng khi họ bảo vệ đảng mà thôi. Trong lời khai tại tòa án Nuernberg, Goring nêu rõ: "Chúng tôi thấy cần thiết không thể để bất kỳ xu hướng chống đối nào được phép tồn tại. Nếu ai cũng biết rằng, nếu chống đối lại đảng sẽ phải vào tập trung cải huấn... điều đó đối với chúng tôi rất có lợi." (90-60) Địch thù cảnh sát trong đảng phát xít còn được thể hiện đặc biệt rõ ở vấn đề rằng, đảng viên không

được tự ý rời bỏ đảng, mà chỉ được ra khỏi đảng khi ốm nặng hoặc chết. Trong trường hợp vẫn cố tình từ bỏ đảng, người đó cần phải bị khai trừ.

Việc từ bỏ đảng là không thể cho phép vì đối với quan điểm quốc xã, cá nhân đó có thể không còn phụ thuộc vào đảng, thậm chí chống lại đảng.

2. Cấu trúc của Đảng Công Nhân Quốc Xã.

Cấu trúc của Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức được xác định từ mục tiêu chiến lược của nó - lãnh đạo nhà nước và nhân dân. Vì thế đảng được xây dựng trên nguyên tắc lãnh thổ. Đế Chế được chia thành vùng(khu), khu chia thành tỉnh, tỉnh chia thành huyện, huyện chia thành xã, xã chia thành thôn.

Đứng đầu một đơn vị lãnh thổ là một lãnh đạo đảng: Thủ lĩnh vùng (Bí thư khu ủy), Thủ lĩnh tỉnh (Bí thư tỉnh ủy), Thủ lĩnh huyện (Bí thư huyện ủy), Thủ lĩnh xã (Bí thư đảng bộ), Thủ lĩnh thôn (Bí thư chi bộ). Lãnh đạo đảng ở Trung ương gọi là Thủ lĩnh Đế Chế (Raihlaiter). Thủ lĩnh Đế Chế gồm: Himler, Gobelx, Rozenberg, Hex, Lai, Dare... Mỗi Thủ lĩnh Đế Chế phụ trách một bộ phận của đảng. Thí dụ: Gobelx phụ trách tuyên truyền, Rozenberg - giáo dục tư tưởng và chính trị cho các đảng viên...

Đứng đầu đảng là Thống Lĩnh. Nguyên vọng của Thống Lĩnh là pháp luật trong đảng. Vì Thống Lĩnh đồng thời là Quốc Trưởng (người đứng đầu nhà nước) nên cần bổ nhiệm Phó Thống Lĩnh. Phó Thống Lĩnh lãnh đạo đảng theo cương lĩnh và hướng dẫn của Thống Lĩnh. Trong tạp chí của đảng năm 1941, đã nói về toàn quyền của Phó Thống Lĩnh như sau:

"Theo sắc lệnh của Thống Lĩnh ban hành ngày 21.4.1933, Phó Thống Lĩnh có toàn quyền trên danh nghĩa Thống Lĩnh, quyết định mọi vấn đề về lãnh đạo đảng. Như vậy, Phó Thống Lĩnh là đại diện cho Thống Lĩnh với toàn quyền lãnh đạo Đảng Công Nhân Quốc Xã Đức. Văn phòng Phó Thống Lĩnh cũng chính là văn phòng Thống Lĩnh.

Nhiệm vụ của Phó Thống Lĩnh là lãnh đạo những vấn đề chính trị cơ bản, ban hành những chỉ thị và chăm lo sao cho công tác đảng được tiến hành dựa trên những nguyên tắc quốc xã. Phó Thống Lĩnh nắm giữ mọi đầu mối của công tác đảng. Phó Thống Lĩnh là người quyết định cuối cùng về mọi vấn đề trong những kế hoạch nội bộ của đảng và về tất cả những gì liên quan đến sự tồn tại của dân tộc Đức..." (84-705)

Như vậy cấu trúc của Đảng Quốc Xã mang hình dáng kim tự tháp, đáy là những cán bộ cấp thấp nhất và đỉnh là Thống Lĩnh của đảng. Đáy của kim tự tháp này rất rộng. Điều này có thể minh họa bằng số liệu trong hồ sơ của Đảng Công Nhân Quốc Xã cho năm 1935-1939.

Lãnh đạo đảng:

Thủ lĩnh vùng: 33 (năm 1935); 41 (năm 1939)

Thủ lĩnh tỉnh: 855 (năm 1935); 808 (năm 1939)

Thủ lĩnh huyện: 21283 (năm 1935); 28376 (năm 1939)

Thủ lĩnh xã: 55764 (năm 1935); 89378 (năm 1939)

Thủ lĩnh thôn: 213737 (năm 1935); 463048 (năm 1939)

Các cán bộ lãnh đạo đều có bộ máy dưới quyền. Bộ máy lãnh đạo của vùng và tỉnh có những bộ phận sau: tổ chức, tuyên truyền, học tập, cán bộ, hành động. Những người cộng tác trong các bộ phận này đều được trả lương. Trong thành phần các bộ máy này còn có kế toán, nhưng kế toán này không thuộc quyền cai quản của cán bộ đảng có trách nhiệm, mà chịu sự chỉ đạo trực tiếp của kế toán trưởng của đảng.

Trong Đảng quốc xã còn có "những cán bộ danh dự", bao gồm số lượng đáng kể các chuyên gia, phần lớn là luật sư, bác sĩ, giáo viên. Họ được xem như cán bộ danh dự vì làm việc cho các đầu mối xã hội. Con số này vào khoảng 140 nghìn người (89-394)

Tất cả mọi cơ sở đảng đều có quyền hạn và nghĩa vụ, thể hiện rõ nét đặc thù hành chính của nó, sau khi sát nhập với nhà nước.

Đối với Thống Lĩnh, điều lệ ghi rõ: "Thống Lĩnh có quyền bổ nhiệm các Thủ Lĩnh Đế Chế và tất cả những lãnh đạo chính trị, kể cả Hội Trưởng Hội Phụ Nữ Đế Chế" (89-9). Thống Lĩnh chỉ có quyền, không có nghĩa vụ .

Thủ Lĩnh Đế Chế không chỉ có quyền, mà còn có cả nghĩa vụ . Thủ Lĩnh Đế Chế do Thống Lĩnh bổ nhiệm và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thống Lĩnh. Vai trò của các Thủ Lĩnh Đế Chế là: "Nắm giữ mọi đầu mối các tổ chức nhân dân và nhà nước Đức." (89-9)

Trong điều lệ của đảng quốc xã về các Thủ Lĩnh Đế Chế và nhiệm vụ của chúng được ghi như sau: "Cấu trúc Ban lãnh đạo Đế Chế cần phải thiết lập, sao cho hệ thống liên kết giữa những tổ chức đảng đầu tiên và Ban lãnh đạo có khả năng nhận biết được những yếu điểm và biến đổi nhỏ nhất trong tinh thần nhân dân".

Một nhiệm vụ khác của Ban lãnh đạo Đế Chế là tuyển chọn cán bộ lãnh đạo và nhồi nhét hết khả năng tư tưởng quốc xã trong mọi lĩnh vực đời sống. (89-13)

Bí thư Khu ủy cùng bộ máy dưới quyền và lãnh đạo các cơ sở có nghĩa vụ, đảm bảo sự lãnh đạo của đảng quốc xã trong mọi lĩnh vực của cuộc sống đảng và nhà nước, hướng dẫn những hành động của đảng và các cơ sở đảng, tăng cường ảnh hưởng chính trị và tư tưởng của đảng trong nhân dân thuộc vùng của mình.

Bí Thư Tỉnh ủy phải phục tùng Khu ủy, nhưng được Thống Lĩnh trực tiếp bổ nhiệm. Trong điều lệ đảng ghi: "Bí Thư Tỉnh ủy chịu trách nhiệm toàn diện trước Khu ủy về nhận thức chính trị và tư tưởng của đảng viên và quần chúng trên lãnh thổ của mình." (89-14)

Bí Thư Huyện ủy phải phục tùng Tỉnh ủy và được Bí Thư Khu ủy tương ứng bổ nhiệm. "Bí Thư Huyện ủy chịu trách nhiệm toàn diện về nhận thức chính trị của các cơ sở, tổ chức và những chi nhánh của đảng. Bí Thư Huyện ủy có quyền phê phán mọi quyết định của Bí Thư Tỉnh ủy, nếu như

những quyết định này mâu thuẫn với quyền lợi của đảng..." (89-14,15)

Bí Thư Đảng Bộ là mắt xích trung gian giữa các Bí Thư Tỉnh ủy và cán bộ đảng thấp nhất - Bí Thư Chi Bộ. Thông thường Bí Thư Đảng Bộ chịu trách nhiệm về bốn hoặc tám phố (thôn) và đảm nhiệm việc giám sát các Bí Thư Chi Bộ. Theo điều lệ, Bí Thư Đảng Bộ có nhiệm vụ như Bí Thư Chi Bộ. Bí Thư Chi Bộ thực tế là cán bộ đảng duy nhất thường xuyên tiếp xúc với quần chúng. Bí Thư Chi Bộ chịu trách nhiệm về phố (thôn)

vào khoảng 40 đến 60 gia đình. Theo điều lệ, "Bí Thư Chi Bộ không chỉ có nghĩa vụ bảo vệ tư tưởng quốc xã và mang tư tưởng này đến với các đảng viên và dân chúng, mà còn phải xây dựng sự hợp tác hỗ tương giữa các đảng viên trong khu vực của mình... Bí Thư Chi Bộ có nhiệm vụ thường xuyên nhắc nhở cho các đảng viên về nghĩa vụ thiêng liêng của họ đối với nhà nước và nhân dân..." (89-16)

Vị trí lãnh đạo càng cao bao nhiêu, quyền lực trong đảng và trong nhà nước càng lớn bấy nhiêu.

Theo điều lệ của Đảng Quốc Xã, Thống Lĩnh, Bí Thư Khu ủy, Bí Thư Tỉnh ủy, Bí Thư Huyện ủy, Bí Thư Đảng Bộ và Bí Thư Chi Bộ là "những cán bộ đảng có trọng trách" (89-389), họ có toàn quyền và còn được gọi là "giới lãnh đạo chính trị" hay "tập đoàn lãnh đạo chính trị".

Đảng phát xít Italia và Falanga Tây Ban Nha cũng được xây dựng nhằm mục đích lãnh đạo chính trị nhà nước và xã hội. Tổng Bí Thư Đảng Phát Xít Italia có những bộ phận dưới quyền sau: Ban Bí Thư Chính Trị, Ban Bí Thư Hành Chính, các hiệp hội tự quản, các cơ quan in ấn, tuyên truyền, các tổ chức thanh niên, Hiệp Hội Phụ Nữ, Hội Các Gia Đình Liệt Sĩ Phát Xít, Hội Sinh Viên Đại Học, Ban Bí Thư Chính Trị kiểm tra hoạt động của những hiệp hội sau: giáo viên phát xít, công nhân đường sắt phát xít, bưu điện - điện tín phát xít...

Các cơ sở trong bộ máy của Falanga cũng thu tóm quyền lực như thế: Ban đối ngoại, giáo dục nhân dân, diễn đàn và tuyên truyền, phụ nữ, xã hội, công đoàn, thanh niên, cựu chiến binh, tài chính - hành chính...

Mục đích của đảng phát xít - lãnh đạo nhà nước và toàn bộ xã hội - xác định nguyên tắc tổ chức của nó và nguyên tắc cơ bản là tập trung quan liêu. Nguyên tắc này có thể tóm tắt như sau:

- (a) *Cấp dưới phục tùng vô điều kiện cấp trên;*
- (b) *Cấp trên bổ nhiệm cấp dưới, tổ chức cao bổ nhiệm tổ chức thấp;*
- (c) *Cấp dưới chịu sự kiểm soát và chịu trách nhiệm đối với cấp trên.*

Chấp nhận những nguyên tắc này, một mặt đảng phát xít bị biến thành cấu trúc đẳng cấp, và nếu không xét đến sự cuồng tín, thì không khác gì một đẳng cấp nhà nước quan liêu, cấp dưới không có một chút quyền tự chủ nào; mặt khác nó trở thành một đảng -quân đội, trong đó không còn tranh luận, bàn cãi, ý kiến công khai: mọi thành viên đều là người lính của đảng, sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy.

Vào tháng 9.1928, Bí Thư Đảng Phát Xít Italia tuyên bố công khai: "Thật sai lầm nếu như nghĩ rằng,

trong đảng có sự lựa chọn hay cấp dưới có quyền đối với cấp trên... Những người phát xít không khác gì một đội quân. Và đội quân thì phải phục tùng, chiến đấu, hy sinh, nhưng không thể bỏ nhiệm cấp chỉ huy của mình và không thể nghi ngờ các mệnh lệnh." (110-74)

Chúng ta hãy đọc một đoạn trong lời thề của đảng viên mới được kết nạp: "Tôi xin thề sẽ thi hành vô điều kiện mọi mệnh lệnh của người chỉ huy, sẽ phục vụ bằng tất cả khả năng của mình và nếu cần, cả bằng máu cho sự nghiệp của cuộc cách mạng phát xít." (112-86)

Vào năm 1922, khi trả lời về những lo ngại do sự phát triển đảng quá mức cần thiết, Muxolini đã nói: "Những kẻ lảm nhảm có thể tham gia đảng của những người ưa tranh luận, chứ không phải là đảng bao gồm các chiến sĩ như đảng ta. Kỷ luật chính trị của chúng ta cũng đồng thời là kỷ luật của quân sự. Những chiến sĩ trẻ của chúng ta muốn chiến đấu chứ không ưa tranh luận. Thậm chí chúng ta cũng không cho phép những tổ chức nghiệp đoàn được như vậy. Chúng ta sẽ bảo vệ quyền lợi công nhân, nhưng nếu cần, chúng ta cũng có thể đàn áp." (17-100)

Ông già, đã từng giữ chức Bí Thư Đảng Phát Xít trong những năm 30, cho rằng muốn có kỷ luật cho người Italia cần phải bắt họ vào đảng. Không phải ngẫu nhiên mà vào tháng 10.1937, đảng phát xít có tới hơn 2 triệu thành viên, và nếu kể cả những tổ chức phụ thuộc là 10 triệu. (44-111)

3. Thâu tóm toàn bộ dân chúng vào các tổ chức quốc gia.

Để kết thúc quá trình đồng hóa, nghĩa là để phân chuyển sự kiểm soát của đảng phát xít trên toàn xã hội, chế độ thâu tóm mọi thành viên của mình vào các tổ chức quần chúng. Rõ ràng trên thực tế, đảng phát xít không thể kiểm soát từng công dân riêng biệt. Nhưng điều này có thể đạt được bằng cách sắp xếp dân chúng vào những tổ chức xã hội nào đó và đặt các tổ chức này dưới quyền kiểm soát của đảng thống trị. Như vậy, các tổ chức quần chúng trở thành những tổ chức tiếp diễn của đảng hay nhà nước (vì đảng và nhà nước đã sát nhập với nhau). Biện pháp chính trị này là vô cùng quan trọng trong việc xây dựng nhà nước độc tài biến họ thành những công cụ cho mục đích của mình, khiến họ không còn có thể phản kháng. Vì vậy, nhà nước độc tài có thể xem là "xã hội được tổ chức".

Bọn quốc xã đã bắt đầu thực hiện chương trình này ngay từ những ngày cầm quyền đầu tiên. Để thay thế cho những tổ chức quần chúng cũ từ thời nền cộng hòa Vaimar (2) đã bị giải tán, bọn quốc xã thành lập các tổ chức mới, còn quần chúng hơn, và đặt chúng dưới sự kiểm soát của đảng. Thay cho những tổ chức công đoàn tự do là Mặt Trận Lao Động Đức, thay cho rất nhiều tổ chức thanh niên khác nhau là "Thế Hệ Hitler", còn những tổ chức thiếu niên trong các trường học được thống nhất lại thành tổ chức Nhi Đồng ("Người Công Dân Trẻ").

Đồng thời bọn quốc xã thành lập các hiệp hội mới: Hội Sinh Viên Quốc Xã, Liên Hiệp Phụ Nữ, Liên Hiệp Giảng Viên Đại Học Đức, Hội Luật Sư Đức, Hội Quốc Xã Các Giáo Viên, Hội Các Gia Đình

Người Đức...

Các tổ chức quần chúng này thu tóm toàn bộ nhân dân Đức. Không còn công dân nào trên lãnh thổ Đế Chế mà lại không thuộc một tổ chức hay hiệp hội nào đó.

Vào năm 1939, chỉ riêng Mặt Trận Lao Động Đức đã có tới 23 triệu thành viên, "Thế Hệ Hitler" - 8 triệu. Tất cả các tổ chức quần chúng đều không có cương lĩnh riêng, vì đều phải công nhận và thực hiện theo cương lĩnh của Đảng Quốc Xã; đồng thời được xây dựng trên nguyên tắc của đảng này: tập trung, phục tùng và đẳng cấp, v.v...

Về vấn đề này, Chủ tịch Mặt Trận Lao Động Đức, Thủ Lĩnh Đế Chế R. Lai, trong diễn văn đọc tại Đại hội Đảng ngày 13.1936 đã nói như sau: "... Mặt trận Lao động Đức là tổ chức của đảng và chịu sự lãnh đạo của đảng. Cũng giống như đảng, Mặt trận Lao động Đức cần phải được tự tổ chức trên nguyên tắc lãnh thổ ." (89-35)

Đảng phát xít đảm bảo sự lãnh đạo trực tiếp của mình đối với các tổ chức quần chúng bằng cách cử những Thủ lĩnh chính trị nắm giữ vị trí lãnh đạo của những tổ chức này. Đứng đầu những tổ chức quần chúng đều là các đảng viên quốc xã sùng sỏ nhất: đứng đầu Hội Cơ Khí Đức là Speer, Hội Giảng Viên quốc xã - Vexler, Hội Bác Sĩ - Coti, Hội Luật Sư quốc xã - Tirac, v.v...

Sự lãnh đạo của đảng, đối với các tổ chức quần chúng, được đảm bảo gấp đôi. Không chỉ những thủ lĩnh các tổ chức quần chúng là những đảng viên phát xít sùng sỏ, mà cả những vị trí lãnh đạo các tổ chức cơ sở của chúng cũng đều do các đảng viên phát xít chiếm giữ.

Nếu không có sự đồng ý của cán bộ đảng cao cấp, lãnh đạo của các tổ chức quần chúng không được quyết định những vấn đề mang ý nghĩa chính trị và quốc gia quan trọng. Trong sắc lệnh do Hex ban hành ngày 25.10.1934, ghi rõ: "Các cán bộ của các tổ chức đảng, cũng như các Thủ lĩnh Đế chế, lãnh đạo SA, SS, "Thế Hệ Hitler" và những tổ chức phụ thuộc khác không được phép thỏa thuận bất cứ một vấn đề mang tính chất chính trị nào với các tổ chức khác, nếu như không được sự đồng ý của cán bộ đảng có thẩm quyền tương ứng." (89-21)

Khi bổ nhiệm cán bộ "Thế Hệ Hitler", các cơ sở của tổ chức này bắt buộc phải tham khảo ý kiến của cán bộ đảng có thẩm quyền trong vùng đó. Như vậy, "Lãnh đạo đảng có quyền bãi bỏ những cán bộ không xứng đáng cho việc lãnh đạo thanh niên. Và nếu trước đó không có sự đồng ý của lãnh đạo đảng, lãnh đạo đảng có thể thay đổi việc bổ nhiệm này trong trường hợp thấy cần thiết." (89-20)

Việc các tổ chức quần chúng bị đặt dưới sự lãnh đạo, hay đúng hơn - dưới sự kiểm soát của đảng phát xít, không tránh khỏi biến chúng thành những tổ chức quốc gia (vì đảng thống nhất với nhà nước). Từ đó suy ra rằng, các tổ chức này bảo vệ quyền lợi cho nhà nước phát xít, chứ không phải cho những thành viên của mình. Chúng ta hãy lấy ví dụ về Mặt Trận Lao Động Đức. Trước đây trong nền Cộng Hòa Vaimar, tổ chức tương ứng (những tổ chức công đoàn) bảo vệ quyền lợi cho giai cấp công nhân trước nhà nước của giới tư sản thông qua các cuộc biểu tình, bãi công, đòi tăng

lương, thay đổi điều kiện làm việc, chống việc đuổi công nhân, v.v...

Tất cả những vấn đề này bị thay đổi hoàn toàn sau khi Mặt Trận Lao Động Đức được thiết lập. Trước hết, là tư tưởng bá chủ của đảng không công nhận bất kỳ mâu thuẫn nào trong quyền lợi nhà nước và các thành viên của tổ chức này. Bãi công, biểu tình, v.v... bị cấm hoàn toàn vì như thế là chống lại nhân dân và nước Đức. Theo hệ tư tưởng quốc xã, nhân dân, nhà nước, quê hương và lãnh tụ được ràng buộc chặt chẽ với nhau. Và vì vậy, nếu ai chống lại một mắt xích bất kỳ nào trong chuỗi này, cũng đồng thời chạm tới toàn bộ dây chuyền. Nếu một cuộc bãi công nhằm chống lại chính sách kinh tế nhà nước, thì theo cách suy luận logic quốc xã, nó đồng thời cũng chống lại quê hương và nhân dân. Do đó, trên danh nghĩa nhân dân và quê hương, cần phải đàn áp thẳng thừng cuộc bãi công này. Trong một tài liệu đặc biệt, việc chống bãi công được vạch rõ: "... Đàn áp thẳng thừng cuộc bãi công đầu tiên là phương pháp tốt nhất để ngăn chặn và làm gương cho những vụ tái diễn khác." (103-180). Trong diễn văn ngày 17.5.1933, R.Lai, Chủ tịch Mặt trận Lao động Đức, khi nói về tính chất và nhiệm vụ của tổ chức này đã không quên nhấn mạnh rằng, không thể cho phép các cuộc bãi công xảy ra, "... chỉ có kẻ thù mới quan tâm đến bãi công." (103-127)

Không còn bãi công, tranh luận, bàn cãi. Đảng Công Nhân Quốc Xã sắp xếp tất cả; hơn ai hết đảng biết cái gì nên làm, cái gì không nên làm. Đảng được công nhận một cách hiển nhiên là không thể sai lầm và bao giờ cũng dẫn dắt nhân dân Đức (trong đó có Mặt Trận Lao Động Đức) đi theo con đường đúng đắn nhất. Và nếu con đường này yêu cầu sự hy sinh, thì nhân dân phải sẵn sàng.

Tính chất quốc gia của Mặt Trận Lao Động Đức không chỉ thể hiện ở chỗ lãnh đạo của tổ chức này là đảng viên quốc xã, và cũng không chỉ riêng trong lĩnh vực tư tưởng, mà còn cả trong chính sách kinh tế hiện thực của nó.

Với sắc luật "Về Trật Tự Trong Lao Động", các hội đồng công nhân từ thời Cộng Hòa Vaimar đều bị xóa bỏ và thay vào đó bằng cái gọi là "Hội Đồng Tin Tưởng". Chỉ có chủ xưởng và lãnh đạo đảng quốc xã tại cơ sở đó mới được quyền đề cử thành viên của những hội đồng này. Tháng 2.1935, hệ thống "sở lao động" được thiết lập. Trong sở lao động ghi rõ nơi làm việc, nơi cư trú của người công nhân. Nếu không được sự đồng ý của lãnh đạo nhà máy tương ứng thì người công nhân không thể tự ý bỏ việc làm, vì không còn nơi nào nhận anh ta nữa.

Như vậy nhà nước độc tài phát xít đã đẩy lùi xã hội về sau thời đại của nền dân chủ tư sản tự do, bãi bỏ quyền tự do lao động - quyền lợi đầu tiên lớn nhất của nền dân chủ sau sự sụp đổ của chế độ phong kiến; đồng thời tái lập chính sách lao động cưỡng bức kinh tế ngoại lệ đối với những người lao động.

Về vấn đề này, hệ thống nghiệp đoàn mà phát xít Italia sáng lập ra còn hoàn thiện hơn nhiều.

Muxolini đã từng nói: "Nhà nước nghiệp đoàn là hệ thống điển hình và là niềm tự hào của cuộc cách mạng phát xít." (10-53). Bảng 12 liên hiệp ngành nghề của công nhân và chủ xưởng, nhà nước phát

xít thu tóm toàn bộ xã hội công chúng (công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông đường biển, hàng không, đường bộ và đường sông); và kể cả những ngành nghề tự do là liên hiệp thứ 13.

Tham gia các nghiệp đoàn này là bắt buộc, bằng cách thu đoàn phí thông qua hệ thống hành chính. Việc lãnh đạo và kiểm soát của Nhà nước đối với hệ thống nghiệp đoàn được thực hiện nhờ "sắc luật nghiệp đoàn" ban hành ngày 3.4.1926. Theo luật này, "mỗi một dạng chủ xưởng, công nhân, nghệ sĩ, v.v... chỉ được công nhận một hiệp hội hợp pháp" (112-133). Không được phép nhiều hơn, vì như thế sẽ gây khó khăn cho việc kiểm soát của nhà nước và đi ngược lại mục đích cơ bản của nó - đồng nhất xã hội.

Đối với những hiệp hội được nhà nước công nhận, điều luật đưa ra hàng loạt hạn chế khiến chúng phải phụ thuộc tuyệt đối vào nhà nước:

"(1) Các hiệp hội không được liên kết với những tổ chức quốc tế, nếu không được sự đồng ý của cơ quan nhà nước;

(2) Việc bổ nhiệm hay bầu cử chủ tịch và thư ký các hiệp hội cơ sở sẽ không có hiệu lực, nếu không có công văn xác nhận của bộ chủ quản và sự đồng ý của Bộ Nội Vụ ." (112-133)

Thậm chí từ ngày 20.3.1930 Hội Đồng Dân Tộc Nghiệp Đoàn đã trở thành cơ quan hợp pháp của nhà nước, đứng đầu là Thủ Tướng chính phủ . Điều này đã khẳng định toàn quyền của nhà nước đối với các tổ chức và hệ thống nghiệp đoàn.

Thực chất, phát xít Italia là thí dụ điển hình về việc đảng điều hành bộ máy của nhà nước và thông qua đó mà khống chế toàn bộ xã hội. Những nghiệp đoàn thăng tiến của Tây Ban Nha chỉ là bản sao của hệ thống nghiệp đoàn ở Italia. Chúng chỉ khác nhau một điểm nhỏ là ở Italia các nghiệp đoàn phụ thuộc vào nhà nước nhiều hơn là vào đảng, còn ở Tây Ban Nha Những Nghiệp Đoàn Thăng Tiến bị đặt dưới sự kiểm soát và giám sát trực tiếp của đảng Falanga.

Nhưng dù có sự khác nhau trong việc thành lập các tổ chức quần chúng tại ba nhà nước phát xít, nguyên tắc chung chỉ là một - nguyên tắc độc tài.

Theo những tài liệu chính gốc, việc đảng phát xít sắp xếp thanh niên vào một tổ chức duy nhất không chỉ nhằm mục đích thu tóm và kiểm soát họ như một bộ phận nhân dân, mà còn xem tổ chức thanh niên như một công cụ dùng để giáo dục thế hệ trẻ theo tinh thần tư tưởng và ý thức sẵn sàng phục vụ cho sự nghiệp phát xít.

Cũng giống như những tổ chức quần chúng khác, "Thế Hệ Hitler" không có cương lĩnh riêng ngoài cương lĩnh của Đảng Quốc Xã. Trong tác phẩm Thế Hệ Hitler, Fon Sirah viết: "Nhiệm vụ của tôi là giáo dục tinh thần thế hệ trẻ theo những mục đích, tư tưởng và chỉ thị của Đảng Công Nhân Quốc Xã, đồng thời lãnh đạo và tổ chức họ ." (84-700)

Giới lãnh đạo Đảng Công Nhân Quốc Xã chú trọng đặc biệt đến vấn đề giáo dục tư tưởng cho các thành viên của "Thế Hệ Trẻ" theo tinh thần tư tưởng quốc xã. Trong một bài báo về giáo dục chống

tôn giáo cho "Thế Hệ Hitler", Rozenberg viết: "Chúng ta đã đạt được những kết quả to lớn trong sự nghiệp truyền bá tư tưởng quốc xã cho thanh niên Đức. Tổ chức thanh niên Thiên Chúa Giáo chỉ còn lại những nhóm nhỏ và sắp tới sẽ được sát nhập vào các cơ sở của "Thế Hệ Hitler..." (84-701)

Tổ chức "Thế hệ Hitler" tiến hành nhiều biện pháp đặc biệt nhằm nhồi nhét tư tưởng quốc xã cho thanh niên Đức; trong đó có việc mở các trường Adolf Hitler mà chỉ những thành viên xuất sắc được tuyển chọn của tổ chức Người Công Dân trẻ mới có quyền được vào học (84-700).

Ban lãnh đạo Đảng Quốc Xã tổ chức "Thế hệ Hitler" như lực lượng cán bộ dự bị cho bộ máy nhà nước. Đảng Quốc Xã chỉ kết nạp vào hàng ngũ của mình những đoàn viên thanh niên "Thế Hệ Hitler" ưu tú nhất, và những người có khả năng làm công tác tổ chức thì được gửi vào học tại trường đảng cao cấp Adolf Hitler. Sau khi tốt nghiệp, những người này được đảm nhận công tác lãnh đạo trong bộ máy đảng và nhà nước.

Nếu tin vào những băng ghi âm của X. Rausing thì bản thân Hitler cũng quan tâm đặc biệt đến vấn đề giáo dục thanh niên theo tinh thần quốc xã. Hitler xem số phận tương lai của chế độ quốc xã liên quan chặt chẽ đến sự nghiệp giáo dục này:

"Tôi cần phải trở thành một nhà giáo dục nghiêm khắc... Chúng ta sẽ bắt đầu một sự nghiệp giáo dục thanh niên vĩ đại. Chúng ta đã già rồi. Chúng ta không còn bầu nhiệt huyết nóng hổi. Chúng ta đã trở nên hèn nhát và miễn cảm. Nhưng còn thế hệ trẻ tuyệt vời của tôi! Liệu trên thế giới này có gì đẹp hơn không?

Các ngài hãy nhìn những chàng trai và những cô gái trẻ này. Họ tuyệt vời làm sao. Tôi sẽ dùng họ để xây dựng một thế giới mới...

Biện pháp giáo dục của tôi rất nghiêm khắc. Tôi sẽ dùng búa để đẽo gọt và vứt bỏ những gì bị hư hỏng. Chúng ta sẽ tạo nên một thế hệ trẻ mà thế giới nhìn vào phải run sợ. Một thế hệ trẻ hùng mạnh, quyền thế, dũng cảm và không hề biết run sợ. Tôi muốn một thế hệ như thế. Thế hệ trẻ có thể mang được những gánh nặng

bất hạnh trên vai. Tôi không muốn thế hệ trẻ có những biểu hiện yếu đuối và ủy mị.... Tôi sẽ huấn luyện cho họ những bài tập thể lực. Trước hết cần mạnh mẽ: Đó là điều quan trọng nhất" (52-57).

Theo điều luật về thanh niên, từ tháng 12.1936 "Thế Hệ Hitler" được tuyên bố là tổ chức thanh niên duy nhất ở Đức có quyền tổ chức và giáo dục thanh niên. Điều luật nêu rõ: "Toàn bộ thanh niên Đức tham gia tổ chức "Thế Hệ Hitler". Ngoài gia đình và nhà trường, thanh niên Đức còn được giáo dục thể lực, tri thức và đạo đức theo tinh thần quốc xã để phục vụ cho nhân dân và tổ quốc của mình. Sự nghiệp giáo dục này được thực hiện thông qua "Thế Hệ Hitler" (84-699).

Tính chất quốc gia của "Thế Hệ Hitler" được thể hiện rõ ràng hơn trong mối quan hệ của nó với các tổ chức nhà nước phản động nhất như cảnh sát (SS và SA) và quân đội. "Thế Hệ Hitler" tuyển chọn hàng trăm ngàn thành viên của mình cho quân đội. Giáo dục quân sự cho thanh niên được chú trọng

cho tất cả mọi hình thức và tùy

thuộc sở thích từng người. "Trong các trường đào tạo cán bộ của "Thế Hệ Hitler" và đặc biệt là tại hai trường cao cấp đều có môn tập bắn súng và huấn luyện trên hiện trường..." (88-298).

Nhà nước độc tài không chỉ quan tâm đến việc thu tóm mọi công dân vào một tổ chức nào đó, mà còn kiểm soát chặt chẽ từng giai đoạn trong cuộc đời của họ theo lứa tuổi.

Ở Đức:

Từ 10-14 tuổi thuộc tổ chức Người công dân trẻ .

Từ 14-18 tuổi - "Thế Hệ Hitler".

Từ 18-20 tuổi - các tổ chức đảng SS, SA, v.v...

Từ 20-21 tuổi: Mặt trận lao động.

Từ 21-23 tuổi - tham gia nghĩa vụ quân sự .

Từ 23 tuổi trở đi - tham gia những tổ chức khác nhau của chế độ quốc xã và Đảng Quốc Xã.

Ở Ytalia:

Từ 8-15 tuổi thuộc tổ chức Balila.

Từ 15-21 tuổi - Abangard.

Từ 21-30 tuổi - công an phát xít.

Sau đó tham gia Đảng phát xít hay những tổ chức quốc gia cho đến hết đời.

Ở Tây ban nha:

Từ 7-17 tuổi thuộc tổ chức Mặt trận thanh thiếu niên, gồm 3 bậc: con trai - "Mũi tên", "Pelalox", "Thiếu sinh quân"; con gái - "Hạt xoàn", "Mũi tên" và "Mũi tên xanh". Sau đó những người theo học đại học thì tham gia các tổ chức nghiệp đoàn sinh viên quốc gia, còn những người trực tiếp sản xuất - "Nghiệp đoàn thăng tiến".

Với tham vọng thu tóm và kiểm soát tổng thể xã hội, bọn phát xít còn thành lập những câu lạc bộ quần chúng, kiểm soát mọi hoạt động của con người trong cả thời gian nghỉ ngơi. ở Đức, tổ chức này mang tên "Sức mạnh niềm vui". "Sức mạnh niềm vui" tổ chức những cuộc gặp gỡ, tọa đàm, những chuyến bay tập thể, những nhóm nghiên cứu và tất cả những gì mà con người có thể làm trong thời gian rỗi, nhưng bắt buộc phải theo tinh thần và nguyên tắc của cộng đồng quốc xã.

Ở Ytalia, tổ chức tương tự được gọi là "Dopolavoro" (nghĩa đen là "sau công việc"). Đây là tổ chức lớn nhất được thành lập từ năm 1926 như một bộ phận không thể tách rời còn nhà nước nghiệp đoàn phát xít Italia.

4. Đồng hóa cuộc sống tinh thần.

Sau khi nắm quyền lãnh đạo nhà nước và các tổ chức quần chúng, đảng phát xít phân chuyển sự kiểm soát của mình trên toàn xã hội và cuộc sống tinh thần của nó. Việc kiểm soát này được thực hiện theo hai cách:

(1) Thông qua "tổ chức", "thâu tóm" tất cả những người trí thức vào những hiệp hội sáng tạo dưới sự quan sát của nhà nước;

(2) Thông qua áp đặt tính đảng về cái đẹp, cái tốt, cái xấu, sự công bằng... trong văn học và nghệ thuật.

A. Thâu tóm tổng thể giới trí thức vào các hiệp hội.

Với tham vọng kiểm soát tổng thể toàn bộ cuộc sống tinh thần, đảng phát xít cưỡng ép tất cả những người làm công tác sáng tạo trong lĩnh vực lao động trí óc (bác học, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, điêu khắc, kiến trúc, đạo diễn, v.v...) tham gia những hiệp hội tương ứng. ở ngoài các tổ chức, hiệp hội này thì không ai có thể còn là trí thức: nhà văn không còn là nhà văn, diễn viên không còn là diễn viên, nhạc sĩ không còn là nhạc sĩ, v.v...

Vào mùa xuân năm 1935, P. Toliati đã viết: "Hiện nay ở Italia, không ai có thể trở thành nhà văn, giáo viên, giảng viên nếu không phải là đảng viên phát xít. Điều này còn được thể hiện ở cả những nghề tự do như luật sư, nhà báo... Tất cả đều bắt buộc phải tham gia đảng phát xít, thậm chí cả bác sĩ: không phải là đảng viên, thì không thể là bác sĩ công chính." (116-80).

Tại nước Đức phát xít, nguyên tắc này còn được thể hiện triệt để hơn nhiều.

Chỉ thị số 112 của Ủy Ban Văn Hóa Đế Chế ngày 20.8.1937 vạch rõ sự cần thiết "phải thuộc một hiệp hội nào đó" (178-107). Thực ra vấn đề này đã được tiến hành sớm hơn nhiều bằng sắc luật ngày 22.9.1933: "Mọi sáng tác văn hóa cần được tổ chức lại." (151-195)

Cơ cấu thâu tóm này được thể hiện như sau: "Toàn bộ cuộc sống tinh thần tập trung tại Ủy Ban Văn Hóa Đế Chế dưới sự kiểm soát của Bộ Trưởng Tuyên Truyền và Giáo Dục Nhân Dân - Tiến sĩ Gobelx. Ủy Ban Văn Hóa có bảy ban: Ban nhà hát, Ban thể hiện nghệ thuật, Ban văn học, Ban điện ảnh... Các ban văn hóa này thâu tóm những hiệp hội tương ứng. Thí dụ Ban nhà hát có những hiệp hội: Hội Sân Khấu Đức, Hội Diễn Viên Đức...

Cần phải hiểu chính xác ý nghĩa của những hiệp hội trí thức mà chế độ phát xít tạo ra. Vấn đề không phải là sự tồn tại các hiệp hội trí thức - xã hội nào cũng có những tổ chức như thế, cũng không phải ở việc bắt buộc phải tham gia các tổ chức này, mà là ở vai trò của chúng, bị nhà nước sử dụng như công cụ nhằm kiểm soát giới trí thức. Cũng tương tự như các tổ chức quần chúng quốc gia, những hiệp hội trí thức được thành lập không phải để bảo vệ quyền lợi cho các thành viên của chúng trước hệ thống nhà nước quan liêu, mà ngược lại - đặt quyền lợi nhà nước lên trên quyền lợi của những người trí thức. Thông qua những tổ chức này, nhà nước phát xít bắt giới trí thức phải quy phục. Bởi vì các hiệp hội cũng được xây dựng dựa trên những nguyên tắc quan liêu như nhà nước và đảng phát xít: tập trung cao độ, phục tùng vô điều kiện cấp trên, giao vị trí lãnh đạo cho những kẻ có công lao chính trị, dễ sai... Kết quả là trình độ, khả năng, tài năng và thiên tài bị đẩy lùi. Một hiệp hội trí thức,

mà nhiệm vụ chỉ phục tùng, nghe lời nhà nước, theo dõi những tư tưởng và suy nghĩ tự do vượt ra ngoài khuôn khổ của hệ tư tưởng quốc gia, là một hình thức hủy diệt giới trí thức. Điều này thật có lợi cho nhà nước, vì đã không cần dùng chính tay mình để thực hiện mưu đồ đó.

Tập trung cưỡng ép tất cả những người trí thức trong một lĩnh vực vào một hiệp hội, đặt trí tuệ và dốt nát, tài năng và tầm thường vào cùng một vị trí, nhà nước phát xít tiếp tay cho bọn bất tài chống lại những bộ óc thông thái, giúp bọn tầm thường chống lại các tài năng. Hơn thế nữa, nhà nước trao tổ chức vào tay những kẻ dốt nát và tầm thường để chống lại tài năng và thiên tài. Trong các hiệp hội, bọn tầm thường, dốt nát là những kẻ cộng tác đắc lực với nhà nước chống lại tư duy và những biểu hiện tự do của người trí thức. Nhà nước quan liêu và sự dốt nát liên quan chặt chẽ với nhau trong lĩnh vực tinh thần, vì nâng đỡ sự tầm thường và vô bản sắc là một trong những nguyên tắc cơ bản của đẳng cấp quan liêu.

Ở đây nhà nước phát xít và bọn tầm thường có cùng chung quyền lợi. Nhà nước phát xít quan tâm đến việc hủy diệt tự do suy nghĩ và tính độc lập của giới trí thức, bởi vì điều đó đi ngược lại những nguyên tắc cơ bản của nó. Nếu nhà nước độc tài cho phép tự do công kích, bản thân chế độ sẽ bị tan rã vì trong công cuộc đấu tranh công khai, những nguyên tắc quan liêu không thể đứng vững trước sức phản kháng của tư tưởng tự do dân chủ. Do đó nhà nước độc tài cần phải hủy diệt giới trí thức chân chính với tính tự chủ, công kích và độc lập của họ. Rõ ràng bọn tầm thường cũng quan tâm đến những vấn đề này, bởi vì trong điều kiện cạnh tranh tự do, chúng không thể thắng các tài năng. Như vậy với việc thu tóm tổng thể giới trí thức vào những hiệp hội quốc gia, dựa vào bọn tầm thường như những hạt nhân cơ bản, nhà nước phát xít hủy diệt giới trí thức chân chính và tạo nên một giới trí thức giả danh - tự xem là chiếm được lòng tin cao nhất đối với nhà nước và lãnh tụ dân tộc.

Tuy nhiên đối với nhà nước, quá trình này được nhìn nhận dưới một góc độ khác hoàn toàn. Theo các nhà tưởng phát xít, nhà nước không hủy diệt giới trí thức mà ngược lại chỉ đuổi những phần tử "vô chính phủ" và "hư vô" - những kẻ ngăn chặn và cản trở giới trí thức trong công tác sáng tạo. Khi nâng đỡ bọn bất tài - những kẻ sẵn sàng cộng tác hoặc đã thể hiện được lòng trung thành của mình đối với nhà nước, nhà nước phát xít cho rằng đã sáng tạo được một giới trí thức mới ("chân chính") - giới trí thức sẵn sàng phục vụ nhân dân và nhà nước; đồng thời trao quyền lãnh đạo các hiệp hội cho bọn bán trí thức này.

Đứng đầu các hiệp hội trí thức ở Đức là những kẻ bất tài nhất. Chủ nhiệm Ban nghệ thuật là giáo sư A. Sigler, kẻ được Hitler ngưỡng mộ, một họa sĩ dưới mức tầm thường. Hai bức họa điển hình của Sigler - "Nữ Thần Nghệ Thuật" và "Bốn Cơ Cấu" - với tính thực dụng thô thiển và những chi tiết hủ lậu, gây nên nỗi thất vọng vô bờ cho bất cứ người am hiểu nghệ thuật nào. Hội trưởng hội Giáo sư là giáo sư - tiến sĩ Sulxe, kẻ không có tiếng tăm gì trong khoa học nhưng có nhiều công lao chính trị ...

Và sau hết Chủ tịch Ủy Ban Văn Hóa Đế Chế là tiến sĩ Gobelx.

B. Nghệ thuật và văn học phải phục tùng đảng phát xít.

Tổ chức những người trí thức vào các hiệp hội không chỉ là mục đích mà trước hết là công cụ, nhằm nhồi nhét tư tưởng và tiêu chuẩn của đảng cho nghệ thuật và văn học. Sau khi đạt được sự thống trị chính trị tuyệt đối trên mọi lĩnh vực của đời sống nhà nước và xã hội, đảng phát xít không thể cho phép văn học và nghệ thuật đi ngược lại những quan niệm của đảng về cái hay, cái đẹp, cái xấu, cái tốt, anh hùng, lẽ công bằng... Ngược lại đảng cần phải thấy những tư tưởng thẩm mỹ và tinh thần của mình bao trùm trên mọi sáng tạo nghệ thuật.

Trên cơ sở lập luận như vậy, đảng phát xít tự cho là có quyền giao nhiệm vụ cho những người trí thức; đồng thời đòi hỏi những tác phẩm nghệ thuật của họ phải phù hợp với thị hiếu của đảng. Đảng phát xít xem văn học và nghệ thuật như những thứ vũ khí đấu tranh hay sự nghiệp giáo dục. Văn học và nghệ thuật chỉ có lợi cho đảng phát xít trong trường hợp duy nhất: dùng những phương tiện nghệ thuật để giáo dục nhân dân theo tinh thần và ý nghĩa của tư tưởng phát xít, nghĩ là mang đến cho nhân dân những tư tưởng quốc xã dưới hình thức nghệ thuật. ở đây văn học và nghệ thuật được xem như công cụ tuyên truyền, chỉ khác tuyên truyền thông thường là có tính lâu bền và tác động sâu sắc hơn. Bí thư Bộ Tuyên Truyền Valter Func đã từng tuyên bố: "Tuyên truyền và lãnh đạo văn học là không thể tách rời." (151-257). Nhưng để có thể thực hiện được chức năng này, văn học và nghệ thuật được giao nhiệm vụ trước tiên phải đi sâu đi sát quảng đại quần chúng, tác động đến quần chúng thông qua việc lựa chọn chủ đề sáng tác và phương pháp thể hiện. Nhiệm vụ đầu tiên này được gọi là Sự Gắn Bó Của Nghệ Thuật Với Nhân Dân. Tiến sĩ Hanx Ciner viết:

"Thống lĩnh muốn nghệ thuật Đức phải từ nhân dân mà ra và vì nhân dân phục vụ. Người muốn tác động giáo dục và luân lý của nghệ thuật cần phải được trau dồi hơn nữa.

... Thống lĩnh muốn người họa sĩ Đức phải từ bỏ tính không cởi mở và phải gần gũi với nhân dân; và điều này cần được phản ánh trong việc lựa chọn chủ đề sáng tác: cần phải mang tính nhân dân, dễ hiểu và phải nằm trong khuôn khổ tư tưởng quốc xã và dũng cảm và anh hùng." (178-200)

Chức năng xã hội mà bọn phát xít giao cho nghệ thuật (giáo dục nhân dân theo tinh thần tư tưởng của đảng), còn được thể hiện rõ ràng hơn trong tờ báo SS Đội Quân Đen số ra ngày 25.2.1937:

"Chức năng giáo dục của nghệ thuật là dạy bảo nhân dân theo ý nghĩa lãnh đạo nhất của từ này, bởi vì nó thức tỉnh trong con người những tình cảm tốt đẹp, khẳng định cuộc sống". (178-200)

Các nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật của Đế Tam Đế Chế đều viết trên tinh thần này. Thậm chí cả nhà thơ Nhà thơ Herbert Miulanbah viết: "Nhà thơ chân chính lớn lên cùng với hạnh phúc của dân tộc, và có thể đồng thời mang cả nỗi đau dân tộc trong trái tim mình". (180-317)

Để có thể gắn bó với nhân dân, người nghệ sĩ trước tiên phải thông suốt sự nghiệp của Đảng Quốc Xã, sự nghiệp mà theo tư tưởng của đảng là phản ánh đầy đủ nhất quyền lợi của nhân dân. Vì vậy

người nghệ sĩ phải là nghệ-sĩđđảng. Riharg Oringer viết vào năm 1935, "Nền thơ ca quốc xã, và trước tiên là những luật lệ cơ bản của nó, không phải tính cá nhân mà là tính quốc xã đơn giản và thuần túy. Tôi không sợ khi nói rằng, tôi mong đợi một nền thơ ca từ đảng. Đảng là thể xác của linh hồn quốc xã, và linh hồn quốc xã sống trong thể xác của quốc xã sẽ sinh ra nền thơ ca điển hình của mình". (180-318)

Vấn đề chính trị và tư tưởng được ưu tiên trước tiên, so với nghệ thuật và thẩm mỹ, có thể minh họa bằng những dẫn chứng sau. Trong bài báo nhan đề "Nền kịch nói trong nhà nước quốc xã" đăng trên tạp chí Biune tháng 4.1936, tiến sĩ Vahter Smit viết: "Cái mới nhất là: tư tưởng chính trị được ưu tiên và thể hiện rõ ràng trong văn học và nghệ thuật. Thể hiện trên thực tế những yêu cầu tư tưởng quốc xã trong đời sống ca kịch Đức là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, mà ngày nay nền ca kịch Đức phải thực hiện trước tiên". (178-142)

Một nhà phê bình sân khấu khác, tiến sĩ Valter Sang, viết trên báo Berliner Localanxaiger số ra ngày 17.1.1934: "Bằng cách nào để chúng ta thể hiện được những tư tưởng quốc xã trong lĩnh vực ca kịch, đó là vấn đề thời sự nóng hổi... Thay cho thẩm mỹ, ngày nay nội dung tư tưởng cần phải là tính chất quyết định. Mọi tác phẩm nghệ thuật đều có chủ ý, đó là điều không thể chối cãi. Ngày nay những tư duy anh hùng và lý tưởng về thế giới đang trị vì...(179.159)

Tư tưởng chính trị trong nghệ thuật phát xít được coi trọng đến mức ngay cả một cũng bị can thiệp. Năm 1941 có tác giả đã viết: "Trong quá khứ nước Đức chưa hiểu hết ý nghĩa chính trị của một. Đã không nhìn thấy rằng, đồng thời với việc hấp thụ những một nước ngoài, một cách sống và ngôn ngữ ngoại lai cũng xâm nhập vào đất nước. Một đã được xem như là vô chính trị".(178-255)

Đương nhiên trong hội họa và điêu khắc, những tư tưởng quốc xã có thể hiện dễ dàng hơn trong ca kịch. Có vô kể những tranh, tượng minh chứng cho điều đó. Một trong những tư tưởng quốc xã là mối quan hệ tinh thần sâu sắc giữa nhân dân và lãnh tụ dân tộc. Bức tranh "Chúng Con Muốn Được Gặp Thống Lĩnh" của Doroteia Hauer thể hiện niềm phấn khởi của nhân dân khi Thống Lĩnh xuất hiện. Các em nhỏ đang túm quanh chân những chiến sĩ SS đáng yêu, các chiến sĩ sánh vai nhau tạo thành hàng, và tất cả đều đứng lặng trước Thống Lĩnh kính yêu.

Thể hiện tình yêu của nhân dân đối với đảng quốc xã cũng là một trong những nhiệm vụ của nền nghệ thuật Đế Chế. Có hàng loạt tác phẩm điêu khắc về chủ đề này: người mẹ và con trai đang đứng nhón chân hướng về bầu trời quốc xã.

Một bức tranh thể hiện niềm tin của nhân dân vào chế độ được đặt tại phòng làm việc của Hitler như biểu tượng cho phong trào quốc xã có nội dung như sau: Một cánh đồng trống, phía chân trời đang xuất hiện mặt trời dưới hình chữ thập gậy; nhân dân đang phấn khởi chạy về phía mặt trời quốc xã với cánh tay giơ về phía trước.

Trong lĩnh vực kiến trúc, nguyên tắc thống trị là hình khối thô thiển và "những đường nét lỗi thời"

(178-228), thể hiện rõ nét tư tưởng và tham vọng của nhà nước độc tài về vĩ đại. Đây là sự lạc hậu không thể chấp nhận, vì Đức là nơi nghệ thuật kiến trúc tân tiến xuất hiện đầu tiên ở Châu Âu. Ngay từ năm 1932, nghĩa là trước khi bọn phát xít nắm quyền, theo thiết kế của giáo sư Valter Gropiux, "Ngôi nhà Xây Dựng" nổi tiếng đã được thi công tại Dexau. Những đường nét đơn giản, hài hòa và đặc biệt nhẹ nhàng, thanh cảnh đã biến nó thành hình ảnh kiểu mẫu cho kiến trúc tân tiến.

Mặc dù vậy, nền kiến trúc quốc xã vẫn hết sức lạc hậu với những nguyên tắc hình khối thô thiển và cổ điển giả mạo. Những nguyên tắc này được thể hiện trong tất cả các công trình kiến trúc cho đảng và nhà nước, chúng mang dáng dấp lâu đài, thành quách thời phong kiến, nhưng được xây dựng trong xã hội công nghiệp.

Các khái niệm về anh hùng và bi kịch cũng bị thay đổi do những nguyên tắc cơ bản của học thuyết quốc xã về mối liên quan giữa cá thể và xã hội, giữa tự do và trách nhiệm. Về vấn đề này, trong bài báo "Bước ngoặt trong bi kịch" vào tháng 9.1935, báo Baustaine Xur Doitren Nasionalteater, tiến sĩ Herman V.Anderx viết: "Việc phủ nhận bi kịch cá nhân thực sự là một bước ngoặt cách mạng về khái niệm bi kịch. Bi kịch xã hội sinh ra trong quá trình quật khởi và thăm dò, từ những nguyên tắc tư tưởng quốc xã cơ bản và từ những khát vọng vĩ đại về những giá trị tinh thần sâu sắc nhất của nhân cách.

Rõ ràng nó khác xa bi kịch ảo tưởng cổ truyền và bi kịch cá nhân muôn thuở. Bản thân con người không phải là đối tượng của thông tin, không phải là cuộc sống thế giới trong bức tranh vũ trụ. Ý nghĩa và bản chất của bi kịch là nhân dân và cộng đồng; những người Đức tồn tại trong những phẩm chất và giá trị của dân tộc Đức. Chế độ quốc xã, như nguyện vọng về giá trị tối cao, chính là bi kịch - bi kịch khẳng định cao nhất cho cuộc sống." (179-159)

Cá nhân riêng biệt không thể là bi kịch, bởi vì trước khi đạt được điều đó, cá nhân cần phải là anh hùng. Mà anh hùng cá nhân thì mâu thuẫn với nhà nước và đảng phát xít, mâu thuẫn với cộng đồng quốc xã. Đối với con người quốc xã, điều này cấm kỵ, thậm chí không được phép nghĩ tới, bởi vì đảng và nhà nước là những giá trị cao nhất trong nhận thức của các cá nhân. Cá nhân nào chống lại nhà nước phát xít là vô nghĩa và xứng đáng bị hủy diệt như kẻ phạm tội và không bao giờ có thể là anh hùng hay bi kịch. Cá nhân chỉ có thể anh hùng như một phần tử trong cộng đồng (nhà nước, đảng, nhân dân) và chỉ khi phục vụ cho cộng đồng này.

Vì lý do đó, bọn quốc xã công nhận bi kịch tập thể và phủ nhận bi kịch cá nhân. Ở ngoài tập thể và chống lại tập thể thì không thể có anh hùng và bi kịch cá nhân. Từ đây suy ra một cách logic rằng, những đối thủ chính trị của nhà nước độc tài và đảng cầm quyền không thể là những nhân vật bi kịch, vì họ không thể là những người anh hùng. Từ đây cũng dẫn đến những đạo luật man rợ của nhà nước độc tài: làm nhục, buộc tội những tội nhân là phản bội trước khi giết họ.

Để có thể thực hiện được những chức năng xã hội và chính trị của mình - giáo dục nhân dân theo

tinh thần tư tưởng của đảng quốc xã - nghệ thuật cần phải gần gũi quần chúng, rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp thu, nói được chính xác với tất cả mọi người theo một ý nghĩa nhất định, không có chỗ cho những cách hiểu bóng gió.

Nói cách khác, yêu cầu của đảng phát xít đối với văn hóa và nghệ thuật không chỉ giới hạn trong việc lựa chọn chủ đề sáng tác phải mang tính đảng, mà còn ở cách thể hiện chủ đề này: quan trọng không chỉ là thể hiện cái gì, mà phải thể hiện thế nào cho thành một tác phẩm nghệ thuật. Tính thực dụng thô thiển và chi tiết vụn vặt được coi trọng hơn cả. Đây là nguyên nhân dẫn đến lòng căm thù man dại của bọn cầm quyền quốc xã đối với những tư tưởng và mọi hình thái nghệ thuật hiện đại (chủ nghĩa ấn tượng, chủ nghĩa tân thời, chủ nghĩa hình khối, chủ nghĩa hoài nghi). Năm 1937 những xu hướng nghệ thuật này bị xem là "nghệ thuật thoái hóa" và bị theo dõi gắt gao. Màn giáo đầu cho cuộc bài xích nghệ thuật hiện đại là "Triển lãm Nghệ Thuật Thoái Hóa" tại Miunhen vào tháng 7.1937 theo sáng kiến của giới lãnh đạo Đảng Công Nhân Quốc Xã. Nhân dịp này, Hitler đọc diễn văn, trong đó có đoạn:

"N như vậy tôi đi đến kết luận, rút ra con đường vững chắc cho nền nghệ thuật Đức và giao cho nông dân một nhiệm vụ duy nhất: bắt nó đi theo con đường mà cuộc cách mạng quốc xã đã mở ra cho nhân dân Đức.

Đây là giai đoạn của những sự nghiệp vĩ đại trong mọi lĩnh vực vì sự tiến bộ của con người, quan tâm không chỉ đến những nhu cầu tinh thần cấp thiết mà cả cái đẹp lý tưởng cũng không còn là biểu tượng phô trương điên rồ và hoang dại trong nghệ thuật, của những tàn dư từ thời kỳ đồ đá, của sự mù quáng màu sắc, của những phác thảo thử nghiệm ngờ nghệch bởi những kẻ khủng điên vô tích sự trên đây. Nước Đức của thế kỷ XX là nước Đức của nhân dân, những dân tộc Đức trong thế kỷ này đã được thức tỉnh về cuộc sống, hấp dẫn bởi sức mạnh và vẻ đẹp, và là một dân tộc khỏe mạnh và yêu đời.

Vì mục đích này, toàn bộ gia sản nghệ thuật dân tộc cần được giữ trên nền tảng vững vàng và chắc chắn, để cho những thiên tài thực sự có thể phát triển. Thiên tài không phải là không suy nghĩ" (178-388).

Đây là lời phê chuẩn của đảng cho nghệ thuật hiện đại. Diễn văn chống "nghệ thuật thoái hóa" được các cán bộ đảng lớn nhỏ, các lãnh đạo những hiệp hội trí thức nhắc đi, nhắc lại. Toàn bộ diễn đàn, đài phát thanh, phim ảnh đưa những phân tích và đánh giá về diễn văn của Quốc trưởng. Một số người gọi bài diễn văn này là lịch sử, số khác - cương lĩnh, số khác nữa - mở đầu cho thời kỳ phát triển rực rỡ của nền văn hóa nước Đức...

Các họa sĩ hiện đại bị gọi là "những kẻ giết nghệ thuật", "những kẻ điên rồ", "những kẻ thối nát", "chậm tiến", còn những tác phẩm của họ - "những tư tưởng thoái hóa vô ý thức". (A Sigler)

Năm 1937 và cả nhiều năm sau đó, xuất hiện hàng loạt bài viết chống "nghệ thuật thoái hóa" dưới

nhiều hình thức khác nhau: phê bình, nghiên cứu... Sau khi cuộc tấn công chống "nghệ thuật thoái hóa" trở thành nhiệm vụ quốc gia, toàn bộ bộ máy nhà nước bị thu hút và hưởng ứng chiến dịch này. Thí dụ trong một bài báo có đoạn viết: "Từ nay chúng ta sẽ tiến hành một cuộc đấu tranh triệt để nhằm quét sạch những phần tử cuối cùng nghệ thuật thoái hóa." (178-312). Sự thật là bọn quốc xã đã dùng nhiều biện pháp "hiệu quả" để chống lại nghệ thuật hiện đại.

Chiến dịch khủng bố nghệ thuật hiện đại kết thúc bằng sắc luật thu hồi những tác phẩm nghệ thuật "thoái hóa" ban hành ngày 31.5.1938. Theo luật này, "những tác phẩm nghệ thuật thoái hóa được lưu trữ trong các viện bảo tàng trước khi sắc luật này ban hành và theo nhận xét của Quốc Trưởng là nghệ thuật thoái hóa, có thể sẽ bị tịch thu vô điều kiện vì lợi ích quốc gia... Đối với những trường hợp đặc biệt có thể áp dụng những biện pháp cương quyết hơn..." (178-337)

"Những biện pháp cương quyết hơn" được thể hiện bằng cách cấp "sổ lao động" cho những họa sĩ hiện đại không muốn sửa chữa sai lầm và vẽ Sự Thật theo thị hiếu của giới lãnh đạo đảng Quốc Xã; tước bằng họa sĩ của họ và biến họ thành những người lao động thể lực thông thường.

Thật ngậy thơ nếu nghĩ rằng những hành vi kỳ quặc chống nghệ thuật này ở Đức chỉ được tiến hành do ban lãnh đạo chính trị chớp bu. Những hành vi này còn được bọn tầm thường trong các hiệp hội trí thức ủng hộ triệt để. Cụ thể là trong những tổ chức quốc gia này, đảng và nhà nước phát xít đã huấn thị cho bè lũ gián điệp của mình - bọn tầm thường và thông qua chúng, chà đạp nền nghệ thuật tự do và chính hiệu ở đây quyền lợi và sự cộng tác giữa bọn tầm thường và đảng phát xít liên quan chặt chẽ đến mức, dưới con mắt của người quan sát bên ngoài, mọi vấn đề được thể hiện như sau: những nghệ sĩ "chân chính" sáng tạo nghệ thuật, còn những người tân tiến cản trở họ, dẫn đến cần có sự can thiệp của nhà nước; nhà nước liền gạt bỏ những trở ngại này và nền nghệ thuật lại được phát triển theo con đường do Đảng Quốc Xã vạch ra

Một câu hỏi lớn được đặt ra: tại sao nhà nước độc tài phát xít lại theo dõi và căm thù vô độ nghệ thuật hiện đại? Đôi khi người ta đã thử giải thích hiện tượng này bằng chủ nghĩa bài Do Thái, đặc biệt ở Đức vì một phần trong các họa sĩ hiện đại là người Do Thái. Cách giải thích này không thỏa đáng, bởi vì phần lớn những đại diện của nghệ thuật "thoái hóa" là người Đức thuần chủng. Thậm chí một vài người trong đó còn là đảng viên quốc xã với những cống hiến nhất định cho đảng này. Thí dụ: Emil Nolde vào đảng cùng thời với Hitler và là một trong những người sáng lập đảng này. Mặc dù vậy, ông ta vẫn bị xem là "thoái hóa" và bị chính quyền theo dõi. Thực chất một vài người trong những họa sĩ hiện đại bị theo dõi vì họ đã vén tấm màn che sự thật. Nhưng cũng chỉ có vài người như thế. Oto Dix bị xem là "thoái hóa" vì vẽ "màu xám của chiến tranh như màu xám" (151-208), G.Grox - "thoái hóa" vì lên án chủ nghĩa bành trướng, Paul Clei "thoái hóa" vì các "nhà độc tài nghệ thuật" không hiểu được nghệ thuật của ông. (151-208)

Nguyên nhân thực sự là, nghệ thuật hiện đại vượt ra ngoài những khuôn phép mà bọn phát xít áp đặt cho nghệ thuật nói chung - bắt nghệ thuật phải mù quáng phục tùng những tư tưởng chính trị và nhiệm vụ giáo dục của tư tưởng này. Đặc trưng của nghệ thuật hiện đại là, tự do chủ thể rộng lớn của người họa sĩ trong việc diễn giải chủ đề với những tính chất chủ quan không tránh khỏi, khiến người họa sĩ trở nên ít phụ thuộc vào nguyện vọng và ý muốn của giới lãnh đạo chính trị, nghĩa là tác phẩm của họa sĩ trở thành xu hướng chống đối lại chế độ. Nhưng điều này mâu thuẫn với một trong những nguyên tắc cơ bản của nhà nước phát xít: không cho phép bất kỳ xu hướng chống đối nào.

Ngoài ra nghệ thuật hiện đại không thể trùng lặp với những tiêu chuẩn của nhà nước độc tài, vì nó không thể mang chức năng xã hội - chính trị nhằm giáo dục nhân dân theo tinh thần tư tưởng phát xít. Điều này hoàn toàn không thể thực hiện được, bởi vì người họa sĩ có quyền tự do rộng lớn khi thể hiện chủ đề, có thể cho chủ đề những nội dung không lợi cho chế độ chính trị; hơn nữa nghệ thuật hiện đại để cho người xem tự do phân tích, phụ thuộc vào trình độ, cảm hứng và kinh nghiệm cá nhân của họ; và điều này rõ ràng không phù hợp với lối tư duy bất biến của đảng.

Để làm sáng tỏ vực sâu ngăn cách giữa những tư tưởng chính trị - văn hóa của nhà nước phát xít và bản thân nghệ thuật, chúng ta sẽ dịch một số lời phát biểu của các nhà văn hóa quốc xã về những yêu cầu đối với nghệ thuật. Vào năm 1937, Gobelx đã nêu quan điểm của mình như sau: "Nghệ thuật Đức trong những thập kỷ tới cần phải anh hùng, sắt thép, thơ mộng, không mềm yếu, thiếu nội dung, cần mang tính dân tộc, với bầu nhiệt huyết nóng hổi, nghệ thuật hoặc đồng thời vừa có nghĩa vụ và trách nhiệm, hoặc sẽ trở nên vô nghĩa."(151-203)

Tiến sĩ Adolf Fiolner đã trả lời như sau về câu hỏi nghệ thuật mới cần phải như thế nào: "Hình thái phải dễ hiểu và rõ ràng. Nội dung phải nói được với tất cả mọi người. Nội dung nghệ thuật phải phục vụ mục đích giáo dục tư tưởng cho nhân dân. Nghệ thuật cần phải mang sức sống như trước đây. Nghệ thuật cần phải mang tư tưởng đến cho nhân dân. Nghệ thuật cần phải phát hiện những biểu tượng mới mẻ của dân tộc."(178-156)

Dưới đầu đề "Văn học Đức - Thể hiện Cảm hứng Yêu đời Quốc Xã", báo Filmcurner viết: "Chế độ quốc xã giao cho các nhà văn nhiệm vụ củng cố sức mạnh. Nó đòi hỏi tinh thần trách nhiệm vô điều kiện trước cuộc sống."(120-317)

Tóm lại, yêu cầu của bọn quốc xã đối với nghệ thuật là: nghệ thuật không được xa rời quần chúng, vô chính trị, cá nhân, hoài nghi, hư vô, mềm yếu, tân tiến, vô chính phủ; và nghệ thuật cần phải liên quan mật thiết với quần chúng (Hitler), đi theo con đường mà cuộc cách mạng quốc xã vạch ra (Hitler), anh hùng, thơ mộng (Gobelx), đồng thời vừa có nghĩa vụ và trách nhiệm, hiện thực, phục vụ mục đích giáo dục tư tưởng cho nhân dân, rõ ràng và dễ hiểu cho tất cả mọi người, khẳng định cuộc sống, có hy vọng.

Tác phẩm nghệ thuật nào không đáp ứng được những tiêu chuẩn thẩm mỹ trên của đảng và chế độ

quốc xã thì không có quyền tồn tại. Ước với nhà nước phát xít, những tác phẩm như thế không phải nghệ thuật, mà là chống đối chính trị và cần phải hủy diệt.

Gyom Vaix, một trong những kẻ cộng tác đắc lực cho Gobelx, đã từng phát biểu như sau: "Nếu một tác phẩm nghệ thuật được thể hiện vì những tư tưởng quốc xã, chúng ta cần phải khích lệ. Còn ngược lại, không những chúng ta có quyền, mà còn có nghĩa vụ phải hủy diệt nó. Phê bình nghệ thuật không phải là vấn đề thẩm mỹ, mà là chính trị thuần túy."(155-160)

C. Chấn chỉnh khoa học và đội ngũ cán bộ khoa học.

Trong lĩnh vực khoa học, đảng quốc xã cũng thi hành những chính sách như trong văn học và nghệ thuật. Nguyên tắc cơ bản là, nền khoa học và sự nghiệp nghiên cứu khoa học phải phục vụ cho sự nghiệp của đảng, và chỉ như thế mới có lợi cho xã hội. Từ đây suy ra những kết luận cụ thể như sau:

(1) Toàn bộ nền khoa học và sự nghiệp nghiên cứu khoa học phải được xây dựng theo tinh thần tư tưởng và nhiệm vụ của đảng;

(2) Tất cả những cán bộ khoa học không đáp ứng được vai trò này cần phải sa thải khỏi trường đại học và các cơ sở nghiên cứu, đồng thời bổ nhiệm thay thế những cán bộ quốc xã từng trải.

Tháng 7. 1934, Hội đồng Đại học gồm những cán bộ đảng dưới sự lãnh đạo của Alfred Rozenberg được thành lập "với nhiệm vụ: kiểm tra tư cách của tất cả cán bộ khoa học trong các trường đại học và nếu có nhận xét tốt thì gửi danh sách cho Hội đồng Bộ trưởng."(151-214) Bằng cách đó, việc bổ nhiệm cán bộ trong các trường đại học phụ thuộc hoàn toàn vào đảng phát xít. Kết quả là hàng loạt cán bộ khoa học bị sa thải vì quan điểm chính trị hay vì nguồn gốc "không thuần chủng". Đến giữa năm 1937 con số này lên tới 1684 người (103-218), trong đó có các giáo sư Guxtax Fon Berman, Emel Lederer, Edauard Norden... Ngoài ra còn có năm người đã từng được giải Nobel: hai nhà vật lý - Albert Ainstain và Macx Born, và ba nhà y học.

Chỉ riêng trường Tổng Hợp Berlin đã có tới 230 giảng viên bị thải hồi.

Sau khi vấn đề cán bộ đã được giải quyết bằng phong trào "làm trong sạch" đội ngũ, đảng phát xít chuyển sang phần công việc tiếp theo: nhồi nhét tư tưởng quốc xã cho sinh viên và cán bộ giảng dạy, và chấn chỉnh lại công tác nghiên cứu khoa học cho phù hợp với nhiệm vụ chính trị của nó.

Trong các trường đại học, môn chính trị toàn cầu trở thành môn học bắt buộc, và nhờ đó mà một loạt bộ môn "khoa học" xuất hiện: kinh tế toàn cầu, chiến lược toàn cầu, pháp luật toàn cầu... và như vậy, cái gọi là "đồng hóa chính trị toàn cầu" (thuật ngữ này do bọn quốc xã sử dụng đầu tiên) các môn khoa học được hình thành.

Nội dung giảng dạy trong các trường học cũng được cải cách theo tinh thần "lý thuyết" chủng tộc.

Hitler dạy: "Sự nghiệp giáo dục cần tiến hành làm sao cho trẻ em Đức ngay lập tức hiểu được nguồn gốc thượng đẳng của mình". (103-205)

Trong công tác nghiên cứu khoa học, khẩu hiệu cao nhất là: phục vụ chế độ quốc xã và tư tưởng quốc xã là trên hết. (155-215)

Kết quả cuối cùng là, trong tất cả các giảng đường và cơ sở nghiên cứu, sự thống trị toàn diện và không thể tách rời của đảng quốc xã được thiết lập - thống trị kể cả về vấn đề cán bộ, cũng như mục đích, ý nghĩa và bản thân nền khoa học.

"Tự do sáng tạo" và "quyền tự trị của các trường đại học" bị hủy diệt hoàn toàn. Hơn thế nữa, các trường đại học còn bắt đầu bị cưỡng ép. Nhà tư tưởng của đảng - Alfred Rozenberg, khi trả lời những công kích ở nước ngoài về những hành động chống "tự do sáng tạo" trong nước Đức đã nói như sau: "Không bao giờ đảng đe dọa quyền tự do nghiên cứu! Trong công tác nghiên cứu khoa học không hề có đổ máu. Những binh sĩ SA rõ ràng đã mang lại cho sự nghiệp nghiên cứu của nước Đức nhiều hơn, so với một vài giáo sư trong các trường đại học. Do đó phong trào cách mạng có quyền ấn định những luật lệ của mình cho thế giới mới." (151-213)

Đa phần giới trí thức cộng tác với chế độ và tự thanh minh rằng, như thế cũng là phục vụ cho nhân dân. Những nguyên tắc dân chủ tốt đẹp như tự do ngôn luận, quyền độc lập cho các nhà bác học bị đẩy lùi và bị hy sinh cho những quyền lợi "dân tộc".

Đó gần như là sự quy phục của giới trí thức trước nhà nước phát xít.

Jeliu Jeliev

Chế Độ Phát Xít

Cấu trúc của một nhà nước phát xít

Phần I(c)

5. Mâu thuẫn giữa đảng phát xít và giới trí thức chân chính.

Tổ chức những người trí thức vào hệ thống hiệp hội quốc gia, nhồi nhét cho họ tư tưởng, tinh thần và thẩm mỹ quốc xã, đảng phát xít thực chất là tước đi của họ mọi quyền tự do, biến họ thành những phần tử lệ thuộc vào đảng cấp quan liêu.

Đảng phát xít chỉ trao quyền tự do cho những kẻ sẵn sàng phục vụ và cộng tác đắc lực với nó. Những ai không đồng ý với đảng thì không thể có quyền tự do này và không còn là "trí thức".

Trên đây, đảng phát xít xuất phát từ học thuyết của mình về nhà nước và xã hội, nhà nước và cá nhân. Theo học thuyết này, cá nhân luôn luôn phải phục tùng "tập thể", "cộng đồng". Đứng ngoài cộng đồng và chống lại cộng đồng thì không thể còn là cá nhân. Tiến sĩ Oto Ditrih, một trong những nhà lý luận của phát xít Đức viết:

"Cộng đồng là, và bản thân nó là, cái mang đến cá nhân xứng đáng. Con người là cá nhân, không phải vì tự nó thể hiện như vậy. Con người là cá nhân chỉ khi thông qua quá trình sáng tạo trong cộng đồng và vì cộng đồng.

Cá nhân chỉ là cái "tôi" nhỏ nhoi, cô độc. Do đó người nào không tỏ rõ được bản thân mình, thông qua cộng đồng hay thông qua sự công nhận của cộng đồng thì không thể là cá nhân." (36-66,67)
Nói cách khác, người trí thức chỉ là cá nhân khi làm việc cho cộng đồng quốc xã (nhà nước, đảng, nhân dân, tập thể ...) và được công nhận có cống hiến cho "cộng đồng". Còn nếu người trí thức chống lại một dạng cộng đồng nào đó, thí dụ đảng phát xít hay nhà nước, thì không thể là cá nhân nữa và cần phải hủy diệt bằng mọi cách. Tất cả những kẻ thù của nhà nước phát xít đều không còn là những cá nhân: họ là những kẻ phản bội, tráo trở và sa đọa... Từ đây cũng nảy sinh vấn đề về tự do. Oto Ditrih viết tiếp:

"Mọi khái niệm về tự do mà không xuất phát từ cộng đồng là sai lầm và không thể ứng dụng cho bất kỳ nhận thức nào trong mọi lĩnh vực của cuộc sống chung.

Tự do như thế không có tác động khẳng định, mà phá hủy cuộc sống. Do đó cái gọi là "tự do cá nhân" như những đồ đệ của nó khẳng định một cách thiếu suy nghĩ không phải là cái mà thiên nhiên trao cho con người. Thiên nhiên ban cho con người nhận thức về cộng đồng và con người được sinh ra trong cộng đồng."(36-70)

"... Tự do cá nhân là tự do từ cái gì, đó là vô trách nhiệm, hỗn độn và sẽ dẫn đến vô chính phủ (tự do cá nhân = vô trách nhiệm và hỗn độn = vô chính phủ! thật là lối tư duy phát xít điển hình! J.J). Tự do sáng tạo là tự do "vì cái gì", đây là tự do của cá nhân, tự do sáng tạo của con người cho cộng đồng. Đây mới chính là tự do thực sự duy nhất và xứng đáng với tên gọi của nó. Cuộc cách mạng quốc xã về tư tưởng đã mang đến cho chúng ta khái niệm đúng đắn này của tự do và làm cho nó trở thành thực tiễn sống động". (6-70,71)

"... Cái mà bọn cá nhân chủ nghĩa gọi là tự do và một vài kẻ tự do chủ nghĩa tuy không nói ra nhưng thực chất rất mong muốn, không phải tự do mà là vô trách nhiệm.

Tự do vì cái gì, tự do sáng tạo cho chế độ quốc xã - ở đất nước chúng ta không cần phải mong ước, bởi vì nó đã có sẵn." (36-74)

Nhưng giả sử có ai đó không muốn sáng tạo cho chế độ quốc xã? giả sử có người mong muốn nhà nước và đảng phát xít trả tự do, người đó có được tự do không? Về những câu hỏi này, Oto Ditrih trả lời công khai: "Nhưng bất kể những phân tích trên, giả sử ở đâu đó vẫn có người đòi hỏi tự do, thì đó nhất định là những kẻ không đồng ý và chống lại cộng đồng quốc xã của chúng ta... Tự do như thế là tự do phá hoại và ích kỷ, và chúng ta không thể cho phép những kẻ đó có quyền như vậy. Chúng ta chỉ mang đến tự do sáng tạo, tự do thực sự có lợi cho cộng đồng." (36-74)

Như chúng ta thấy, những người không muốn cộng tác với nhà nước không những không có quyền

tự do sáng tạo mà còn bị xem là "phá hoại" và "ích kỷ" và sẽ bị theo dõi.

Phát xít Italia cũng đặt vấn đề cá nhân - xã hội theo cách đó. "Dân tộc Italia là một cơ thể sống, mà mục đích, sự tồn tại và phương thức sống mạnh mẽ hơn, lâu bền hơn mọi cá nhân và hiệp hội riêng biệt." (36) Guido Bartolto, một trong những nhà lý luận phát xít, trong tác phẩm chế độ phát xít và dân tộc còn xây dựng rõ ràng hơn nguyên tắc cơ bản này: "Đối với chúng ta sự khác nhau đó là: theo chủ nghĩa cá nhân thì cá thể làm chủ tổng thể, còn theo chủ nghĩa cộng đồng - tổng thể làm chủ cá thể. Giữa hai lĩnh vực này là chủ nghĩa nghiệp đoàn, nhờ đó mà cá thể và tổng thể tồn tại hài hòa." (36-37)

Sự khác nhau giữa chế độ quốc xã và phát xít chỉ là: chế độ phát xít (Italia) dầu sao cũng thử dung hòa giữa tổng thể và cá thể, mặc dù điều đó không bao giờ đạt được trong nhà nước độc tài. Nhà nước độc tài không thể chấp nhận bất kỳ một sự khác biệt nào đối với chính nó, không chấp nhận nhân bản, thậm chí kể cả nhân bản của một nghiệp đoàn.

Vấn đề quan trọng là: nhà nước phục vụ cá nhân, hay cá nhân phục vụ nhà nước, cả Đức và Italia đều cùng nhất trí hoàn toàn như nhau - sự phục tùng vô điều kiện của cá nhân đối với nhà nước. Từ đây dẫn đến "tự do" của cá nhân để làm việc - cho nhà nước. Ngay từ năm 1933, tên quốc xã Gotfrid Buen, trong bài báo "Nhà nước mới và bọn cá nhân chủ nghĩa", đã nêu chính xác nguyên tắc cơ bản này của chế độ độc tài: "Tự do tinh thần? Trả lời: phục vụ nhà nước." (178-71)

Nhưng mặc những điều kiện khốc liệt trong nhà nước độc tài, mặc dù không có khả năng để tạo nên xu hướng đối lập, sớm hay muộn ở dạng này hay dạng khác, một xu hướng như thế nhất định sẽ xuất hiện. Đó là quy luật bởi vì ngay cả nền bạo chính dã man nhất cũng không thể tiêu diệt được tư duy. Hơn thế nữa, bản thân nhà nước phát xít, một mặt tiêu diệt tự do tư duy, mặt khác lại bắt buộc phải khuyến khích nó để khỏi lạc hậu so với những nước dân chủ, hay ít ra để khỏi lạc hậu trong lĩnh vực khoa học quân sự. Nhưng tư duy dễ dàng chuyển sang tư duy tự do, thành mâu thuẫn với lối tư duy đang tồn tại Từ đây tất yếu sẽ sinh ra xu hướng chống lại chế độ.

Trong giai đoạn cực thịnh của nhà nước phát xít, khi nhân dân còn mù quáng tin tưởng vào những tư tưởng của nó và đi theo nó như thời kỳ đầu chiến tranh ở Đức, xu hướng chống đối này mang tính tiêu cực, bị cô lập, vì không được nhân dân ủng hộ. Khi đó xu hướng này được thể hiện dưới dạng tỵ nạn ở nước ngoài hay "ẩn dật ở trong nước".

Đến đầu chiến tranh, hàng trăm nghìn nhà bác học, nhà văn, nhà thơ tài ba nhất đã rời bỏ nước Đức, sống tỵ nạn ở nước ngoài.

Một bộ phận khác trong giới trí thức, vì lý do nào đó mà không thể sống tỵ nạn và không bị ném vào các trại tập trung cải huấn, chuyển sang sống "ẩn dật trong nước", nghĩa là không làm việc cho nhà nước, mà làm việc cho chính bản thân mình và chờ thời. Trên quan điểm chính trị, kiểu chống đối này, dù không góp phần làm lung lay chế độ, vẫn là biểu hiện của tinh thần dũng cảm. Nó đòi hỏi

quyết tâm và sức chịu đựng, vì thế một khi tinh thần đã cạn những người này thường tự kết thúc đời mình.

Tiếp theo, cùng với sự suy yếu dần của nhà nước phát xít, xu hướng chống đối này ngày càng trở nên tích cực hơn. Nhận thức nhà nước quản quan không lối thoát, chuyển từ mê muội sang quý quyết. Lúc này nhân cách con người bị chia thành hai nửa đối kháng - một mang tính xã hội và một mang tính cá nhân. Nửa nhân cách mang tính xã hội vẫn thực hiện những nhu cầu của nhà nước; nửa nhân cách cá nhân chỉ được thể hiện trước những người thân thích. Sự quý quyết là đặc tính xã hội tổng thể trong giai đoạn suy thoái tư tưởng của chế độ phát xít. Mọi người đều nói những điều trái với suy nghĩ, tán thành những việc mà họ không bằng lòng; đồng thời công kích tất cả những vấn đề này trước những người thân thích.

Tuy nhiên, trong trường hợp này sự quý quyết đầu sao cũng là biểu hiện cao nhất trong quá trình tiến hóa của nhận thức xã hội ở chế độ phát xít, bởi vì người ta đã bắt đầu nhận ra sự thật. Nếu như sự cuồng tín là niềm tin mù quáng, thì sự quý quyết là tư duy phản kháng ngấm ngấm, chưa thể hiện công khai.

Trong hoàn cảnh đó, giới trí thức chưa dám thẳng thừng công kích chế độ phát xít, bởi vì người ta chỉ dám nói sự thật ở những nơi kín đáo và tin cẩn, còn ở ngoài xã hội tất cả đều bắt buộc phải nói dối.

Hành động cao nhất mà giới trí thức có thể làm lúc này là, dùng những sự kiện hay hình tượng lịch sử để nói lên những việc hiện tại đang diễn ra. Thí dụ năm 1935, Vener Bergengruen viết tiểu thuyết Bạo Chúa và Quan Tòa thực chất là "kín đáo buộc tội Hitler." (151-234)

B. Brecht, năm 1934, đã viết Năm cái khó cho những người viết về sự thật như sau: "Ngày nay, những ai muốn vạch trần sự giả dối và quyết tâm viết về sự thật đều phải vượt qua ít nhất 5 cái khó. Cần phải dũng cảm để viết về sự thật, vì ở đâu người ta cũng cấm; Cần phải có trí tuệ để nhận ra sự thật, vì ở đâu người ta cũng giấu; cần phải thông minh để biến sự thật thành vũ khí đấu tranh; cần phải có khả năng để chọn những người có thể sử dụng vũ khí này; và cũng cần phải khôn ngoan để truyền bá sự thật cho những người này..." (11-27)

Ưu điểm của cách phản kháng kín đáo này là, tác giả của nó có thể luôn luôn tự bảo vệ. Người ta chỉ có thể nghi ngờ, chứ không buộc tội được tác giả, vì bao giờ cũng có thể nói, rằng không có chủ định như thế... Nhược điểm lớn nhất của cách phản kháng này là không phải ai cũng hiểu và đầu sao thì vấn đề này cũng vẫn không được đặt ra một cách công khai như những vấn đề cần giải quyết hay cương lĩnh hành động. Ngoài ra những người viết theo cách này luôn luôn có cảm giác về kiểm duyệt phát xít, dần dần đến tự kiểm duyệt và làm giảm khả năng sáng tạo. Nhà văn Bồ Đào Nha, Fereir Di Kastru, viết: "Một câu hỏi luôn luôn ám ảnh chúng tôi: liệu người ta có cho in không?" (33-53) Chỉ có những người trí thức vượt qua được vòng ma thuật của cách tư duy quý quyết này, dám

viết về những điều mà mọi người vẫn trao đổi kín đáo với nhau, mới đạt thành hệ thống như cương lĩnh nhằm chống lại hệ tư tưởng phát xít. Bằng cách đó, họ trở thành người cách mạng, đặt nhiệm vụ cho mình trên bước đường công danh và không quản ngại những nguy hiểm có thể xảy ra. Đồng thời những người này trở thành những đại diện cho giai đoạn thứ ba trong sự phát triển của cách tư duy lệ thuộc, khi nhà nước độc tài đã trở nên yếu đuối, đến mức không còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng những người chống đối, và khi sự tan rã của nó đã trở nên rõ ràng. Khi đó những người phải sống giả tạo vứt bỏ cái mặt nạ xã hội và thể hiện khuôn mặt thực sự của mình. Giờ đây họ công khai nói những điều mà họ suy nghĩ.

Do những dữ kiện quá dồn dập (chúng ta không nên quên rằng, chế độ quốc xã chỉ tồn tại vỏn vẹn 12 năm và 4 tháng!) nước Đức không trải qua giai đoạn này. Diễn biến kinh hoàng của chiến tranh đã tạo điều kiện cho bộ máy khủng bố của nhà nước - Zetapo và SS - đàn áp thẳng thừng mọi xu hướng chống đối. Ngoài ra, trong ngọn lửa chiến tranh tàn khốc, những sáng tạo nghệ thuật theo hướng này rất khó có thể trở thành trung tâm của cuộc đấu tranh chống chế độ. Trong những điều kiện như thế, đảo chính quân sự là hình thức thích hợp và hiệu quả nhất.

Giai đoạn thứ ba này của quá trình tư duy lệ thuộc, trong hình thức điển hình nhất, chỉ xảy ra duy nhất tại nước Tây Ban Nha-Franco sau chiến tranh. Trong giai đoạn này, giới trí thức dựa vào các tầng lớp xã hội, bao gồm những đối thủ của nhà nước phát xít, công khai đứng ra chống lại nhà nước. Họ trở thành những nhà cách mạng, hay đúng hơn, những người dân chủ, bởi vì lúc này những nguy hiểm không còn đáng sợ như trước nữa.

IV. Tư duy uy tín với sự sùng bái lãnh tụ dân tộc

Trong lĩnh vực tinh thần, nhà nước phát xít là nhà nước uy tín. Bởi vì nguyên tắc tư duy cao nhất trong đẳng cấp tập trung quan liêu cao độ của nhà nước trở thành uy tín, thành niềm tin mù quáng vào sự đúng đắn của nó. Uy tín được xem như tiêu chuẩn cao nhất của sự thật: không phải uy tín phụ thuộc vào sự thật, mà ngược lại - sự thật phụ thuộc vào uy tín.

Người ta ngầm ngầm công nhận rằng, trong hệ thống đẳng cấp quan liêu, cấp càng cao thì suy nghĩ càng ít sai lầm và có nhiều khả năng hơn để chứa đựng sự thật. Với cách tư duy này, cấp cao nhất, nắm trong tay mọi quyền lực, được xem là chứa đựng sự thật tuyệt đối, không còn phải bàn cãi hay nghi ngờ và đòi hỏi phải được phục tùng và tin tưởng vô điều kiện. Thiếu niềm tin này, cơ cấu đó không thể tồn tại. Đây là dấu hiệu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nhà nước độc tài đến mức, sau ngày 20.7.1944 chánh án tòa án "nhân dân" đã định đề xuất đạo luật với mục đích theo dõi những người nghi ngờ Thống lĩnh và thắng lợi cuối cùng...

Nhưng khi nói đến lối tư duy uy tín như một dấu hiệu đặc biệt trong đời sống tinh thần của nhà nước độc tài, cần thiết phải xác định cụ thể hơn vấn đề này. Tất cả mọi đẳng cấp quan liêu, mọi chế độ quân chủ, chế độ tư bản, chiếm hữu nô lệ đều có lối tư duy này, chứ không phải chỉ riêng nhà nước

phát xít. Cái mới, công hiến "chính hiệu" của chế độ phát xít trong lĩnh vực này là tư duy độc tài, được phân chuyển tổng thể không chỉ tại các cơ quan, công sở nhà nước, mà còn cả trên toàn bộ xã hội, các tổ chức quần chúng, đến tận những cơ sở công nghiệp, nơi mà những ông chủ được xem như "thủ lĩnh" của nhà máy, công xưởng... "Nguyên tắc tập trung" được nâng lên thành nguyên tắc lãnh đạo tối cao trong đời sống chính trị, kinh tế và tinh thần của Đệ Tam Đế Chế và được pháp luật bảo trợ.

Ở Italia, dưới hình thức khác - thông qua yêu cầu phục tùng - lối tư duy uy tín được phân chuyển tổng thể.

1. Uy tín và sùng bái.

Trong chế độ độc tài không thể tồn tại uy tín chính trị thực sự. Uy tín thực sự chỉ có trong xã hội dân chủ, nơi mọi cá nhân cạnh tranh trong cùng một điều kiện và ai có khả năng hơn, người đó sẽ chiến thắng; Chỉ có trong những xã hội mà tài năng luôn luôn thắng tầm thường và bất tài.

Do cấu trúc đẳng cấp nghiêm ngặt trong nhà nước độc tài, "uy tín" phụ thuộc vào quyền lực của các cá nhân chứ không phụ thuộc vào phẩm chất công tác và trình độ tri thức của người đó. Nhưng vì quyền lực phụ thuộc vào vị trí cao thấp trong đẳng cấp quan liêu, suy ra rằng "uy tín" phụ thuộc vào địa vị chiếm giữ. Như vậy cái quan trọng không phải phẩm chất và khả năng của con người, mà là địa vị chiếm giữ, thậm chí không phụ thuộc vào việc leo lên địa vị đó bằng cách nào, có xứng đáng hay không. Người ta công nhận, một khi đã có vị trí nào đó cũng đồng thời có đủ phẩm cách cần thiết; rằng cấp trên thông minh và công bằng hơn cấp dưới. Đây là nguyên tắc cơ bản không thể thiếu cho mọi đẳng cấp quan liêu.

Những đặc thù đặc biệt này của nhà nước độc tài che chở cho nó khỏi lộ nguyên hình là chế độ chính trị và phản động.

Đồng thời chúng giúp chúng ta phát hiện ra một đặc tính đặc biệt khác: không tồn tại những cá nhân, những công dân vĩ đại có vai trò xã hội không phụ thuộc vào nhà nước.

Trong những điều kiện của nền dân chủ truyền thống, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển của nó có thể tồn tại những cá nhân đại diện cho xã hội trước nhà nước. Họ là nhà văn, diễn viên, nhà bác học hay những người hoạt động chính trị tại những xu hướng đối lập. Do sự cống hiến của mình cho xã hội, những người này có vai trò chính trị đối với nhà nước. Bởi vậy họ có thể đại diện cho những bộ phận, những nhóm công dân, đứng ra phê phán nhà nước hay cán bộ lãnh đạo của các cơ sở nhà nước.

Trong nhà nước phát xít không có các công dân, mà chỉ có những kẻ phục tùng, bắt buộc phải phục vụ và thi hành. Nhà nước phát xít phân chuyển những nguyên tắc của đẳng cấp quan liêu trên cả xã hội công dân. Xã hội không có chút quyền tự chủ nào đối với nhà nước, chứ đừng nói gì đến xu

hướng đối lập. Trong hoàn cảnh đó, đương nhiên nhà bác học hay người làm công tác nghệ thuật không thể đại diện cho nguyện vọng xã hội. Trong nhà nước độc tài, có thể có những nhà văn lớn, nhà bác học lớn, nhà triết học lớn, song họ không thể trở thành những Công Dân, mà chỉ là những công dân đáng tiếc, run sợ trước quyền lực của đảng và nhà nước phát xít quan liêu.

Trên thực tế, chỉ có bọn cầm quyền của chế độ phát xít là đại diện duy nhất cho xã hội công dân. Quyền thống trị chính trị bạo tàn trên mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội cho phép chúng tự khoác cho mình những đặc tính tốt đẹp nhất: thông minh nhất, uy tín nhất, công bằng nhất, nguyên tắc nhất, trong sạch nhất, v.v...

Nhưng đó chỉ là ánh hào quang giả tạo, xuất phát từ quyền lực chính trị vô hạn. Trong nhà nước phát xít có thể nói, cầm quyền không phải vì thông minh, mà- "thông minh" vì có quyền, cầm quyền không phải vì trong sạch, mà- "trong sạch" vì có quyền, cầm quyền không phải vì có nguyên tắc, mà- "có nguyên tắc" vì có quyền, sau cùng- giữ vị trí lãnh đạo không phải vì uy tín, mà- "uy tín" vì là lãnh đạo chính trị .

Trên cơ sở những phân tích trên, chúng ta rút ra một kết luận quan trọng rằng, trong nhà nước độc tài không có và không thể có những uy tín chính trị thực sự, bởi vì con đường duy nhất để đạt được uy tín là tham gia cộng tác với đẳng cấp quan liêu, nghĩa là muốn có uy tín thì trước hết phải là người nhà nước. Trong vấn đề này sự khác nhau giữa nhà nước phát xít và nền dân chủ tư sản truyền thống là, trong nền dân chủ tồn tại con đường khác, không phải là con đường hành chính, cho những người hoạt động chính trị và điều này có tác động ngược lại, làm thay đổi bản thân hệ thống quan liêu.

Vì lý do này, nhà nước phát xít bắt buộc phải thay uy tín thực sự bằng uy tín giả hiệu, đạt được nhờ bộ máy tuyên truyền khổng lồ của đảng, nhà nước và những tổ chức quần chúng. Hành động này không tránh khỏi bị chuyển thành tôn thờ thần tượng hoang đại và vô độ . Nó tô vẽ cho lãnh tụ những đặc tính siêu phàm, mà về nguyên tắc không thể tồn tại trong cùng một con người. Như vậy, thay cho uy tín, nhà nước tạo nên sự sùng bái cá nhân các lãnh tụ chính trị . Hitler được thể hiện như con người hoàn hảo nhất: "người bạn của thiên nhiên", "người am hiểu nghệ thuật", "người đồng chí kính yêu", "người bạn của công nhân", "người bạn của nông dân", người bạn của thế hệ trẻ", "con người vì sự nghiệp", "người bạn của các vận động viên". Trên một số tranh ảnh trong thời gian này, Hitler được ghi chú như "người cha của dân tộc", "người cha của nhân dân" (69-75), "người cầm lái vĩ đại", "người anh hùng áo vải"... Hay như các tác giả của Đệ Tam Đế Chế viết: "Người am hiểu nền kinh tế nông nghiệp, cũng như kỹ thuật, như nghệ thuật và cả kỹ nghệ đóng tàu." (151-292). Ở Ýtalia, cũng có sự sùng bái tương tự đối với Muxolini. Người ta cũng tô vẽ cho ông những phẩm chất vĩ đại: Đut্রে, trong bộ quân phục, đang dùng cuộc chim phá vỡ hòn đá tảng; với thanh gươm trong tay đang chuẩn bị luyện võ; điều khiển máy giặt, lái máy kéo, cỡi ngựa...

Franco ở Tây Ban Nha cũng được giành một sự sùng bái vô độ: "xung quanh tên tuổi ông ta được

bao bọc sự sùng bái chưa từng thấy trong lịch sử Tây ban Nha Tất cả những gì tốt đẹp đều được gán cho Tướng Franco: chiến thắng Tây Ban Nha "đỏ", "sự nghiệp xây dựng" nhà nước Tây Ban Nha mới" (20- 280) Hoxe Garxia đã viết như vậy.

Trong thời gian này ở Đức, có một số lượng khổng lồ những bài thơ ca ngợi Hitler, ví ông ta như ngọn cờ, như vì sao, như mặt trời... Chúng tôi xin dịch một số khổ thơ như thế.

*Trích từ bài "Kính Tặng Thống Lĩnh" của Herman Harder viết năm 1936:

*Chúng con yêu người như yêu nước Đức
Chiến đấu cho Người, cho nước Đức thân yêu
Và sẵn sàng hy sinh vì Người.
Bởi có Người nước Đức thành vĩ đại.*

.....
*Giờ đây chúng con càng yêu thêm nước Đức và yêu Người - lãnh tụ kính yêu Trong áo vải giản đơn
ánh hào quang vẫn tỏa.*

(180 - 359)

*Trích từ bài "Đêm Thanh Bình" do Frix Fon Rabenau viết năm 1934:

*"Đêm thanh bình, đêm trong sáng
Tất cả ngủ yên rồi,
Riêng Người vẫn thức thôi
Người
trấn trở nổi niềm hạnh phúc
Cho chúng con, cho nước
Đức thân yêu.
Đêm thanh bình, đêm trong sáng
Tất cả ngủ yên rồi,
Riêng Người vẫn thức thôi
Aldolf Hitler với số phận nước Đức trong tay
Dẫn chúng con đến vinh quang, bình yên và hạnh phúc
Cho chúng con niềm tin."*

(180-346)

*Trích từ bài "Vĩ Đại" do Fon Sirah viết năm 1937 như sau:

Người là hiện thân của vĩ đại lãnh tụ của chúng con, vị anh hùng sao thân thiết và vô cùng giản dị,

Người nấn giữ cội nguồn vũ trụ vạch đường đi cho những vì sao, và vẫn hiện nguyên Người mộc mạc, giản đơn, bình dị dường nào.

(180 - 365)

* Hay trích từ "Khi Thống Lĩnh Nói" do Carl Emil Ufof viết 1935:

Thống Lĩnh nói! Lời nói thành sự nghiệp và những câu từ bình dị. bỗng trở nên có sức mạnh siêu phàm. Thống Lĩnh nói: lời Người thành pháp luật.

(180 - 366)

*Trích từ "Hình Ảnh người Trong Trái Tim Chúng Con" của Hainrih Anacer:

Chúng con mang hình người trong trái tim, Chúng con nâng người trên biểu ngữ! Người vẫn cùng chúng con trên mọi gian lao, dẫn dắt chúng con qua hiểm nguy, giông tố

(180 - 104)

*Trích trong bài "Bài Ca Tự Do của Adolf Hitler" do Luxca Irenau viết năm 1933:

Chúng con trao cho Người tất cả mọi trái tim!

Luôn đứng bên Người trong niềm vui và đau khổ !

Hitler muôn năm!

Đó là bài hát tự do!

Chúng con sẽ chiến đấu như Người hằng mong muốn!

Bình minh đến rồi, tự do vẫn gọi!

Hãy ca vang bài ca nước Đức tự hào!

Cầu Thượng Đế!

Xin giúp người tất cả!

Người sẽ chiến đấu và đời đời sống mãi với chúng ta!

*Trích từ bài thơ của Volfarm Crupca (báo Fanalgedihte, Berlin, 1933:

Người đứng đó với đôi mắt sáng

(Hitler không bao giờ có đôi mắt sáng! J.J.)

Dẫn dắt chúng con, dìu dắt chúng con đi, Từ trận thắng này tiếp kẻ theo trận khác, cờ Đảng bay quanh Người. Người khẳng định: nước Đức luôn chiến thắng! Giản dị, đơn sơ, mà vô cùng vĩ đại Người dẫn đầu thế hệ đấu tranh.

Tất nhiên, những khổ thơ như trên chỉ là một phần không đáng kể trong số khổng lồ các bài thơ ca ngợi Hitler. Nhưng chừng đó cũng đủ nói lên rằng, trong nhà nước độc tài, sùng bái cá nhân đã đạt đến mức tôn thờ thần tượng chính trị vô độ . Những nhà thơ tài ba nhất là những người viết được

những vần thơ đẹp nhất về lãnh tụ đảng và nhà nước.

Trong lĩnh vực báo chí cũng có thể quan sát thấy một hiện tượng tương tự. Chỉ cần Thống Lĩnh đọc một vài lời nào đó, là đủ để cho toàn bộ diễn đàn, như có người chỉ huy, phân tích, diễn giải hàng tuần sau đó. Những lời của Thống Lĩnh được xem như "bước ngoặt số phận" hay "cuộc đảo chính cách mạng" trong lĩnh vực tương ứng.

Adolf Xigler Chủ tịch Ban Nghệ Thuật Đức, đã đánh giá bài diễn văn do Hitler đọc nhân kỷ niệm Ngày Nghệ Thuật Đức năm 1937 như sau:

"Kính thưa Thống Lĩnh kính yêu! Nhân dịp kỷ niệm Ngày Nghệ Thuật Đức, người đã đến dự; và bằng hành động trong sáng này, Người không chỉ khai mạc cuộc triển lãm này, mà còn chỉ ra con đường đúng đắn cho nền nghệ thuật Đức. Mỗi người trong chúng con, được vinh dự sống trong những ngày này, là nhân chứng cho bước ngoặt quyết định trong đời sống văn hóa nước nhà. Cuộc triển lãm đầu tiên này được tổ chức theo nguyện vọng và với sự tham gia của người, là khẳng định không còn bàn cãi, rằng cần phải chọn riêng ra những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại. Ngoài ra cuộc triển lãm "Nghệ Thuật Thoái Hóa" đã làm sáng tỏ nguyện vọng của người trước thế giới. Như vậy Ngày Nghệ Thuật Đức năm 1937 nhờ sự sáng tạo của Người đã trở thành một bước ngoặt quyết định cho nền nghệ thuật Đức, mà sự vĩ đại cùng tầm cỡ của nó ngày nay chúng con chưa thể cảm nhận được đầy đủ. Song chúng con biết rằng, lúc nào đó lịch sử sẽ viết về sự kiện này như mở đầu cho sự phục hưng mới của nền nghệ thuật Đức. Chúng con, những họa sĩ Đức chân chính, xin chân thành cảm ơn Người và chúng con xin hứa với Người là sẽ phấn đấu hết sức mình để xứng đáng với ngày hôm nay." (178- 339)

Báo chí Đức ngày 20 và 21-7-1937 đăng hàng loạt những bài tán dương diễn văn của Quốc Trưởng đến tận mây xanh.

Diễn văn của Thống Lĩnh hàng tháng sau vẫn được các nhà nghiên cứu văn học nghệ thuật quan tâm. Nó trở thành chuẩn mực để đánh giá các tác phẩm nghệ thuật và sự nghiệp sáng tạo của người nghệ sĩ trong mọi lĩnh vực nghệ thuật, thành cương lĩnh nghệ thuật và phải theo đó mà thực hiện và lãnh đạo.

Khi chiến tranh bắt đầu xảy ra, báo chí Đức đặc biệt viết rất nhiều về "thiên tài Quân sự" của Thống Lĩnh. Ngày 20-4-1941 Hitler tròn 52 tuổi. Toàn bộ diễn đàn chúc mừng ngày sinh nhật của Thống Lĩnh bằng những bài viết dài, trong đó Hitler được vẽ lên như "vị tướng soái" vĩ đại nhất trong tất cả mọi thời đại. Thiên tài của Thống Lĩnh được tô vẽ bằng những chiến thắng ở Ba Lan, Hà Lan, Pháp... Đương nhiên, sự sùng bái Thống Lĩnh được những lãnh tụ đảng khác châm ngòi. Thí dụ, Fon Sirah, Thủ Lĩnh Đế Chế về vấn đề thanh niên, là tác giả bài thơ "Vĩ Đại". Sau này tại tòa án Niurnberg, Fon Sirah công nhận: "Tôi tôn thờ Hitler và tôi làm theo tất cả những gì ông ta nói và ông ta viết, như đối với một thần tượng." (88- 320)

Trong diễn văn nhân dịp thành lập Ban Ca Kịch Quốc Gia, Gobelx đã phát biểu như sau: "Ngày nay các ngài được sống trong giai đoạn hạnh phúc và vĩ đại. Các ngài có vinh dự nhìn thấy trước mắt mình một lãnh tụ của nhân dân và nhà nước, đồng thời là người am hiểu và che chở cho nghệ thuật. Người yêu mến các nghệ sĩ bởi vì bản thân Người cũng là nghệ sĩ. Dưới cánh tay thiên thần của Người, một luồng hào quang sán lạn và mới mẻ đang tỏa sáng trên bầu trời nước Đức." (179-49)

Sùng bái lãnh tụ như mọi sùng bái khác đều có nghi lễ của nó. Trong mọi công sở, văn phòng, giảng đường, trường học, trong từng nhà, từng gia đình, chân dung của Thống Lĩnh được đặt nơi trung tâm trang trọng nhất. Xung quanh chân dung Thống Lĩnh luôn luôn có hoa tươi, thể hiện tình yêu và lòng tôn kính vô hạn của nhân dân đối với lãnh tụ. Thống Lĩnh khai mạc những cuộc triển lãm nghệ thuật lớn, những ngày hội quốc tế và dân tộc long trọng, bỏ nhất cuộc đầu tiên và cắt băng khánh thành cho những công trình quan trọng...

Trong nghi thức sùng bái Hitler bao hàm cả cách thể hiện hình ảnh ông ta. Ông ta không thể mệt mỏi, buồn rầu hay chán nản, không thể có yếu điểm và khuyết tật thể chất. Ngược lại, Thống Lĩnh cần trong sạch một cách lý tưởng và thẳng thắn như tia sáng. Mọi họa sĩ và nghệ sĩ nhiếp ảnh có nghĩa vụ phải thể hiện Thống Lĩnh theo những phẩm chất đó.

Nghi thức sùng bái trở nên nghiêm ngặt đến mức bản thân Hitler cũng bắt buộc phải quan tâm đến nó. Các tác giả của Đệ Tam Đế Chế định công bố ảnh của Thống Lĩnh, chụp khi ông ta đang viết với cặp kính trên mắt. Nhưng vì hình dáng ông ta với cặp kính hoàn toàn không ăn nhập, bản thân Thống Lĩnh đã xé tấm hình này và cấm không được công bố. Đồng thời để khỏi phải mang kính, mỗi khi ra trước công chúng, các thư ký của Hitler viết những bài diễn văn hay bài phát biểu cho ông ta bằng kiểu chữ in to. Tuân theo nghi thức sùng bái của mình, nghi thức đòi hỏi Thống Lĩnh phải khiên tốn và gần gũi với những người dân thường, Hitler không bao giờ dùng trang phục trang trọng. Trang phục thường xuyên của ông ta, sau khi nắm chính quyền, là bộ đảng phục, không có dấu hiệu gì khác biệt, so với những đảng viên thường.

Những câu nói, không phải bao giờ cũng liên quan logic của Thống Lĩnh, được xem là mở đầu cho thời đại mới của nghệ thuật hùng biện.

"Như mọi thiên tài bẩm sinh, Hitler mang trong mình một thứ văn mỹ hoàn toàn mới mẻ. Những lời của Người không ngọt ngào và đối xứng như bàn cờ. Những câu nói và suy nghĩ của Người giống như những khối nặng, như dung nham thổi bùng lên từ ngọn núi lửa và rơi tự do quanh đây, rồi bằng vẻ đẹp hùng tráng đầu tiên của mình, chinh phục và điều khiển nhận thức con người.

... Những lời nói của Thống Lĩnh giống như những nhát búa gõ vào cánh cửa đóng kín của nhận thức và trái tim chúng ta. Mục đích của Người không phải an ủi, mà là thâm nhập và điều khiển chúng ta." (128- 130)

Những địa danh liên quan đến tên tuổi của Thống Lĩnh cũng trở thành linh thiêng. Người ta còn giữ

được cuốn phim quay cảnh Fon Sirah - Thủ Lĩnh Thanh Niên- đang dẫn những thành viên ưu tú của "Thế Hệ Hitler", với ngọn đuốc trong tay đến thăm nhà tù Landberg, nơi Hitler đã viết Cuộc Chiến Đấu Của Tôi. (72- 102)

Việc toàn dân học tập Cuộc Chiến Đấu Của Tôi, thông qua cơ sở đảng và những tổ chức quần chúng, là một trong những hình thức đặc trưng cho sự sùng bái Hitler. Đảng phát xít xem nó như cảm nang cho chế độ quốc xã, còn trong lần tái bản Cuộc Chiến Đấu Của Tôi được xem như triết tác của các chiến sĩ lão thành. (78- 142)

Trong những năm cầm quyền của chế độ quốc xã, Cuộc Chiến Đấu Của Tôi được xuất bản tới 6,5 triệu cuốn. Thậm chí có những lúc chính quyền với danh nghĩa đảng đã dùng nó làm quà tặng cho những đôi vợ chồng mới cưới như quà tặng quý giá nhất cho gia đình tương lai.

Người ta còn tìm được những thước phim trong tài liệu của bọn quốc xã, kể về một bản sao Cuộc Chiến Đấu Của Tôi, được gọi là Sách Của người Đức. Bản sao này được đặt trong hộp đặc biệt, có thể giữ được 1000 năm, thời gian dự trù tồn tại của Đế Tam Đế Chế. Giấy của bản sao được làm từ da trâu theo kỹ nghệ và dụng cụ đặc biệt của thế kỷ XVIII. Một đội thợ mỏ được cử xuống lòng đất đào quặng, và người ta dùng quặng này để luyện kim loại đặc biệt làm chữ viết cho bản sao này! ... /72- 10)

2. Biến nhân dân thành quần thể không tính cách.

Rõ ràng, Hitler đã được tôn thờ như thần tượng. Theo lời Hamsic: "Niềm say mê cuồng nhiệt đối với ông ta đã đạt tới đỉnh điểm, mà không một nhà tiên tri tôn giáo nào dám mong ước." (125) Albert Speer, trong hồi ký viết tại nhà tù Spandaux, khẳng định rằng nhân dân "bị ông ta mê hoặc, như chưa từng có dân tộc nào trong lịch sử bị mê hoặc đến mức đó." (125). tất cả những điều này là sự thật. Rất nhiều tài liệu khẳng định như thế.

Tất nhiên khả năng đó của Hitler là do chế độ độc tài mang lại. Trong chế độ độc tài không tồn tại xu hướng đối lập, các đảng phái đối lập, không cho phép công kích, ý kiến xã hội khác với nhà nước; ngược lại, mọi phương tiện tuyên truyền (diễn đàn, đài phát thanh, phim ảnh, nhà hát...) đều đồng loạt tô vẽ cho sự thông thái của đảng quốc xã và lãnh tụ đảng. Đây là cách giải thích khoa học cơ bản cho việc tôn thờ Hitler vì một nhân cách chính trị không thể không liên quan đến hệ thống chính trị được thiết lập.

Một vài tác giả giải thích khả năng đặc biệt này của Hitler bằng nghệ thuật hùng biện của ông ta và bản thân ông ta cũng tin như thế. Những đúc kết của Hitler về vấn đề này là:

1. Lãnh đạo quần chúng "là nghệ thuật theo ý nghĩa đúng đắn nhất của từ này. Và cũng giống như mọi nghệ thuật khác, cái hoàn hảo chỉ đạt được bằng lao động miệt mài." (90- 130)

2. "Tôi khuấy đảo quần chúng và chưa đi vào vấn đề, trước khi họ bị biến thành quần thể ." (99- 131)

3. *"Quần chúng như một động vật, chỉ phục tùng bản năng của nó. Đối với quần chúng, logic và lý lẽ là hoàn toàn vô nghĩa."* (99- 131)

4. *"Tôi mê hoặc quần chúng để từ đó tạo ra những công cụ chính trị."* (99-131)

Và đây là nguyên văn lời bàn của Hitler về vấn đề này với Rausing, Bí Thư Khu ủy Đanxig:

"Những đối thủ của tôi nhìn tôi nghi ngờ. Họ tự hỏi một cách ghen tị: Làm thế nào mà con người này thành công được trước công chúng? Theo những người xã hội và cộng sản thì quần chúng là một thể độc đoán, chặt chẽ. Quần chúng không chế các phòng họp và là những ông chủ trên đường phố. Thế mà tự nhiên có một người chạm đến và ngay lập tức sinh ra một phong trào quần chúng rộng lớn. Đây là ngẫu nhiên hay do sai lầm của quần chúng? Chúng ta hãy tha lỗi cho các ngài đáng kính đó, nhưng rõ ràng là họ đi lạc vấn đề. và bản thân chúng ta cũng phải trả giá cho những cách thức và biện pháp của chúng ta.

Quần chúng không có đầu óc phê phán, điều này không cần bàn cãi, nhưng không phải theo cách hiểu của các nhà mácxít và những kẻ ngốc nghếch của chúng ta. Quần chúng cũng có những cơ quan công kích, chỉ có điều chúng khác với những cơ quan tương ứng của một con người. Quần chúng như một động vật chỉ phục tùng bản năng của nó. Đối với quần chúng, logic và lý lẽ là hoàn toàn vô nghĩa. Nếu như tôi đã thành công trong việc tạo ra một phong trào quần chúng rộng lớn nhất trong mọi thời đại, là vì không bao giờ tôi sử dụng mâu thuẫn với tâm lý của quần chúng và mặt sát những nỗi sợ hãi của họ. Những nỗi sợ hãi này có thể là nguyên thủy nhưng chúng luôn mang trong mình một sức mạnh thiên nhiên không đổi. Khi quần chúng phải chịu đựng những gì không thoải mái, như ở những giai đoạn đói kém hay lạm phát, họ không bao giờ còn có thể quên được nữa. Quần chúng có bộ máy cảm nhận và suy nghĩ đơn giản. Tất cả những gì họ không hiểu đều làm cho họ sợ. Chỉ khi tôi làm chủ được những quy luật tự nhiên, tôi mới có thể điều khiển được quần chúng. Người ta buộc tội tôi là đã mê hoặc quần chúng. Những nhà tâm lý kinh nghiệm khuyên nên vỗ về quần chúng, giữ họ trong trạng thái mơ màng về quyền bình đẳng. Không, thưa ngài, vấn đề là phải làm ngược lại. Tôi chỉ có thể lãnh đạo được quần chúng khi họ đã bị mê hoặc mà thôi. Quần chúng thờ ơ là mối nguy hiểm ghê gớm nhất cho mọi thứ chính trị. Sự thờ ơ bảo vệ cho quần chúng, là nơi cư trú tạm thời, tích lũy sức mạnh và sẽ bùng nổ những phản kháng bất ngờ, hoàn toàn không mong đợi. Người lãnh đạo nhà nước, mà không thi hành những biện pháp khẩn cấp, một khi thấy quần chúng đã trở nên bình đẳng, thì xứng đáng đưa ra tòa xét xử ...

Tôi mê hoặc quần chúng - Hitler nói tiếp - để từ đó tạo ra những công cụ chính trị. Tôi thức tỉnh quần chúng, bắt họ tự nâng mình lên, trao cho họ chức năng và ý nghĩa. Người ta buộc tội tôi là, đã khuyến khích cả những thú tính thấp hèn nơi quần chúng. Hoàn toàn không phải như vậy. Nếu tôi tỏ ra thông minh trước quần chúng, họ sẽ không hiểu tôi; nhưng nếu tôi kích thích được những nỗi sợ hãi mà họ có, họ sẽ chấp nhận ngay lập tức khẩu hiệu do tôi nêu ra. Trong một cuộc họp quần

chúng không có chỗ cho nghĩa lý. Và vì tôi cần đến môi trường này, bởi đó là nơi bảo đảm cho những lời nói của tôi có trọng lượng, tôi tập hợp càng nhiều càng tốt những thánh giả và biến họ thành một quần thể: Trí thức cũng như công nhân. Tôi khuấy đảo quần chúng và chưa đi vào vấn đề, trước khi họ bị biến thành quần thể - Hitler suy nghĩ một lát rồi nói tiếp - Tôi tự khẳng định rằng, trong nghệ thuật chinh phục quần chúng, không ai có thể sánh được với tôi cả, ngay cả Gobelix. Cái đạt được bằng trí khôn là lĩnh vực riêng của Gobelix. Nhưng điều khiến thực sự được quần chúng là điều không thể học được. Và ngài đừng quên rằng, quần chúng càng đông bao nhiêu, càng dễ điều khiển bấy nhiêu. Hỗn hợp quần chúng càng đa dạng bao nhiêu: nông dân, công nhân, viên chức thì càng dễ mang đặc thù quần thể bấy nhiêu. Sẽ không đạt được gì trong cuộc họp những người có văn hóa, những đại diện các tổ chức công đoàn... Điều mà ngài khẳng định hôm nay bằng những giải thích lôgic, ngày mai sẽ bị phủ nhận với những minh chứng đối ngược. Nhưng những gì mà ngài nói với nhân dân, khi họ đã là một quần thể trong trạng thái dễ cảm nhận và hy sinh cuồng nhiệt, sẽ chịu được những công kích lôgic. Nhưng ngài chớ quên rằng, cũng như trong hệ thần kinh của một cá thể có những điểm mà các bác sĩ không dám động đến, quần chúng có những chỗ đau riêng không thể mặt sát. Một trong những điều tối kỵ này là các vấn đề liên quan đến lạm phát và đói kém. Tôi có thể dễ dàng đòi hỏi quần chúng những hy sinh to lớn, song đồng thời phải chuẩn bị tinh thần cần thiết để giúp họ chịu đựng.

... Ngài hãy làm tất cả những gì ngài muốn, nhưng đừng nói với tôi thêm về mất giá hay lạm phát.

Bởi vì quần chúng không thể phân biệt được sự khác nhau giữa chúng." (99-130. 132, 134)

Cái cho phép Hitler biến được nhân dân thành quần thể vô bản sắc, không biết suy nghĩ, không thể công kích, là xuất phát từ nhà nước độc tài, chứ không phải từ khả năng hùng biện của ông ta. Nhà nước độc tài đã làm cho nhân dân thành quần thể, tước đi của họ các đảng phái và tổ chức chính trị, diễn đàn đối lập, tính công khai, ý kiến xã hội, tự do bầu cử, cưỡng ép họ vào các tổ chức quần chúng quốc gia và đặt những tổ chức này dưới sự kiểm soát tổng thể của nhà nước. Nhà nước độc tài đã biến nhân dân thành quần thể, tiêu diệt mọi suy nghĩ, thị hiếu và tư tưởng của họ.

Như vậy ảnh hưởng đặc biệt của Hitler đối với quần chúng không phải là do tài hùng biện của ông ta, mà xuất phát từ bản chất của nhà nước độc tài. Và nếu cần phải đánh giá thiên tài quái đản Hitler thì đó không phải là nghệ thuật lãnh đạo quần chúng, mà là việc đã tạo ra nhà nước độc tài.

Không phải bản thân nhà hùng biện, mà là chế độ chính trị này đã biến các tầng lớp nhân dân khác nhau thành quần thể. Nếu trong một cuộc họp quần chúng lẫn lộn hàng chục nghìn công nhân, nông dân, nhà văn, kỹ sư, bác sĩ... là do họ bị các tổ chức quần chúng, mà trong đó họ là thành viên và không thể không là thành viên, cưỡng ép đến. Tất cả đều hiểu rằng, sự tham gia của mình trong cuộc họp thể hiện tư cách chính trị và cấp trên nhìn vào đó để đánh giá quan điểm của họ. Đây là đặc thù tự nguyện- cưỡng ép của chế độ phát xít. Nhà nước độc tài thi hành khủng bố và kiểm soát tổng thể

và toàn diện, đến mức mọi công dân đều sử xử đúng như nhà nước mong muốn. Người ta đã quen xem mọi hành động của nhà nước là đúng đắn nhất, luôn luôn tán thành với chúng, không hề nghĩ là không ai cho phép họ sử xử khác hơn. Kết quả là họ bắt đầu tự lừa dối rằng, luôn luôn hành động một cách tự nguyện, trong chừng mực cưỡng ép và tự nguyện còn có thể dung hòa với nhau.

Hitler xem việc mê hoặc quần chúng là một trong những điểm cơ bản của nghệ thuật chinh phục quần chúng, nhưng cả điều này cũng chỉ là kết quả của nhà nước độc tài hơn là khả năng hùng biện của ông. Toàn thể nhân dân không thể bị mê hoặc nếu chế độ độc tài không được xây dựng. Chế độ này đã sử dụng mọi công cụ tuyên truyền, cưỡng ép nhận thức của quần chúng một cách có hệ thống, theo một đối tượng nhất định; đồng thời mọi vấn đề chỉ đưa thông tin theo một chiều, phủ nhận và phỉ báng mọi ý kiến phản đối. Sự thật, không một lãnh tụ chính trị nào có thể mê hoặc được quần chúng trong những điều kiện của nền dân chủ tự do, là một minh chứng hùng hồn rằng, nếu không có sự thống trị tuyên truyền thì không thể tồn tại những kẻ mị dân như Hitler, vì các đảng và diễn đàn đối lập ngay lập tức sẽ vạch mặt và đả kích chúng. Nơi nào có công kích và tiếng cười công khai, nơi đó không thể có sự mê muội. Thực chất, bản thân Hitler cũng chỉ mê hoặc được quần chúng và biến họ thành quần thể hoang dại mãi sau khi nắm chính quyền và xây dựng bộ máy nhà nước của mình. Trước khi Hitler tuyên bố là được thiên mệnh cử xuống làm Thống Lĩnh cho nhân dân Đức, rất nhiều người đã tin như thế. Ngay từ năm 1933, khi Hitler mới chân ướt chân ráo lên nắm chính quyền, Fon Papen đã tiên đoán như sau: "Trong những thời kỳ khó khăn này, Thượng Đế nhân từ đã gia ơn đã ban cho nước Đức một lãnh tụ, để dẫn dắt nước Đức vượt qua mọi khó khăn nguy hiểm đến tương lai hạnh phúc huy hoàng." (88- 397)

Các nhà thơ cũng sáng tác dựa trên tinh thần này. Đảng Quốc xã và Hitler khuyến khích những tác phẩm vô độ, vì chúng nhìn thấy trong đó công cụ thống nhất nhân dân để xây dựng sự thống nhất tinh thần- chính trị bền vững. Kết quả là không chỉ đảng và nhân dân, mà ngay cả Hitler cũng tin vào "sự thật" này.

Trong vấn đề này, những suy nghĩ của Ialmar Saht về Hitler tại tòa án Niurnberg rất tinh tế:

"Tôi nghĩ rằng, ban đầu ông ta không có những tính cách xấu xa như vậy; rõ ràng ông ta là nhà tư tưởng, mong muốn những điều tốt lành, nhưng dần dà ông ta trở thành nạn nhân cho sự tôn thờ của quần chúng nhân dân, bởi vì những kẻ làm tha hóa quần chúng đều kết thúc bằng việc bị quần chúng tha hóa.

Những mối quan hệ tương tự giữa người lãnh đạo và những người dưới quyền, dẫn đến việc người lãnh đạo bắt đầu sai lầm phục tùng bản năng của quần chúng, điều mà tất cả những lãnh tụ chính trị cần phải tránh xa." (80- 164)

3. Tôn thờ các lãnh tụ đảng và nhà nước khác của chế độ phát xít.

Cấu trúc hình kim tự tháp của nhà nước phát xít tạo ra sự tôn thờ cá nhân cán bộ lãnh đạo chính trị,

vì người này không thể bị thay đổi từ phía dưới, không bị kiểm soát và có quyền lực vô hạn đối với những kẻ thừa hành của mình. Vấn đề chỉ còn là mức độ của sự sùng bái này, rõ ràng là phụ thuộc trực tiếp vào khả năng quyền lực mà người đó nắm giữ. Quyền lực càng nhiều bao nhiêu, sùng bái càng lớn bấy nhiêu. Như vậy sùng bái không có gì khác hơn là uy tín giả tạo, mà sức mạnh ghê gớm của quyền hành sinh ra chung quanh một cá thể, chỉ có điều cả người này và những người xung quanh đều tin là thật. Vì vậy uy tín này chỉ tồn tại khi quyền lực bạo tàn và vô hạn còn nằm trong tay cá thể đó. Mất quyền lực hay chính quyền sụp đổ, cũng đồng thời mất luôn uy tín và sự tôn thờ. Trong đẳng cấp tôn thờ của Đệ Tam Đế Chế, Hitler chiếm vị trí cao nhất. Ông ta là tuyệt đối và lý tưởng, tương ứng với quyền hành tuyệt đối và vô hạn của Thống Lĩnh. Ông ta ở khắp nơi và biết hết mọi điều như Đức Chúa Trời.

Sau Hitler đến các thủ lĩnh chính trị khác. Trong các công sở, trường học... chân dung của Goring, Himler, Hex... được treo bên cạnh chân dung của Thống Lĩnh ở những vị trí trang trọng nhất. Đường phố, trường học, nơi công cộng... thường mang tên một thủ lĩnh vĩ đại nào đó. Quỹ giúp đỡ những người làm công tác nghệ thuật mang tên "Herman Goring"...

Các bài phát biểu và "những công trình" của lãnh đạo đảng và nhà nước được xuất bản ngay tức khắc với số lượng khổng lồ. Huyền Thoại Thế Kỷ XX của Rozenberg được xuất bản tới hai triệu cuốn.

Các nhà báo thường nhân cách hóa những thủ lĩnh đế chế như những nhân vật thơ mộng. Hanx Frixrih Blunc, trong bài báo "Các Nhà Lãnh Đạo Chính Trị mới", đã mô tả như sau: "Cách đây 20 năm, họ là những họa sĩ trẻ hay nhà thơ mơ mộng, đã từng rung cảm về tình yêu và tự do của dân tộc và từng hạnh phúc về một buổi dạo chơi với người bạn gái ngây thơ." (180- 168)

Báo chí thường xuyên công bố long trọng ngày sinh của các Thủ Lĩnh chính trị. Bằng vách đỏ, nhắc nhở một cách hệ thống vai trò của đảng quốc xã như lực lượng lãnh đạo trong Đệ Tam Đế Chế, luôn luôn nhồi nhét vào ý thức của mọi công dân rằng, nước Đức không thể tồn tại nếu không có đảng quốc xã. Thí dụ báo Nasional Xaitung trong số ra ngày 24- 4-1941 đã viết về Rudolf Hex được gọi là "linh hồn của đảng". Nếu như chúng ta hỏi tái sao Phó Thống Lĩnh lại được tặng danh hiệu cao quý này, thì câu hỏi này có thể trả lời không chút khó khăn: không một sự kiện nào trong cuộc sống chúng ta mà lại không liên quan đến tên tuổi của Phó Thống Lĩnh. Người vô cùng năng động và sáng tạo trong công tác và mọi lĩnh vực, đến mức không thể nói lên bằng một vài lời... Rất nhiều biện pháp được chính phủ triển khai, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, quân sự và trong đảng là do sáng kiến của Phó Thống Lĩnh." (90- 211)

Và đây là lời chúc mừng của báo chí nhân dịp Alfret Rozenberg, nhà tư tưởng của đảng quốc xã, nhận giải thưởng Dân Tộc Đức năm 1937: "Alfet Rozenberg với những tác phẩm của mình đã giúp đỡ đặt nền móng cho những cơ sở tinh thần và khoa học, củng cố và phát triển triết học quốc xã... Chỉ tương lai mới có thể đánh giá được đầy đủ công hiến của Alfet Rozenberg cho những cơ sở triết

học của nhà nước quốc xã." (90- 231)

Như chúng ta đã nhiều lần nhấn mạnh, cơ sở của sự sùng bái nằm trong quyền lực ghê gớm và vô biên mà nhà nước quốc xã trao vào tay giới cầm quyền chớp bu.

Bản thân cấu trúc quan liêu tự tiến dần đến tập trung quyền lực. Do đó, các cán bộ trong đẳng cấp này luôn có tham vọng thôn tóm quyền lực về tay mình. Đây là một trong những điều kiện quan trọng nhất, để có thể đứng vững trước những cuộc tranh giành quyền lực ngày càng nhiều.

Lúc đầu, Hitler chỉ mới là lãnh tụ tối cao và Thủ Tướng chính phủ . Bằng sắc luật ra ngày 1.8.1934 Hitler sát nhập trọng trách Tổng Thống và Thủ Tướng, thôn tóm quyền lực Tổng Thống vào tay mình. Ngày 4-2-1936, Hitler tự phong làm Tổng Chỉ Huy Tối Cao các lực lượng vũ trang Đức. Như vậy, Hitler vừa là lãnh tụ tối cao của đảng, nhà nước và các lực lượng vũ trang (Thống Lĩnh, Thủ Tướng, Tổng Chỉ Huy Tối Cao), nghĩa là không còn chút quyền hành nào lọt qua khỏi tay ông ta.

Goring mới đầu chỉ là Bộ Trưởng Bộ Không Bộ của chính phủ Hitler, dần dần biến thành Bộ Trưởng Bộ Không Quân, Tướng Lĩnh SS và SA, Toàn Quyền Đặc Biệt của Kế Hoạch Bốn Năm, Nguyên Soái Đế Chế, Chủ Tịch Hội Đồng Quốc Phòng, Giám Đốc Sở Mật Thám Zetapo tại Pruxia.

Albert Speer là Bộ Trưởng Vũ Trang và Công Nghiệp Quân Sự, đại diện trong văn phòng đảng về những vấn đề kỹ thuật, Hội Trưởng Hội những Nhà Kỹ Thuật Đức, Tướng Lĩnh SS, SA...

Điều này chỉ ra, thực chất quá trình tập trung quyền lực vào một số người, đứng trên pháp luật và lương tâm, nhưng lấy danh nghĩa là theo nguyện vọng của Thống Lĩnh, quyền lợi của đảng và nhân dân, mang hình dáng hoàn thiện của nhà nước độc tài phát xít.

4. Sùng bái đảng phát xít.

Việc đảng phát xít được xem là thông thái tuyệt đối và không thể sai lầm cũng xuất phát từ quyền lực vô hạn của nó. Tất cả đều phải phục tùng vô điều kiện nguyện vọng của đảng: nhà nước, các tổ chức quân chúng, những cơ sở văn hóa... thậm chí cả những vấn đề riêng tư của gia đình và cá nhân. Cuộc đời người chỉ được xem là có nghĩa nếu có cống hiến gì đó cho sự nghiệp của đảng quốc xã.

Đảng là uy tín tối cao về chân lý, sự thông thái, lẽ công bằng. Đảng không cần phải giải thích với bất cứ người nào về những hành động của mình, mà xem đó như thực hiện sứ mệnh lịch sử cao cả . Chân lý là những gì phù hợp với quyền lợi của đảng và giới lãnh đạo chớp bu. Đối với chế độ phát xít, không tồn tại chân lý khách quan, không phụ thuộc vào nguyện vọng và mục đích của đảng.

Tại đại hội đảng tháng 9-1935, Hitler tuyên bố, "Uy tín của đảng cần được chấp nhận như tòa án tối cao, như cấp kiểm soát và quyết định cuối cùng. Ai không hiểu được điều đó thì không có quyền suy nghĩ về lịch sử, sáng tạo và cấu trúc... ở đây, không thể nêu vấn đề sai lầm hay không sai lầm. Giống như một tướng lĩnh, một cấp chỉ huy, một đội quân hay thậm chí một người lính không có quyền nghi ngờ về sự đúng đắn của các mệnh lệnh được giao trong lãnh đạo chính trị và đeo đuổi mục đích, một cá nhân riêng biệt không thể hành động theo những quan điểm mà mình cho là đúng đắn và xem

những quan điểm, chỉ thị và mệnh lệnh của đảng là sai lầm." (128- 270,271)

Từ cách "nhận thức" như trên về đảng dẫn đến không ít những luận lý độc tài, rằng đảng luôn luôn quang minh chính đại. Do đó mọi hành động xa rời đường lối của đảng đều là sai lầm và cần phải loại bỏ .

Trong điều lệ đảng ghi rõ: "Phục vụ cho phong trào (phong trào quốc xã- J.J.) là đúng đắn và cũng là phục vụ cho nước Đức." (89-25) Gobelix năm 1933 còn xây dựng rõ ràng hơn nguyên tắc tinh thần cơ bản này của đảng: "Tất cả những gì phục vụ cho chế độ quốc xã là đúng đắn, tất cả những người làm hại đến chế độ quốc xã là xấu xa và cần phải gạt bỏ ." (119-126)

"Đứng ngoài phong trào quốc xã thì không thể phục vụ cho nước Đức và nhân dân Đức, bởi vì- như chúng ta đã nhiều lần nhấn mạnh- trên quan điểm tư tưởng của chế độ quốc xã, đảng đồng nhất với nhà nước, nhân dân và quê hương. "

Theo cách suy luận lôgic này, đảng quốc xã có quyền lấy danh nghĩa nhân dân để loại bỏ tất cả những gì không phù hợp với thị hiếu và nguyện vọng của nó. Trong tập san lý luận của đảng quốc xã, Gương Mặt Đảng, có đoạn viết: "Cần phải sử dụng những biện pháp, và nếu cần - cả những biện pháp trừng phạt - nếu như cá nhân có những hành động làm tổn hại đến bản thân và những người xung quanh." (89-16)

Cá nhân không có quyền và không thể đánh giá, khi nào thì những hành động của mình có hại đến bản thân và những người xung quanh. Chỉ có đảng quốc xã mới có quyền đó và sử dụng những biện pháp tương ứng để "giúp đỡ", không cần quan tâm đến việc người đó có yêu cầu hay không. Theo quan điểm của đảng phát xít, cá nhân cần phải cảm thấy hạnh phúc trong những điều kiện mà đảng cho phép. Cá nhân có thể có cách nhìn nhận về hạnh phúc, khác với kiểu hạnh phúc tập thể quần chúng- kiểu hạnh phúc cơ bản của mọi nhà nước phát xít, nhưng điều đó là vô nghĩa.

Sự sùng bái đảng phát xít còn được thể hiện trong những cống hiến đối với đảng. Trong lý lịch cá nhân cần phải nêu bật đã có những cống hiến gì cho đảng quốc xã, có phải là đảng viên không, vào đảng từ bao giờ, trước hay sau khi đảng nắm chính quyền được đặc biệt chú trọng.

Trong đơn xin việc, hay xin tham gia một tổ chức nào đó, nhất thiết phải nêu rõ những vấn đề như trên, đồng thời phải khai những chi tiết tương tự về cả những người thân thích của mình.

Tóm lại, đảng quốc xã là giá trị cao nhất trong nhà nước phát xít. Vì vậy một khi đã có những cống hiến cho đảng, thì điều đó được xem là cơ sở chính trị tốt nhất và những người như thế có thể xứng đáng cho bất kỳ vị trí công tác nào, thậm chí cả những nơi đòi hỏi phải có trình độ học vấn cao Vấn đề quan trọng không phải bằng cấp, khả năng tri thức, bậc thợ, mà là sự hy sinh và những cống hiến cho đảng phát xít và lãnh tụ .

Đề "củng cố" uy tín chính trị và bảo vệ sự sùng bái cho đảng, hàng loạt tượng đài, ghi nhớ công lao những chiến sĩ đã hy sinh vì thắng lợi của "cuộc cách mạng quốc xã", đã được xây dựng.

Nhưng vì đảng là một khái niệm tổng thể không biết suy nghĩ, đồng thời lại phải trao tư duy cho những thành viên không biết suy nghĩ của mình, nên tư duy tổng quát này cần được chấp nhận một cách chung nhất. Trong thứ bậc của đảng quốc xã, tư duy này không thể là của người nào khác ngoài lãnh tụ của đảng. Như vậy, tư duy của lãnh tụ trở thành tư duy của đảng, và tinh thần của lãnh tụ cũng trở thành tinh thần của đảng. Những đặc tính cá thể của một nhân cách trở thành của chung và đặc tính chung của đảng nằm trong nhân cách của lãnh tụ. Từ đó, suy ra đảng và lãnh tụ không thể tách rời, hay đúng hơn- đảng là lãnh tụ. Lãnh tụ ca ngợi đảng, cũng chính là ca ngợi mình; và đảng tô vẽ cho lãnh tụ thêm vĩ đại, cũng chính là khẳng định giá trị của mình.

Tại đại hội đảng ngày 16-9-1935 ở Niurnberg, chính Hitler đã nêu rất chính xác nguyên tắc này: "Ở đây, cần phải chấn chỉnh lại một quan niệm sai lầm của một số công dân khi họ nói: "Lãnh Tụ đúng đắn, nhưng còn đảng là chuyện khác". Hoàn toàn không thể như thế, thưa các ngài! Lãnh Tụ là Đảng và Đảng là Lãnh Tụ. Tôi có cảm giác mình như một bộ phận của đảng, thì đảng cũng phải là một bộ phận của tôi. Tôi không biết bao giờ mình sẽ từ giã cõi đời. Nhưng đảng thì tiếp tục sống mãi. Và đảng, thông qua mọi cá nhân, yếu đuối cũng như dũng cảm, sẽ làm nên tương lai huy hoàng cho dân tộc Đức; tôi tin tưởng và tôi biết như thế!" (128-272,273)

Sự khác nhau giữa một đảng chính trị thông thường và đảng phát xít là, đối với một đảng chính trị thông thường, các đảng viên giữ được nhân cách, suy nghĩ và trách nhiệm của mình, còn đảng phát xít thì tước đoạt toàn bộ những cái đó và biến những thành viên của mình thành công cụ vô bản sắc. Điều này giải thích tại sao đảng phát xít có tất cả, trong khi các đảng viên của nó không có gì. Nếu các đảng viên muốn có được quyền lợi nào đó, họ chỉ có thể nhận được thông qua đảng: Điều này đúng cho cả lĩnh vực vật chất cũng như tinh thần. Từ đó sinh ra niềm tin của các đảng viên, rằng cái gì đảng cũng có thể làm, cái gì cũng có thể biết, sinh ra thần tượng đảng và sự tôn thờ.

Sự sùng bái đảng phát xít đòi hỏi đảng được công nhận không chỉ là vĩ đại, mà còn đồng thời phải thân thiết và gia ơn cho những người tin tưởng vào nó.

Đảng quốc xã được thể hiện như "trách nhiệm và nguyện vọng" của nhân dân. Trong những giờ phút lịch sử hiểm nghèo, đảng như một anh hùng huyền thoại đã cứu thoát dân tộc Đức khỏi bị hủy diệt ngay trên bờ vực thẳm. Hitler từng tuyên bố trên diễn đàn tại Đại Hội Đảng: "Đảng quốc xã đã mang lại những cống hiến không kể xiết. Không phải các nhà kinh tế, các nhà bác học, giáo sư, những người lính, các diễn viên, những nhà tư tưởng, nhà thơ của chúng ta, mà là sách lược chính trị đặc biệt của đảng đã cứu thoát dân tộc Đức khỏi hiểm nghèo. Ngày nay chúng ta mới cảm nhận được phần nào công ơn của đảng. Chỉ có các thế hệ tiếp theo mới đánh giá được đầy đủ giá trị vĩnh hằng của đảng.

Rồi đây, tất cả mọi cái rồi sẽ mất đi, chỉ riêng đảng là vẫn sống mãi." (128-269)

5. Sùng bái và trách nhiệm.

Hơn ai hết, nhà nước phát xít nói nhiều nhất về trách nhiệm - trách nhiệm chính trị, lịch sử, tinh thần v.v... nhưng thực tế bản thân nó lại hoàn toàn vô trách nhiệm. Điều này có thể giải thích dễ dàng.

Sau khi sát nhập với đảng phát xít, nhà nước trở thành chủ soái của toàn bộ đời sống xã hội. Tất cả đều phải có trách nhiệm trước nhà nước: các tổ chức quần chúng, các hiệp hội trí thức, mọi công dân, mọi gia đình...

Như vậy, nhà nước là chủ soái của tất cả, còn Đảng Công Nhân Quốc Xã là chủ soái của nhà nước. Tất cả đều phải có trách nhiệm với nhà nước, kể cả xã hội công chúng, còn nhà nước phải có trách nhiệm trước Đảng Quốc Xã.

Nhưng, một khi nắm trong tay toàn bộ quyền hành và số phận của nhà nước và xã hội, đảng quốc xã không còn phải chịu trách nhiệm trước bất cứ ai ngoài chính bản thân mình. Song thế nào là một đảng chịu trách nhiệm trước bản thân mình, khi đảng này được xây dựng trên nguyên tắc tập trung quan liêu? Điều đó có nghĩa là đảng này phải chịu trách nhiệm trước lãnh tụ cao nhất của mình.

Chúng ta nhận được bức tranh toàn cảnh như sau về đẳng cấp vô trách nhiệm: xã hội chịu trách nhiệm trước nhà nước, nhà nước- trước đảng phát xít, đảng phát xít- trước lãnh tụ của mình.

Do đặc tính tập trung cao độ của đảng và nhà nước phát xít, tất cả đều phải chấp hành mệnh lệnh và chỉ thị của cấp cao hơn. Đồng thời thói cơ hội cùng tham vọng quyền hành và tiền tài trong mọi cán bộ khiến kẻ đó thêm bớt ít nhiều trong khi thừa hành mệnh lệnh. Người cán bộ không thể từ chối không thi hành mệnh lệnh, mà chỉ có thể thực hiện thật tốt hay ít ra là ở mức trung bình. Trường hợp từ chối không thi hành mệnh lệnh, người đó sẽ bị loại ra khỏi "trò chơi" với lệ luật hà khắc.

Điểm đặc biệt này của chế độ độc tài cho phép các tội nhân của chính quyền lẫn trốn và đùn đẩy trách nhiệm cho cấp cao hơn. Khi phải trả lời trước tòa về tội lỗi của mình, tất cả các cán bộ cấp thấp đều nói rằng, họ chỉ là những người thừa hành nhiệm vụ, mệnh lệnh hành chính và không có quyền lựa chọn, hay mạo hiểm từ chối không thực hiện.

Khi ra trước tòa (thí dụ như tòa án Nurnberg) cho thấy một điều quái đản là, không ai có lỗi cả: có nạn nhân, tội ác nhiều vô kể, nhưng những kẻ giết người, nhưng tội nhân thì không có. Không ai tán thành cùng với Hitler, đa phần bí mật công kích ông ta, những người khác thì chống lại, nhưng mặc dù vậy, tất cả đều tham gia vào những tội ác kinh hoàng chống lại con người và loài người. Chỉ một mình nhà độc tài đã chết là có tội. Và nếu không có Hitler thì những tội ác tương tự chắc chắn đã không thể xảy ra! Thật là kiểu bao biện chưa từng có trong lịch sử !

Chỉ một mình nhà độc tài đã chết là có tội, chứ không phải là chế độ chính trị quốc xã (duy nhất chỉ riêng Speer có ý kiến ngược lại). Và những người khác không thể theo ông ta, vì như thế là công nhận mình cũng tham gia gây tội ác và phải chịu trách nhiệm. Nhưng một mình Hitler có thể xây dựng chế độ này không? Liệu một người duy nhất có thể làm được điều đó không?

Goring khai trước tòa rằng không đồng ý với Hitler trong vấn đề hủy diệt người Do Thái, nhưng

không thể ngăn cản ông ta được. Fon Sirah khẳng định vì quá tin tưởng vào Hitler nên mãi tận giờ phút cuối mới vỡ lẽ là ông ta phạm tội. Caitel và Iodul, những kẻ thiết kế các đồ án quân sự phản động nhất của phát xít Đức và đã ký những sắc lệnh giết hàng loạt tù binh, cũng biện bạch là bị Hitler cưỡng ép. Họ cũng không đồng ý với nhà độc tài tàn bạo, nhưng vì là người lính nên phải thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy quân sự tối cao.

Nếu căn cứ vào lời khai của Speer Bộ Trưởng Bộ Chiến Tranh, thì mãi tận giờ phút cuối ông ta cũng mới hiểu được những nguy hiểm ghê gớm ẩn giấu trong nền chuyên chính của Hitler.

Tóm lại, chỉ mỗi mình nhà độc tài đã chết là có tội, toàn bộ trách nhiệm về tội lỗi đều đổ lên đầu ông ta. Ông ta khống chế tất cả. Những kẻ giúp việc và cộng tác với ông ta trong nhà nước này là vô tội. Họ là nạn nhân của một sự lừa dối quái đản: không biết tí gì về việc giết người Do Thái, về máy hơi độc trong các trại tập trung... thậm chí cả sự tồn tại của chính những trại tập trung này.

Trong hồi ký của mình, Tiến sĩ Djibert, bác sĩ tâm thần thuộc tòa án Niurnberg, đã kể về những phản ứng của các bị cáo khi xem cuốn phim quay những cảnh diễn ra trong quá trình gây ngạt bằng máy hơi độc tại các trại tập trung.

Caitel: "Thật kinh khủng! Khi nhìn những hình ảnh này, tôi thật là xấu hổ vì mình là người Đức...

Không bao giờ tôi còn dám nhìn thẳng vào mặt người khác." (95-5)

Fon Papen: "Tôi không muốn nhìn nổi nhục của nước Đức."

Func, giám đốc nhà băng bảo quản tài sản cho SS gồm nhẫn vàng và đồ trang sức của các nạn nhân, suốt buổi xem luôn nhắc đi nhắc lại: "Thật kinh khủng! Thật kinh khủng!" (95-5)

Hanx Fritre, Thứ Trưởng của Gobelx: "Tất cả nước đại dương cũng không thể rửa được nổi nhục này cho đất nước tôi." (95-5)

Như vậy bọn phạm nhân trở thành vô tội.

Điều này không chỉ đúng cho bọn tội phạm đầu sỏ tại tòa án Niurnberg, mà còn cho mọi tội nhân cấp thấp khác. Tất cả đều dồn đẩy trách nhiệm cho cấp cao hơn, cấp cao này lại dồn đẩy cho cấp cao hơn nữa, cứ như vậy đến tận đỉnh chóp. Kết quả là chỉ một mình lãnh tụ tối cao có tội.

"Sự thật đơn giản" là, tất cả các Thủ lĩnh đảng và nhà nước, bọn tướng lĩnh, bọn chủ công nghiệp, bọn cảnh sát đều có tội. Và rộng hơn, tất cả những kẻ đã phục vụ cho nhà nước này đều có tội. Vấn đề là, chế độ phát xít gây tội ác ngay trong cơ cấu của nó, vì được củng cố bằng bạo lực và khủng bố tổng thể (về thể chất, chính trị, tinh thần, tư tưởng). Chế độ phát xít không thể tồn tại nếu không gây tội ác. Hủy diệt mọi quyền công dân và tự do chính trị, trao quyền hành vô hạn vào tay một cá nhân, chế độ quốc xã phạm tội trước cả khi gây tội ác chống lại các nước láng giềng. Vì vậy cần phải xử tội chế độ này, những cơ cấu của nó cùng những cá nhân nắm giữ trọng trách.

A. Ý nghĩa và mục đích của trại tập trung cải huấn.

Nhà nước phát xít không thể tồn tại nếu không có các trại tập trung cải huấn. Những trại tập trung

này là địa ngục trần gian của chế độ, và được giữ bí mật cả trong và ngoài nước. Chúng trở nên cần thiết vì mức độ khủng bố và đàn áp tổng thể ghê gớm của chế độ chính trị. Năm 1939, trong các trại tập trung và nhà tù ở Tây Ban Nha có tới 1 triệu tù nhân. Nhà nước phát xít và trại tập trung liên quan mật thiết với nhau đến mức có thể nói, không tồn tại nhà nước phát xít nào mà không có trại tập trung.

Những nhà tù điển hình không đủ cho nhà nước độc tài vì hai nguyên nhân: Thứ nhất, không phải ai nhà nước cũng có thể buộc tội; Thứ hai, về mặt tài chính nhà tù rất tốn kém. Các trại tập trung cải huấn, như một phát hiện mới, khắc phục được những khó khăn này. Trại tập trung có nhiều ưu điểm hơn so với nhà tù, vì kinh tế hơn và thậm chí có thể làm lợi về kinh tế bằng cách bóc lột sức lao động của tù nhân. Ngoài ra thông qua cách giáo dục cải tạo lao động quái đản này (trên công các trại tập trung ở Đức thường treo khẩu hiệu "Lao động giải phóng con người"), có thể công khai hủy diệt thể chất (cho ăn đói, bắt làm nhiều) của những người không có lợi cho chế độ.

Ý nghĩa thật sự của trại tập trung cải huấn - phát minh quái đản của thế kỷ XX - được Himmler tuyên bố trắng trợn trước đội cận vệ của Thống Lĩnh:

"Như tôi đã nói, công tác này rất quan trọng, thứ nhất, để loại bỏ những phần tử xấu trong nhân dân Đức; thứ hai, bắt họ một lần nữa phải làm việc cho cộng đồng dân tộc vĩ đại, phá đá và đúc gạch để Thống Lĩnh xây dựng những công trình của mình; và thứ ba, để số tiền kiếm được bằng cách này dùng vào việc mở đất, Xây các làng mạc cho các sĩ quan và chiến sĩ của chúng ta sống, có nhà cửa, tạo nên những gia đình hạnh phúc đông vui." (111- 205)

Ở Đức, lúc đầu các trại tập trung được sử dụng với mục đích cách ly những đối thủ chính trị của chế độ, để họ không thể gây ảnh hưởng "xấu" được nữa. Việc bắt người theo quyết định của cảnh sát, không cần lập biên bản, không cần xét xử, tuyên án, không báo trước thời gian giam giữ được gọi là bắt triệt để.

Chính phủ quốc xã giam giữ tất cả các đối thủ chính trị của mình trong trại tập trung, không phụ thuộc vào đảng phái, dân tộc, thế giới quan, tuổi tác và giới tính. Khủng bố được tiến hành theo nguyên tắc: "Ai không theo chúng ta là chống lại chúng ta."

Tại tòa án Nurnberg, Goring đã nói về vấn đề này như sau: "Người ta bắt giam vào trại tập trung cả những người chưa phạm tội gì, nhưng nếu để họ tự do thì có thể gây những hành động có hại cho nhà nước Đức." (90-28)

Trong lịch sử của trại tập trung Đức có hai giai đoạn: trước chiến tranh (trước khoảng năm 1939), mục đích chính là để đàn áp những xu hướng chính trị đối lập trong nước; và trong chiến tranh, mục đích chính là sử dụng sức lao động cưỡng ép, bóc lột triệt để các trại viên như một lực lượng sản xuất thực sự. Tất nhiên trong những ngày đầu tiên, các trại tập trung đã được xem như những trại lao động bắt buộc, như một hình thức trừng phạt và để bù lại những khoản chi phí cho tù nhân. Trong

chiến tranh, khi số lượng trại tập trung và số tù nhân tăng lên gấp bội, một vấn đề được đặt ra: bằng cách nào để có thể sử dụng được sức lao động của những "phần tử xấu" này trước khi giết họ. Lúc này vấn đề không chỉ bù lại những khoản chi phí của nhà nước cho các nhà tù, mà chủ yếu là bóc lột trắng trợn sức lao động không lương của những tù nhân vì lợi ích quốc gia, đặc biệt là trong ngành công nghiệp quân sự.

Thậm chí chiến tranh đã thay đổi đáng kể vai trò của các trại tập trung đến mức, có những lúc ban chỉ huy và bản thân Thủ Lãnh SS đã phải phấn đấu để giảm mức chết cho tù nhân, vì lúc này mục đích chính là sức lao động của tù nhân, sau đó mới đến việc hủy diệt họ. Trong một thông báo của Phòng Hành Chính Kinh Tế Cơ Bản của SS ngày 28-12.1942, "Về công tác y tế trong trại tập trung", có đoạn viết: "Chúng tôi gửi cho các anh bản thống kê danh sách tù nhân trong tất cả các trại tập trung. Có thể thấy rõ một điều là, trong tổng số 1360000 người vào trại tập trung thì có tới 70000 người đã chết. Với mức chết cao như vậy, số lượng trại viên sẽ không bao giờ đạt được con số ấn định của Thống Lãnh. Các bác sĩ trưởng, trong các trại tập trung, cần phải sử dụng mọi biện pháp để giảm mức chết này xuống. Người bác sĩ giỏi không phải là người tỏ rõ được sự độc ác của mình, mà là người thông qua những phương tiện y tế hay thay đổi vị trí làm việc, giữ được khả năng lao động càng lâu càng tốt." (111-240)

B. Thực chất của trại tập trung cải huấn.

Phụ thuộc vào điều kiện chính trị cụ thể, nhà nước phát xít có thể chú trọng mặt này hay mặt kia trong mục đích của trại tập trung cải huấn. Thí dụ trong thời gian chiến tranh, nước Đức chú trọng đến vấn đề sử dụng sức lao động cường bức, trong khi Tây Ban Nha tiến hành hủy diệt thể chất của các trại viên (chỉ riêng trong giai đoạn từ năm 1940-1945 đã có tới hơn 150 nghìn tù nhân bị bắn). Việc hủy diệt tù nhân được chú trọng đặc biệt vào năm 1944 khi quân Đồng Minh đổ bộ vào Na Uy, và trên bầu trời Tây Ban Nha- Franco treo lơ lửng một mối đe dọa quân sự (20-277).

Nhưng dù có những dao động trong "chính sách trại tập trung" của nhà nước phát xít, mục đích cơ bản hoàn toàn không thay đổi: cách ly và từng bước hủy diệt, các đối thủ chính trị.

Ở Đức, chiến tranh có thay đổi ít nhiều trong mục đích chính của trại tập trung, nhưng không hoàn toàn từ bỏ nó. Điều này nói lên rằng, khi nghiên cứu mối quan hệ nội tạng giữa chế độ độc tài và trại tập trung cải huấn, cần phải lấy giai đoạn trước chiến tranh khi chúng đang tồn tại thuần chất, không có những ảnh hưởng bên ngoài. Trong trường hợp đó trại tập trung cải huấn có thể xem như nhà tù kết hợp với lao động cưỡng bách không hạn định thời gian.

Nhà nước độc tài thường xuyên quảng cáo các trại tập trung cải huấn như những trại cải tạo lao động. Năm 1944, Tổng Giám Đốc Các Nhà Tù ở Tây Ban Nha khoe khoang rằng, dưới sự lãnh đạo của ông ta, các nhà tù đã "cải tạo" được ít nhất là 300 nghìn người (93-129). Tuy nhiên ông ta đã

quên không nói rằng, cũng trong năm 1944, binh quân mỗi ngày ở Tây Ban Nha có tới 400 người bị bắn. Và thế nào là giáo dục cải tạo trong những điều kiện của nhà nước phát xít? Điều đó có nghĩa là mài mòn tinh thần, tư tưởng chính trị và thể chất con người. Chế độ đạt được mục đích mà không cần phải bắn những nạn nhân của mình.

Thực chất chế độ độc tài không có lợi ích gì trong việc trả tự do cho các trại viên, thậm chí kể cả khi họ đã làm việc hết sức mình và cải tạo tích cực trong nhiều năm. Bởi vì không có gì để đảm bảo là sau khi được tự do, những người đó lại không tiếp tục thực hiện hành động trước đây, thậm chí dù đã "cải tạo", việc trả tự do cho những người như thế vẫn không có lợi, vì họ là nhân chứng sống về những gì đã xảy ra trong trại tập trung, về tội ác ghê tởm của chế độ trong các địa ngục trần gian này; trong khi mọi phương tiện tuyên truyền ngày đêm ra rả tô vẽ cho nó như một nhà nước nhân dân và pháp quyền: nghiêm khắc nhưng công bằng, đảm bảo luật lệ .

Do đó đối với chế độ, tốt hơn cả là hủy diệt thể chất và tinh thần những kẻ thù của mình, hoặc giữ họ lại trong các trại tập trung, cho đến khi họ chết một cách "tự nhiên". Trại tập trung cải huấn là sự chà đạp thô bạo và tội lỗi nhất đối với nhân cách của con người và loài người nói chung. Mọi cái trong trại tập trung đều nhằm mục đích làm giảm giá trị của con người và loài người. Những đặc điểm đặc biệt trong địa ngục trần gian này là:

1. Không có con người, chỉ có số hiệu trên lưng các tù nhân; con người trở thành con số vô nghĩa. Bọn quản đốc trại không gọi ai theo tên mà chỉ gọi theo số; đối với chúng, không có nghĩa lý gì việc số X là nhà y học lớn hay số Y là nhà văn lớn.
2. Tù thường phạm được coi trọng hơn tù chính trị; tù thường phạm thường được bổ nhiệm làm tù trưởng, giúp bọn quản đốc giữ trật tự trong trại.
3. Tù nhân làm việc dưới sự giám sát của đội bảo vệ, có cho bác.giê đi kèm; chân bị xích vào nhau, theo luật có thể bắn không cần báo trước. 4. Thời gian làm việc trên thực tế không hạn định, dẫn đến hao mòn thể chất mau hơn và đến cái chết "tự nhiên".
5. Vì không thể tránh được nạn tham nhũng, trong bộ phận quản đốc trại, nên các trại viên còn bị bóc lột thêm một lần nữa trong khẩu phần ăn; người tù luôn luôn ăn đói và nếu không chết do bệnh tật, thì cũng chết vì hao mòn thể lực.
6. Giúp đỡ y tế trong trại tập trung không phải vì nhân đạo, mà là nhiệm vụ chính trị .
7. Người ta thường cho bọn cai tù có công bắn tù nhân trong trường hợp "có ý định chạy trốn". Việc này đương nhiên là khuyến khích bọn cai tù và bọn quản đốc phạm tội nhiều hơn.
8. Bất cứ ai bước vào trại tập trung cũng đều có tội, dưới địa ngục không có người vô tội. Vì thế về nguyên tắc, không ai được sống sót ra khỏi trại.

VI. Mối liên quan giữa các cơ cấu trong cấu trúc nhà nước độc tài.

1. Tính cần thiết của mối liên quan.

Mối thoạt nhìn có thể nghĩ, giữa các cơ cấu trong cấu trúc độc tài không có sự liên quan cần thiết, rằng đó hoàn toàn là ngẫu nhiên và chúng có thể sắp xếp theo một thứ tự bất kỳ trong khi thiết lập chế độ này.

Thực chất, mối liên quan này rất sâu sắc, cần thiết và bắt buộc cho bất cứ nhà nước phát xít nào. Mối liên quan này được thể hiện trong hai vấn đề: thứ nhất, đối với dạng nhà nước này không thể thiếu được bất kỳ cơ cấu nào trong 5 cơ cấu đã nêu; thứ hai, mọi cơ cấu muốn phát triển toàn diện và tổng thể nhất thiết phải sản sinh ra và xác định cơ cấu tiếp theo.

Nói cách khác, giữa các cơ cấu trong cấu trúc độc tài, tồn tại một trật tự nghiêm ngặt: mọi cơ cấu đều có vị trí và giá trị xác định đến mức không thể thay đổi mà không gây nên sự phá vỡ tổng thể của toàn hệ thống.

Sở dĩ chúng ta miêu tả cấu trúc độc tài bắt đầu bằng cơ cấu một đảng trị và đặt nó lên vị trí thứ nhất trong quá trình nghiên cứu là vì bản thân việc xây dựng nhà nước phát xít ở Đức, Ýtalia và Tây Ban Nha đều khởi đầu bằng việc thiết lập cơ cấu này. Trong ba nhà nước phát xít điển hình thì Đức là kiểu mẫu hoàn thiện hơn cả; mọi dấu hiệu của nó được thể hiện rõ ràng và rạch ròi nhất. Mặc dù Ýtalia đầu tiên đi theo con đường phát xít, nhưng nó không thể là hình ảnh hoàn thiện nhất của nhà nước độc tài. Thực tế này cũng là một trong nhiều trường hợp trong lịch sử, khi phong trào xuất hiện lần đầu tiên chưa hẳn đã hoàn hảo nhất.

Nhà nước phát xít không thể được thiết lập nếu không có cơ cấu một đảng quyền, không hủy diệt các đảng phái khác. Đây là hòn đá tảng, là nền móng để xây dựng nhà nước phát xít; và để ổn định bền vững, đòi hỏi phải có sự sát nhập giữa nhà nước và đảng phát xít. Hình thức sát nhập và thống nhất này phụ thuộc vào những điều kiện chính trị, tập tục dân tộc cụ thể của từng nước, nhưng nhất định phải được tiến hành nhằm củng cố sự thống trị ổn định cho đảng phát xít. Vì nếu không như thế, cơ cấu một đảng quyền có thể bị phá vỡ.

Sau khi cơ cấu một đảng quyền được thiết lập, sự thống nhất triệt để giữa đảng và nhà nước phát xít là điều cần thiết tuyệt đối. Và để có thể tồn tại bền vững và lâu dài, sự thống nhất này cần phải mang giá trị vật chất. Các đảng viên phát xít chỉ cảm thấy nhu cầu thống nhất này cần thiết, nếu họ nhìn thấy trong đó những quyền lợi vật chất và ưu ái cá nhân. Như vậy nguyên tắc thứ hai này (sự thống nhất giữa đảng và nhà nước phát xít) không chỉ xuất phát từ nguyên tắc đầu tiên, mà còn là sự củng cố và tiếp diễn của nó. Cơ cấu một đảng quyền chỉ được xây dựng hoàn hảo nếu sau khi hủy diệt các đảng phái khác, đảng phát xít điều khiển nhà nước và đồng nhất bản thân mình với nhà nước về mọi mặt: tài chính, chính trị, cán bộ; khi mà "đảng trở thành nhà nước". (Hitler).

Tiếp theo khi cơ cấu một đảng quyền và sự thống nhất giữa đảng và nhà nước phát xít được thiết lập, quá trình này vẫn chưa thể kết thúc. Còn xã hội công chúng, với quyền tự trị đối với đảng và nhà nước phát xít, luôn luôn có thể là nguồn gốc cho mọi bất ngờ chính trị. Trong xã hội có thể sinh ra

những tư tưởng trái ngược, lòng căm thù chế độ, v.v... mà trong những hoàn cảnh đặc biệt có thể làm cho nó tan rã, còn trong điều kiện bình thường, ít nhất cũng khiến nền móng của chế độ lung lay. Từ đây dẫn đến bước tiếp theo của quá trình xây dựng nhà nước độc tài: đặt xã hội công dân dưới sự kiểm soát của nhà nước và đảng phát xít, để khống chế mọi biểu hiện và phong trào chống đối. Khi bước thứ ba này kết thúc, nhà nước phát xít ít nhiều đã trở thành hệ thống hoàn chỉnh, những lực lượng bên ngoài đe dọa sự ổn định của nó không còn nữa, nếu không phải vĩnh viễn thì chí ít cũng trong một thời gian dài.

Sau khi thiết lập ba cơ cấu trên, nhà nước phát xít về cơ bản đã được xây dựng. Các cơ cấu này mở đường cho hai cơ cấu tiếp theo phát triển: tư duy uy tín và trại tập trung cải huấn. Hai cơ cấu sau cùng này tu bổ nội tạng cho chế độ và làm cho nó trở nên hoàn thiện. Dù vậy các cơ cấu này cũng có đặc tính cần thiết và nếu thiếu chúng, hệ thống chính trị hoàn toàn không thể hoạt động. Chúng có giá trị và vị trí xác định trong hệ thống chính trị, liên quan khăng khít với nhau và không thể tách rời. Thí dụ, đồng hóa xã hội không thể triệt để và hiệu quả, nếu không thấu tóm mọi suy nghĩ, tư tưởng và toàn bộ lãnh vực tinh thần. Tất cả cần phải phục tùng cách tư duy uy tín, bởi vì chỉ có thể đồng hóa một khi đã đồng nhất về hình dạng.

Đến lượt mình, đồng hóa xã hội, sự phục tùng của xã hội đối với nhà nước, phải sinh ra các trại tập trung cải huấn. Cần phải cách ly những người không muốn phục tùng sự kiểm soát của đảng phát xít và hệ tư tưởng của nó, để họ không thể "làm hại" xã hội bằng những tư tưởng nguy hiểm. Trại tập trung cải huấn là công cụ lý tưởng của nhà nước phát xít, để giải quyết những mâu thuẫn đối kháng giai cấp bằng cách hủy hoại thể chất các đối thủ chính trị.

Từ những phân tích trên đây có thể rút ra kết luận rằng, giữa các cơ cấu trong cấu trúc của nhà nước phát xít tồn tại một mối liên quan mang tính quy luật, khăng khít và cần thiết, và nếu mối liên quan này bị phá vỡ sẽ dẫn đến sự thay đổi tổng thể không tránh khỏi của toàn hệ thống.

Đương nhiên trong giai đoạn đầu khi thiết lập chính quyền, bọn phát xít vẫn chưa biết về sơ đồ lý thuyết quá trình xây dựng nhà nước đặc thù của mình. Ngược lại, thường thường các Thủ lĩnh phát xít có những ý đồ chính trị xa rời hoặc thậm chí đi ngược lại sơ đồ này, nhưng tính logic khách quan của quá trình đã điều chỉnh và khiến họ đã đi theo phương án tối ưu. Sau khi thiết lập một cơ cấu đảng quyền, theo bản năng họ tiến đến khống chế toàn bộ nhà nước và tiếp theo kiểm soát tổng thể toàn xã hội.

Thí dụ lúc đầu Muxolini dự định xây dựng "chế độ phát xít" với cơ cấu không đảng phái vì nếu không, sẽ phải hủy diệt tất cả các đảng phái chính trị khác. Nhưng sau đó cho thấy để có thể thiết lập sự thống trị toàn diện của đảng phát xít, cần thiết phải hủy diệt mọi đảng phái khác. Và như vậy, cơ cấu một đảng quyền của chế độ phát xít được thiết lập, lúc đầu chỉ là công cụ để đạt được mục đích, sau đó trở thành mục đích.

Trong những năm đầu tiên, Muxolini cũng đã định điều hành nhà nước với chính phủ không đảng phái (liên minh các Bộ Trưởng không đại diện cho các đảng phái của mình), nhưng sau năm 1924, ông ta phải từ bỏ ảo tưởng này và thiết lập chính phủ phát xít thuần chủng.

Bọn quốc xã, đi theo con đường này 9 năm sau đó, đã không phải trả giá cho những ảo tưởng tương tự. Ở đây, bằng con đường ngắn nhất, cơ cấu một đảng quyền được thiết lập và được củng cố bằng sắc luật thống nhất giữa đảng và nhà nước phát xít. ở Ýtalia, chế độ độc tài được xây dựng trong gần bốn năm, còn ở Đức việc này diễn ra vẹn vẹn không đầy một năm. Trước không kết thúc năm 1933, Đức đã là một nhà nước độc tài hoàn chỉnh.

Tất nhiên, Hitler cũng bắt buộc phải sửa đổi một vài chi tiết mâu thuẫn với sơ đồ lý thuyết nói trên. Nhưng ngay cả ở chi tiết này, ông ta cũng buộc phải sửa sai, điều này càng cho chúng ta thấy mối liên quan khăng khít giữa các cơ cấu của cấu trúc độ tài. Thời gian đầu, Hitler đã đồng ý với tòa thánh Vatican, cho phép nhà thờ giáo dục một bộ phận thế hệ trẻ trong các trường dòng. Sau đó ông cảm thấy, những trường này mang đến một thứ tư tưởng khác xa tư tưởng quốc xã. Từ đó dẫn tới việc giải tán các trường này. Một khi đã được thiết lập, chế độ độc tài không thể chấp nhận những vật lạ trong cơ thể mình. Vì mối ràng buộc khăng khít giữa các cơ cấu, bất kỳ một vật lạ nào cũng làm cho hệ thống bị hư hỏng hoặc tan rã. Về mặt cấu trúc, nhà nước phát xít là một hệ thống biệt lập, trong đó mọi chi tiết riêng lẻ ràng buộc chặt chẽ với những chi tiết còn lại, và sự biến dạng của một chi tiết nào đó sẽ dẫn đến đổ vỡ không tránh khỏi của cả hệ thống. Tính chất đặc biệt này là đặc trưng cho nhà nước độc tài và vì vậy, nó có vai trò hết sức quan trọng trong việc tìm hiểu bản chất nhà nước này. Trong vấn đề này nền dân chủ tư sản tỏ ra bền vững hơn nhiều. Sự thay đổi cơ cấu thành phần tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của nó, nhưng không gây nên sự đổ vỡ tổng thể của toàn hệ thống.

Để có thể phân biệt rõ hơn sự khác nhau giữa nhà nước độc tài và nền dân chủ tư sản, ta hãy liên hệ chúng với bộ máy cơ học và một cơ thể sống. ở đây, nhà nước độc tài có thể ví như một cỗ máy cơ học kiểu mẫu, hoạt động hết sức đồng bộ, khi mọi chi tiết của nó đều làm việc chính xác, không sai sót. Nhưng nếu một chi tiết nào đó tách rời khỏi cơ cấu, nó sẽ đe dọa phá vỡ toàn hệ thống.

Trong điểm này nền dân chủ tư sản gần giống một cơ thể sống hơn là bộ máy cơ học. Sự hư hỏng trong một chi tiết nào đó không thể phá vỡ toàn bộ hệ thống. Nhờ tính bền vững cao trong mối quan hệ giữa tổng thể với các bộ phận và giữa những bộ phận với nhau, hệ thống này điều hòa những sai sót trong các chi tiết như một cơ thể sống tự thích nghi với những biến đổi trong các tế bào riêng biệt. Vì lý do này, nền dân chủ tự do trong khuôn khổ nhất định có thể tự điều chỉnh mà không dẫn đến hủy diệt, trong khi nhà nước độc tài phát xít chỉ có một cách thay đổi duy nhất: sự tan rã hoặc phá vỡ tổng thể. Vì những mâu thuẫn nội tạng khổng lồ và sự ràng buộc nghiêm ngặt giữa các bộ phận, một hư hỏng nhỏ trong chi tiết nào đó, có thể đe dọa phá vỡ toàn hệ thống độc tài. Và nếu

không kịp thời sửa chữa sai sót này, thì sau đó khó lòng chống lại được sự đổ vỡ dây chuyền. Đây là lý do giải thích tại sao nhà nước độc tài sử dụng những biện pháp hết sức tàn nhẫn, cương quyết và độc ác để đàn áp cả những biểu hiện chống đối không đáng kể.

2. Cấu Trúc và chức năng.

Với sự phân tích này, chúng ta đã tiến gần đến mối quan hệ giữa cấu trúc chính trị được thiết lập và phương thức hoạt động mang tính quy luật, xuất phát từ cấu trúc đó. ở đây, muốn nói đến khía cạnh nguyên tắc giúp chúng ta hiểu kỹ hơn, đầy đủ hơn về bản chất của chế độ phát xít cùng những cơ cấu cơ học và đòn bẩy tương hỗ của nó.

Cấu trúc xác định phương thức hoạt động. Một khi được thiết lập, cấu trúc hoạt động tương ứng với sự ràng buộc nội tạng của các cơ cấu thành phần. Quy luật tổng quát của các cấu trúc xã hội là xu hướng tự bảo tồn. Dưới tác động của ngoại cảnh, một cấu trúc nào đó, thay đổi phương thức hoạt động hoặc không thể tự thích nghi sẽ bị biến dạng hoặc bị hủy diệt. Trong cả hai trường hợp, nó đều không còn là cấu trúc ban đầu nữa, mà là chuyển sang một dạng khác. Nhưng một khi đã được thiết lập, cấu trúc không thể hoạt động theo phương thức nào khác ngoài phương thức xuất phát từ bản chất của nó.

Trong trường hợp của chúng ta, những phân tích tổng quát trên đây có ý nghĩa như sau: một nhà nước phát xít không thể hoạt động theo phương thức dân chủ, giống như một chế độ dân chủ không thể điều hành theo phương thức độc tài. Hitler chắc chắn sẽ không sáng lập nhà nước quốc xã nếu như nền Cộng Hòa Vaimar có thể thực hiện được vai trò mà ông ta cho là cần thiết. Những nhiệm vụ mới đòi hỏi cấu trúc mới, dạng nhà nước mới, dựa hoàn toàn trên bạo lực.

Từ đây suy ra rằng, hy vọng nhà nước phát xít dân chủ hóa chỉ là ảo tưởng. Việc nhà nước phát xít tự dân chủ hóa hay tự do hóa là hoàn toàn không bao giờ có, cũng như bắt một động vật ăn thịt phải ăn cỏ vậy. Động vật này sẽ chết vì cấu trúc sinh học của nó là động vật ăn thịt. Trong thời gian này, phần lớn giới trí thức Đức có suy nghĩ, sau khi củng cố chắc chắn, chế độ quốc xã nhất định phải quay trở về phương thức điều hành theo hiến pháp và sẽ phục hồi nền dân chủ tư sản truyền thống. Ảo tưởng này xuất phát từ giới trí thức tự do, trong đó có cả những bộ óc vĩ đại như Marc Planc (9-77). Người ta hy vọng rằng, chế độ quốc xã chỉ sử dụng những biện pháp tàn nhẫn và phi pháp cho đến khi không chế được toàn bộ bộ máy nhà nước; sau đó bắt buộc phải từ bỏ bạo lực, thậm chí phải chấp nhận cả những xu thế đối lập và có thể công khai phê phán chế độ. Không còn khả năng nào khác, vì sau khi đã điều hành toàn bộ bộ máy nhà nước, sẽ không còn ai để chế độ đàn áp và theo dõi! Ảo tưởng này là kết quả của nhận thức sai lầm về cấu trúc nhà nước mới mà chủ nghĩa phát xít xây dựng. Chế độ phát xít không đơn giản là chế độ cảnh sát, mà là dạng nhà nước mới- nhà nước độc tài. Về nguyên tắc, nhà nước này loại bỏ mọi tư tưởng tự do thậm chí kể cả những tư tưởng có lợi cho nó.

Đôi khi người ta thử đồng nhất bản chất nhà nước phát xít với tính chất giai cấp của nó rằng, nhà nước phát xít là công cụ của bộ phận tư bản để quốc phản động nhất, nên dân chủ với giai cấp này và chỉ chuyên chính với các tầng lớp lao động.

Trong ý nghĩa tổng quát, điều này đúng: tư bản tài chính là tầng lớp có nhiều ưu việt về kinh tế nhất trong nhà nước phát xít. Nhà nước phát xít đảm bảo cho giai cấp này sức lao động rẻ mạt, không biết bãi công, không muốn tăng lương và thay đổi điều kiện lao động, và đồng thời là lực lượng dự bị hùng hậu cho quân đội... Nhà nước phát xít là thiên đường cho giới tư bản tài chính trong ý nghĩa này.

Nhưng mặc dù vậy vẫn không thể ngây thơ với ý nghĩ rằng, nhà nước độc tài là dân chủ cho giới tư bản phát xít, còn chuyên chính với các tầng lớp lao động. Ngoài lãnh tụ tối cao, không ai có quyền được phê phán nhà nước và chế độ chính trị. Và thậm chí cả lãnh tụ tối cao cũng không thể phủ nhận toàn bộ hệ thống chính trị, vì dù có sự tôn thờ, ông ta vẫn sẽ bị giới cầm quyền chóp bu - những kẻ ràng buộc khăng khít với cấu trúc nhà nước này - gạt bỏ. Thậm chí, cấu trúc chính trị này gạt bỏ cả những tư tưởng dân chủ trong giới cầm quyền chóp bu. Trường hợp xảy ra với Greger Straxer và Ialmar Saht có thể minh họa cho điều này. Vì những biểu hiện không tán thành với chính sách chính trị của chế độ, người đầu tiên bị giết ngày 30-6-1934, còn người thứ hai sống sót một cách khó tin sau một năm bị giam trong trại tập trung cải huấn. Mặc dù Saht là một trong những người đóng góp nhiều nhất và xứng đáng nhất cho việc xây dựng Đế Tam Đế Chế; đã từng là "nhà độc tài tài chính" nhiều năm liên tục của nước Đức- Hitler. Bí Thư Khu ủy Herman Rausning đã phải bỏ chạy sang tận bên kia đại dương để viết sách phê phán chế độ quốc xã và Hitler.

Nhưng vấn đề không phải bản thân các thí dụ này, mà là tính logic của chúng: nhà nước độc tài không cho phép cả giới cầm quyền chóp bu có quyền tự do (tự do ngôn luận, in ấn, kết hội, tị nạn...), bởi vì điều đó có thể làm tan rã nhà nước. Hơn thế nữa, đối với dạng nhà nước này, trao quyền tự do cho giới lãnh đạo chóp bu đặc biệt nguy hiểm, vì họ là hạt nhân của chính quyền và có thể làm cho nó tan rã từ bên trong. Vì vậy cả ba nhà nước phát xít- Đức, Ý và Tây Ban Nha- đều triệt để chống "chủ nghĩa tự do" và "sự sa ngã" chính.

Tại đây, nguyên lý "cả những kẻ áp bức cũng không có quyền tự do" được thể hiện một cách đầy đủ nhất. Bởi vì để có một hệ thống có thể đàn áp, trước hết nó cần phải được tổ chức như một hệ thống đàn áp, nếu không nó sẽ không thực hiện được chức năng đó. Mặt khác hệ thống này trao quyền tự do cho những đại diện của mình được đàn áp, khủng bố theo luật lệ của cấu trúc được xây dựng, nhưng không có quyền phê phán hay chống lại các luật lệ đó. Trong trường hợp ngược lại, họ không tránh khỏi trở thành nạn nhân của hệ thống này.

Jeliu Jeliiev

Chế Độ Phát Xít

Những chức năng đặc biệt của nhà độc tài phát xít

Phần II**1. Do thám tổng thể**

Để có thể hiểu được do đâu dẫn đến "do thám tổng thể" trong những điều kiện của nhà nước phát xít, chúng ta cần xem xét lại cấu trúc độc tài của nó. Như một xã hội "được tổ chức", nhà nước độc tài thu hút tất cả mọi thành viên của mình theo nghề nghiệp, giới tính hay tuổi tác vào những tổ chức quần chúng. Hệ thống tổ chức quần chúng khổng lồ này đồng thời vừa là công cụ để kiểm soát xã hội, vừa để nhồi nhét tư tưởng phát xít cho xã hội. Nhưng ở đây ẩn giấu một mặt trái của vấn đề:

Trong những điều kiện nhất định, hệ thống tổ chức quần chúng này có khả năng quay lại chống nhà nước. Điều này đúng cho mọi tổ chức. Bởi vì một khi đã được xây dựng, tổ chức là hình thức có thể thực hiện những ý đồ chống nhà nước với sức mạnh được tổ chức sẵn, nếu vị trí lãnh đạo của nó rơi vào tay những người mang trong mình tư tưởng đối lập.

Lãnh đạo một tổ chức quốc gia và chờ thời cơ, để dùng nó chống lại chế độ sẽ hiệu quả hơn nhiều, so với việc xây dựng một tổ chức chống đối công khai. Bởi vì tổ chức chống đối công khai ít có khả năng thành công hơn do sự khủng bố gắt gao của lực lượng cảnh sát.

Vì lý do này, những người hoạt động bí mật có kinh nghiệm, làm việc trong những điều kiện của nền chuyên chính phát xít, không chống lại nhà nước một cách công khai, mà ẩn giấu trong một tổ chức nào đó. Ở đó những người này tiếp xúc với quần chúng, chiếm được lòng tin của họ và trở thành lãnh đạo của tổ chức này. Đạt được điều đó, tổ chức quốc gia không chỉ che chở cho những người như thế, mà còn trở thành công cụ cho công tác bí mật của họ.

Nói cách khác, tổ chức quần chúng lúc này đã thay đổi ý đồ chính trị. Sự thay đổi đó càng nguy hiểm hơn cho nhà nước, nếu đây là tổ chức được vũ trang đầy đủ như quân đội hay những bộ phận của quân đội.

Để chống lại những hành động chống đối nhà nước công khai như bãi công, biểu tình... chính quyền phát xít có những công cụ hữu hiệu: khủng bố cảnh sát và trại tập trung cải huấn. Nhưng để chống lại những ý đồ bí mật, cảnh sát không còn giữ được vai trò hiệu quả như thế nữa. Rõ ràng cảnh sát khó có thể phân biệt được ai bí mật chống lại nhà nước và ai trung thành với nhà nước.

Từ đây dẫn đến sự cần thiết phải có thứ vũ khí mới để bảo vệ chế độ chính trị, và cụ thể đó là do thám. Nhưng đây không phải kiểu do thám truyền thống mà cảnh sát vẫn sử dụng thông qua bọn mật

vụ, mà là do thám quần chúng, do thám tổng thể. Chỉ nhờ kiểu do thám này, nhà nước mới biết được tất cả những sự kiện xảy ra ở mọi nơi, mọi thời điểm, phát hiện nhanh chóng và hủy diệt kịp thời những mưu đồ chống đối.

Rudolf Hex đã xây dựng thành những nguyên tắc cơ bản của do thám tổng thể như sau:

"- Ai cũng có thể trở thành do thám.

- Ai cũng phải trở thành do thám.

- Không có bí mật nào, mà không thể thăm dò."(102-117)

Trên thực tế, do thám tổng thể có nghĩa là: con cái do thám bố mẹ, sau đó báo với cảnh sát, học sinh theo dõi thầy giáo, binh lính - các cấp chỉ huy, thành viên những tổ chức quần chúng - cán bộ lãnh đạo.. và ngược lại. Gia đình, trường học, cơ sở nghiên cứu khoa học, công sở, quân đội, tổ chức quần chúng, câu lạc bộ thể thao, trong đảng và thậm chí cả cảnh sát - đều là những hiện trường do thám quan trọng. Nhà nước cần phải biết nguyện vọng và ý định của tất cả mọi người. Không có bí mật nào mà nhà nước không quan tâm.

Trong bối cảnh đó, không còn ranh giới giữa kẻ do thám và người bị do thám. Tất cả đều đồng thời là do thám và bị do thám. Do thám tổng thể trở thành do thám lẫn nhau.

Nhà nước phát xít khuyến khích kiểu do thám này, xem đó như dấu hiệu cơ bản cho sự tin tưởng chính trị. Kẻ nào tố cáo được nhiều với cảnh sát sẽ được tin tưởng và có ưu thế hơn để thăng cấp trong bộ máy đảng và nhà nước.

Một ưu điểm khác của do thám tổng thể là mặc dù mức độ rất rộng lớn, kiểu do thám này kinh tế hơn rất nhiều cách do thám cảnh sát thuần túy. Nhà nước không cần thành lập những tổ chức do thám đặc biệt, mà sử dụng ngay các tổ chức quần chúng sẵn có, các công sở ... cho mục đích này. Những người làm việc trong mọi tổ chức đều đồng thời là do thám, nhà nước không cần trả thêm lương. Bản chất đặc biệt của nhà nước phát xít, với việc không tồn tại của các xu hướng chính trị đối lập, diễn đàn tự do.. cho phép nó có thể làm được điều đó.

2. Tuyên truyền trắng trợn.

Trong nhà nước độc tài, diễn đàn, đài phát thanh, phim ảnh, nhà hát, văn học, các tổ chức quần chúng... đều bị đặt dưới sự thống trị toàn diện của nhà nước; mặt khác do không tồn tại xu hướng chính trị đối lập, cho phép nhà nước này thực hiện một kiểu tuyên truyền độc đoán. Tuyên truyền không tránh khỏi trở thành chủ soái tuyệt đối của nhà nước, đưa tin tức và phân tích các sự kiện theo một chiều duy nhất. Thông qua cưỡng ép một cách hệ thống, tuyên truyền mê hoặc quần chúng và kết hợp với sự khủng bố, làm nên những điều kỳ dị. Tuyên truyền có thể tạo nên một "sự thật thứ hai", và mặc dù đó chỉ là ảo tưởng và nằm trong khuôn khổ những lời hứa hão. "Sự thật" này được quần chúng công nhận là thực sự, còn sự thật thực sự thì bị xem như không thực và vô nghĩa. Bằng

cách nhồi nhét kiên trì, liên tục và duy nhất một thứ tư tưởng, tuyên truyền biến tư tưởng này thành huyền thoại trước mắt nhân dân, dù không có cơ sở. Không phải ngẫu nhiên mà tại Đại Hội Đảng ở Niurnberg năm 1936, Gobelx đã nêu khẩu hiệu:

"Tuyên truyền đã giúp chúng ta giành được chính quyền.

Tuyên truyền sẽ giúp chúng ta giữ vững chính quyền.

Tuyên truyền sẽ giúp chúng ta chiến thắng toàn thế giới."(90-153)

Trước đó 10 năm trong Cuộc Chiến Đấu Của Tôi, Hitler đã giành vị trí đặc biệt cho công tác tuyên truyền: "Bằng cách tuyên truyền kiên trì và liên tục, ta có thể khiến một dân tộc xem thiên đường là địa ngục và ngược lại, một cuộc sống cơ cực nhất thành thiên đường." (90-257) Nhưng điều đó chỉ có thể thực hiện được trong nhà nước độc tài, nơi mà phản tuyên truyền và thông tin khách quan hoàn toàn không thể có. Trong nền dân chủ tự do truyền thống, tuyên truyền của nhà nước (và không phải là duy nhất) không thể có được sức mạnh ghê gớm như vậy, vì nếu nó có ý định "khiến một dân tộc xem thiên đường là địa ngục và một cuộc sống cơ cực nhất thành thiên đường", thì ngay lập tức sẽ bị diễn đàn đối lập vạch mặt.

Tại đây, diễn đàn đối lập đứng ra đại diện và bảo vệ quyền lợi cho xã hội một cách khách quan, đại diện cho nguyện vọng xã hội, và trong nền dân chủ tư sản, những nguyện vọng này thường không trùng hợp với nguyện vọng của nhà nước.

Trong chế độ độc tài phát xít, điều này hoàn toàn không thể xảy ra ở đây, nhà nước cũng đồng thời là đại diện cho nhân dân, xã hội, quê hương, dân tộc, tiến bộ, công bằng... không có sự khác nhau giữa nguyện vọng của nhà nước và xã hội, vì không tồn tại nguyện vọng xã hội công khai.

Do có quyền thống trị, nguyện vọng nhà nước trở thành nguyện vọng xã hội, còn nguyện vọng thực sự của xã hội thì không được phép thể hiện công khai, mà chỉ lan truyền kín đáo, thông qua những câu chuyện tiêu lâm chính trị, những lời đồn đại...

Chúng ta có thể lấy những trích dẫn minh họa cho kết luận trên trong hồ sơ của tòa án Niurnberg:

"Do kiểm soát chặt chẽ diễn đàn, đài phát thanh... từ năm 1933, nhân dân Đức đã bị ảnh hưởng nặng nề của tuyên truyền quốc xã; và không chỉ công kích thù địch, mà bất kỳ công kích nào cũng đều bị cấm đoán. Quyền tự chủ và tư duy tự do hoàn toàn không thể có," và, "Chính phủ quốc xã có ý định thống nhất nhân dân theo đường lối chính trị của mình bằng cách sử dụng tuyên truyền cưỡng ép. ở Đức có hàng loạt phóng viên được tuyển chọn với nhiệm vụ kiểm soát và gây ảnh hưởng đối với diễn đàn, đài phát thanh, phim ảnh, nhà xuất bản... mọi thú vui, nghệ thuật và văn hóa. Tất cả những phóng viên này phục tùng Bộ Tuyên Truyền Và Giáo Dục Nhân Dân, đứng đầu là Golbelx; kết hợp với tổ chức tương ứng trong Đảng Công Nhân Quốc Xã và Ban Văn Hóa Quốc Gia, chịu trách nhiệm sự kiểm soát này..."

Rozenberg, với danh nghĩa đại diện cho đảng quốc xã, giữ vai trò lãnh đạo công tác tuyên truyền học

thuyết quốc xã, còn... Fritre cùng Gobelx thực hiện nhiệm vụ tương tự dưới danh nghĩa các tổ chức nhà nước."(90-322)

Ở đây cần nhấn mạnh một tình tiết, mà mới thoát nhìn có vẻ như không mấy quan trọng là, Ủy Ban Văn Hóa Tối Cao bao gồm bảy ban, thu tóm toàn bộ cuộc sống tinh thần xã hội - phim ảnh, nhà hát, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, nhạc thơ, khoa học... - nằm dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tuyên Truyền.

Tất nhiên điều đó chưa thể nêu bật được bức tranh toàn cảnh của tuyên truyền tổng thể. Tính chất tổng thể của tuyên truyền được thể hiện rõ ràng hơn trong bộ máy về công tác này, rằng mọi tổ chức và công sở đều bắt buộc phải tham gia tuyên truyền. Ngoài các cơ quan tuyên truyền đặc biệt - Bộ Tuyên Truyền, các cơ

sở ấn loát, diễn đàn, đài phát thanh - tuyên truyền còn được tiến hành bởi bộ máy đảng và nhà nước, các tổ chức quần chúng, các hiệp hội phụ nữ, trí thức... Tuyên truyền độc đoán được thực hiện thông qua mọi tổ chức, công sở và trở thành tuyên truyền tổng thể, còn các tổ chức quần chúng và công sở bị biến thành công cụ của nó.

Tương tự như "do thám tổng thể", nhà nước không cần thành lập bộ máy tuyên truyền đặc biệt, mà sử dụng ngay những tổ chức và công sở quốc gia vào mục đích này. Mọi tổ chức, hiệp hội, cơ sở nghiên cứu... ngoài công việc chính đều phải tham gia công tác tuyên truyền và "do thám tổng thể". Những nguyên tắc cơ bản đặc biệt của tuyên truyền trong những điều kiện của nhà nước phát xít là:

1. Chỉ thông báo những tin tức có lợi cho chế độ, giúp chế độ chiếm được lòng tin của xã hội.
2. Những tin tức không có lợi sẽ gây ảnh hưởng xấu đến chế độ. Thí dụ, diễn đàn thế giới trong nhiều năm đã viết về các trại tập trung ở Đức và những tội ác của bọn SS và Zetapo. Chỉ riêng báo chí và đài phát thanh Đức là không nói gì đến chuyện này.

Trong nhật ký của mình (1.5.1942), Gobelx viết: "Tin tức chính trị là vũ khí quân sự. Ý nghĩa của chúng để thúc đẩy chiến tranh, chứ phải đưa thông tin". (147-210)

3. Nếu cần đưa những tin tức không có lợi trong trường hợp không thể im lặng, thì những tin tức này đã bị bóp méo, đến mức khó nhận ra sự thật.
4. Thổi phồng các sự kiện không có lợi cho đối phương.
5. Tuyên truyền được đặt trước thông tin, nghĩa là thông báo sự kiện nào đó xuất phát từ ý nghĩa chính trị của nó.
6. Khi bắt buộc phải tỏ ra khách quan, phải đưa nhiều thông tin cụ thể hơn, thì tính "khách quan" này bị biến thành nguyên nhân phụ, để tự phân tích tuyên truyền, như công cụ tìm hiểu "sự thật" cho quần chúng.

Fritre, người xếp thứ hai sau Gobelx trong hệ thống tuyên truyền quốc xã từng nói: "...Con người có thể tuyên truyền bằng mọi phương tiện; có thể nói dối trước sự thật hiển nhiên, đơn giản là đặt những

thực tế ra ngoài bối cảnh tổng quát của chúng và tách đối tượng ra khỏi nhận thức của họ về toàn bộ sự thật." (146-270)

Tuy nhiên còn tồn tại một lĩnh vực mà tuyên truyền độc đoán của nhà nước phát xít không còn giữ được sức mạnh vốn có, đó là công tác tuyên truyền ở nước ngoài. Tại đây, tuyên truyền của nhà nước độc tài không còn có thể độc đoán, mà phải cạnh tranh trong cùng những điều kiện với các đối thủ của mình. Lúc này, tuyên truyền độc tài đứng trước những khán giả biết suy nghĩ và công kích. Do đó nó phải thay đổi công thức, phải từ bỏ kiểu cách cảnh sát, đe dọa, từ chối sự giả mạo là không thể sai lầm. Cùng với những ấn phẩm trong nước, nhiều tờ báo và tạp chí bằng tiếng nước ngoài được xuất bản...

Nhưng cuối cùng thì trò lừa bịp này cũng phải bị đổ vỡ, vì nó dựa trên sự lừa dối trắng trợn. Và dầu sao, thế giới cũng có những nguồn thông tin riêng của mình - đó là các nhà báo và những phóng viên điện tín, những người không dễ gì có thể bị gạt.

3. Cần thiết phải cách ly đất nước.

Tuyên truyền độc tài trong nước trở nên bất lực khi phải cạnh tranh với tuyên truyền nước ngoài.

Việc phát minh ra đài phát thanh trong thế kỷ XX đã làm một cuộc cách mạng thực sự trong lĩnh vực tuyên truyền: thông tin ngay lập tức được truyền đến với hàng triệu người, không phụ thuộc vào biên giới và khoảng cách. Nhưng điều này đe dọa quyền độc đoán của tuyên truyền độc tài và gây khó khăn cho nó trong việc cạnh tranh với tuyên truyền bằng đài phát thanh của các nước khác.

Trong cùng một điều kiện, tuyên truyền này có thể thắng tuyên truyền khác chỉ bởi chất lượng, tính chính xác và khách quan của thông tin được đưa ra. Nhưng về những điểm này, thì tuyên truyền phát xít rõ ràng là kém cỏi nhất.

Vì tuyên truyền phát xít trở nên bất lực trước ảnh hưởng của tuyên truyền nước ngoài, do đó nó phải nhờ đến sự can thiệp của cảnh sát.

Để giúp tuyên truyền độc tài, cảnh sát dùng những biện pháp cách ly như sau:

- 1. Cố định các máy radio để không còn bắt được các đài khác ngoài đài phát thanh trong nước, đồng thời trừng phạt tàn nhẫn những người vi phạm.*
- 2. Thiết lập các hệ thống gây nhiễu sóng của những đài nước ngoài phát thanh văng tiếng của nhà nước phát xít.*
- 3. Kiểm soát nghiêm ngặt những tác phẩm văn học và báo chí nhập từ nước ngoài vào.*
- 4. Thiêu hủy những tác phẩm văn học mang tư tưởng tự do dân chủ .*
- 5. Hạn chế đến mức tối thiểu việc du ngoại của các công dân. Việc đi nước ngoài chỉ giành cho những người tin cẩn hoặc những người thừa hành công vụ và đều phải thông qua sự kiểm tra của cảnh sát.*

Curt Rix đã viết về vấn đề này ở Đức như sau: "... Để được cảnh sát đồng ý cho đi nước ngoài, cần phải nêu rõ: đi đâu, và vì lý do gì; đi đến với ai; có bà con họ hàng gì ở nước ngoài không; quan điểm chính trị của họ thế nào... Sau khi đến vị trí đã định, ngay lập tức phải báo với đại diện sứ quán Đức gần nhất." (103-43)

Những biện pháp trên chứng tỏ, bản thân tuyên truyền độc tài dựa trên bộ máy đàn áp và khủng bố cảnh sát. Sự thống trị tuyên truyền trong nước được bộ máy đàn áp đảm bảo; nó hủy diệt tất cả những ai có ý định đưa thông tin, tuyên truyền.

Sự cộng tác chặt chẽ giữa tuyên truyền và bộ máy đàn áp trong cuộc đấu tranh chống tuyên truyền nước ngoài, càng làm rõ thêm mối quan hệ giữa chúng. Tuyên truyền độc đoán không tránh khỏi chuyển thành cưỡng ép và do thám, đến mức khó mà phân biệt được ranh giới giữa chúng. "Ngoài khủng bố thể chất, bọn Hitler còn sử dụng cả khủng bố tư tưởng đối với nhân dân Đức. Bọn phát xít hủy diệt mọi quyền dân chủ của người Đức. Toàn bộ tuyên truyền, văn học, nghệ thuật đều bị đồng hóa. Trong nhiều năm, hàng triệu người Đức bị ảnh hưởng nặng nề của tuyên truyền Hitler, bị bùng bít mọi nguồn thông tin về sự thật và tội ác của chế độ ." (75-20)

Với bản chất phản động và vô nhân đạo, nhà nước phát xít tự xem mình là trên hết, hủy diệt toàn bộ quyền tự chủ của mọi cá nhân, cướp đi của họ quyền suy nghĩ và hành động độc lập. Cá nhân trở thành công cụ của nhà nước. Trong hoàn cảnh đó, đương nhiên các công dân mong muốn một nền tự do dân chủ hơn là chuyên chính độc tài. Bởi thế, hệ tư tưởng độc tài rất lo sợ khi phải tiếp xúc và cạnh tranh tự do với tư tưởng tư sản dân chủ. Hệ tư tưởng độc tài tất yếu sẽ bị tan rã, vì không chịu được áp lực của hệ tư tưởng tư sản dân chủ, và do đó phải dùng những biện pháp cách ly thông qua sự giúp đỡ của bộ máy cảnh sát.

Phát xít Đức, cũng như phát xít Italia, quảng cáo hệ tư tưởng của mình là cách mạng, tiến bộ và nhân đạo hơn nhiều lần hệ tư tưởng "cá nhân" và "ích kỷ" của nền dân chủ tự do truyền thống. Thậm chí trong Học Thuyết Về Chủ Nghĩa Phát Xít, Muxolini còn nhiều lần nhấn mạnh rằng, hệ tư tưởng phát xít tượng trưng cho tinh thần thế kỷ XX, là hệ tư tưởng "tập thể", trong khi chủ nghĩa cá nhân là tư tưởng lỗi thời của thế kỷ XIX.

Thực chất, bản chất phản động của tư tưởng độc tài nằm ngay trong nỗi lo sợ, khi phải tiếp xúc với tư tưởng tự do dân chủ; và do đó phải cách ly quần chúng khỏi ảnh hưởng của những tư tưởng này.

4. Thường xuyên cần thiết mối đe dọa quân sự từ bên ngoài.

Cần có cách giải thích thỏa đáng, khi mọi quyền lợi cá nhân bị hy sinh cho nhà nước và việc đàn áp, khủng bố thường xuyên xảy ra. Từ đó dẫn đến phải có những nguyên nhân bên ngoài không thể bàn cãi.

Thời gian đầu, nhà nước độc tài đang phải thanh toán các kẻ thù thực sự nên chưa cần tuyên truyền những nguy hiểm tưởng tượng. Nhà nước liên tục gây căng thẳng thêm cho sự cuồng tín trong nhận

thức chính trị bằng cách lôi kéo quần chúng chống lại một đối tượng nào đó. Ở Đức đối tượng đầu tiên là những người cộng sản, tiếp theo là những nhà dân chủ xã hội và cán bộ công đoàn, và sau cùng khi mọi đảng phái đã bị tiêu diệt thì đến lượt người Do Thái. Bằng mọi cách, bọn quốc xã nhồi nhét cho nhân dân Đức rằng, những người Do Thái trong nước và trên thế giới đang có âm mưu chống lại nhân dân Đức. Mọi nguyên nhân tai họa của dân tộc hay cá nhân từng công dân Đức đều được đổ lên đầu người Do Thái. Một chiến dịch tuyên truyền bài Do Thái toàn diện được tiến hành. Trong môi trường bị đầu độc này, giới tiểu tư sản thí dụ như những người bán tạp phẩm, bắt đầu nhìn thấy nguyên nhân những thất bại của mình trong việc cạnh tranh với các cửa hàng của người Do Thái; kẻ trí thức không gặp may giải thích những thất bại của mình bằng việc ganh đua với các đồng nghiệp Do Thái; người bác sĩ nhìn thấy số lượng con bệnh của mình sẽ tăng lên gấp bội nếu những phòng khám tư nhân của các bác sĩ Do Thái bị đóng cửa...

Còn gì đẹp hơn là sự cạnh tranh của những người Do Thái sẽ bị loại bỏ trên danh nghĩa một mục đích xã hội "cao cả" - giữ gìn trong sạch dòng giống dân tộc, cứu dân tộc khỏi một kẻ thù số một! Nhưng để mỗi nguy hiểm này được xem như thật, quần chúng nhân dân cần được tham gia những cuộc đàn áp người Do Thái. Sự cuồng tín xã hội không thể căng thẳng thêm chỉ bằng cách dùng tuyên truyền thổi phồng một mối nguy hiểm tưởng tượng. Cần thiết phải để cho dân chúng tiếp xúc trực tiếp với mối nguy hiểm này và chuẩn bị một cuộc phản công nghiêm túc chống lại nó. Không phải ngẫu nhiên mà bọn quốc xã kéo dài việc giải quyết vấn đề người Do Thái trong suốt thời gian cầm quyền, mặc dù đã có thể hủy diệt hay trục xuất toàn bộ dân Do Thái ngay từ những năm 1935-1936. Nhà nước độc tài quốc xã luôn luôn cần có mối nguy hiểm nào đó, để lợi dụng vào đó mà giữ tình trạng chính trị căng thẳng và liên tục đòi hỏi nhân dân phải hy sinh.

Nhà nước độc tài Tây Ban Nha cũng sử dụng nguyên tắc này. Mặc dù đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ khi cuộc nội chiến kết thúc và mọi cái đều đã đổi thay, cho đến phút chót chính quyền vẫn chia dân chúng thành người thắng, kẻ thua và thổi phồng lòng căm thù giữa họ .

Sau một cuộc nội chiến tàn khốc, thông thường một nhà nước dân chủ cần phải thi hành những biện pháp làm giảm dần các mâu thuẫn vì hòa bình dân tộc, bởi ngọn lửa của cuộc nội chiến đe dọa hủy diệt nhà nước này. Đối với nhà nước độc tài thì ngược lại, linh hồn của cuộc nội chiến cần thiết tồn tại. Vì bản thân cấu trúc nhà nước độc tài là khủng bố và không thể tồn tại nếu không khủng bố, và để khỏi bị tan rã, nhà nước cần phải tìm đối tượng cho sự khủng bố này (vì một bộ máy khủng bố, mà không khủng bố thì sẽ bị tan rã).

Khi nào những nguy hiểm bên trong đã bị mai một, nhà nước phát xít liền dùng đến mối đe dọa bên ngoài. Một nước láng giềng hay một số nước nào đó, với hệ tư tưởng khác, sẽ bị tuyên bố là mối đe dọa thực sự . Và để loại bỏ được "mối đe dọa" này, nhà nước phát xít tăng cường vũ trang quân sự và xiết chặt hơn nữa đời sống chính trị . Những mối đe dọa trong và ngoài thường được xem là liên

quan nhau Thông thường mỗi đe dọa bên ngoài được sử dụng như nguyên nhân để đàn áp lực lượng bên trong nào đó. Các lực lượng này bị buộc tội là bè lũ gián điệp cho những nước mà nhà nước phát xít xem là mối đe dọa bên ngoài.

Thí dụ, nước Đức - Hitler, trong một thời gian dài tuyên bố "chủ nghĩa Bônsevic" là mối đe dọa bên ngoài, có nguy cơ tràn ngập Âu Châu và nuốt tươi nước Đức. Sau khi điều đó đã được công nhận, dễ dàng có thể tấn công những lực lượng mácxít trong nước (cộng sản và xã hội dân chủ).

Phát xít Italia nhìn thấy mối đe dọa bên ngoài là chế độ "tài phiệt" Anh và Pháp. Do đó chúng tiến hành công kích nền dân chủ tư sản, còn ở trong nước thì mở cuộc tấn công điên cuồng chống những kẻ tôn thờ "giới tài phiệt phương Tây". Thí dụ vào năm 1938 ở Italia, đã triển khai chiến dịch chống "ảnh hưởng ngoại lai" và "tác phong tư sản". De Xtefan, một trong những kẻ ủng hộ tích cực nhất cho chính sách của chế độ phát xít đã viết như sau: "Còn rất nhiều vấn đề phải xem xét trong lĩnh vực nhập khẩu phi vật chất mà chúng ta thu nhập được: cách suy nghĩ, cách sống, tác phong ngoại lai.. Chế độ phát xít cần phải kiểm soát không chỉ riêng vấn đề nhập khẩu hàng hóa, mà cả tư tưởng và cách sống." (44-112)

Thông qua mối đe dọa bên ngoài, nhà nước độc tài "bắn một mũi tên trúng hai đích": thứ nhất, gây nỗi kinh hoàng cho nhân dân, bắt họ phải đoàn kết xung quanh nhà nước; thứ hai, tạo điều kiện thích hợp để cách ly và tiêu diệt đối thủ chính trị nào đó. Sự thống nhất nhân dân, trong nhà nước độc tài, được hình thành trên nỗi lo sợ không chỉ từ bộ máy khủng bố của nó mà còn từ những nguy hiểm bên ngoài, đã bị nhà nước thổi phồng và nhồi nhét thành công cho nhân dân, thông qua tuyên truyền độc đoán.

Nhà nước độc tài luôn luôn cần có mối đe dọa nào đó từ bên ngoài, không phụ thuộc là phía bắc hay nam, đông hay tây.

5. Sự khác biệt giữa chế độ phát xít và nền dân chủ.

Chủ nghĩa phát xít nắm chính quyền với ý nghĩ hợm hĩnh rằng, đã sáng tạo ra một nền dân chủ quần chúng và thực chất hơn nền dân chủ của "nhà nước tự do", nền dân chủ mà thật may mắn "không bị xây dựng trên những cơ sở tài phiệt xấu xa nhất.". Báo Berliner Tageblatt, trong số ra ngày 7.6.1933 đã viết về chủ nghĩa quốc xã như sau: "Chủ nghĩa Hitler là phong trào dân chủ nhất ở Đức trong vòng năm mươi năm gần đây." (103-105)

Khi phát biểu trước cuộc họp quần chúng ở Coln ngày 26.3.1937, Gobelx đã tuyên bố: "Ở nước Đức, một nền dân chủ thực sự đã trở thành thực tiễn sống động, trong đó toàn thể dân tộc tự do bày tỏ nguyện vọng của mình..." (166-115,116)

Trong Học Thuyết Về Chủ Nghĩa Phát Xít, Muxolini cũng đã viết rằng, nhà nước phát xít tượng trưng cho "một nền dân chủ có tổ chức, tập trung và pháp quyền." (112-17)

Đặc biệt, Hitler đã lên án gay gắt nền dân chủ phương Tây, nền dân chủ theo như chính lời ông chỉ được sử dụng "bởi một tầng lớp tư sản không đáng kể, trong khi nhân dân bản cùng thì đông hơn nhiều lắm." (128-376). Trong diễn văn đọc trước công nhân các nhà máy vùng Berlin ngày 10.12.1940, Hitler công kích phương Tây tự do như sau:

"Trong thế giới Anh - Pháp tồn tại cái gọi là dân chủ. Nói cách khác, ở đó nhân dân điều hành chính quyền, do đó nhân dân phải có khả năng thể hiện suy nghĩ và nguyện vọng của mình. Nhưng nhìn kỹ hơn vấn đề này sẽ thấy, nhân dân không hề có được quan điểm của mình và đó chỉ là, tất nhiên - như ở mọi nơi - quan điểm giả tạo. Vấn đề cốt lõi là: ai dạy bảo và giáo dục nhân dân?

Và trên thực tế, giới tư bản đang trị vì trong những đất nước này, đó là một nhóm vài trăm người, giàu có không xiết kể và ít nhiều có vẻ được độc lập vì cấu trúc đặc biệt của những nhà nước này. Những người này nói: "Chúng tôi có tự do", và trước hết, họ hiểu đây là tự do kinh tế, còn tự do kinh tế thì được hiểu không chỉ là tự do tích lũy tư bản, mà là tự do sử dụng tư bản. Nói cách khác, họ chỉ cần được tự do, không bị nhà máy hay nhân dân kiểm soát trong việc tích lũy và sử dụng tư bản. Đó chính là khái niệm của họ về tự do." (128-374)

Trong thời gian chiến tranh, Anh là nước bị Hitler công kích dữ dội nhất:

"Tại đất nước này tồn tại những khác biệt giai cấp kinh khủng nhất mà con người có thể tưởng tượng ra. Một bên là đói nghèo, cùng cực - và một bên là giàu có không xiết kể. Ở đây không một vấn đề xã hội nào được giải quyết.

Các tầng lớp công nhân ở nước này, đất nước chiếm một phần sáu diện tích địa cầu và những kho báu dưới lòng đất của toàn thế giới đều nằm tại đây, đang phải sống bần cùng trong những ngôi nhà ổ chuột, và đại bộ phận là ăn mặc hết sức rách rưới." (128-376)

Đề đối ngược với nền dân chủ giả hiệu của phương Tây tự do, Hitler đã dùng nền kinh tế "thật sự" và "thực chất" của nhà nước quốc xã, nơi mà nạn thất nghiệp đã bị xóa bỏ và luân chuyển tư bản, nghĩa là phân chia và sử dụng tư bản, nằm dưới sự kiểm soát toàn diện của đảng quốc xã. Như vậy nước Đức, từ một nền dân chủ cho "một tầng lớp không đáng kể những kẻ giàu có" đã biến thành nền dân chủ cho "toàn thể nhân dân." Hitler nói: "Trong thế giới tư bản dân chủ, nguyên tắc kinh tế quan trọng nhất là: nhân dân chịu trách nhiệm sản xuất, và sản xuất sinh ra tư bản. Chúng ta đảo ngược lại nguyên tắc này và nói: tư bản là để sản xuất, và sản xuất là để cho nhân dân! Trong ý nghĩa rộng nhất: trước hết là vì dân, và những cái khác là công cụ để đạt được mục đích này." (128-373)

Ở đây cũng như những lần khác, khi công kích nền dân chủ tự do Hitler đã cố tình bỏ quên không nói đến một vấn đề cốt lõi nhất: thứ nhất, ai là sở hữu của tư bản trong nhà nước quốc xã? Thứ hai, sự kiểm soát của đảng quốc xã đã làm thay đổi những gì trong những quan hệ về sở hữu thứ ba, nạn thất nghiệp ở Đức đã được loại bỏ bằng cách nào và nhằm mục đích gì? Thứ tư, liệu giai cấp công nhân Đức có khả năng kiểm tra sự luân chuyển của tư bản, mà không phụ thuộc vào sự kiểm soát của

đảng và nhà nước phát xít không?

Nhưng đối với bọn quốc xã, chỉ với việc loại bỏ nạn thất nghiệp cũng đã là dẫn chứng không cần bàn cãi rằng, ở Đức có nền dân chủ thực sự, khác hoàn toàn với nền dân chủ giả hiệu của các nhà nước tự do.

Bọn phát xít xem dấu hiệu rõ ràng nhất cho nền "dân chủ" quần chúng của mình là những cuộc duyệt binh, diễn hành chúc mừng Đại Hội Đảng ở Nuernberg và những cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành chống kẻ thù của nhà nước và thường được toàn dân tham gia...(28-28)

Một cách khách quan, chủ nghĩa phát xít khiến cho những quan niệm về nền dân chủ của chúng ta cần được bổ sung và xác định lại. Chúng ta biết rằng bắt nhân dân xuống đường, mang biểu ngữ và tuần hành hoàn toàn không phải là dân chủ, mà là sự cưỡng ép kín đáo, được tiến hành nhờ những cơ cấu của chế độ độc tài; chúng ta biết rằng, thậm chí việc xóa bỏ nạn thất nghiệp và đảm bảo mức sống tối thiểu cũng không phải là dân chủ, nếu như những việc này được thực hiện nhằm chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh ăn cướp; rằng nền dân chủ là cấu trúc xã hội, mà mọi cá nhân được đảm bảo quyền tự do công dân và tự do chính trị, và do đó cá nhân được xem là có giá trị cao hơn nhà nước và các cơ sở nhà nước.

A. Cá nhân bị dùng làm vật hy sinh cho cộng đồng phát xít.

Trong nhà nước phát xít không thể có dân chủ, vì dân chủ và độc tài là những nguyên tắc thù địch và đối kháng. Bản thân cấu trúc nhà nước phát xít không cho phép có thể có dân chủ, một khi nó bắt các cá nhân phải phục tùng tuyệt đối và tước đi của họ mọi khả năng tự bảo vệ.

Đối với chủ nghĩa phát xít, giá trị chính trị cao nhất là đảng và nhà nước phát xít, còn mọi cái khác bắt buộc phải phục tùng và phục vụ chúng. Cá nhân bị biến thành vật hy sinh cho "cộng đồng phát xít" và chỉ có quyền được tồn tại khi phục vụ cho cộng đồng này hay ít nhất là tuân theo nó.

Đảng và nhà nước phát xít được xem như những "cộng đồng" thể hiện đầy đủ nhất quyền lợi chung của mọi công dân và đồng nhất với những quyền lợi này. Do đó đảng và nhà nước phát xít đồng nhất với khái niệm nhân dân, dân tộc, quê hương... Vì vậy, giữa nhà nước và các công dân không thể có mâu thuẫn, và nếu giả sử có trường hợp ngược lại thì lỗi là do các công dân, và mâu thuẫn cần được giải quyết bằng cách trừng phạt họ.

Nhìn chung, nguyên tắc của chủ nghĩa độc tài là: sự phục tùng toàn diện của cá thể, của cái riêng cho "cái chung"; sự thống trị của "cái chung" trên cái riêng là không thể tách rời.

Ngược lại, nền dân chủ truyền thống mang một ý nghĩa hoàn toàn đối lập, dù những hạn chế và bản chất giai cấp thế nào đi nữa, nó vẫn chú trọng nhiều hơn về cái riêng, về cá thể. Đối với nền dân chủ tự do, giá trị chính trị cao nhất là nhân cách công dân, và những giá trị khác có tính chất chung hơn như nhà nước, các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng có nghĩa vụ phải phục vụ và giúp đỡ

cho việc cấu thành và giữ gìn nhân cách công dân, trước hết là bảo vệ quyền tự do chính trị và tự do công dân.

Khi xem nhân cách công dân là giá trị chính trị cao nhất, nguyên tắc dân chủ xuất phát từ quan niệm rằng: sự phát triển và tính đa dạng của một xã hội (chứ không phải của nhà nước) được hình thành trên sự đa dạng về nhân cách của các công dân. Một xã hội phát triển, giàu có và đa dạng chỉ có thể được cấu thành từ những công dân tự do và phát triển đa dạng.

Để làm rõ hơn sự đối kháng giữa nguyên tắc dân chủ và nguyên tắc độc tài trong quá trình xây dựng nhà nước, chúng ta có thể nêu ra đây một thí dụ từ thời cổ về Ateln và Xpata. Mặc dù Xpata chưa thể là nhà nước độc tài theo tinh thần của thế kỷ XX, những nguyên tắc cơ bản của nó là độc tài. Trong chế độ quân sự này, mọi cá nhân đều phải phục tùng nhà nước, giá trị cơ bản của người dân là phục vụ nhà nước, tự rèn luyện mình để trở nên cứng cáp và được tôi luyện trong chiến tranh. Và toàn bộ cuộc sống tinh thần, toàn bộ suy nghĩ của cá nhân đều nhằm phục vụ cho mục đích này.

Trên cơ sở đó, Xpata đã đạt được những thắng lợi to lớn trong chiến trận, trở thành một trong những nhà nước Hy Lạp hùng mạnh nhất. Nhưng đó là tất cả những gì mà Xpata đạt được; trong lĩnh vực văn hóa, nó hoàn toàn không sáng tạo được gì.

Ngược lại, Ateln là một nhà nước Hy Lạp lớn khác, trong đó nền dân chủ nô lệ phát triển rực rỡ, tạo điều kiện để thu hút nhân cách cá nhân trong những công dân tự do. Hay theo lời Hegel: "Thiên tài được tự do thể hiện những quan niệm của mình - và nguyên tắc này đã tạo nên những bức họa vĩ đại với nghệ thuật thể hiện tinh vi cùng những văn phẩm thơ ca và lịch sử bất tử" .(126-389)

Trao toàn bộ tự do cho các nhà sáng tạo, Ateln như một khối nam châm khổng lồ thu hút mọi tinh hoa của thế giới Hy Lạp: Exhil, Xofocul, Arixtofan, Apoloni, Pitago... và trở thành thủ đô, thành trung tâm văn hóa của thế giới này.

Đây là lẽ đương nhiên - nền dân chủ, với quyền tự do công dân rộng lớn mà nó trao cho các cá thể, là miếng đất màu mỡ cho nhân cách cá nhân phát triển, và xã hội dựa theo đó mà phát triển theo.

Cũng vì lý do như trên mà không một nhà nước phát xít nào trong thế kỷ XX sản sinh ra được cơ sở cho những tấm gương vĩ đại trong văn học, nghệ thuật và văn hóa nói chung. Chỉ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật quân sự, nhà nước phát xít mới vượt trước các nước khác, đạt được những kết quả đáng kể; đồng thời bóc lột tài năng của hàng nghìn nhà bác học và hàng triệu người khác. Nước Đức - Hitler đã vượt xa trong những kỹ thuật sản xuất tên lửa tầm ngắn và tầm xa (Fau 1 và Fau 2) và chỉ thiếu chút nữa là chế tạo được bom nguyên tử. Italia với những hạn chế dân tộc đáng kể, cũng đạt được một số thành tích trong lĩnh vực quân sự hàng không. Nhưng cả Đức, Italia và Tây Ban Nha không để lại được cho kho tàng văn hóa nhân loại ngay cả một tác phẩm nghệ thuật thô kệch.

Việc trả giá này của nền văn hóa - chính trị trong chế độ phát xít, không phải vì nhà nước thiếu quan tâm săn sóc, như đôi lúc người ta đã nghĩ như thế. Trái lại, đây là kết quả của sự quan tâm và săn sóc

quá sâu sát của đảng và nhà nước phát xít. Những lãnh tụ chính trị của nhà nước này đã dạy các họa sĩ, nhà văn cần phải cảm hứng cái gì, thể hiện cái gì và như thế nào, để được chế độ công nhận là tác phẩm nghệ thuật.

Khi Hitler "tấn công" các họa sĩ tân tiến, giữa những lời ông có một điều đúng, đó là: "Thiên tài không phải là không suy nghĩ". Nhưng ông ta đã cố quên không nhắc đến một mặt khác của thiên tài rằng: "thiên tài không thể bị lãnh đạo". Bởi vì ai muốn lãnh đạo thiên tài, thì cần phải thiên tài hơn. Thiên tài không cần phải có thầy dạy bảo.

B. Cơ quan hành luật được đặt trên cơ quan lập hiến.

Cấu trúc của nhà nước độc tài không thể trùng lặp với nền dân chủ. Việc tập trung quyền lực tuyệt đối khiến nó không thể áp dụng nguyên tắc dân chủ cơ bản khi xây dựng nhà nước: NGUYÊN TẮC CHIA QUYỀN. Về hình thức, nhà nước phát xít vẫn giữ ba cơ quan quyền lực (lập hiến, xét xử và thi hành), vẫn giữ quốc hội, tòa án và chính phủ như những cơ quan nhà nước tối cao. Nhưng đó chỉ là hình thức, vì sau khi sát nhập với nhà nước, đảng phát xít có toàn quyền kiểm soát những cơ quan quyền lực này. Trên thực tế, cả quốc hội, chính phủ và tòa án đều bao gồm từ những đảng viên phát xít, và đảng này kiểm soát họ như những thành viên của mình. Từ đây suy ra rằng, cả ba cơ quan quyền lực này đều là cơ quan của đảng, và đảng xem chúng như những công cụ để thi hành chính sách chính trị của mình trong nhà nước và xã hội.

Hoặc nếu chúng ta nhìn vấn đề một cách tổng quát hơn, sẽ nhận được bức tranh như sau: về hình thức, nhà độc tài được xây dựng giống nền cộng hòa tư sản, đảm bảo chặt chẽ nguyên tắc chia quyền. Nhưng đứng trên nhà nước, với ba cơ quan quyền lực và những tổ chức tương ứng của chúng, là đảng phát xít, đứng đầu là lãnh tụ không thể thay thế của nó. Đảng kiểm soát cả ba cơ quan quyền lực và toàn bộ máy nhà nước. Đồng thời không ai có quyền kiểm soát lại đảng - kể cả nhà nước, kể cả các tổ chức quần chúng và xã hội. ĐẢNG LẤY QUYỀN LỰC TỪ NHÂN DÂN, GIỐNG NHƯ VUA CHÚA LẤY QUYỀN LỰC TỪ THƯỢNG ĐẾ.

Việc biến đổi quyền lực nằm trong vòng luẩn quẩn. Vì chính phủ, quốc hội và tòa án đều thi hành chỉ thị của đảng, nghĩa là thực hiện cùng một chính sách chính trị và đều là vô quyền trước giới lãnh đạo đảng. Trong đời sống chính trị thực sự, nhà nước phát xít bắt đầu từ bỏ kiểu hình thức này bằng cách nhấn mạnh vai trò của cơ quan hành luật.

Để tránh được điều trái quy luật này và để bộ máy nhà nước có thể hoạt động linh hoạt, đảng phát xít trao chức năng lập hiến cho cơ quan hành luật. Còn cơ quan lập hiến - tức quốc hội - chỉ còn mang giá trị hình thức và được sử dụng để tuyên truyền cho tính chất dân chủ giả hiệu của chế độ.

Ngày 24.3.1933 chính phủ Hitler nhận được từ quốc hội (Reihxtaga) sắc luật toàn quyền đặc biệt, theo đó, "chính phủ có thể ban hành các luật lệ trong Đế Chế." (103-94). Với văn bản này, bản thân quốc hội không còn là một cơ quan lập hiến. Toàn bộ luật lệ có giá trị tại nước Đức quốc xã đều do

Hitler ban hành. Chính phủ Hitler là thí dụ điển hình về cách thức nhà nước phát xít trao quyền lập hiến cho cơ quan hành luật và bằng cách đó phá vỡ hoàn toàn nguyên tắc chia quyền. Sau ngày 24.3.1933, quốc hội Đức (Reichstag) được sử dụng như diễn đàn để Hitler đọc diễn văn tuyên truyền trước những cán bộ ngoại giao và nhà báo nước ngoài.

Những sự kiện tương tự cũng đã xảy ra ở Italia bảy năm về trước. Sau khi ban hành "Những Sắc Luật Phát Xít Đặc Biệt" vào năm 1925-1926, kết quả là đảng phát xít thiết lập được cơ cấu một đảng quyền và điều hành toàn bộ bộ máy nhà nước, chế độ trao chức năng lập hiến cho cơ quan hành luật. Chính phủ có thể quyết định những vấn đề mà trước đây được giải quyết tại quốc hội. Những "cải cách" theo hướng này được phát xít Italia thực hiện bằng hai sắc luật:

a/ Sắc luật về quyền hạn và nhiệm vụ của Thủ Tướng chính phủ, Bí Thư Thứ Nhất Nhà Nước, và

b/ Sắc luật về quyền của cơ quan hành luật được ban hành những quy định pháp luật. Như vậy, vai trò của quốc hội chỉ còn là con số không.

Điểm đặc biệt này của các nhà nước phát xít cũng được thực hiện ở Tây Ban Nha. Với sắc luật cùng cố nghị viện ra ngày 17.7.1942, Franco xác định vai trò của nghị viện như sau: "Nhiệm vụ chính của nghị viện là dự thảo và ban hành luật lệ, nhưng không được ảnh hưởng đến toàn quyền của người đứng đầu nhà nước." (20-284). Điều 13 của sắc luật này cho phép chính phủ "trong trường hợp chiến tranh hoặc khẩn cấp được ban hành các sắc luật và sau đó, chỉ cần thông báo lại với nghị viện." (20-285)

Tất nhiên, chủ nghĩa phát xít không phủ nhận nguyên tắc chia quyền. Nó chỉ "điều chỉnh lại" cho phù hợp với những nhu cầu của nhà nước. Raco, một trong những nhà lý luận của phát xít Italia, đã viết về vấn đề này như sau:

"Nguyên tắc chia quyền không phải tuyệt đối, không phải là sự cần thiết để nhà nước có thể tồn tại, và nhà nước không thể vì nó mà phải hy sinh. Nguyên tắc này có thể xem như nguyên tắc cơ bản trong hiến pháp, duy trì sự sống và đảm bảo trật tự trong các hoạt động của nhà nước. Nhưng trước sự sống còn của nhà nước, thì những chức năng của các cơ quan quyền lực, đặc biệt là cơ quan lập hiến, cần phải được trao cho chính phủ - cơ quan có nghĩa vụ và trách nhiệm duy trì sự sống liên tục cho nhà nước, khi đó nguyên tắc chia quyền cần phải có một giới hạn và thay đổi nhất định. Tất cả những điều này chỉ ra rằng, chia quyền là một nguyên tắc bình thường, chứ không phải tuyệt đối và bất biến." (112-45)

Chế độ phát xít xem việc đặt cơ quan hành luật trên cơ quan lập hiến là "ưu điểm" to lớn của mình, so với nền dân chủ tự do truyền thống, rằng cách đó, nó đạt được tính năng động là linh hoạt, có thể nhanh chóng giải quyết được những vấn đề xã hội quan trọng, không cần bàn cãi và tranh luận dài dòng trong quốc hội. Đi Xtefan, Bộ Trưởng Bộ Tài Chính trong chính phủ Muxolini, đã từng tuyên

bố: "Chế độ phát xít thay tranh luận bằng hành động." (112-112)

Trong bài phát biểu ngày 16.1.1937, Rudolf Hex cũng tán dương cho kiểu cải tổ hiến pháp, "điều chỉnh" nguyên tắc chia quyền: "Chế độ quốc xã quan tâm đến vấn đề này, vì những nhu cầu sống bức thiết của nhân dân không nên để lâu trong quốc hội và trở thành đối tượng thương mại giữa các đảng phái. Các ngài đã biết, trong chính phủ mới những quyết định mang ý nghĩa lịch sử được thông lĩnh và chính phủ thông qua - những quyết định mà ở các nước khác còn bị quốc hội bàn cãi nhiều tuần lễ." (84-706)

Bằng cách đó, nhà nước phát xít không chỉ đặt cơ quan hành luật lên trên cơ quan lập hiến và tòa án, mà còn khiến cho những vụ bê bối chính phủ không thể xảy ra. Trong thời gian của chủ nghĩa phát xít, ở cả ba nước Đức, Italia và Tây Ban Nha, không hề có vụ bê bối chính phủ nào. Năm 1965, Franco thành lập chính phủ thứ mười hai. Ông ta tự chọn và thay đổi các Bộ Trưởng khi cần thiết. Hitler và Muxolini mặc dù không có thời gian để thành lập chính phủ nhiều lần như vậy, nhưng nhìn chung cả hai người này cũng thực hiện theo cách đó. Chế độ phát xít tạo ra cái gọi là chính phủ quay vòng, các Bộ Trưởng có thể bị thay đổi, nhưng người đứng đầu thì vẫn giữ nguyên lãnh tụ phát xít như cũ. Chế độ phát xít xem vấn đề này là một trong những ưu điểm to lớn, so với nền dân chủ tự do, nơi vẫn thường xảy ra những vụ bê bối chính phủ. Thực chất, "ưu điểm" giả tạo này có được vì chính phủ chỉ là một công cụ mà đảng phát xít sử dụng để thi hành chính sách chính trị của đảng trong nhà nước. Do đó người đứng đầu chính phủ luôn luôn không bị thay đổi và cũng là thủ lĩnh của đảng phát xít.

C. Viện kiểm soát phục tùng cảnh sát.

Đây là một trường hợp phụ trong việc phá vỡ nguyên tắc chia quyền. Nhưng nó cũng xuất phát từ cấu trúc nhà nước phát xít, hay đúng hơn - từ việc biến đổi quyền lực thực sự của chính quyền phát xít. Các Thủ lĩnh đảng và nhà nước phát xít điều hành điều hành đất nước dựa chủ yếu vào các cơ quan khủng bố: Zetapo, SS, SA (ở Đức), công an phát xít, tổ chức vũ trang "Những Người Phát Xít Trẻ" ... (ở Italia). Đó là chỗ dựa chính trị tin tưởng nhất của chúng trong nhà nước và cả trong đảng phát xít.

Bản thân Hitler đã nhiều lần nhấn mạnh đến vai trò khủng bố trong việc điều hành hệ thống chính trị. Trong một lần nói chuyện với các Bí Thư Khu Ủy tại biệt thự của ông ta ở Brehtexgadel, Hitler tuyên bố: "...Tôi sẽ tiến hành khủng bố một cách bất ngờ và bằng mọi phương tiện hủy diệt mà tôi có. Khủng bố là vũ khí chính trị hiệu quả nhất, và tôi sẽ không từ bỏ, nếu chỉ vì nó làm cho một vài tiểu thị dân ngu ngốc nào đó khó chịu. Thành công phụ thuộc vào quả đấm thô bạo, gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp... Và nếu trong các ngài có những kẻ hèn nhát không chịu được điều đó, xin mời họ hãy đến nhà chùa mà sống với các thầy tu. Không có chỗ cho những kẻ như thế trong đảng của tôi." (52-43)

Biểu đồ "lãnh tụ dân tộc - đảng phát xít - nhà nước - xã hội công dân" không phải là con đường biến chuyển quyền lực thực sự. Áo tưởng rằng các Thủ lĩnh phát xít điều hành đất nước bằng cách dựa trực tiếp vào đảng phát xít, xuất phát từ tuyên truyền, nhằm thể hiện một cơ sở rộng rãi của chế độ, nâng cao vai trò của đảng phát xít trong việc lãnh đạo đất nước. Thực chất, các Thủ lĩnh phát xít điều hành dựa trên hệ thống khủng bố, nghĩa là dựa trên bộ phận được vũ trang và trung thành nhất của đảng phát xít, mà quyền lợi vật chất của nó liên quan đến việc củng cố chế độ. Giới cầm quyền chớp bu không thể dựa trực tiếp vào đảng phát xít, bởi vì thành phần xã hội phức tạp của đảng và điều kiện vật chất rất khác nhau của các đảng viên không tránh khỏi dẫn đến những cảm hứng và suy nghĩ khác biệt. Một công nhân, đảng viên phát xít, không thể có những suy nghĩ giống với giới cầm quyền chớp bu, với mức lương cao hơn hàng trăm lần và còn được hưởng những ưu ái vật chất khác; một trí thức hay một sĩ quan, xuất thân từ tầng lớp thượng lưu, không thể có cùng tâm lý với những cán bộ đảng hăng tiến. Sau cùng giữa các Thủ lĩnh của giới cầm quyền chớp bu cũng có những mâu thuẫn, và với những điều kiện nhất định, có thể dẫn đến âm mưu đảo chính.

Điều đó giải thích tại sao giới cầm quyền chớp bu không thể dựa trực tiếp vào đảng phát xít với số lượng không lồ các đảng viên. Chúng ta không nên quên rằng, cái gọi là "xã hội phát xít" vẫn chỉ là một xã hội với sự phân chia giai cấp sâu sắc. Dấu hiệu đặc biệt này chứa đựng những bất ngờ nguy hiểm - âm mưu, xu hướng đối lập trong đảng...

Để có thể tránh được những nguy hiểm này, giới cầm quyền chớp bu dựa chủ yếu vào lực lượng cảnh sát chính trị (cảnh sát mật), sau đó mới đến đảng và nhà nước. Vì thí dụ, nếu trong đảng xuất hiện xu hướng đối lập, giới cầm quyền chớp bu sẽ không tranh luận hay thuyết phục, mà sẽ đàn áp thẳng thừng thông qua lực lượng khủng bố.

Như vậy lực lượng cảnh sát trở thành tổ chức tin tưởng nhất, thành chỗ dựa chính trị vững chắc nhất cho giới cầm quyền phát xít chớp bu. Và để thực hiện được vai trò của mình, lực lượng khủng bố này được trao quyền lực to lớn, có toàn quyền hành động trên danh nghĩa giới cầm quyền chớp bu.

Với cơ cấu hoạt động như thế - và không thể có cách nào khác - tòa án và viện kiểm sát, hiển nhiên bị gạt ra rìa. Tòa án thường hành động chậm chạp và ít nhiều mang tính công khai, đôi khi làm hỏng việc; còn đối với nền chuyên chính phát xít, đòi hỏi trước tiên là khẩn trương và quyết đoán, không cần đắn đo bất cứ một điều gì.

Vì lý do này, trong nhà nước phát xít, các cơ quan tư pháp thường hành động sau cảnh sát, bao che và hợp pháp hóa những việc mà lực lượng khủng bố đã làm. Nếu cơ quan tư pháp chống lại những hành vi của cảnh sát, nó sẽ phá vỡ mối quan hệ hỗ tương thực sự giữa các cơ quan quyền lực trong nhà nước phát xít; và điều đó hoàn toàn không thể cho phép. Cũng vì thế, bất cứ ai rơi vào tay cảnh sát đều có tội. Bởi nếu ngược lại thì chứng tỏ là cảnh sát có những hành vi phạm pháp - điều không thể cho phép vì quyền lợi của phát xít.

Để minh họa cho những phân tích trên đây, chúng ta chỉ cần nhớ lại sự kiện "Đêm Của Những Lưỡi Gươm Dài" (ngày 30.6.1934). Chỉ trong một đêm, hàng chục nghìn Thủ lĩnh và sĩ quan SA đã bị thủ tiêu, vì bị buộc tội là có âm mưu chống lại Ban lãnh đạo đảng quốc xã, mặc dù không có cơ sở cho kết luận đó. Chiến dịch này đã được các đội SS - chỗ dựa chính trị hứa hẹn nhất của giới cầm quyền quốc xã chớp bu - thực hiện. Một vài tháng sau, tòa án mới dựa vào những "dẫn chứng" của SS để khẳng định rằng Bộ chỉ huy SA quả có âm mưu chống đối và việc hủy diệt nó cần phải được tiến hành khẩn trương.

Một thí dụ khác, trong những tháng cầm quyền đầu tiên của bọn quốc xã, hàng trăm nghìn đối thủ chính trị của chế độ đã bị bắt giam vào các trường học, trại tập trung, không cần xét xử và tuyên án. Mãi sau khi đã nhốt những người này vào nhà tù, đảng phát xít mới quyết định hợp pháp hóa hành động khủng bố này. Các tòa án địa phương bắt đầu tìm cách buộc tội những người đã nằm trong tù nhiều tháng.

Thí dụ này cho thấy rõ nhất những quan hệ tương hỗ giữa tòa án và lực lượng khủng bố. Mặc dù chúng đều là những cơ quan của nhà nước, chế độ vẫn tin tưởng sử dụng lực lượng khủng bố hơn, bởi vì đó là con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất để đạt được mục đích, loại bỏ được những trình tự hình thức, trong khi thi hành pháp luật.

Đối với các cá nhân trong nhà nước độc tài, sự phục tùng của tòa án trước cảnh sát giống như một cái vòng thoi miên ma quỷ, mà không ai có thể bước qua. Cảnh sát là cơ quan vi phạm nhiều nhất quyền tự do chính trị và tự do cá nhân của các công dân. Để có thể kiện những hành vi phạm pháp của cảnh sát, người công dân cần phải đưa đơn tại tòa án. Nhưng vì các tổ chức tòa án phụ thuộc hoàn toàn vào các bộ máy cảnh sát, nên trên thực tế, những người này lại rơi vào tay cảnh sát. Kẻ phạm tội trở thành quan tòa. Báo Folciser Beobachter số ra ngày 26.8.1933 viết, "Dân chúng thường kêu ca những hành vi lừa đảo của bọn mật vụ ... Trong mọi trường hợp, cơ quan đầu tiên nhận những đơn kiện đó lại là đội mật vụ địa phương." . Bọn mật vụ phạm tội và cũng chính bọn mật vụ ban phát công lý cho những nạn nhân của mình!

Sở dĩ tồn tại vòng thoi miên ma quỷ này vì cảnh sát và tòa án đều là những tổ chức của đảng phát xít và phải thi hành nguyện vọng của đảng.

Khi đảng phát xít ra lệnh khủng bố những kẻ thù của nhà nước, không thể mong đợi tòa án sẽ tuyên bố chống lại sự khủng bố này, vì như một tổ chức phát xít, tòa án phải bao biện và hợp pháp hóa những hành động khủng bố của cảnh sát.

D. Cương vị bù nhìn của quốc hội.

Sau khi chức năng lập hiến được trao cho cơ quan hành luật, vai trò của quốc hội chỉ là hình thức và một khi còn tồn tại (cả ba nhà nước phát xít đều không hủy bỏ quốc hội), giá trị của nó là để sinh ra ảo tưởng rằng, trong nhà nước tương ứng vẫn hiện hành một chế độ pháp quyền. Trong "Tuyên Bô

Cương Lĩnh Của Chính Phủ" do Quốc Trưởng Adolf Hitler đọc trước Quốc hội ngày 23.3.1933 có đoạn: "Nếu để cho quốc hội bàn cãi và quyết định mọi vấn đề và mọi biện pháp, chính phủ Đức có thể sẽ đi ngược lại tinh thần phục sinh dân tộc... Hành động như thế, chính phủ hoàn toàn không có ý định bãi bỏ quốc hội và các chức năng của nó; ngược lại, chính phủ vẫn để cho quốc hội tồn tại và được quyết định một số biện pháp có thể chấp nhận, và thậm chí nếu cần thiết, có thể yêu cầu quốc hội bổ sung ý kiến." (128-188)

Cũng trong tuyên bố này, Hitler giải thích tại sao chế độ quốc xã không công nhận cơ cấu quốc hội: "Chúng ta không công nhận rằng, quốc hội thể hiện được nguyện vọng của nhân dân, mà theo tính logic đó chỉ có thể là nguyện vọng bảo vệ nhân dân; chúng ta nhìn thấy trong cơ cấu quốc hội sự thể hiện sai lầm nguyện vọng này, thậm chí là xuyên tạc. Nguyện vọng của một dân tộc khẳng định sự tồn tại của nó, được thể hiện rõ ràng nhất, có lợi nhất trong những nhân cách tốt đẹp của dân tộc đó. Họ là ban lãnh đạo đại diện cho dân tộc và chỉ có họ mới có thể là niềm tự hào cho nhân dân, chứ không thể là cái nhóm đại biểu quốc hội, mà nơi sinh ra thùng phiếu và bỏ đề là bản danh sách bầu cử vô danh."(128-202)

Vai trò hình thức của quốc hội trong nhà nước độc tài được xác định từ những tình tiết sau:

- Quốc hội phục tùng chính phủ, chính phủ thay thế quốc hội ban hành sắc luật.
- Thậm chí nếu quyền lập hiến vẫn thuộc về quốc hội và nó được xếp trên chính phủ (như khi đảm bảo tuyệt đối nguyên tắc chia quyền) thì điều đó cũng vẫn không làm thay đổi cương vị bù nhìn của quốc hội. Bởi vì đứng trên quốc hội, chính phủ và tòa án là "hạt nhân đại diện cho dân tộc", được gọi là đảng phát xít. Trước khi đệ trình quốc hội, tất cả mọi luật lệ đều phải được hạt nhân đại diện của đảng phát xít bổ sung. Nếu không được sự đồng ý của hạt nhân đại diện này, thì không một điều luật nào đến được với quốc hội.

Để minh họa, chúng ta chỉ cần nhớ lại những quyền lực mà Hex (và sau đó là Martin Borman) đã có đối với mọi hoạt động pháp luật trong Đế Chế, hay là Hội Đồng Phát Xít Tối Cao - đối với quốc hội Italia.

Như vậy do cấu trúc của chế độ được thiết lập, mọi hoạt động chính trị thực sự trong quốc hội đều bị loại bỏ, mọi vấn đề đều được đồng tâm nhất trí thông qua, giống như trong các Đại Hội Đảng, bằng cách hô đồng loạt: "Hail Hitler!" hay "Franco - Falanga!"

Trong lịch sử chủ nghĩa phát xít không có trường hợp nào mà quốc hội bác bỏ những sắc luật của chính phủ và cũng không dám phê phán hay chê bai. Điều này cho thấy một cách rõ ràng nhất tính hình thức của quốc hội và chỉ ra vai trò thực sự của nó: là diễn đàn để lãnh tụ phát xít tán dương những quyết định của mình trước các công dân và thế giới.

Cách thức bầu đại biểu quốc hội cũng cho thấy vai trò hình thức của nó. Các đề cử viên được đảng phát xít hoặc những tổ chức quần chúng chỉ định. Thí dụ ở Italia, đề cử viên được các tổ chức nghiệp

đoàn giới thiệu, sau đó danh sách đề cử được Hội Đồng Phát Xít Tối Cao bổ sung thêm. "Các đề cử viên được những nhóm sản xuất, cơ sở kinh tế và hiệp hội trí thức - nghĩa là cơ sở và tổ chức của hệ thống nghiệp đoàn quốc gia - chỉ định. Sau đó Hội Đồng Phát Xít Tối Cao bổ sung thêm vào danh sách đề cử viên những người xứng đáng nhất trong mọi lĩnh vực xã hội, những người mà dân tộc (cần phải hiểu: đảng phát xít - J.J.) bầu lên thành những lãnh tụ của mình." (112-205)

Ở Đức và Tây Ban Nha, việc bầu cử quốc hội cũng được tiến hành theo cách thứ tương tự.

Với kiểu bầu cử như thế, các đại biểu quốc hội trên thực tế đều là những cán bộ lãnh đạo của đảng và đại diện của cơ quan hành luật.

E. Trò bầu cử hài hước.

Các cuộc bầu cử trong nhà nước độc tài chỉ là những trò hài hước chính trị. Đáng lẽ ở những dạng nhà nước này hoàn toàn không cần đến bầu cử, bởi vì kết quả thắng lợi luôn luôn được đảm bảo. Nhà nước không bao giờ có thể thua trong các cuộc bầu cử, và nếu không thắng lợi 100%, thì cũng phải gần sát con số đó. Thí dụ trong cuộc trưng cầu dân ý vùng Xaarx vào năm 1935, 90% dân chúng đã bỏ phiếu tán thành việc sát nhập với nước Đức (71-194)... Chúng ta nên biết rằng trước khi nắm chính quyền, bọn quốc xã chưa bao giờ chiếm được quá 37,3% số phiếu.

Trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 19.8.1934 về vấn đề sát nhập các trọng trách Tổng Thống và Thủ Tướng, nhân dân Đức cũng "đồng tâm nhất trí" và "tin tưởng" trao toàn bộ những quyền lực này vào tay Hitler.

Ở Tây Ban Nha, trong cuộc trưng cầu dân ý vào tháng 3.1947 về vấn đề "sau khi Franco chết, có cần giữ nền quân chủ nữa hay không", chính phủ cũng thu được 80% phiếu thuận.

Những cuộc bầu cử chính trị trong nhà nước độc tài là hoàn toàn hình thức, vì mọi cái đã được sắp đặt sao cho giới cầm quyền chớp bu có thể tự mình lựa chọn.

Giả mạo phiếu bầu là việc dễ dàng nhất và thường xuyên xảy ra trong thời gian bầu cử. Lúc thống kê phiếu, thường gặp những trường hợp khôi hài khi số phiếu thuận nhiều hơn cả số cử tri.

Trong hồ sơ của tòa án Nuernberg có đoạn viết: "Tiếp theo, với sự giám sát của những phần tử quốc xã, các cuộc bầu cử trở nên hoàn toàn hình thức, không còn một chút tự do nào. Bầu cử, với ý nghĩa thực sự của từ này, hoàn toàn không thể có trong chế độ quốc xã." (84-580)

Những tài liệu thu được sau sự sụp đổ của phát xít Đức cho thấy các cuộc bầu cử đã được tiến hành như thế nào, đâu là sự thật ẩn giấu sau sự đồng tâm nhất trí của các cử tri, các lực lượng khủng bố bí mật, dưới danh nghĩa giữ gìn trật tự đã hoạt động ra sao... Macxuel, người buộc tội người Anh tại tòa án Nuernberg nói: "Chúng tôi thu được toàn bộ hồ sơ của vùng Erfurt (Tiuringia), trong đó có những tài liệu liên quan đến cuộc trưng cầu dân ý năm 1937. Các cán bộ đảng cơ sở có nhiệm vụ phải thông báo những người có thể bỏ phiếu chống trong khu vực của chúng. SD ra các sắc lệnh cho cán bộ

đảng cơ sở và lãnh đạo những đội an ninh. Những cán bộ hành chính cơ sở có nghĩa vụ phải cộng tác chặt chẽ với cán bộ đảng."(89-564)

Và trên thực tế, SD đã thi hành sắc lệnh theo dõi các công dân xem họ bỏ phiếu thuận hay phiếu chống, một việc có thể xác định dễ dàng (89-563). Trong một tài liệu khác có ghi: "Người ta đã phải nhắc anh công nhân Otto Vigand đến lần thứ tư là phải đi bỏ phiếu đúng ngày bầu cử; kết quả là anh ta đã bỏ phiếu, chỉ vì bị cưỡng ép."(89-563)

Và "...tại Bremen, các Bí Thư Tỉnh Ủy, Huyện Ủy và Bí Thư Đảng Bộ đã phải báo cáo bằng văn bản về những công chức không tham gia bỏ phiếu trong cuộc bầu cử ngày 26.3.1936."(89-564)

"... tại Tiuringa, các Bí Thư Đảng Bộ và Chi Bộ phải báo cáo vấn đề phản ứng của nhân dân về kết quả của cuộc trưng cầu dân ý năm 1938, "đặc biệt là tại các làng mạc và thị trấn nhỏ ."(89-565)

"Tại Rotenburg, đảng phát xít tổ chức biểu tình chống một linh mục vì đã từ chối không tham gia bầu cử ..."(89-564)

F. Hủy diệt mọi quyền tự do công dân và tự do chính trị .

Với việc thiết lập hệ thống phát xít, trước tiên những quyền tự do công dân và tự do chính trị của cá nhân bị hủy diệt. Một khi toàn bộ quyền hành đều nằm trong tay nhà nước, mọi cá nhân không còn một chút quyền gì. Cá nhân chỉ có thể nhận được từ nhà nước những quyền tối thiểu, cần thiết để phục vụ tốt hơn cho chế độ .

Chủ nghĩa xuất phát từ quan điểm rằng, nhà nước là hiện thực chính trị cao nhất và tất cả hoài vọng về hiện thực đều chỉ có thể nhận được từ nhà nước. Bọn phát xít Ytalia thể hiện nguyên tắc này bằng khẩu hiệu, "Tất cả vì nhà nước; đứng ngoài nhà nước và chống lại nhà nước là vô nghĩa."

Trên thực tế, phát xít Ytalia thành lập hệ thống nghiệp đoàn, thu tóm tất cả mọi tổ chức, hoạt động, thu tóm toàn bộ xã hội và mọi biểu hiện của xã hội. Nhân cách cá nhân chỉ có thể thể hiện trong nhà nước và thông qua nhà nước. Muxolini viết trong Học Thuyết Về Chủ Nghĩa Phát Xít, "Nhà nước phát xít là biểu hiện cao nhất và mạnh mẽ nhất của nhân cách... nó thể hiện tất cả mọi hình thức của đời sống trí thức và tinh thần con người." (80-8)

"Đối với chủ nghĩa phát xít, nhà nước là tuyệt đối, còn các cá nhân hay nhóm xã hội chỉ "có nghĩa" khi thuộc nhà nước... Nhà nước không chỉ là hiện tại, mà còn là quá khứ và tương lai. Thông qua cuộc đời ngắn ngủi của các cá nhân, nhà nước tượng trưng cho sự trường tồn của ý thức dân tộc. Hình thái nhà nước có thể thay đổi, nhưng cái quan trọng thì còn lại mãi.

"... Đối với chủ nghĩa phát xít, nhà nước không phải là người canh cửa ban đêm để chỉ chăm lo đến vấn đề an ninh cho các công dân; cũng không phải là tổ chức với mục đích hoàn toàn vật chất, thí dụ như cộng sinh hòa bình, mà để điều hành chỉ cần một ban quản trị; cũng không chỉ là nhận thức chính trị thuần túy, không liên quan gì đến thực tế vật chất phức tạp của cuộc sống mỗi cá thể và dân

tộc. Theo chủ nghĩa phát xít, nhưng là linh hồn và tinh thần, vì nó cụ thể hóa tổ chức chính trị, pháp luật và kinh tế của một dân tộc...

"Nhà nước giáo dục các công dân về những phẩm chất tốt đẹp, trao cho họ nhận thức về giá trị của họ, dẫn họ đến sự thống nhất, điều hòa quyền lợi của họ trong công lý; đồng thời thu nhận mọi thành tựu trong khoa học, nghệ thuật, quyền lực cộng đồng con người.." (80.21)

Nói cách khác, nhà nước phát xít là nhà nước tổng thể, thu tóm toàn bộ mọi hoạt động và biểu hiện của các cá nhân và cả chính bản thân các cá nhân đó. Vì cá nhân gắn liền với nhà nước, nên không có quyền được tự do, không phụ thuộc vào nhà nước. Theo quan điểm phát xít, nhà nước đồng nghĩa với nhân dân, dân tộc, quê hương... chăm lo đến các cá nhân như mẹ đẻ. Và cá nhân không có quyền được yêu cầu tự do, giống như đứa trẻ không thể xa mẹ nó.

Muxolini viết tiếp, "Một nhà nước dựa vào hàng triệu cá nhân được họ công nhận và sẵn sàng phục vụ, không thể là nhà nước ghê tởm thời trung cổ ...

"... Cá nhân trong nhà nước không bị hủy diệt, mà được nhân lên nhiều lần, giống như trong một đơn vị quân đội, giá trị của người lính không bị giảm đi, mà được nhân lên theo số lượng các đồng chí của mình. Nhà nước phát xít tổ chức dân tộc, nhưng sau đó để cho các cá nhân đầy đủ quyền tự do; nhưng chỉ hạn chế những quyền tự do không có lợi, những quyền tự do có hại (!!!), và giữ gìn những quyền tự do chính đáng. Chỉ có nhà nước, chứ không phải là cá nhân, được quyền phán xét trong lĩnh vực này." (80-23)

"Trong nhà nước của chúng ta, cá nhân không thiếu tự do, cá nhân có nhiều tự do hơn kẻ cô đơn, vì nhà nước che chở cho cá nhân, cá nhân là một bộ phận của nhà nước, còn kẻ cô đơn thì không có người bảo vệ ." (80-35). Vì lý do này, chính phủ phát xít không ngần ngại xét xử các tác giả tư tưởng tự do. Từ đây cũng dẫn đến lòng căm thù nền tự do dân chủ, vì nó đặt cá nhân cao hơn nhà nước.

"Chủ nghĩa tự do cưỡng ép nhà nước theo quyền lợi cá nhân, còn chủ nghĩa phát xít khẳng định nhà nước như một thực tiễn thực sự của cá nhân. Và nếu quyền tự do cần phải thuộc con người, chứ không phải là con búp bê tượng tượng mà chủ nghĩa tự do ích kỷ đã nghĩ, thì chủ nghĩa phát xít thuộc về tự do, về tự do duy nhất, tự do nghiêm túc, tự do của nhà nước và tự do của cá nhân trong nhà nước (13). Một khi là người phát xít thì tất cả phải giành cho nhà nước, không còn tồn tại bất cứ thứ gì thuộc con người hay linh hồn; và đứng ngoài nhà nước thì giá trị thật không đáng kể. Trong ý nghĩa này, chủ nghĩa phát xít là tổng thể và nhà nước phát xít- đỉnh cao và sự thống nhất của tất cả mọi giá trị- tư duy, phát triển và cống hiến toàn bộ cuộc đời cho nhân dân (14)." (80- 20)

Và nếu cá nhân không đồng ý với chính sách chúng ta của nhà nước, với hệ tư tưởng và tinh thần của nó; giả sử cá nhân không cần đến sự chăm sóc, bảo vệ của nhà nước và muốn phê phán hay đấu tranh chống lại nó; khi đó nhà nước phát xít thực sự sẽ tỏ rõ những ưu việt dân chủ của mình. Bằng mọi biện pháp- từ sức ép của những tổ chức quần chúng đến trại tập trung cải huấn- nhà nước sẽ ngăn

chặn và uốn nắn cá nhân đó theo con đường "đúng đắn".

Sự so sánh của Muxolini về cá nhân trong nhà nước và những người lính trong quân đội, mang ý nghĩa sâu sắc hơn nhiều. Nó không những cho chúng ta thấy sự giống nhau giữa nhà nước và trại lính, mà còn chỉ rõ "tự do" của các cá thể trong nhà nước này. Giống như trong quân đội, theo luật quân sự, người lính chỉ có quyền tự do để suy nghĩ bằng cách nào có thể thực hiện tốt hơn mệnh lệnh của cấp chỉ huy (và không được do dự), cá nhân trong nhà nước độc tài cũng chỉ có quyền tự do tìm cách phục vụ tốt hơn cho nhà nước, "sáng tạo" cho nhà nước.

Nói gọn hơn: tất cả những gì mang lại lợi ích cho đảng và nhà nước phát xít, là tự do sáng tạo; và ngược lại, tất cả những gì công kích lại chúng là tự do phá hại, vô chính phủ hay nổi loạn và nhà nước không thể chấp nhận.

Jeliu Jeliiev

Chế Độ Phát Xít

Đặc thù tổ ng quát của nhà nước độc tài

Phần III

1. Nhà nước độc tài có thể bị lật đổ "từ dưới" không?

Theo cấu trúc, nhà nước độc tài là hệ thống toàn diện và hoàn thiện nhất để đàn áp các cá nhân và nhân dân. Nó không chỉ đàn áp, khủng bố mà còn lôi kéo cả dân tộc tham gia vào những tội ác chống lại chính dân tộc đó; không chỉ hành động trên danh nghĩa dân tộc - điều đó thì nước nào cũng làm- mà là hành động thông qua dân tộc. Dân tộc trở thành vũ khí của nhà nước chống lại chính dân tộc đó và những đại diện xứng đáng nhất- những người bảo vệ quyền dân chủ, quyền tự do công dân và tự do chính trị .

Thâu tóm tổng thể nhân dân vào các tổ chức quốc gia, nhà nước độc tài dễ dàng khiến nhân dân bằng chính tay mình hủy diệt những người chống lại nền chuyên chính trong hàng ngũ của mình. Còn sự thống nhất nào sâu sắc hơn giữa nhân dân và nhà nước, khi nhân dân bảo vệ nhà nước và tiêu diệt những kẻ thù của nó.

Thậm chí, khủng bố cũng không chỉ giới hạn trong vấn đề thể chất (nhốt trong hầm ngục của Zetapo và lao động khổ sai trong trại tập trung), mà còn có cả khủng bố tư tưởng một cách hệ thống thông qua đài phát thanh, phim ảnh, báo chí, tổ chức quần chúng...

Nếu như SS và Zetapo tiêu diệt những người mang tư tưởng dân chủ còn sót lại từ thời nền Cộng Hòa Vaimar, thì tuyên truyền và các tổ chức quần chúng nhỏ tận gốc cả những mầm mống tự do suy

nghĩ, đồng thời nhồi nhét giáo lý của hệ tư tưởng quốc gia.

Trong hoàn cảnh như thế không tồn tại những điều kiện và con người cho một cuộc đấu tranh quần chúng chống lại nền chuyên chính phát xít. Không thể thành lập được một tổ chức quần chúng với ý đồ khởi nghĩa vũ trang nhằm lật đổ nhà nước phát xít, vì do thám tổng thể sẽ nhanh chóng phát hiện ra mạng lưới bí mật và lực lượng khủng bố sẽ hủy diệt nó. Do đó cho đến tận giờ phút cuối, tại nước Đức - Hitler không hề có được một tổ chức bí mật hoàn chỉnh để có thể khởi nghĩa vũ trang.

Điều lớn nhất mà những người Đức chống phát xít đã đạt được là thành lập những nhóm bí mật trong các nhà máy, hoàn toàn cách ly lẫn nhau và hoạt động tuyệt đối bí mật. Cá biệt chỉ có một vài nhóm liên kết được với nhau. Các nhóm này xuất hiện trong giai đoạn khủng hoảng của phát xít Đức, khi chiến tranh đã đẩy đất nước này đến gần thảm họa không tránh khỏi (nhóm của Xefcov- Iacob-Bectlain, nhóm của Teo Noibauer, nhóm của Georgi Suman- tất cả đều đã bị Zetapo phát hiện và hủy diệt trước khi kết thúc năm 1944)

Nhìn chung, số lượng người tham gia những tổ chức bí mật chống chế độ quốc xã không vượt quá "vài nghìn" và với một nước như Đức, con số này quả là khiêm tốn. Tất nhiên, nói như thế không phải là có ý làm giảm uy tín của Đảng cộng sản Đức và chủ nghĩa anh hùng của những con người dũng cảm đã tiến hành cuộc đấu tranh trong chín tầng địa ngục. Nhưng điều đó chỉ ra rằng, không thể tổ chức một cuộc đấu tranh vũ trang để lật đổ chế độ độc tài.

Thật đáng tiếc nếu nghĩ rằng, tại nước Đức- Hitler không có nhiều người căm thù và sẵn sàng đấu tranh lật đổ chế độ. Nhưng những người này đã không hành động, bởi vì họ nhận thức được sự thất bại tất yếu trong cuộc đấu tranh này. Trong điều kiện không có tính công khai, thậm chí cả chủ nghĩa anh hùng cũng trở nên vô nghĩa, vì không thể trở thành tấm gương hy sinh hay một hình thức tuyên truyền cho những tư tưởng chống lại nhà nước.

Những ai bị rơi vào nanh vuốt của Zetapo sẽ mãi mãi là tù nhân của nó. Sẽ không còn ai thông báo hay nhắc nhở một tí gì về những người này. Họ sẽ bị chết dần mòn sau những bức tường dày dưới lòng đất. Iamar Saht, một trong những người sáng lập nhà nước quốc xã, vào năm cuối cùng của chế độ này đã bị rơi vào trại tập trung cải huấn và sống sót một cách ngẫu nhiên, tại tòa án Niurnberg đã nói như sau: "Những khổ đau mà con người phải chịu đựng trong cuộc đấu tranh chống khủng bố sẽ có lợi ích gì, nếu nhân dân không có khả năng biết tới và không thể trở thành tấm gương cho những người khác noi theo." (84-590)

Đây có lẽ là lý do tâm lý cơ bản cho việc không tồn tại cuộc đấu tranh quần chúng chống nhà nước quốc xã. Điều này có thể giải thích một hiện tượng, mà mới thoạt nhìn tưởng như khó hiểu: quần chúng không hài lòng, có nhiều người căm ghét chế độ trong bối cảnh tan rã của nó, thế nhưng vẫn không tồn tại lực lượng chống đối hay một cuộc đấu tranh thực sự.

Tóm lại, nhà nước phát xít khó có thể bị lật đổ từ dưới bằng cuộc khởi nghĩa vũ trang do các lực

lượng cánh tả tổ chức và lãnh đạo. Trước hết vì chắc gì lực lượng này đã được tổ chức và vũ trang đầy đủ. Với bộ máy khủng bố khổng lồ, do thám và tuyên truyền tổng thể, cùng việc thâm sát triệt để nhân dân vào các tổ chức quốc gia, nhà nước phát xít có thể hủy diệt mọi ý đồ chống đối từ lúc còn trứng nước, trước khi các lực lượng này đạt được tính quần chúng rộng rãi và đe dọa được nó. Nếu trong một nhà nước phát xít có thể tổ chức lực lượng quần chúng chống đối, chẳng hạn như phong trào du kích, thì điều này chỉ có nghĩa: nhà nước đó đã không còn là nhà nước phát xít, mà chỉ có một vài cơ cấu nào đó được xây dựng như chế độ phát xít.

Trong nền chuyên chính phát xít, công tác chống đối bí mật mang một mâu thuẫn không thể vượt qua: càng giữ bí mật bao nhiêu thì càng khó bị phát hiện bấy nhiêu. Nhưng như thế nó lại xa rời với mục đích chính; chiếm được lòng tin của quần chúng để có thể lật đổ chế độ. Mặt khác, càng mang tính quần chúng rộng rãi bao nhiêu càng dễ bị phát hiện bấy nhiêu.

2. Ba lực lượng vũ trang của nhà nước phát xít.

Nhà nước độc tài có ba lực lượng vũ trang, mà trong những điều kiện nhất định có thể tách rời và hoạt động độc lập: đảng phát xít, cảnh sát và quân đội. Bình thường, các lực lượng này nằm trong mối quan hệ phụ thuộc tương hỗ: cảnh sát (bí mật và công khai) và quân đội phải phục tùng đảng phát xít. Mặt khác, cảnh sát và quân đội là hai chỗ dựa căn bản của đảng phát xít trong nhà nước này. Cảnh sát bao gồm những phần tử trung thành và ràng buộc với chế độ, là bộ phận được vũ trang của đảng phát xít và được xem là chỗ dựa vững chắc nhất.

Nhưng quân đội thì không được tin tưởng như thế, vì theo luật quân sự, mọi công dân đến tuổi đời nhất định đều phải xung lính, không phụ thuộc vào quan điểm của họ. Hơn thế nữa, quân đội là mối hiểm họa cho nhà nước trong những hoàn cảnh khó khăn (chiến tranh, khủng hoảng) vì quân đội có quân số khổng lồ lại được trang bị những vũ khí hiện đại (xe tăng, xe bọc thép, máy bay), nếu xảy ra đảo chính, cảnh sát không bao giờ có thể chống trả được trước sức tấn công của nó.

Điều này đã bắt buộc đảng phát xít phải đặt quân đội dưới sự kiểm soát vô cùng nghiêm ngặt: huấn luyện quân đội chính quy một cách có hệ thống theo tinh thần tư tưởng của đảng, đào tạo đội ngũ cán bộ sĩ quan trung thành với đảng, bổ nhiệm Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng - vô bản sắc và trung thành tuyệt đối với giới lãnh đạo đảng, tổ chức mạng lưới do thám để thăm dò tinh thần các sĩ quan.

Sự kiện ngày 30-6-1934, "Đêm Của Những Lưỡi Gươm Dài", là một minh chứng rằng quân đội là mối hiểm họa đáng sợ nhất cho đảng phát xít. Cuộc đảo chính ngày 20-7-1944 càng khẳng định thêm kết luận này. Cuộc đảo chính này không thành công chỉ vì cách tư duy hạn chế của các tướng lĩnh Đức: không muốn phản bội lời thề của mình trước Thống Lĩnh, hoặc vẫn bị ràng buộc bởi những nguyên tắc tư tưởng mà chủ nghĩa quốc xã đã nhồi nhét cho họ.

Nhưng dù sao, điều này vẫn chỉ ra một sự thật lịch sử là: chỉ có quân đội mới có thể chống lại và lật

đồ đảng phát xít.

Cuộc đảo chính quân sự ở Ýtalia vào tháng 7-1943 là dẫn chứng thuyết phục hơn.

"Một cuộc họp phát xít lớn được triệu tập vào ngày 24-7-1943 và sau 10 giờ tranh luận liên tục, với kết quả 19 phiếu thuận và 7 phiếu chống để đi đến kết luận: buộc Muxolini phải yêu cầu nhà vua chấp thuận những quyết định của Bộ Chỉ Huy Quân Sự Tối Cao..." (45-736)

Hai ngày sau, 26-7-1943, bị cách ly khỏi những người ủng hộ mình, trong đó có con rể là bá tước Trao, Muxolini đã phải xin từ chức. Và trước đó, ngày 25-7, Muxolini đã bị bắt. Như vậy là cuộc đảo chính đã được thực hiện được. Chính phủ quân sự mới, đứng đầu là nguyên soái Badolio, giữ bí mật tuyệt đối việc bắt Muxolini và giam ông ta ở đảo Ponxa. Chính phủ không tấn công cảnh sát và đảng phát xít, chỉ vì bối cảnh đặc biệt của nước này: lúc bấy giờ tại Ýtalia có mặt nhiều sư đoàn quân Đức (mùa hè năm 1943 có 7 sư đoàn quân Đức đóng ở Ýtalia) (113-195), các sư đoàn Đức có thể dễ dàng lật đổ chính phủ mới và phục hồi Muxolini để giữ Ýtalia như một nước đồng minh của mình. Mặt khác do sự tồn tại của các sư đoàn Đức, một cuộc tấn công như thế có thể gây ra cuộc khởi nghĩa phát xít, vì bộ máy đảng và nhà nước vẫn trung thành với Muxolini.

Trong hoàn cảnh đó, chính phủ Badolio chỉ có thể ra thông cáo, trong đó tuyên bố vẫn đứng về phía Đức trong cuộc chiến tranh; đồng thời giữ bí mật nơi giam giữ Muxolini để quân Đức không thể phát hiện ra, cho đến khi quân đồng minh tạo điều kiện cắt đứt quan hệ với Đức.

Đảo chính quân sự trong những điều kiện của nhà nước độc tài, là bước chuyển tiếp từ chuyên chính phát xít đến chuyên chính quân sự, đặc trưng bằng việc kềm ôn định và khủng bố tổng thể (nhưng không dã man!) . Một cuộc đảo chính quân sự không thể là bước chuyển tiếp thẳng từ chế độ phát xít đến nền dân chủ tự do vì những mâu thuẫn chính trị khổng lồ mà nó giải phóng. Những mâu thuẫn này có thể biến thành một cuộc khởi nghĩa chống phát xít hay phục hồi phát xít, và sẽ dễ dàng dẫn đến một cuộc nội chiến. Trong mọi trường hợp, những người đảo chính sẽ đánh mất quyền kiểm soát chính trị và sẽ trở thành nạn nhân cho những lực lượng mà họ vừa giải phóng.

Do đó, một cuộc đảo chính quân sự thông thường phải chuyển thành chuyên chính quân sự, để có thể giữ được chính quyền mới và để khỏi xảy ra cuộc khởi nghĩa chống hay phục hồi phát xít.

Vì vậy, sau cuộc đảo chính, nguyên soái Badolio tuyên bố giới nghiêm, cấm các đảng phái và những tổ chức dân chủ chống phát xít hoạt động, vỗ về các tầng lớp công nhân.

Đồng thời do sự có mặt của các sư đoàn Đức, chính phủ không thể giải tán đảng và công an phát xít, mà chỉ cố gắng đặt chúng dưới quyền kiểm soát của mình, bằng cách sát nhập công an vào với quân đội và phong cấp sĩ quan cho những cán bộ lãnh đạo đảng phát xít.

Mặc dù vậy, trong 45 ngày cầm quyền, từ 29.7 đến 5.8.1943, Badolio đã thi hành hàng loạt chính sách nhằm phá vỡ cấu trúc của chế độ phát xít: ban hành các sắc lệnh giải tán đảng phát xít, giải tán Hội Đồng Phát Xít Tối Cao, xóa bỏ Tòa Án Đặc Biệt, giải tán hệ thống nghiệp đoàn... (118-327)

3. Sự khác nhau giữa nhà nước phát xít và nền chuyên chính quân sự .

Để làm sáng tỏ bản chất nhà nước phát xít như một chế độ độc tài, chúng ta cần so sánh nó với nền chuyên chính quân sự .

Trên thực tế, hai khái niệm này thường bị đồng nhất và do đó, các nền chuyên chính quân sự cổ đại đều bị xem là chuyên chính phát xít hay chế độ phát xít. Người ta ngầm ngầm công nhận rằng, dấu hiệu đặc biệt của nhà nước phát xít chỉ là những cuộc đàn áp, khủng bố chính trị trắng trợn, cấm biểu tình, hội họp, hủy diệt quyền tự do công dân.

Thậm chí đôi khi người ta xem dấu hiệu đặc biệt của nhà nước phát xít là bản chất chống cộng của nó.

Thực tế thì giữ nhà nước phát xít và nền chuyên chính quân sự có nhiều điểm khác nhau về cơ bản:

- 1/ Chế độ phát xít thiết lập cơ cấu một đảng quyền, đảm bảo sự thống trị chính trị toàn diện của đảng mình; trong khi đó chuyên chính quân sự là chế độ không đảng phái, nó giải tán tất cả mọi đảng phái không từ đảng nào, "đảng" duy nhất có quyền tồn tại là quân đội.*
- 2/ Chế độ phát xít không chỉ xử dụng khủng bố thể chất trắng trợn, mà còn chú trọng đến việc củng cố quần chúng nhân dân (đặc biệt là tầng lớp tiểu tư sản), thu hút nhân dân vào những tổ chức quốc gia khác nhau. Còn nền chuyên chính quân sự chỉ dựa vào khủng bố trắng, hoàn toàn không xây dựng được cơ sở chính trị và xã hội.*
- 3/ Chế độ phát xít thành lập các tổ chức quần chúng, thu hút tổng thể nhân dân, trong khi chuyên chính quân sự cấm và theo dõi mọi tổ chức, hiệp hội trong ý nghĩa tổng quát, quân đội là tổ chức quần chúng duy nhất được phép tồn tại.*
- 4/ Chế độ phát xít đồng hóa thành công đời sống tinh thần xã hội, bắt xã hội phục tùng hệ tư tưởng phát xít, trong khi chuyên chính quân sự chỉ biết khủng bố.*
- 5/ Chế độ phát xít xây dựng nhà nước độc tài, thông qua đó mà kiểm soát toàn xã hội, trong khi nền chuyên chính quân sự không phải bao giờ cũng xây dựng được nhà nước uy tín- điều mà các nền chuyên chính quân sự thông thường đều mơ ước.*

Tất cả những điểm khác nhau này làm cho nền chuyên chính quân sự không ổn định. Chỉ dựa vào khủng bố, chuyên chính quân sự dễ dàng bị phá vỡ, một khi điểm tựa duy nhất này bị mài mòn. Khác với chuyên chính quân sự , chế độ phát xít cơ động hơn nhiều, tùy thuộc vào từng trường hợp mà sử dụng khủng bố hay công tác tư tưởng, tuyên truyền.

Do đó chuyên chính quân sự đứng trước hai con đường: hoặc quay lại với những nguyên tắc tư sản truyền thống, hoặc chuyển sang chuyên chính phát xít với cơ cấu độc tài tương ứng. Nếu tồn tại lâu hơn thời gian mà bản chất chính trị của nó cho phép, chuyên chính quân sự thường bị lật đổ bằng một cuộc đảo chính quân sự mới.

Về mặt ổn định, chuyên chính phát xít bền vững hơn nhiều. Với việc thiết lập chỗ dựa trong xã hội, nó loại bỏ được mọi khả năng đảo chính quân sự trong những điều kiện bình thường. Chỉ khi có khủng hoảng chính trị sâu sắc, do thất bại trong chiến tranh, quân đội mới có thể làm đảo chính, cướp chính quyền từ tay đảng phát xít. Thí dụ, ai có thể dám làm đảo chính quân sự ở Đức vào những năm 1937 hay 1938? Bản thân nhân dân sẽ đứng lên bảo vệ cho Hitler và chế độ quốc xã.

4. Sự khác nhau giữa nhà nước phát xít và nhà nước uy tín.

Trong văn học, các khái niệm "nhà nước uy tín" và "nhà nước phát xít" thường bị sử dụng lẫn lộn hay thay thế nhau như những từ đồng nghĩa, đặc biệt là các năm 30 và 40. Khi nghiên cứu phát xít Ýtalia, thậm chí có tác giả đã sử dụng cùng một lúc cả hai khái niệm này.

Thực chất, việc sử dụng thuật ngữ như vậy là không chính xác. Điều này xuất phát từ những phân tích bề mặt, nhầm lẫn hình thức với nội dung, còn nội dung thì bị che khuất. Mặt khác, sai sót này không phải ngẫu nhiên; nó có cơ sở khách quan trong sự tương ứng thực sự giữa nhà nước độc tài và nhà nước uy tín.

Tất cả mọi nhà nước phát xít đều là nhà nước uy tín, nhưng không phải mọi nhà nước uy tín đều độc tài. Uy tín là nguyên tắc cơ bản cấp quan liêu: Bởi vậy, mọi nhà nước quan liêu đều ít nhiều là nhà nước uy tín. Thí dụ, nền quân chủ hay chuyên chính quân sự là những nhà nước uy tín, nhưng không phải là những nhà nước độc tài.

Sự khác nhau giữa nhà nước phát xít và nhà nước uy tín là, nhà nước phát xít phân chuyển nguyên tắc của mình trên toàn bộ đời sống xã hội: không chỉ trên bộ máy nhà nước mà còn cả trong đảng, các tổ chức quần chúng, trong văn học, nghệ thuật, khoa học... Trong nhà nước phát xít không còn tồn tại quyền tự chủ của xã hội. Tất cả các công dân đều là những người lính của nhà nước, bắt buộc phải thi hành và phục tùng mọi mệnh lệnh quốc gia. Những ai không tuân theo nghĩa vụ này sẽ bị xem là phản bội, lừa dối và xứng đáng để nhà nước chà đạp và tiêu diệt.

Nhà nước phát xít là trại lính, trong đó không có các thường dân, không có những quyền lợi cá nhân độc lập trước nhà nước. Đối với nhà nước này, xã hội là hình thái tiếp diễn và là bộ mặt của nhà nước, phục tùng toàn bộ vào nền chuyên chính.

Từ đây dẫn đến những tham vọng của nhà nước độc tài nhằm đồng nhất bản thân mình với dân tộc (không đơn giản là với "quyền lợi dân tộc" - điều đó thì nhà nước nào cũng làm như thế - mà là với chính bản thân của dân tộc đó!), với xã hội, quê hương... Và trên thực tế nhà nước này đã lợi dụng danh nghĩa dân tộc, quê hương, xã hội... để hủy diệt mọi biểu hiện chống đối nhà nước như "chống lại nhân dân", "chống lại xã hội"...

Và cũng vì lý do này, những kẻ mị dân thường gắn cái mác "nhân dân" cho các công sở hành chính. Thí dụ, ở Đức có Tự Vệ Nhân Dân, Những Công Dân Trẻ, Tòa Án Nhân Dân...

Như vậy, nhà nước phát xít có thể xem như hình thái cao nhất của nhà nước uy tín, như nhà nước uy

tín hoàn thiện, thi hành một cách tổng thể nguyên tắc của mình trên mọi lĩnh vực xã hội và đời sống cá nhân. Khác với nhà nước phát xít, nhà nước uy tín thông thường chỉ phân chuyển nguyên tắc của mình trong bộ máy nhà nước (viên chức, quân đội, cảnh sát). Ngoài những lĩnh vực này, nguyên tắc đó không còn giá trị. Vì lý do này, trong nhà nước uy tín vẫn còn tồn tại sự chống đối công khai của xã hội đối với nhà nước. Điều này không có nghĩa rằng, nhà nước uy tín không muốn kiểm soát xã hội công dân và phân chuyển trên đó những nguyên tắc của mình. Ngược lại, nhà nước uy tín cũng có tham vọng về một nền chuyên chính tổng thể, nhưng vì những lý do khách quan, nó không bao giờ đạt được điều đó. Bởi vì nhà nước này không có những tổ chức quần chúng đặc thù như nhà nước phát xít, để thông qua đó mà nắm giữ xã hội và mọi cá nhân trong tay mình. Thí dụ điển hình về nhà nước uy tín là nền quân chủ Pruxia trong nửa đầu thế kỷ XIX. Pruxia kiểm soát xã hội công dân và tư tưởng của họ, đồng thời tự xem mình là người thể hiện và chịu trách nhiệm cho hệ tư tưởng của nhân dân _ Đạo Thiên Chúa. Nhưng trên thực tế nó không có những tổ chức quần chúng để thực hiện việc kiểm soát này, mà chỉ sử dụng cảnh sát như một cơ quan khủng bố. Và vì không có khả năng kiểm soát tổng thể, nên ngay cả một nhà nước uy tín như Pruxia vẫn tồn tại những hiện tượng chống đối, đi ngược lại những lợi ích của nhà nước.

Trong thời gian này David Straux đã xuất bản cuốn sách Cuộc Đời Giêsu lật đổ mọi huyền thoại về Đức Chúa. Việc này đã gây nên những giông tố công phần của nhà thờ trong nước, cũng như thế giới "học vấn" bên ngoài, và mặc dù vậy vẫn không có gì nguy hiểm xảy ra cho chính tác giả. Tác phẩm vẫn được xuất bản và phát hành.

Vào năm 1841, L.Foierbah còn viết một cuốn sách còn tà giáo hơn nữa Sự Thật Về Đạo Thiên Chúa. Tác phẩm này đã tẩy chay không những riêng đạo Thiên Chúa mà còn cả mọi thứ tôn giáo khác, và trên cơ sở tư liệu lịch sử khổng lồ, nó chứng minh rằng thế giới siêu hình không có gì khác hơn là ảo ảnh tưởng tượng hay hình chiếu của thực thể con người lên bầu trời. Tác phẩm này có thể xem như một cuộc đảo chính tư duy của thế hệ trẻ ở Đức; vì nó mà Foierbah không được nhận vị trí giảng dạy trong trường tổng hợp Berlin và theo lời Angel, đành phải mài mòn cuộc đời mình nơi tỉnh lẻ. Nhưng nhà nước cũng chỉ có thể trừng phạt đến thế. Tác phẩm của Foierbah vẫn được phát hành và mang lại vinh quang cho tác giả tại nước Đức cũng như trên toàn thế giới.

Trong thời gian này ở Đức còn xuất hiện nhiều biểu hiện của tự do tư tưởng và tà giáo khác trong các lĩnh vực triết học, văn học... và nền quân chủ Pruxia đành phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Như một nhà nước uy tín, nó không có những công cụ cần thiết để chống lại hoặc ngăn chặn triệt để những biểu hiện này.

Những sự việc tương tự liệu có thể xảy ra ở Đức một thế kỷ sau, khi nó đã là nhà nước độc tài phát xít? Liệu có thể xuất bản những tác phẩm chống lại tư tưởng quốc gia hiện hành, mà các tác giả vẫn được tự do và vinh quang của họ như những chiến sĩ tự do vẫn được tỏa sáng trong nước và trên thế

giới?

Câu trả lời hiển nhiên là không thể. Trước hết vì trong nước Đức - Hitler không có người trí thức nào lại viết và xuất bản những tác phẩm như thế. Họ biết trước là sẽ phải trả giá của cuộc đời mình cho hành động đó và đây là sự hy sinh vô nghĩa.

Nhưng thậm chí giả sử vẫn tồn tại những tác giả như vậy, thì cũng không có nhà xuất bản nào dám đánh đổ cuộc đời mình vì một quyển sách. Là thành viên của hội các nhà xuất bản quốc gia, họ sẽ bảo với Zetapo để cứu mạng mình, hơn là đưa lưng chịu hậu quả việc xuất bản tác phẩm như thế, điều mà rõ ràng sẽ dẫn họ đến ngục tù hay trại tập trung cải huấn.

5. Nhà nước phát xít bắt buộc thế giới cũng phải độc tài hóa.

So với nền dân chủ tư sản, nhà nước độc tài có rất nhiều ưu thế quân sự. Do bản chất phản động, nó luôn luôn là mối đe dọa cho các nước láng giềng. Trong vài giờ, nhà nước độc tài có thể tập trung mọi lực lượng quân sự và tiến hành tấn công. Với cơ cấu một đảng quyền, với những hạn chế tổng thể đối với xã hội công dân và tuyên truyền tư tưởng độc đoán nó là nhà nước quân sự hay bán quân sự, luôn luôn sẵn sàng cho chiến tranh.

Nhà nước độc tài có thể lợi dụng những mặt yếu của nền dân chủ, trong khi nền dân chủ không thể có khả năng đó:

1/ Nền dân chủ tự do cho phép mọi đảng phái chính trị tồn tại, kể cả đảng phát xít - đảng đối lập với cơ chế đa đảng. Nhưng sự có mặt một đảng phát xít trong nhà nước dân chủ tự do luôn luôn là bệ đỡ gián điệp của nhà nước phát xít ("Đội Quân Thứ Năm"). Đối với Đức, "Đội Quân Thứ Năm" ở Áo là bọn quốc xã Áo, ở Tiệp - đảng thân Đức của Heinlain, ở Bỉ - bọn quốc xã Bỉ, ở Anh - đảng phát xít Moxli... Ngày nay chúng ta đã biết vai trò của đảng này trước khi chuẩn bị chiến tranh thế giới thứ hai và trong cuộc chiến này. Chúng đã mở đường cho quân đội Đức, cộng tác với chính quyền đô hộ ...

2/ Việc tồn tại các quyền tự do công dân và tự do chính trị tại nền dân chủ tư sản, dù có thể chỉ là hình thức, vẫn tạo điều kiện cho nhà nước độc tài mở rộng tuyên truyền có lợi cho nó: thông qua đảng phát xít tương ứng trong nước này, mua chuộc một bộ phận diễn đàn của nước láng giềng... Theo nhân chứng của Curt Rix, đến năm 1937 Gobelx chịu trách nhiệm kiểm soát khoảng 330 tờ báo phát ra nước ngoài bằng tiếng Đức. (102-161)

Ngược lại, nền dân chủ tự do hoàn toàn không có khả năng thực hiện tuyên truyền tại nhà nước phát xít. Kiểm duyệt phát xít tổng thể không cho phép nhập những ấn phẩm văn hóa mang tư tưởng ngoại lai, không cho phép các đảng dân chủ tồn tại, không cho phép tiếp xúc tự do giữa các công dân. Nó gây nhiều sóng các đài phát thanh của những nước dân chủ và trong thời gian chiến tranh còn cố định các sóng radio để chỉ nghe được đài dân tộc.

3/ Trong lĩnh vực kinh tế, nhà nước phát xít có nhiều công cụ hữu hiệu. Trên thực tế, nó có thể liên tục giảm mức sống bằng cách tăng thuế, bổ sung nhiều loại thuế mới, tăng giá hàng và giảm giá trị thực của đồng lương. Nói cách khác, nhà nước phát xít có thể dễ dàng thi hành những chính sách mà không một chính phủ dân chủ nào dám mong ước.

Đồng thời nhà nước phát xít chi những khoản kinh phí khổng lồ cho vũ trang quân sự, xây dựng những công trình quân sự lớn, mở rộng tuyên truyền và do thám.

Nếu một chính phủ trong nhà nước đa đảng tăng giá hàng vì yêu cầu bức thiết, nó sẽ bị phản đối và bị bắt buộc từ chức. Đối với nhà nước phát xít, điều đó hoàn toàn không bao giờ xảy ra: chính phủ có thể cùng một lúc giảm mức sống của nhân dân về nhiều mặt hàng mà không sợ phải chịu những hậu quả xấu. Nhân dân luôn luôn "ủng hộ" các chính sách của chính phủ, vì không có cách nào để thể hiện sự bất bình của mình.

4/ Sau cùng, trên quan điểm quân sự thuần túy, nhà nước phát xít cũng có rất nhiều ưu thế lợi hại. Nó có thể giữ bí mật triệt để những ý đồ chuẩn bị chiến tranh. Điều này có thể thực hiện dễ dàng, do không có diễn đàn đối lập và quyền tự do ngôn luận.

Với những "ưu thế" này, nhà nước phát xít luôn luôn là mối đe dọa cho các nước láng giềng - mối đe dọa rất dễ chuyển thành những hành động ăn cướp. Điều này đặc biệt nguy hiểm cho các nước dân chủ, nhất là trong những giai đoạn khủng hoảng hay rối loạn nội bộ, những việc mà bọn phát xít không chỉ lợi dụng mà thường còn khơi mào.

Bởi vậy, để có thể hạn chế được mối đe dọa thường xuyên của tên kẻ cướp phát xít độc tài, các nước dân chủ láng giềng bắt buộc phải tự độc tài hóa, giảm bớt quyền tự do chính trị và tự do công dân.

Việc có mặt của nhà nước độc tài biến những ưu điểm của nền dân chủ thành những yếu điểm và đe dọa an ninh của nó. Như vậy, nhà nước độc tài bắt các nước láng giềng cũng phải tự độc tài hóa, từ bỏ những chính sách dân chủ.

Thí dụ, nước Anh - đại diện tiêu biểu của nền dân chủ tư sản quê hương của nghị trường - trước khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, đã bắt buộc phải hạn chế hoạt động của đảng phát xít Moxli. mặc dù điều này mâu thuẫn với những truyền thống của cơ cấu đa đảng. Trong thời gian này, đảng phát xít Moxli định cải tổ theo kiểu mẫu của đảng quốc xã (có thủ lĩnh đứng đầu, có đảng phục, thành lập các đội vũ trang), nhưng chính phủ đã không cho phép những thay đổi này.

6. Những cơ sở kinh tế của nhà nước phát xít.

Thật sai lầm nếu nghĩ rằng, việc tập trung quyền lực tuyệt đối trong tay nhà nước phát xít không liên quan gì đến vấn đề kinh tế. Một thượng tầng kiến trúc tập trung tuyệt đối không thể dựa trên hạ tầng cơ sở phân rã; thượng tầng kiến trúc độc tài đòi hỏi một nền kinh tế độc tài do nhà nước kiểm soát triệt để.

Không cần xóa bỏ sở hữu cá thể hình thức đối với công cụ sản xuất, nhà nước phát xít là người điều hành nền kinh tế quốc dân. Nhà nước xác định những vấn đề như sau trong nền kinh tế:

a/ Phương hướng của nền kinh tế - sản xuất để phục vụ cuộc chiến tranh tương lai hay cho nhu cầu tiêu dùng; nền kinh tế quốc dân có liên kết với các nước khác hay không, hay sẽ xây dựng trên nguyên tắc tự cung tự cấp.

b/ Cấu trúc sản xuất - sẽ sản xuất cái gì, số lượng bao nhiêu. Người sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào nhu cầu của nhà nước.

Chúng ta hãy lấy thí dụ về những luật lệ nông nghiệp trong nhà nước quốc xã. Tất cả điền chủ nhận kế hoạch sản xuất từ nhà nước, nhà nước xác định cho những người này phải sản xuất bao nhiêu khoai tây, sữa, trứng, thịt... đồng thời định giá sản phẩm mà họ phải bán cho nhà nước. Họ không được bán sản phẩm của mình cho ai khác ngoài nhà nước. Như vậy trên thực tế, nhà nước là người điều hành thực sự nền kinh tế, còn những người sản xuất chỉ là những ông chủ hình thức.

c/ Nhà nước can thiệp vào quyền thừa kế gia sản - ở Đức với sắc luật về "quyền thừa kế ruộng đất" ban hành ngày 29-9-1933, gần 5 triệu rưỡi điền chủ, mỗi người có ít nhất là 10 hecta ruộng đất, được tuyên bố là có toàn quyền sở hữu. Những ruộng đất này không chỉ con trưởng được thừa kế, mà trước hết phải là người được nhà nước phát xít công nhận là xứng đáng (tất nhiên là về mặt chính trị) .

Valter Đare viết, "Theo hướng dẫn của Bộ Nông Nghiệp, nếu không có người thừa kế xứng đáng, quyền sở hữu gia sản của điền chủ có thể bị tước bỏ và chuyển giao cho một cán bộ phụ trách nông nghiệp nào đó. Điều luật ngặt nghèo này đã bắt buộc những người nông dân phải giữ gìn phẩm giá của mình." (13 -223)

Nhà nước quốc xã cũng đặt toàn bộ nền kinh tế công nghiệp dưới sự kiểm soát của mình. Nó nhà nước hóa Ban lãnh đạo và điều hành công nghiệp, không chỉ thể hiện bằng việc thành lập các ban quản lý chịu sự chỉ đạo của bọn quốc xã sùng sỏ, mà còn trong việc sử dụng phần lớn lợi nhuận cho vũ trang quân sự và những mục đích có lợi cho nhà nước khác.

Trong lời phát biểu trước công nhân các nhà máy công nghiệp quân sự ngày 10-12-1944, Hitler đã nói về vấn đề này như sau:

"Tôi lấy một thí dụ, các nhà tư sản Anh có thể đóng góp 76, 80, 85, 100, 160 phần trăm lợi tức công nghiệp cho vũ trang quân sự .

... Tôi nghĩ rằng, đối với chúng ta chỉ cần 6 phần trăm, thậm chí từ 6 phần trăm này chúng ta có thể thu được một nửa, và nửa còn lại người ta cần phải đưa cho chúng ta những bằng chứng là đã được sử dụng vì lợi ích của cộng đồng dân tộc. Điều này có nghĩa là, cá nhân không có quyền dùng những cái mà đáng lẽ phải giành cho nhà nước. Nếu cá nhân sử dụng phần đó một cách có suy nghĩ thì điều đó đáng hoan nghênh, còn ngược lại cần phải có sự can thiệp của nhà nước quốc xã." (128- 379)

Hệ thống hợp tác xã nông nghiệp là đòn bẩy quan trọng nhà nước quốc xã sử dụng để kiểm soát nền kinh tế nông nghiệp. Các hợp tác xã này được hình thành ngay từ năm 1933. Vào năm 1939, số lượng các hợp tác xã đã đạt tới 45545 đơn vị. 73 phần trăm sản phẩm sữa, 61 phần trăm sản lượng trứng và phần lớn sản phẩm nông nghiệp là do các hợp tác xã này sản xuất.

Việc can thiệp thô bạo của nhà nước vào quyền sở hữu được thể hiện bằng sắc luật tịch thu tài sản của những công dân sống tỵ nạn ở nước ngoài và có quan điểm chống đối chế độ. Điều luật này tồn tại trong tất cả các nhà nước phát xít. Thí dụ, biệt thự mùa hè của Ainstain tại Capute cùng với phần đất quanh đó bị chính quyền Pruxia tịch thu theo "Sắc Lệnh Quốc Xã về thu hồi sở hữu của những người cộng sản và kẻ thù của nhà nước" ban hành vào năm 1933.

d/ Điều hành độc đoán sức lao động quốc dân - tại nước Ytalia phát xít, chính sách này được thực hiện hóa thông qua hệ thống nghiệp đoàn. Và sau đó, chính sách này cũng được áp dụng ở Tây Ban Nha (thông qua "Các Công Đoàn Thắng Tiên"). Ở Đức, vai trò tương tự cũng được Mặt Trận Lao Động Đức đảm nhận. Thông qua hệ thống nghiệp đoàn, nhà nước thiết lập sự kiểm soát toàn diện của mình đối với giai cấp công nhân, đồng thời cấm họ không được bãi công. Bằng cách đó, nhà nước bắt buộc giai cấp công nhân phải phục vụ cho những lợi ích của nó. Nhà nước không chỉ cấm công nhân không được bãi công, mà còn bắt họ phải làm việc cho nó, phục vụ cho những tham vọng của nó. Vấn đề này cần phải hiểu thật cặn kẽ. Đây không chỉ đơn giản tiêu diệt khả năng phản kháng của công nhân, làm cho họ không còn có khả năng bãi công - điều đó nền chuyên chính quân sự thông thường vẫn làm, mà là thu tóm giai cấp công nhân vào các tổ chức quần chúng quốc gia, và thông qua những tổ chức này, "thu hút" họ về phía nhà nước để kiểm soát họ chặt chẽ hơn. Nói cách khác, không cần thể hiện những quyền lợi thực sự cho giai cấp công nhân, nhà nước phát xít vẫn đứng ra đại diện cho họ và trở thành ông chủ độc đoán của sức lao động.

Nói gọn hơn, trong lĩnh vực kinh tế nhà nước phát xít thiết lập hệ thống lao động gần giống như của chế độ phong kiến. Hệ thống này được đặc trưng bằng những dấu hiệu: trên thực tế, nhà nước cai quản phương tiện sản xuất và sức lao động của xã hội; bãi bỏ quyền tự do lao động và thay thế bằng chính sách lao động cưỡng ép kinh tế ngoại lệ. Hay là, từ cưỡng ép kinh tế thuần túy của xã hội tư sản tự do, chế độ phát xít quay trở lại với hệ thống cưỡng bức chính trị và kinh tế ngoại lệ của chế độ phong kiến.

Nhờ đó, chế độ phát xít ép buộc được những người lao động làm việc trong mọi điều kiện, không đếm xỉa gì đến quyền lợi của họ. Họ trở nên gần như một đội quân lao động của nhà nước. Mọi biểu hiện không phục tùng sẽ bị trừng phạt nặng nề, bị xem là đào ngũ hay phản bội.

Do sự thống trị của nhà nước đối với sức lao động, công nhân không có quyền lựa chọn công việc theo bậc thợ và nghề nghiệp của mình, nếu điều đó không có lợi cho nhà nước. Thí dụ, bọn phát xít Đức tước bằng của các tất cả các họa sĩ hiện đại, cấp cho họ sổ lao động, bắt họ làm việc như những

người đào đất thông thường; đồng thời buôn bán những tác phẩm của họ trên thị trường thế giới.

Với việc bãi bỏ quyền tự do lao động và thiết lập hệ thống cưỡng bức kinh tế ngoại lệ, nhà nước phát xít đã loại bỏ được nạn thất nghiệp, giống như không có những người thất nghiệp trong chế độ phong kiến hay trong các trại tập trung.

Thông thường, người ta giải thích tiềm năng kinh tế "thần kỳ" của chế độ quốc xã bằng sự phát triển điên rồ của nền công nghiệp, quốc phòng. Điều này hoàn toàn đúng, nhưng vẫn chưa phải là nguyên nhân thực sự của vấn đề. Bởi vì trên cơ sở giải thích như thế có thể đặt một câu hỏi ngược lại: bằng cách nào để chế độ phát xít có thể chi những khoản ngân sách khổng lồ cho quân sự? Tại sao nền dân chủ tư sản thông thường không thể hoặc không cho phép những hành động tương tự? Trả lời những câu hỏi này sẽ không tránh khỏi dẫn chúng ta đến với những nguyên tắc kinh tế chung của nhà nước phát xít, mà nguyên tắc cơ bản là bắt xã hội quay trở lại với hệ thống cưỡng ép ngoại lệ: nhà nước cưỡng ép người công nhân làm việc bằng cách dùng tòa án đe dọa; ấn định thời gian lao động; ấn định mức lương thu nhập; cấm người công nhân không được tự do bỏ việc; cấm không được bãi công; bắt làm việc theo ca kíp; cấm không được bỏ đi tìm việc làm ở các nước khác, v.v... Nói gọn hơn, nhà nước đơn phương khống chế mọi điều kiện lao động của người công nhân, đặt họ vào vị trí như của một người tù.

Để có thể hiểu rõ cơ cấu bãi bỏ nạn thất nghiệp (ở Đức vào năm 1933, con số này lên tới 5,5 triệu người), ta cần nhớ lại là nhà nước phát xít có thể luôn luôn giữ mức sống rất thấp và vẫn liên tục tăng cường sản xuất. Thông qua bộ máy khủng bố và hệ thống tổ chức quần chúng quốc gia, nhà nước làm tiêu tan mọi ý đồ chống đối ngay từ khi còn trứng nước; còn thông qua tuyên truyền toàn diện và độc đoán, nó "thuyết phục" được cho chính sách kinh tế đúng đắn của mình.

Một khi lao động đã là bắt buộc, giá trị sức lao động đối với nhà nước phát xít không còn là vấn đề lưu tâm. Nhờ đó, nhà nước này luôn có trong tay sức lao động vô hạn và rẻ mạt. Do đó, khác với chế độ tư sản tự do, nó có thể dùng những sức lao động khổng lồ cho những nhà máy không có lợi ích kinh tế, nhưng có giá trị quân sự quan trọng; nó có thể xây dựng nền kinh tế tự cung tự cấp dù tốn kém hơn nhiều so với khi sử dụng các nguyên liệu nhập ngoại. Kết quả là, trong nhà nước phát xít, một nền kinh tế quân sự hiện đại nhất được phát triển, điều mà các nhà nước tư sản truyền thống thậm chí không dám mơ ước.

Tại hội nghị các nhà kinh tế nói tiếng Pháp năm 1938, Rapard đã có những suy nghĩ rất sâu sắc về nền kinh tế quốc xã: "Nếu chúng ta công nhận rằng, tiêu chuẩn để đánh giá thành công sức là sức lao động lớn nhất cho một thu nhập nhỏ nhất, thì thí nghiệm của người Đức là một lễ khải hoàn; nhưng nếu chúng ta xem giá trị của một hệ thống kinh tế được đo bằng mức thu nhập lớn nhất từ một sức lao động nhỏ nhất, thì điều đó sẽ bị đổ vỡ hoàn toàn... Người ta nói rằng, nền kinh tế tự cung tự cấp của Đức đã tiêu diệt được nạn thất nghiệp; và cả điều này cũng không làm chúng ta ngạc nhiên vì

trong nhà tù thì làm gì có người thất nghiệp." (155-57)

7. Nhà nước phát xít - con đẻ của xã hội công nghiệp.

Sự thâm tóm và phục tùng tổng thể của toàn xã hội đối với nhà nước- dấu hiệu đặc thù của chế độ phát xít- hoàn toàn không thể được thiết lập trước thế kỷ XX. Điều này có nghĩa là cả nhà nước phát xít cũng không thể xuất hiện trước khi thời đại của chúng ta phát minh ra những cơ sở kỹ thuật cần thiết và trước hết, đó là những phương tiện giao tiếp và tuyên truyền hiện đại: đài phát thanh, phim ảnh, điện thoại, loa phóng thanh.

Albert Speer viết trong lời khai tại phiên tòa Nurnberg, "Chuyên chính Hitler khác hẳn với những nền chuyên chính trước đó trong lịch sử. Đây là nền chuyên chính đầu tiên của nhà nước công nghiệp, trong thời đại kỹ thuật hiện đại, nó thống trị triệt để và toàn diện trên dân tộc mình và kỹ thuật. Nhờ đó những phương tiện kỹ thuật như đài phát thanh, loa phóng thanh, quyền độc lập suy nghĩ của 80 triệu người bị tước đoạt và phải phục tùng nguyên vọng của một người duy nhất. Điện tín, điện thoại, radio cho phép những tổ chức cao cấp có thể truyền mệnh lệnh trực tiếp xuống các cơ sở, và tại đây nhờ uy tín của chúng, các mệnh lệnh này được thi hành vô điều kiện..." (89 - 299, 300) Các phương tiện giao tiếp hiện đại gây nên những biến đổi quan trọng trong cấu trúc truyền thống của chuyên chính và trước hết là trong cơ cấu hoạt động của nó. ở dạng chuyên chính cũ, mọi mệnh lệnh hay sắc luật phát ra từ trung tâm được thi hành theo từng bậc từ trên xuống dưới. Mọi mắt xích trung gian đều có vai trò xác định như một cơ cấu thành phần, và nếu không có sự tác động tương hỗ của nó, nguyên vọng của trung tâm không đạt được yêu cầu như đã định. Trong những thời điểm cấp thiết, nếu mắt xích trung gian này từ chối không hoạt động, sắc lệnh của trung tâm sẽ không được thực hiện, vì lúc này đường dây liên lạc đã bị đứt.

Như vậy đối với cơ cấu chuyên chính cổ truyền, các mắt xích trung gian có vai trò quan trọng đến mức trong mọi trường hợp, trung tâm đều trở nên phải phụ thuộc vào chúng, không thể bỏ qua chúng, khi thực hiện những kế hoạch của mình. Trung tâm có thể thay đổi cơ cấu trung gian, phê phán hoặc cải tổ, nhưng không thể từ chối sự cộng tác của nó.

Cái mới mà nhà nước phát xít thu nhận được nhờ các phương tiện giao tiếp hiện đại là, khả năng có thể bỏ qua các mắt xích trung gian nói trên, hoặc nếu không bỏ qua thì trong mọi trường hợp, đều có thể sử dụng cả đường dây trực tiếp giữa trung tâm và các cơ sở. và nếu một mắt xích nào đó từ chối không hoạt động, thì điều đó không có nghĩa là sắc lệnh của trung tâm không được thi hành. Radio đã loại bỏ được mọi hiểm họa này. Tính chất đặc biệt này của nhà nước phát xít không chỉ giúp nó thông tin một cách nhanh chóng, tuyên truyền mang tính quần chúng sâu rộng, mà còn tác động đến cả bản thân bộ máy nhà nước và cơ cấu hoạt động của nó.

Thông qua radio, trung tâm có thể kiểm tra chính bộ máy này và mức độ khản trương trong khi thi hành các mệnh lệnh của cấp trên. Như vậy mỗi một trạm trung gian của cấu trúc đẳng cấp, nằm giữa

trung tâm và cơ sở, bị đặt dưới hai tầng kiểm soát, từ trên xuống và từ dưới lên, vì trung tâm có thể thông tin trực tiếp đến cơ sở nhờ hệ thống radio. Trong trường hợp này, các mắt xích trung gian đánh mất vai trò tự chủ khi thừa hành mệnh lệnh, cũng như quyền độc lập tương đối của mình. Radio đã thay đổi bản chất của mắt xích trung gian, biến nó thành cơ cấu vô bản sắc của hệ thống, chỉ biết truyền đúng toàn bộ mệnh lệnh.

Như vậy, nhờ có các phương tiện giao tiếp hiện đại, bộ máy nhà nước đã được cơ giới hóa và tạo nên những kết quả quan trọng khác: thứ nhất, bãi bỏ được tính chậm chạp và quan liêu trong hoạt động và trở nên linh hoạt hơn; thứ hai, bộ máy trở nên dễ điều khiển và làm việc tốt hơn.

Chúng ta hãy lấy ví dụ về vụ ám sát hụt trong ngôi biệt thự lớn của Hitler ở miền đông Prussia.

Staufenbert quay trở lại Berlin bằng máy bay và thông báo với những người âm mưu đảo chính là Hitler đã chết. Một số người nghi ngờ muốn xác định lại sự thật về cái chết của Thống lĩnh để quyết định hành động. Nhờ có radio, chỉ hai giờ sau vụ ám sát hụt, Hitler đã phát biểu trên đài phát thanh và những người đảo chính hết nghi ngờ. Nếu không có radio như phương tiện thông tin nhanh chóng, thì dù Hitler còn sống, binh lính ở Berlin đã có thể khởi nghĩa. Tất nhiên, đây không phải là nguyên nhân thất bại căn bản của cuộc đảo chính, nhưng nó đã tạo nên khả năng có thể xử sự kịp thời, mà trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, điều đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Tóm lại, hoàn toàn không phải phóng đại khi khẳng định, chuyên chính phát xít là con đẻ của xã hội công nghiệp. Kỹ thuật hiện đại của thế kỷ XX không chỉ là hoàn thiện nền chuyên chính, mang lại cho nó những công cụ tinh vi, mà còn tạo nên những cơ sở mà thiếu chúng, nhà nước phát xít không thể được hình thành trên phương diện kỹ thuật. Không có radio, điện thoại, điện tín và phim ảnh, thì những đặc thù quan trọng sau đây của nhà nước độc tài trở nên không tưởng: tuyên truyền mang tính quần chúng và tổng thể; do thám tổng thể; cơ giới hóa bộ máy nhà nước; xây dựng và chỉ huy quân đội chính quy, cơ động.

Jeliu Jeliev

Chế Độ Phát Xít

Sự tan rã của nhà nước phát xít

Phần IV

1. Sự tách rời của đảng phát xít khỏi nhà nước.

Không thể xây dựng được chế độ phát xít hoàn chỉnh, nếu không có sự thống trị chính trị tuyệt đối của đảng phát xít; cũng như không thể tiêu diệt được sự thống trị này nếu đảng phát xít không bị tách

rời khỏi nhà nước. Bằng cách nào để thực hiện được điều này - theo con đường chiến tranh như ở Đức và Italia, hay theo con đường hoà bình như ở Tây Ban Nha- là vấn đề phụ thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Trong mọi trường hợp, nếu không có sự tách rời của đảng phát xít khỏi nhà nước này, thì không thể thực hiện bước chuyển đổi từ chuyên chính một đảng quyền đến nền dân chủ tư sản truyền thống với cơ cấu đa đảng, với những quyền tự do chính trị và tự do công dân (tự do ngôn luận, ấn loát, lập hội, lao động, nơi cư trú...)

Tại Tây Ban Nha, quá trình này diễn ra trong những điều kiện hoà bình, do những biến đổi mang tính quy luật của các mâu thuẫn bên trong. Do đó "phương án Tây Ban Nha" mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó thể hiện bước chuyển tiếp thuần chất từ chế độ phát xít đến nền tự do dân chủ, không bị ảnh hưởng của ngoại cảnh, như ở hai trường hợp của Đức và Italia, những ngoại cảnh đã làm biến dạng đáng kể logic khách quan của các sự kiện, làm mất tính chính xác và triệt để. Hơn thế nữa, những biến động quân sự điên cuồng vào Chiến Tranh Thế Giới Thứ II đã không cho phép những quá trình đó diễn ra trọn vẹn. Chúng chỉ sống dậy trong khoảnh khắc hoặc bị giữ lại ở dạng phôi thai, vì thiếu thời gian hoặc những điều kiện cần thiết. Thí dụ, thật khó có thể đoán trước sự tan rã của đảng phát xít sẽ diễn ra thế nào, sau khi nó bị cách ly và tách rời khỏi nhà nước.

Tại Tây Ban Nha, chúng ta có thể quan sát chính xác được diễn biến của quá trình này, chậm chạp nhưng không thể tránh khỏi, bắt đầu phát triển từ sau năm 1955. Những cán bộ Falanga dần dần bị sa thải khỏi các cơ quan đầu não của nhà nước và đảng này mất dần ảnh hưởng đối với nhà nước. Nhà nước không còn là sở hữu riêng của Falanga. Sự thống nhất giữa nó và nhà nước bị phá vỡ và đảng này mất dần nhựa sống.

Vào năm 1956, Areze, đương kim Bộ Trưởng, Bí Thư Đảng Falanga, lo lắng báo cáo với Hội Đồng Dân Tộc (Ban Lãnh Đạo Trung Ương Đảng) rằng đảng này chỉ còn chiếm 5% trong các cơ quan đầu não của nhà nước, và đề nghị phục hồi lại vị trí trước đây của Falanga. Vì yêu cầu này, Areze bị Franco sa thải.

Vào năm 1957, sau khi chuẩn bị đầy đủ điều kiện, tướng Franco thực hiện một bước ngoặt quan trọng quyết định từ chế độ phát xít đến nền chuyên chính quân sự. Franco chuyển chỗ dựa của mình từ đảng Falanga sang giới quân sự và lực lượng cánh hữu của nhà thờ Thiên Chúa Giáo, được tập trung trong tổ chức Opuxdei. Falanga không còn được xem là chỗ dựa chính trị quần chúng tin tưởng của chế độ như mấy chục năm trước đó. Một mặt, đảng này đã bị thoái hoá về chính trị - tinh thần vì những quan hệ với đảng quốc xã Đức và đảng phát xít Italia, đến mức bản thân tên gọi "Falanga" bị xem như điều xấu hổ và sỉ nhục. Vì vậy chính phủ phải đổi tên cho Falanga thành " Phong Trào Dân Tộc ". Mặt khác, Falanga trong quá trình tan rã đã đánh mất ảnh hưởng của mình và quần chúng đảng viên liên tục rời xa nó. Nếu như trước đây, theo nhân chứng của Aibl Plen, đảng này có tổ chức tại mọi làng, bản, thì ngày nay nó đã bị mất phần lớn những cơ đảng đầu tiên của mình :trong 9

ngìn làng ở Tây Ban Nha có tới 5-6 nghìn làng không còn tổ chức của đảng này.

Việc cách ly dần dần của Falanga khỏi các cơ quan nhà nước được thể hiện rõ ràng nhất trong hai lần cải tổ nội các chính phủ. Trong cuộc cải tổ lần thứ nhất (vào năm 1962) số lượng các tướng lĩnh tăng từ ba người lên bảy người (26-105); đồng thời Franco sa thải một loạt các phần tử của đội cận vệ Falanga cũ, trong đó có Bộ Trưởng Bộ Xây Dựng Thành Phố và Bộ Trưởng Bộ Thông Tin Ariax Xalgado.

Hoxe Garxia đã viết về cuộc cải tổ nội các này như sau: " Trong 18 bộ của chính phủ cũ có tới 8 bộ bị thay đổi. Trong chính phủ năm 1957, Falanga giữ ba bộ chính thức thì nay chỉ còn một bộ. Phần lớn các bộ trưởng là những đại diện của tổ chức Opux Dei, ngoài ra trong chính phủ còn được bổ sung thêm năm tướng lĩnh và hai thủy sư đô đốc. Điểm đặc biệt nhất là trong chính phủ mới, Đại Tướng Munox Grandec được bổ nhiệm chức Phó Thủ Tướng chính phủ. Cựu chỉ huy Quân Đoàn Xanh trở thành người lãnh đạo nhà nước thứ hai sau Franco."(20-454)

Cuộc cải tổ nội các lần thứ hai vào năm 1965 cũng nhằm đánh vào Falanga. Franco tăng ảnh hưởng của giới tư bản tài chính; các Bộ Trưởng mới gồm: Bộ Trưởng Tài Chính Huxi Hoxe Expinosa - phần tử tích cực của Opux Dei, Bộ Trưởng Bộ Thương Mại Fauxtino Garxia Minho - cũng thuộc tổ chức Opux Dei và có mối quan hệ chặt chẽ với các nhà băng, Bộ Trưởng Bộ Nông Nghiệp Adolfo Ambrona - một đại địa chủ, Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp Atonio Maria Orion -i-Urkito - một trong những đại diện có thế lực nhất của giới tư bản tài chính Tây Ban Nha.

Những thực tế này cho thấy, chế độ Franco thực sự đã thay đổi chỗ dựa cơ bản của mình, bằng cách chuyển từ Falanga sang bộ phận quân sự của giới tư bản tài chính. Đồng thời những thực tế này cũng chỉ ra sự tan rã và đổ vỡ của nền chuyên chính, bởi vì chỗ dựa cơ bản của nó- Falanga, đảng điều hành và chỉ huy đất nước - đã bị thay thế. Tách đảng phát xít ra khỏi nhà nước, tức là phá vỡ chỗ dựa căn bản của nhà nước độc tài, và tiếp theo đó, nhà nước này sẽ không tránh khỏi bị sụp đổ hoàn toàn. Đảng phát xít là nhà thờ của nhà nước độc tài phát xít, nó đánh giá tư tưởng- chính trị cho mọi biểu hiện trong nhà nước này. Đây không phải là sự so sánh ngẫu nhiên, mà xuất phát từ sự tương ứng sâu sắc giữa nhà nước phát xít thế kỷ XX và nền phong kiến thời Trung Cổ.

- 1) Nếu như nền quân chủ phong kiến lấy nhà thờ làm chỗ dựa tư tưởng thì nhà nước phát xít cũng có chỗ dựa tư tưởng là đảng cầm quyền độc đoán.
- 2) Nếu nhà thờ là đại diện cho tinh thần phản động trong nhà nước Trung Cổ, thì đảng phát xít cũng là đại diện cho tinh thần phản động trong nhà nước độc tài.
- 3) Giống như nhà thờ Trung Cổ có cơ quan đặc biệt để theo dõi các đối thủ tư tưởng và tà giáo dưới danh nghĩa Tòa án Giáo Hội, đảng phát xít cũng có cơ quan tư tưởng đặc biệt để chống lại những kẻ thù của "nhà nước và dân tộc" trên danh nghĩa an ninh quốc gia và kiểm duyệt phát xít tổng thể.
- 4) Giống như nền quân chủ phong kiến dựa trên chính sách cưỡng ép kinh tế, cưỡng ép chính trị,

nền kinh tế của nhà nước phát xít cũng được củng cố trên chính sách cưỡng ép chính trị thuần túy : trong cả hai trường hợp, người công nhân đều bị xem là sở hữu của nhà nước và có nghĩa vụ phải phục tùng nhà nước.

5)Giống như trong bước quá độ từ chế độ phong kiến đến xã hội tư sản, nhà thờ bị cách ly khỏi nhà nước(điều mà mọi cuộc cách mạng tư sản vẫn làm), bước quá độ từ chuyên chính phát xít đến nền dân chủ cũng đòi hỏi có sự tách rời của đảng độc tài khỏi nhà nước.

Ao tưởng của một bộ phận trí thức quốc gia rằng, chế độ phát xít sẽ tiến dần đến nền dân chủ không được thể hiện ở Italia cũng như ở Tây Ban Nha. Kinh nghiệm cho thấy nhà nước phát xít không thể tự dân chủ hoá hay "tự do hóa" (một thủ đoạn mà Franco thường tuyên cáo trong giai đoạn cuối đời ông). Từ nhà nước phát xít đến nền dân chủ chỉ tồn tại một con đường duy nhất - đó là sự sụp đổ của chế độ phát xít. Thời điểm quan trọng nhất trong quá trình này là, sự tách rời của đảng khỏi nhà nước và bước chuyển tiếp đến cơ cấu đa đảng.

2. Đảng phát xít trở thành xu thế chống đối nhà nước

Ngay sau khi bị tách rời khỏi nhà nước, đảng phát xít bắt đầu bị phân rã do những mâu thuẫn bên trong. Sự thống nhất chính trị tinh thần trước đó (thống nhất tuyệt đối), điều mà mọi đảng phát xít đều lấy làm tự hào giờ đây bị tan thành mây khói, thay vào đó là những mối bất hoà, cạnh tranh nội bộ, bè phái, vây cánh.

Đây là lẽ đương nhiên. Với việc tách rời khỏi nhà nước, đảng phát xít đánh mất những đòn bẩy quan trọng nhất cho việc giữ gìn sự thống nhất trong đội ngũ của mình : quyền được chia các vị trí nhà nước, cũng như bộ máy khủng bố, an ninh quốc gia, thông qua chúng giới lãnh đạo đảng huỷ diệt mọi biểu hiện bất hoà trong đảng.

Trong cuộc sống nội bộ của đảng phát xít có một dấu hiệu đặc biệt là, không tồn tại những cuộc tranh chấp nội bộ . Đảng phát xít đã từng thống nhất như một đội quân. Ban lãnh đạo chỉ huy, còn các binh sỹ thi hành mệnh lệnh. Biểu hiện " dân chủ" cao nhất trong các đảng phát xít là, đôi khi giới lãnh đạo thông báo cho các cơ sở đảng cấp dưới về bước ngoặt chính trị nào đó. Và nếu giả sử ở đâu đó xuất hiện những bất hoà trong đảng, thì giới lãnh đạo đảng và chính phủ sẽ dùng bộ máy khủng bố để huỷ diệt ngay lập tức.

Trước đây giới cầm quyền Falanga thực hiện vấn đề này thông qua công an của đảng và nhóm trừng phạt. Tất cả những lực lượng này đều do nhà nước cai quản. Giờ đây, sau khi đã mất quyền điều hành nhà nước, Falanga không còn những công cụ để giữ gìn bộ máy khủng bố của mình. Nó không còn có quyền chia địa vị, giúp đỡ và trợ cấp để giữ cơ sở xã hội rộng rãi và tin tưởng của mình.

Falanga trở thành một đảng chính trị thông thường, bắt buộc phải giải quyết mọi mâu thuẫn nội bộ bằng tranh luận và bàn bạc công khai. Sau khi bị tước bỏ những ưu ái vật chất và tinh thần của chính

quyền, Falanga bắt buộc phải trở thành xu hướng đối lập với nhà nước để tự bảo vệ mình như một lực lượng chính trị. Trước đây nó có chỗ dựa xã hội thông qua nhà nước (chia địa vị, chia lợi ích...) thì giờ đây Falanga chỉ có thể đặt niềm tin vào quần chúng với lòng căm thù chính quyền hiện hành. Nhưng để có thể tìm được chỗ dựa trong quần chúng, Falanga trong chừng mực nào đó phải trở thành đại diện cho tinh thần chống đối nhà nước của họ, nghĩa là phải trở thành xu hướng đối lập công khai với nhà nước. Đó là con đường của Falanga từ một đảng cầm quyền độc đoán chuyển thành một đảng đối lập.

Hoxe Garxia viết: "Một bộ phận của Falanga trong thời gian đầu đã từng cộng tác với Franco, nay tự rời bỏ chế độ và trở thành xu hướng đối lập." "Quần chúng" của Falanga thụ động quan sát cuộc đấu đá trên thượng đỉnh và có cảm tình với những người chuyển sang xu hướng đối lập. Như vậy đa phần các đảng viên Falanga cuối cùng đã trở thành những đối thủ của nền độc tài Franco, thành những người tiên phong của "đổi mới", "cải cách", "tự do", với mục đích thay chế độ Franco bằng một chế độ khác, phản ánh được "quyền lợi dân tộc". Falanga trở nên không cần thiết cho tướng Franco và ông ta đã chia tay với nó không chút tiếc rẻ." (20-436,437)

Mặc dù tất cả những mâu thuẫn nội bộ với nhiều xu hướng và phe phái khác nhau, Falanga vẫn thống nhất trong một vấn đề: đó là lòng căm thù đối với nhà nước Franco trong thời kỳ sau. Các đảng viên Falanga đều công kích chế độ một cách có hệ thống, không phụ thuộc là cánh tả hay cánh hữu, xu hướng tiến bộ hay bảo thủ.

Sau đây là lời công kích của Luix Gonxalex Vixen, một trong những thủ lĩnh có uy tín nhất của những người Falangist cánh tả, cựu đội trưởng đội cận vệ của Franco:

"Trong đảng Falanga, những mầm mống của "phong trào" không còn nữa. Có thể khẳng định rằng Falanga và ""phong trào" là đồng nghĩa, điểm khác biệt duy nhất là chúng có những sách lược không giống nhau. Những nhóm mạnh nhất đã từng nắm giữ trong tay mọi quyền lực của Tây Ban Nha tự xem mình là đại diện cho các lực lượng cánh hữu và giới tư sản. Do đó đương nhiên chúng có xu hướng bài bác những quan điểm tự do và những nguyên tắc tiến bộ của Falanga trong lĩnh vực kinh tế.

Kết quả là hiện tại Tây Ban Nha tồn tại hai xu hướng khác biệt: một bên là những người Falangist mong muốn tự do và cách mạng kinh tế xã hội, và một bên là "phong trào" bao gồm các lực lượng cánh hữu cố tình gây trở ngại cho sự tiến bộ trong lĩnh vực kinh tế... Các lực lượng cánh hữu Tây Ban Nha có hai mục đích: chúng đã và sẽ làm rối loạn, chia rẽ phong trào cách mạng, phong trào có ý định làm cuộc cải cách kinh tế trong nước, đồng thời chúng tuyên bố chống lại những tư tưởng có thể dẫn đến việc cấu thành các quyền tự do". (20-435)

L.Gonxalex Vixen thực chất là muốn phục hồi lại đảng Falanga "thực sự" trước đây từ thời Hoxe

Antonio Primo De Rivera (người sáng lập Falanga) mà trong cương lĩnh từng có một vài xu hướng chống tư sản. Đây là một tham vọng hảo huyền vì sau một phần tư thế kỷ cộng tác với nhà nước, Falanga đã bị thoái hoá trầm trọng và không thể còn phục hồi lại trên cơ sở chính trị tư tưởng thuần chủng ban đầu. Điều lý thú ở đây là sự đối lập và lòng căm thù của những người Falangist cánh tả. Sự đối lập này còn được thể hiện rõ ràng hơn trong một bài báo khác cũng của Vyxen : "" chúng ta chống lại mọi chính phủ độc tài và ngẫu nhiên... chúng ta chống lại chính phủ, với chiêu bài củng cố nền kinh tế đất nước đã làm cho những giai cấp nghèo khó nhất càng trở nên bần cùng hơn." (20-436)

Xu hướng đối lập của những người Falangist cánh tả đôi khi sử dụng cả những cách thức gay gắt và liều lĩnh. Trong lễ tưởng niệm người sáng lập Falanga, một người tên Hoxe Ramon Alonxo Urdialex đã hét thẳng vào mặt Franco : "Đồ phản bội!" và vì thế bị tuyên án 12 năm tù trong ngục tối (26-96). Nhà báo Falangist, Antonio Himenex Pericax, bị tuyên án 10 năm ngục tối. Anh sinh viên Hoxe Antonio Xantrex Maxax Ferloxio, con trai của một trong những người sáng lập Falanga tên là Xantrex Maxax, bị ra toà vì ""tuyên truyền bí mật"...

Labade Otermin, một trong những đại diện của Đội Cận Vệ Falanga trước đây, thành viên Hội Đồng Dân Tộc Falanga và đã nhiều năm là toàn quyền vùng Axtuaria, tuyên bố chống lại các tổ chức công đoàn quốc gia rằng, chúng đã "đánh mất vai trò và ý nghĩa của mình, đã bị chuyển thành công sở của chính phủ, bị chính phủ xử dụng như những công cụ chính trị và không còn thể hiện được nguyện vọng của các tầng lớp lao động." (26-98). Đồng thời Labade Otermin đề nghị cái tổ các tổ chức công đoàn sao cho "đường lối bầu cử thay thế cho đường lối áp đặt chính trị hiện hành." (26-98)

Ngoài những công kích cá nhân nói trên, những người Falangist đặc biệt là cánh tả, đã kết hợp với công nhân tổ chức tuần hành, biểu tình tập thể ... Trong cuộc diễu hành nhân kỷ niệm ngày 1-5 của giai cấp công nhân vào năm 1963, xu hướng công đoàn đối lập nhận thấy, " tại một vài nơi có cả những người Falangist cánh tả tham gia, những người đang tự cảm thấy xa rời chế độ" .

" Những người Falangist cánh hữu" công khai công kích chính phủ . 52 người bao gồm cả chủ tịch" Hội Nghiên Cứu Hoxe Antonio" và 7 nghị sĩ đã gửi thư cho Hoxe Xolix Ruix trong đó có đoạn viết: "Trong sáu năm gần đây, chính sách của chính phủ đã khiến những người công nhân không còn phục tùng nữa, đã không trao cho họ công cụ nào khác ngoài việc nổi loạn, kết quả là Tây Ban Nha và toàn thế giới biết được sự bất bình đối với nền chính trị này..." (26-97)

3. Sự tan rã của hệ thống tổ chức quần chúng quốc gia.

Sau đảng Falanga, hệ thống tổ chức quần chúng quốc gia không còn phải chịu sự chỉ đạo và kiểm soát chính trị cũng bắt đầu tan rã. Sự tách rời của đảng phát xít khỏi nhà nước và đặc biệt là lòng căm thù của nó đối với chế độ đã nhanh chóng vạch trần bản chất phản bội giai cấp công nhân của các ""nghịch đoàn thăng tiến". Sụp đổ toàn bộ vỏ bọc tư tưởng, được Falanga xây dựng công phu suốt

mấy chục năm trời, với mục đích duy nhất là để che dấu bản chất và vai trò thực sự của ""các nghiệp đoàn thẳng tiến". Các tổ chức này cũng bắt đầu xa rời và tuyên bố chống lại nhà nước.

Trước đây trong quá trình phát triển, nhà nước phát xít đặt các tổ chức quần chúng dưới sự kiểm soát của mình và biến chúng từ chỗ là vũ khí của giai cấp công nhân thành vũ khí chống lại chính giai cấp này. Giờ đây một quá trình ngược lại đang diễn ra : khi tách rời và chống lại nhà nước tư sản, các tổ chức công đoàn lại trở thành vũ khí của những tầng lớp lao động, và nhà nước bắt buộc phải dùng quân đội và cảnh sát để đàn áp.

Quá trình này rất đa dạng - từ biểu tình đến hội họp chính trị đến việc thành lập những tổ chức quần chúng mới.

Xu hướng cơ bản là xoá bỏ những nguyên tắc của các tổ chức quốc gia, xây dựng những tổ chức quần chúng mới của các tầng lớp lao động và thanh niên, dựa trên những nguyên tắc dân chủ và hoàn toàn tự nguyện.

Thí dụ, tổ chức nghiệp đoàn thanh niên SEU được Falanga thành lập từ năm 1936, và là tổ chức công đoàn phát xít bắt buộc của sinh viên Tây Ban Nha.

Những yêu sách không đổi trong các cuộc biểu tình của sinh viên từ năm 1956-57 là : Xoá bỏ SEU và thành lập những tổ chức công đoàn tự do, phục hồi quyền tự trị của các trường đại học, và trả lại quyền tự do chính trị, tự do công dân cho đất nước..." vào cuối năm 1964, rất nhiều tổ chức sinh viên từ bỏ SEU." (26-39) Các tổ chức sinh viên từ bỏ SEU và thống nhất lại với nhau trong Đại Hội Sinh Viên Tự Do, và trong quá trình đấu tranh, tổ chức này được hình thành như một phong trào thanh niên dân chủ mới.

Đại hội sinh viên lần thứ tư vào đầu năm 1965 đã ra thông cáo và đồng thời cũng là cương lĩnh của phong trào sinh viên mới :

a/ Quyền tự do công đoàn, tức là thành lập tổ chức công đoàn tự chủ, dân chủ, đại diện, tự do và độc lập, không chịu bất kỳ một sự áp đặt chính trị hay tinh thần nào;

b/ Đại ân xá cho tất cả sinh viên đang bị theo dõi, bị phạt hoặc bị tù đầy

c/ Tự do tư duy trong các trường đại học;

d/ tự do lập hội trong các trường đại học;

e/ Đoàn kết với các tầng lớp lao động đang đấu tranh cho những yêu sách dân chủ tương tự ." (26-40, 41)

Ngày 27-2-1965 trong một cuộc họp trên giảng đường của trường đại học tổng hợp Madrit, Đại Hội Sinh Viên lần thứ tư tuyên bố là" tổ chức đại diện cao nhất của phong trào sinh viên dân chủ và độc lập." (26-41)

Tất cả những cuộc biểu tình, bãi khoá hay tuần hành đều được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đại Hội Sinh Viên. Ngày 2-3-1965, tức là ngày lễ của sinh viên, theo quyết định của Đại Hội Sinh Viên

lần thứ tư, hàng nghìn sinh viên ở Madrit đã biểu tình chống lại sự khủng bố và chiến dịch bài bác của cơ quan an ninh Falanga. Trước trụ sở tòa soạn, sinh viên xé nát và chà sát trên mặt đường những tờ báo chính thức của Falanga. Cảnh sát vũ trang đã can thiệp để giải tán cuộc biểu tình này.

...Các sự kiện tiếp tục diễn ra. Tại Barxelona ngày 22 và 23-3-1965, Hội Nghị Sinh Viên Dân Tộc lần đầu tiên được triệu tập, bao gồm đại diện sinh viên của các trường đại học ở Madrit, Barxelona, Bilbao, Xalamarc... Đó là các đoàn đại biểu của những trường đại học đã tuyên bố từ bỏ SEU. Họ đã thông qua tuyên ngôn trong đó nhấn mạnh rằng, "" đối với sinh viên, SEU đã chết từ lâu". Đồng thời thông qua tuyên bố về những nguyên tắc cho cấu trúc tổ chức của Công Đoàn Sinh Viên Dân Tộc Độc Lập Dân Chủ và Tự Do.

Chính phủ Franco bắt buộc phải công nhận sự phá sản của SEU. Ngày 2-4-1965, Hội Đồng Bộ Trưởng thông qua cái gọi là ""Sắc Lệnh Hiện Thời Về Những Hiệp Hội Công Đoàn Sinh Viên". Mục đích của nó là xoá bỏ tên gọi xấu xa, hình thức công nhận ban lãnh đạo của các hiệp hội sinh viên từ trên xuống dưới và thừa bảo vệ hệ thống kiểm soát của chính phủ đối với toàn bộ các tổ chức sinh viên. (26-41, 42)

Tất nhiên, các tổ chức sinh viên tự do đã bác bỏ hoàn toàn sắc lệnh nói trên của chính phủ, và trên thực tế lúc này, tại các trường đại học Tây Ban Nha, song song với SEU ""đã chết" tồn tại các hiệp hội công đoàn sinh viên độc lập - dân chủ - tự do, thể hiện quyền lợi cho các sinh viên.

Những sự việc tương tự cũng xảy ra đối với xu hướng công đoàn đối lập. Song song với các ""nghịch đoàn thăng tiến" mà nhà nước cưỡng ép công nhân phải tham gia, giai cấp công nhân trong các công đoàn quốc gia tự lựa chọn "Hội Đồng Công Nhân" của mình. Các tổ chức này thể hiện quyền lợi thực sự cho họ, hoạt động trên danh nghĩa của họ, khi cần phải cô lập ban lãnh đạo ép buộc trong thời gian bãi công, tẩy chay hay biểu tình chính trị .

Theo quan điểm nhà nước, những Hội Đồng Công Nhân này là bất hợp pháp. Nhưng khi những Hội Đồng Công Nhân tổ chức và lãnh đạo những cuộc bãi công lớn, các chủ nhà máy và chính quyền bắt buộc phải đối thoại với chúng và như vậy trên thực tế đã phải công nhận các tổ chức này là đại diện cho giai cấp công nhân. Khi nói về sách lược của những Hội Đồng Công Nhân trong những năm 60, X.Garxia đã đưa ra những nhận xét rất chính xác: "Giai cấp vô sản Tây Ban Nha đã tìm được công cụ hữu hiệu để thay thế những tổ chức công đoàn phát xít bằng các tổ chức của mình và đấu tranh bắt chế độ phải công nhận chúng như ""sự đã rồi". Đây là một trong những thắng lợi quan trọng của giai cấp công nhân Tây Ban Nha. Nhờ có những Hội Đồng Công Nhân này, xu hướng công đoàn đối lập không cần được công nhận chính thức đã không còn phải hoạt động bí mật." (20-463)

Xantiago Carilo, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Tây Ban Nha lúc bấy giờ trong tác phẩm Sau Franco - Hướng đi nào? đã đạt rất nhiều hy vọng vào những Hội Đồng Công Nhân này như vũ khí của giai cấp công nhân để tiêu diệt hệ thống nghịch đoàn: " Các nghịch đoàn thăng tiến đang trong cơn hấp

hồi. Bằng những Hội Đồng của mình, giai cấp công nhân đã tạo điều kiện để xây dựng những tổ chức công đoàn dân chủ, thống nhất, tự do và độc lập, nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân và đấu tranh vì một xã hội không có người bóc lột người." (46-44)

Xu hướng công đoàn đối lập trên thực tế đã chứng minh rằng, nó là người lãnh đạo thực sự của giai cấp này. Xu hướng công đoàn đối lập đã chịu trách nhiệm lãnh đạo các cuộc bãi công lớn vào những năm 1957, 1958, 1961 - 1962 và đặc biệt vào năm 1964, bắt buộc chính phủ phải dùng cảnh sát và quân đội để trấn áp.

Thực chất, ý nghĩa của cuộc đấu tranh nhằm chuyển hoá các tổ chức công đoàn quốc gia thành vũ khí của các tầng lớp lao động chống lại nhà nước, được thể hiện rõ ràng nhất trong yêu sách của sinh viên Madrid: " Cho đến nay, SEU là đại diện cho chính phủ trước sinh viên. Chúng tôi muốn những tổ chức công đoàn của chúng tôi đại diện cho sinh viên trước chính phủ ." (20-456,457)

4. Chuyên chính quân sự - bước quá độ từ chế độ phát xít đến nền dân chủ .

Trong những năm 50 và 60, trên thực tế Tây Ban Nha đã trải qua giai đoạn tan rã của nhà nước phát xít khi nó đánh mất chỗ dựa xã hội quần chúng của mình và những đặc thù quan trọng nhất: đảng phát xít và các tổ chức quần chúng. Lúc này nhà nước phát xít đã bị chuyển đổi thành nền chuyên chính quân sự thông thường, dựa chủ yếu vào cảnh sát và quân đội.

Rõ ràng, để chống lại các cuộc bãi công và biểu tình lớn trong thời gian này, chính phủ chỉ còn biết dùng cảnh sát và quân đội, vì không còn công cụ nào khác.

Một nước trong đó cho phép có thể tổ chức bãi công hay biểu tình thì không còn có thể xem là nhà nước độc tài theo ý nghĩa chính xác của từ này. Nhà nước độc tài phát xít nắm trong tay những công cụ để không chỉ có thể tiêu diệt mọi mầm mống chống đối, mà còn hoàn toàn không cho phép tổ chức bất kỳ một cuộc biểu tình nào. Do đó trong nhà nước độc tài thực sự hoàn toàn không tồn tại những khả năng chống đối, đến mức xuất hiện những ảo tưởng rằng không có người bất bình với chế độ, vì không có ai dám đứng lên đấu tranh. Lý do không tồn tại những điều kiện cho đấu tranh đã giải thích tất cả những điều này. Tờ báo tư sản Stampa số ra ngày 18-7-1922 đã tiên đoán rất chính xác về nền chuyên chính phát xít tương lai như sau: "Chủ nghĩa phát xít - đó là phong trào nhằm sử dụng mọi công cụ hợp pháp và bất hợp pháp để điều khiển nhà nước và bắt toàn bộ dân tộc phải phục tùng, và để thiết lập quyền chuyên chính vô hạn và không thể tách rời của mình. Phương tiện căn bản để đạt được những mục đích này, theo cương lĩnh và tinh thần của các chỉ thị và những kẻ ủng hộ tích cực, là huỷ diệt triệt để mọi quyền tự do công dân và tự do cá nhân, nói cách khác - huỷ diệt mọi quan điểm và mọi thành quả tự do của Rixodjiment (3) - Ýtalia.

Khi nền chuyên chính này đã được thiết lập bền vững đến mức chỉ có thể tồn tại những suy nghĩ, hành động và lời nói, xuất phát từ tinh thần phục tùng và hy sinh vô điều kiện cho chế độ phát xít,

khi đó chế độ sẽ tạm dừng những hành động khủng bố vì lúc này không còn đối tượng cho chúng. Nhưng chế độ vẫn giữ những quyền này và bất kỳ những thời điểm nào cũng có thể áp dụng trở lại, nếu xuất hiện những dấu hiệu chống đối." (2-213)

Ytalia và Đức đã khẳng định toàn bộ những lời tiên đoán trên về chủ nghĩa phát xít, được nói ra ngay từ buổi bình minh của nó, đúng đến từng chi tiết. Tại đỉnh cao nhất của quá trình phát triển, chúng đã đạt được nền chuyên chính triệt để, đến mức trên thực tế không tồn tại những biểu hiện đối kháng.

Tình tiết rằng, trong những năm 50 và 60, nhà nước phát xít Tây Ban Nha thường xuyên phải chống lại các cuộc bãi công, biểu tình hay tuần hành, không có nghĩa là khủng bố được tăng cường, mà chỉ đơn giản là nó đã trở nên rõ ràng hơn trước mắt đại chúng. Điều này chứng tỏ đã có những điều kiện để tổ chức đấu tranh chống lại nhà nước và nhà nước bắt buộc phải ngày càng lộ rõ bản chất phản bội giai cấp công nhân và phi dân chủ của mình.

Đôi khi ở nền chuyên chính quân sự, khủng bố có thể mang những hình thức tàn khốc nhưng nó không bao giờ đạt được mức độ toàn diện và tổng quát như trong chế độ phát xít. Nếu nhà nước độc tài có thể đồng thời và một cách hệ thống xử dụng khủng bố tư tưởng (thông qua tuyên truyền độc đoán và giáo dục), chính trị (thông qua hệ thống tổ chức quần chúng) và cảnh sát quân sự, thì trong giai đoạn chuyên chính quân sự nhà nước chỉ còn có thể dùng hình thức khủng bố sau cùng. Chuyên chính quân sự bị cả xã hội liên tục tấn công thông qua các tổ chức quần chúng, và để bảo vệ mình chế độ bắt buộc phải xử dụng lực lượng khủng bố.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ minh họa đặc trưng cho giai đoạn mới này của nhà nước độc tài. Một năm sau cái chết của Hulan Grima, xung quanh tên tuổi củ thiếu tá Manuel Fernandex Martin, người buộc tội chính trong vụ án này đã dấy lên một vụ kiện lớn. Người ta phát hiện ra là Martin không có bằng luật học, mà theo điều 63 của luật quân sự thì bắt buộc phải có. "Tất cả những điều này được phát hiện một cách ngẫu nhiên. Sau vụ án của Hulan Grima, Martin tham gia một phiên tòa dân sự xử một vị tướng. Vị tướng này đã ""tự ái" và nói thẳng là Martin không có bằng luật học. Ngay sau đó Martin đi thẳng đến trường đại học tại Xevilia với hy vọng là sẽ nhận được bằng, nhưng Khoa Trường Luật Học đã từ chối thẳng thừng và không đưa bằng cho kẻ mạo nhận này. Vụ kiện này đã gây nên làn sóng bất bình trong giới luật học và các luật sư ở Madrit, Barxelona và trong quân đội. Nhưng chính quyền Franco từ chối không xét lại vụ án của Hulan Grima và những vụ án khác mà Martin đã từng tham gia xét xử ." (26-103)

Những sự kiện tương tự liệu có thể xảy ra trong chế độ phát xít không? Chắc chắn trong những trường hợp như vậy, đảng phát xít sẽ ra lệnh cho Khoa Trường Luật phải cấp bằng luật sư cho thiếu tá Martin, vì nười này đã từng tham gia xét xử tới bốn nghìn vụ án chính trị và rõ ràng đã có những cống hiến không nhỏ cho đảng phát xít.

Một thí dụ khác cũng trong giai đoạn này là, việc ra đời bản tuyên bố của 1160 nhà trí thức có tên

tuổi nhất ở Tây Ban Nha nhằm bảo vệ các tù chính trị . Trong nhà nước độc tài không bao giờ có được những sự kiện tương tự .

Vì chỉ sử dụng khủng bố thể chất, chuyên chính quân sự trên thực tế chỉ dựa vào một lá bài duy nhất, và nếu mất lá bài này nó sẽ không tránh khỏi đổ vỡ. Bởi thế trên quan điểm chính trị, nền chuyên chính quân sự có thể xem như một chế độ bi quan, không hy vọng và tất yếu sẽ bị diệt vong, đặc biệt khi nó là kết quả trong quá trình tan rã của nhà nước phát xít. Bản thân chính sách chính trị "tự do hoá" mà chính phủ Franco tuyên cáo là bằng chứng không thể chối cãi của quá trình tan rã này. Nhà nước độc tài phát xít không thể tự do hoá và dân chủ hoá mà không bị tan rã. Từ chế độ này đến nền dân chủ chỉ có một con đường duy nhất - con đường tan rã, và chuyên chính quân sự chỉ là giai đoạn quá độ, là bước chuyển tiếp trung gian.

5. Xu thế dần tiến tới cơ cấu đa đảng.

Sự tan rã của chế độ phát xít và tác động kích thích của các lực lượng đối lập không tránh khỏi dẫn đến việc phục hồi những vũ khí chính trị quen thuộc trong xã hội: các đảng phái, những tổ chức và hiệp hội quần chúng. Chúng là lối thoát tự nhiên cho nguồn năng lượng xã hội khổng lồ mà nhà nước phát xít luôn giữ bên mình trong một thời gian dài, thông qua hệ thống chính trị đặc thù của nó. Hoxe Garxia viết, trong giai đoạn này tại Tây Ban Nha " tồn tại nhiều đảng phái, những tổ chức công đoàn và thanh niên hơn cả thời quân chủ và cộng hoà." (20-432)

Hơn bao giờ hết, tại Tây Ban Nha bắt đầu xuất hiện hàng chục đảng phái và tổ chức từ mọi thành phần - cách mạng và phản cách mạng, vô sản và tư sản, quân chủ và cộng hoà, thiên chúa giáo và nghiệp đoàn vô chính phủ . Thành lập các liên hiệp của những đảng phái khác nhau và những phong trào của các lực lượng chính trị riêng biệt. Đây là quá trình khó khăn và phức tạp, minh chứng trước hết cho những hoạt động tích cực của các lực lượng chống phát xít bí mật và cho sự xuất hiện rất nhiều các đảng phái bán công khai. Nền chuyên chính không còn đủ khả năng để ngăn cản được quá trình này."(20-420)

Những đảng phái đáng kể xuất hiện trong thời gian này là:

1. *Đảng quân chủ Liên Hiệp Tây Ban Nha thành lập năm 1959, đứng đầu là Hoahin Xatruxeteti.*
2. *Đảng Quân Chủ Lập Hiến - muốn một chế độ quân chủ, thiết lập thông qua tuyển cử .*
3. *Đảng Hành Động Dân Chủ .*
4. *Liên Hiệp Truyền Thống Dân Tộc Giữa Các Đảng Quân Chủ - đảng bảo thủ nhất, muốn có nhà vua điều hành đất nước với sự tham gia của nhân dân, muốn phân chia công bằng thu nhập quốc dân.*
5. *Đảng Dân Chủ Thiên Chúa - Xã hội, thành lập năm 1960.*
6. *Đảng Dân Chủ Thiên Chúa cánh tả .*
7. *Đảng Hành Động Thiên Chúa.*

8. *Đảng Thiên Chúa Dân Chủ .*

9. *Đảng Hành Động Cộng Hoà Vì Nền Dân Chủ Tây Ban Nha thành lập năm 1959.*

10. *Đảng Xã Hội Công Nhân Tây Ban Nha.*

11. *Liên Hiệp Nghiệp Đoàn Dân Tộc và Liên Hiệp Vô Chính Phủ Iberia.*

12. *Đảng Cộng Sản.*

Cùng với các đảng phái, một số lượng khổng lồ các tổ chức hiệp hội và các nhóm xã hội cũng xuất hiện. Trong những năm 60 và đầu những năm 70 các tổ chức này hoạt động dưới hình thức bán công khai mặc dù không công nhận sự tồn tại hợp pháp của những tổ chức này nhà nước cũng không còn có thể huỷ diệt chúng để bắt xã hội trở lại trạng thái trước đây.

Xu thế của xã hội Tây Ban Nha về cơ cấu đa đảng được thể hiện không chỉ ở số lượng khổng lồ các đảng phái chính trị, mà còn cả trong cương lĩnh của những đảng này. Không một đảng phái chính trị nào, kể cả những đảng quân chủ, còn mong muốn một cơ cấu đảng quyền. Bởi vì cơ cấu này đã bị Franco làm tha hoá đến mức nếu một đảng nào còn có ý đồ đó, thì ngay lập tức sẽ không còn những người ủng hộ . Cơ cấu một đảng quyền khiến người ta liên tưởng đến nền chuyên chính phát xít, bởi vì đó là bước đầu tiên để xây dựng nhà nước này.

Bảo vệ tích cực nhất cho cơ cấu đa đảng là những người Thiên Chúa Giáo Giáo dân Himenex De Parga, giáo sư về quyền chính trị tại trường tổng hợp ở Barcelona, công khai tuyên bố chống lại việc cấm đoán các đảng phái chính trị ở Tây Ban Nha: " Theo bản chất của mình, con người là một thực thể quảng giao nhưng hoạt động không đơn độc, mà nhờ các liên tưởng. Vì lý do này, các quyền chính trị của con người trên thực tế được thể hiện dựa vào những liên tưởng chính trị, và căn bản là thông qua các đảng phái chính trị .. .Nhưng đây không phải là những liên tưởng được chính quyền và chính phủ tạo ra và các công dân có thể hoặc bắt buộc tham gia.

Ở đây muốn nói đến quyền được cấu thành những liên tưởng như thế, những liên tưởng mà bản thân các công dân cho là cần thiết và hoàn toàn tự do, kể cả sự tồn tại, cũng như mục đích của chúng."(26-88)

Những người cộng sản cũng bảo vệ quan điểm này, Xantiago Carilo viết:

"Nhận thức của chúng ta về nghị viện đương nhiên là đề xuất một cơ cấu đa đảng. Tuyên truyền chính thức ở nước ta bài bác và phỉ báng cơ cấu đa đảng. Việc này không đáng để cho chúng ta tranh luận: ý đồ của nó thật rõ ràng. Những người Tây Ban Nha chúng ta đã có kinh nghiệm cay đắng về những gì xảy ra cho đất nước khi nguyên tắc đa đảng bị huỷ diệt. Có thể nói rằng đây là bài học xương máu cho chúng ta. Bất kỳ một chế độ nào đảm bảo được quyền tự do đảng phái thì dù với tất cả những khuyết điểm của nó, vẫn nghìn lần tốt hơn chế độ hiện hành.

... Thậm chí với những yếu điểm rõ ràng, các đảng phái vẫn là biểu hiện dân chủ trong đời sống chính trị của một đất nước, vì chúng phản ánh những quyền lợi và xu hướng đa dạng của các giai cấp

và tầng lớp xã hội khác nhau. Thậm chí cả những đảng phái mà ban lãnh đạo phục tùng giới tư bản lũng đoạn, khi thành lập những phong trào quần chúng rộng rãi, trên dư luận xã hội và trước các đảng viên, vẫn phải để ý ít nhiều đến nguyện vọng của nhân dân. Mặt khác, sự tồn tại các đảng phái chính trị và công tác tuyên truyền của chúng khiến đại công chúng quan tâm đến hay ít nhiều tham gia vào đời sống của đất nước, nghĩa là chống lại cái mà chúng ta gọi là vô bản sắc chính trị của nhân dân, điều mà giới tư bản lũng đoạn quan tâm và khuyến khích."(46-88)

Theo Xantiago Carilo, cơ cấu đa đảng không chỉ cần thiết cho giai đoạn sau Franco mà còn cho cả công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa: "Chúng ta đã nói không chỉ một lần rằng, ở Tây Ban Nha cơ cấu đa đảng là cần thiết cho cả công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đây không phải là sách lược chấp vá cho đất nước chúng ta, mà là chiến lược tư duy tổng thể."(46-89)

Vấn đề này được xác định từ tình tiết rằng, "ngày nay công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa không chỉ là nhiệm vụ riêng biệt của giai cấp công nhân, mà còn là của những nhóm và tầng lớp xã hội khác; tư tưởng cho luận điểm này là, ngày nay cùng với các lực lượng Mác xít Lê Nin Nít, phản ánh thể giới quan của chủ nghĩa xã hội khoa học, được thể hiện thông qua đảng cộng sản, còn tồn tại nhiều xu thế xã hội khác, được phản ánh trong các đảng phái chính trị khác, mà sự cống hiến của chúng là tuyệt đối cần thiết cho việc xây dựng một xã hội mới, không có người bóc lột người." (46-89)

Ngay cả những "nghiệp đoàn thắng tiến", mặc dù thật ngượng ngùng cũng tuyên bố chống lại một đảng quyền. Báo Pueblo vào tháng 2-1963 đã viết: "Một đảng duy nhất không phải là phương án nhà nước tốt nhất, vì trong xã hội còn tồn tại vô số những tư tưởng và ý niệm; cũng như phương án tồn tại một đảng phái vẫn chưa phải là đúng đắn, vì sẽ dẫn đến hỗn loạn chính trị. Do đó cần thiết phải có một giới hạn nhất định, trong đó những ý niệm khác nhau có thể tồn tại trên một hệ tư tưởng cơ bản. Bởi thế cần phải sử dụng cả những ưu điểm của độc nhất và đa dạng." (46-99)

Hết